

MOSHE DAYAN

HỘI KỶ

CU.1 TUONG

ĐOC NH.1A

DO TH.11



Ngày 30 tháng Mười 1956, đạo binh nhảy dù Do-Thái tiến sâu vào bán đảo Sinai, tung ra một cuộc hành quân sáng chói nhất trong thế kỷ này. Tướng Độc Nhân Moshe Dayan, cha đẻ của kế hoạch hành quân này, và cũng là vị tư-lệnh quân-đội Do-Thái trên các chiến trường, đã ghi lại tường tận và chính xác, từ quyết định liêu lĩnh của Do-Thái, đến cuộc xâm nhập vào lãnh thổ Ai-cập, và diễn tiến hàng ngày của chiến dịch.

Moshe Dayan, lần lượt đóng những vai trò: nông dân, chiến sĩ trong bóng tối, tốt nghiệp luật học, tướng lãnh quân đội, và tổng trưởng, sinh năm 1915 tại DEGANIAH, ấp cộng đồng đầu tiên của Do Thái, và tham gia phong trào Haganah, phong-trào phòng vệ bí mật của người Do-Thái từ thuở học trò.

Năm 1939, ông bị nhà cầm-quyền bảo hộ Anh tại Palestine kết án mười năm cầm cố vì các hoạt động cho đảng Hanagah.

Sau hai năm trong tù, ông được phóng thích liền gia nhập quân đội Anh, và mất một mắt trong cuộc xâm nhập vào Syria.

Với sự thành lập quốc gia Israel năm 1948 và tức khắc bị các nước Ả-rập láng giềng xua quân xâm lấn, ông trở thành một vị tiểu đoàn trưởng tiểu-đoàn biệt-động-quân trang bị xe jeep. Sau cuộc chiến thắng giành Độc-lập, ông được cử giữ một loạt những chức vụ chỉ-huy cao cấp trong quân đội, và lên đến tột đỉnh với chức Tổng Tham Mưu Trưởng vào năm 1953.

Trong cuộc Tổng Tuyển cử năm 1960, Moshe Dayan đắc cử vào Quốc-Hội, và giữ ghế Tổng-Trưởng Canh-Nông trong Chính-Phủ Ben Gurion và rời ghế này năm 1964. Qua năm 1965, ông trở lại Quốc-Hội với tư cách Thủ lãnh đảng đối lập.

MOSHE DAYAN

BẢN VIỆT NGỮ CỦA TRẦN HOÀN NGỌC

**HỒI KÝ
CỦA TƯỚNG ĐỘC NHÂN
DO THÁI**

VỀ CHIẾN DỊCH SINAI

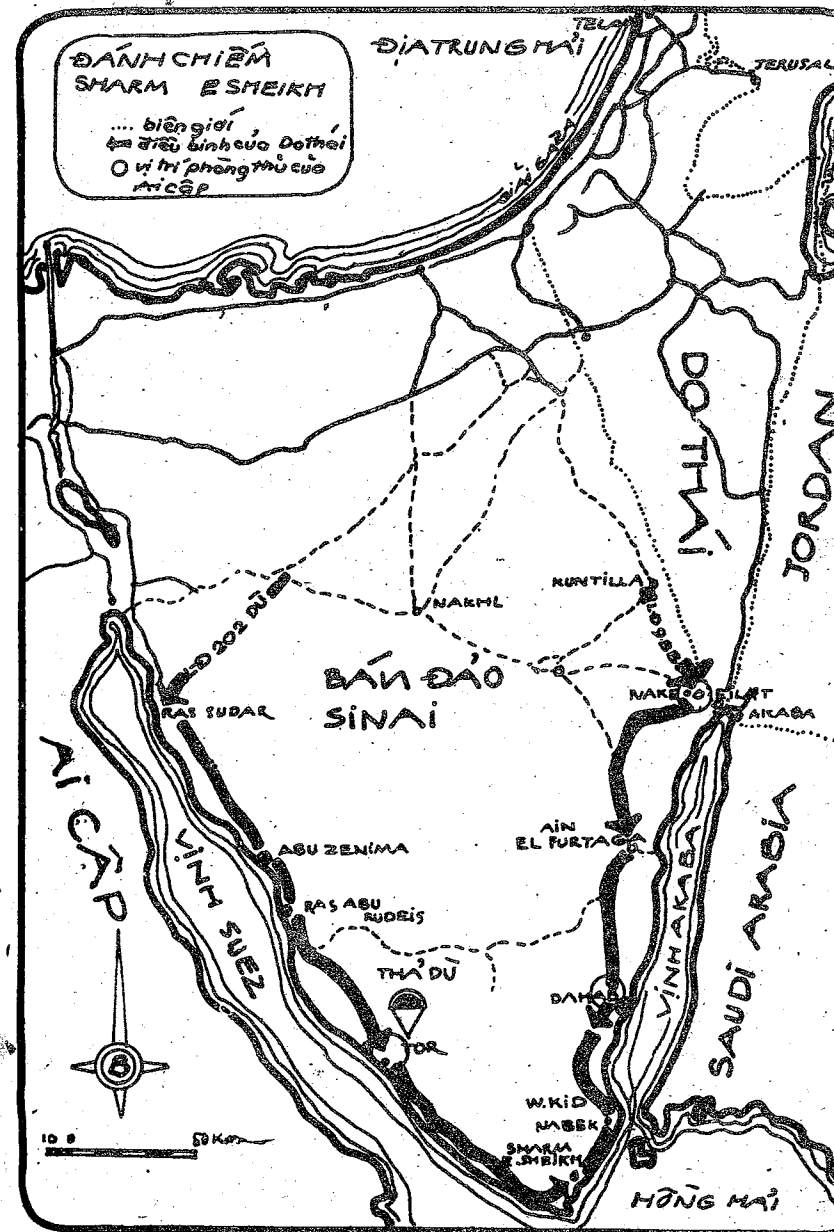
Nguyên Tác :
SINAI CAMPAIGN

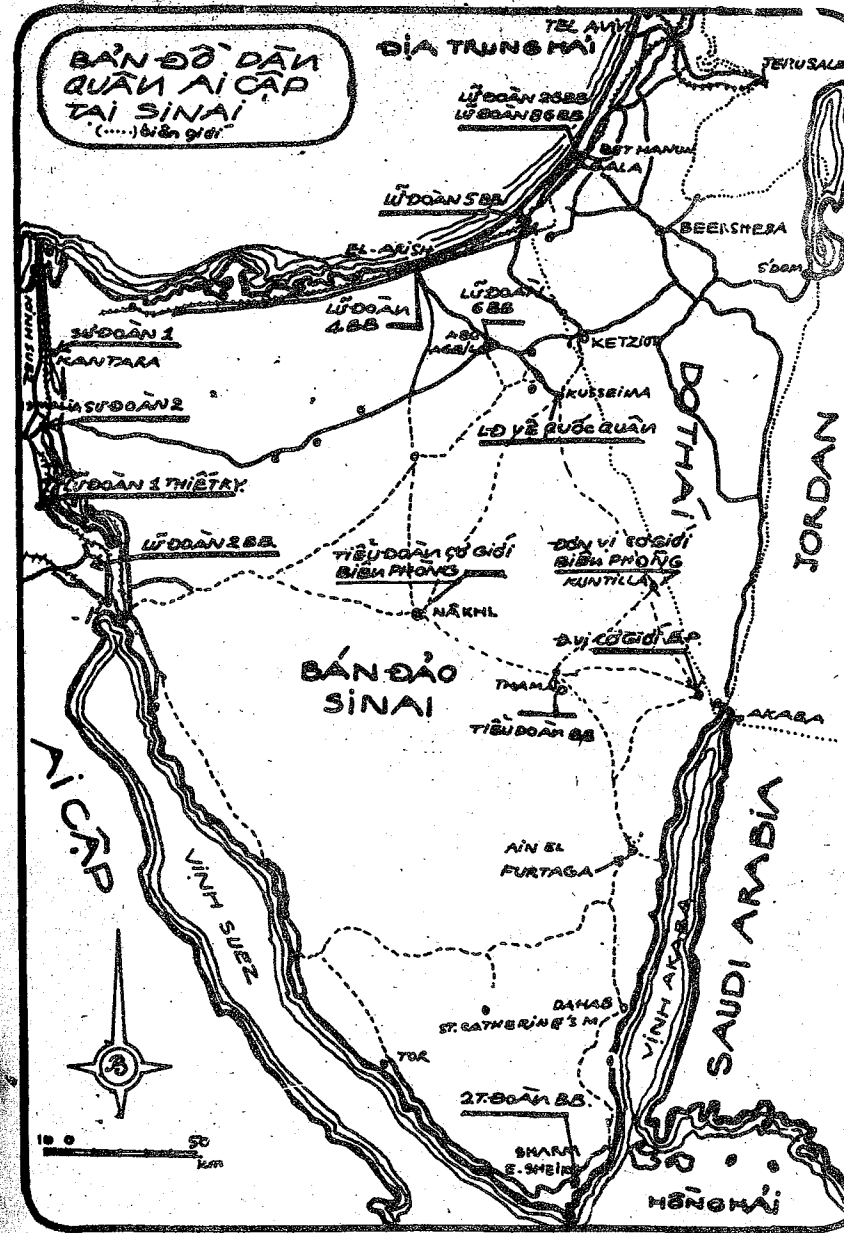
Tác giả :
TRUNG TƯỚNG MOSHE DAYAN
NGUYÊN TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI DO THÁI

Tướng Ai-Cập Mahmed Fiad
e-Dagawi thống-độc giải
Gaza ký văn kiện
đấu hàng.

Tù binh Ai-Cập.









CHƯƠNG MỘT

BỐI CẢNH

I

CHIẾN DỊCH SINAI BỘC PHÁT VÌ CUỘC TRANH chấp về nền an ninh và chính trị giữa Do Thái và các quốc gia láng giềng Ả Rập, và quyết định kiểm soát kênh đào Suez của Anh và Pháp.

Nếu không có cuộc hành quân của liên quân Anh — Pháp, không hiểu Do Thái có mở chiến dịch này không, ; nếu có, đặc tính chính trị và quân sự của nó chắc cũng khác hẳn.

Ngược lại, nếu các quốc gia do Ả Rập lãnh đạo, không theo đuổi một chính sách thù địch đối với Do Thái, chắc chắn Do Thái sẽ không động binh, dù biến cố Suez có gây xung đột giữa Ai Cập và liên quân

Anh — Pháp.

Sự liên quan giữa hoạt động của Anh — Pháp ở kênh Suez (cuộc hành quân 'Musketeer') và chiến dịch Sinai của Do Thái sẽ được đề cập đến trong cuốn nhật ký này; nhưng chúng tôi thấy cần phác qua những sự kiện khiến chính phủ Do Thái phải tham chiến.

Chỉ bao lâu sau khi hiệp ước đình chiến 1949 được ký kết giữa Do-Thái và các quốc gia Ả-Rập, để chấm dứt cuộc chiến tranh giành độc lập của chúng tôi; những nhà lãnh đạo khối Ả-Rập lại công bố ý định tấn công và tiêu diệt Do Thái. Không những họ không chịu thực thi hiệp ước để tạo một nền hòa bình lâu dài như họ đã hứa, mà chữ ký chưa ráo mực, họ đã bắt đầu cho khuấy rối biên giới và tấn công thường dân Do-Thái.

Lúc đầu, chính phủ Do Thái coi đó như những hành vi còn sót lại của chiến tranh, và mặc dù có phản đối các quốc gia Ả-Rập ký kết hiệp ước, Do Thái vẫn nhẫn nại.

Song qua đệ nhị bán niên 1954, sự khùng bố Do Thái trở nên mãnh liệt. Trong những tháng kế tiếp, chính phủ Do Thái còn biết rõ những hành động đó không phải là những hành động lẻ tẻ, cá nhân, mà của một tổ chức quy mô do Ai Cập thành lập và lãnh đạo. Các quốc gia Ả-Rập khác đều biết việc đó. Nền an ninh Do Thái bị đe dọa nặng nề nhất vào tháng 6 1955, kể từ 1948, vì ba nguyên do xa: Ai Cập chuẩn bị chiến tranh chống Do Thái; Sự khùng bố, phá hoại

của các toán du kích Ả-Rập có huấn luyện; và vụ phong tỏa tàu bè Do Thái tại vịnh Akaba.

II

Sự kiện quyết định khiến Do Thái tấn công Ai Cập là: thương ước vũ khí giữa Ai Cập và Tiệp Khắc ký kết năm 1955. Theo đó, Ai Cập sẽ tiếp nhận một số lượng lớn vũ khí hiện đại. Chính phủ Do Thái coi đó như một bước chuẩn bị để các nhà lãnh đạo Ai Cập thực hiện tham vọng chống lại mình, vì nếu Do Thái để cho các nước Ả-Rập chiếm được ưu thế vũ khí, cả phẩm lẫn lượng, thì không khác gì thúc đẩy họ mau tấn công để khai thác ưu thế quân sự của họ mà thôi.

Ai Cập nhận của Tiệp Khắc 530 xe bọc sắt, 230 chiến xa, 200 thiết quân vận, và 100 đại bác cơ động, độ 500 khẩu đại bác dã chiến đủ loại; gần 200 máy bay chiến đấu, oanh tạc, vận tải; và một số chiến hạm, khu trục hạm, phóng ngư lôi hạm, và tàu ngầm.

Với ước tính vũ khí vùng Trung Đông hồi đó, số vũ khí trên lớn hơn những con số được biết trước đó rất nhiều; thêm vào số chiến cụ hiện có tại Ai Cập, nó xóa hẳn cân cân mong manh về vũ khí giữa khối Ả-Rập và Do Thái. Trước đó, Ai Cập có khoảng 200 chiến xa, Do Thái cũng vậy. Bây giờ, không kể kỵ binh các nước Ả-Rập khác, riêng lực lượng kỵ binh Ai Cập đã gần gấp bốn Do Thái. Về không lực, trước đó, Ai

Cập có 80 chiếc phản lực, đối với 50 chiếc của Do Thái. Bây giờ, số lượng máy bay phản lực chiến đấu và oanh tạc của Ai Cập lên đến 200—4 chống 1— Về pháo binh, tàu chiến và vũ khí bộ binh, Do Thái cũng chẳng khả quan gì hơn mấy hình ảnh trên. Sự mất quân binh không phải ở khía cạnh số lượng, mà về phẩm chất cũng thế. Các máy bay kiểu Mig và Ilyushin mà Ai Cập tiếp nhận, ít nhất cũng có khả năng gấp hai lần máy bay kiểu Meteor và Ouragan chúng tôi hiện có ; chiến xa T — 34 tốt hơn của Nga tốt hơn loại Sherman Mark 3 cổ lỗ của chúng tôi nhiều.

Cùng với sự tăng cường quân lực đó, uy tín của đại tá Gamal Abdul Nasser lên cao trong các giới dân chúng Ả Rập, và ông được coi như nhà lãnh đạo lỗi lạc của liên đoàn các nước Ả Rập. Ngày 19-10-1955, Bộ tư lệnh liên quân Ai Cập — Syria được thành lập, và tháng 10-1956, Jordan cũng lăm le muốn trở thành hội viên thứ ba. Do Thái bị bao vây cả ba mặt : Đông, Nam và Bắc, bởi các quân đội Ả Rập, dưới quyền một bộ tư lệnh duy nhất, và chính phủ Do Thái bắt buộc phải nhìn thấy mục đích xâm lăng của tổ chức liên quân đó.

III

Những phần tử xâm nhập len lút vào Do Thái để phá hoại và ám sát được chính phủ các nước Ả

Rập láng giềng tán trợ, từ khi nước Do Thái được thành lập năm 1948. Nhưng tháng 4-1955, bộ Tổng Tham Mưu Ai Cập quyết định sử dụng hành vi khủng bố, phá hoại như một phương tiện chiến tranh ; để đạt mục tiêu ấy, họ lập một tổ chức mệnh danh là 'quyết tử quân' (Fedayun). Quyết tử quân đặt dưới quyền chỉ huy của phòng quân báo Ai Cập ở giải Gaza, và lập ba trại (9, 10, và 16) ở gần bờ biển phía tây thành phố Gaza. Khi mới thành lập, đơn vị này có độ 700 người. Họ còn dự định hành trưng hoạt động của đạo quân quyết tử tại các nước Ả Rập khác như Jordan, Syria và Lebanon.

Ngoài số lương mỗi tháng 9 pound Ai Cập, lính quyết tử còn thưởng tiền mỗi chuyến vượt biên giới, và mỗi vụ phá hoại hoặc ám sát thành công, lại có tiền thưởng đặc biệt. Quyết tử quân còn được hưởng những đặc ân khác như trong bức thư của đại tá Mustafa Hafez, trưởng phòng quân báo giải Gaza, gửi thống đốc giải Gaza dưới đây, can thiệp cho tên Yunes Mabrak nào đó, bị tòa án địa phương kết tội sát nhân :

Kính gửi Ông Thống Đốc :

1.— Người nói trên (Yunes Mabrak), nhân viên phòng chúng tôi, là một phần tử rất trung thành ; có thể giao phó cho y mọi công tác quan trọng và nguy hiểm. Đương sự đáng được nêu gương anh hùng, dũng cảm, lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh cho quân đội và tổ quốc.

2.— Đương sự đã xung phong gia nhập quyết tử

quân Palestin, xâm nhập lãnh thổ Do Thái, cùng các đồng đội khác thi hành các nhiệm vụ khủng bố, phá hoại và ám sát. Sau đây là vài thành tích xuất sắc của đương sự :

A— Ngày 29-8-1955, đương sự hoàn thành được những công tác sau đây :

i) Giết 3 công nhân trong vườn cam ở Bet Hanun.

ii) Phá hủy một cơ phận của nhà máy điện gần Al-Kabeiba.

iii) Phá hủy trụ phát tuyến chính của đài « tiếng nói Do Thái hải ngoại ».

iv) Tấn công nông trại Juala, gần Zarnoga, trong vùng phụ cận của Al-Kabeiba, gây cho nông trại bị 1 chết, 4 bị thương, 1 tòa nhà bị hư hại.

v) Phục kích một đoàn xe tại tọa độ 12951483.

B— Ngày 30-8-1955, đương sự thực hiện được những công tác sau đây :

i) Phục kích một chiếc xe gần làng Ajur, hạ sát 3 thường dân, xe bị phá hủy.

ii) Tấn công làng Tzumeil, và phá hủy một cao ốc.

iii) Phục kích một xe trên đường Plugot — Bet Govrin.

iv) Phục kích 3 quân xa tại cùng địa điểm trên.

3.— Trình bày những công tác lớn lao ấy, chúng tôi mong ông xét đến những công lao do lòng hy sinh mà đương sự đã thực hiện được trong quá khứ, để giúp đỡ phần nào cho đương sự. Như vậy, chúng ta còn hy vọng sử dụng y trong tương lai, vì nhận thấy nhà cầm

quyền đã quý trọng kết quả các công tác dũng cảm mà y đã lập được.

Mustafa Hafez

Trưởng phòng tình báo Palestine.

Từ cuối năm 1955 và trọng năm 1956, hành động khủng bố của các đơn vị quyết tử gia tăng, làm xáo trộn đời sống ở Do Thái, nhất là tại những làng di cư mới vùng biên giới.

Xem bảng kê dưới đây, ta sẽ có một ý niệm về những hoạt động của quyết tử quân ở miền Nam trong vòng 5 ngày, tháng 4-1956 :

Ngày 7 tháng Tư 1956.

— Ông dân bị phá hủy giữa Ashkelon và Yard Mordechai.

— Xe Jeep dân sự bị bắn ở Ahuzam ; 1 thường dân Do Thái chết, 1 bị thương.

— Xe dân sự bị bắn ở Shuval ; 1 chết, 1 bị thương.

— Quân xa bị bắn ở Tel Kuneitra ; 2 bị thương.

— Quân xa bị bắn và đốt cháy gần Ahuzam ; 3 bị thương.

— 1 quân xa khác bị bắn gần Ahuzam ; 2 bị thương.

Ngày 8 tháng Tư 1956.

— Lựu đạn ném vào 1 căn nhà và 1 chiếc xe ở

Ashkelon ; 1 chết 3 bị thương.

— 2 xe dân sự bị bắn ở Ahuzam ; 1 chết, 2 bị thương.

— Lựu đạn bị ném vào 1 căn nhà ở Shafir, 1 căn nhà khác bị giết mìn, 1 bị thương.

Ngày 9 tháng Tư 1956.

— 1 xe chỉ huy trúng mìn tại Beerotayim, trái mìn khác được tìm thấy gần đấy.

— Ném lựu đạn và bắn súng tự động vào công trường công ty nước ở Ketziot ; 2 chết, 3 bị thương.

— Xe chỉ huy bị bắn ở ấp cộng đồng Bet Rayim ; 1 chết, 1 bị thương. (trong ngày này, 4 toán quyết tử lọt ổ phục kích của Do Thái, ở gần Mordechai, 2 quyết tử quân chết, 1 bắt sống, 1 lính Do Thái bị thương. Ở gần Bet Govrin, 4 quyết tử quân bị bắt sống, trong số đó có 2 bị thương. Một toán quyết tử khác cũng bị phục kích tại đây, trong cùng ngày, 2 tên bị chết. Gần những đụn cát tại Nir Galim, có 1 cuộc chạm súng nhỏ giữa 1 toán tuần tiểu biên phòng Do Thái và một toán quyết tử 5 người. Cả 5 bị giết chết, bên Do Thái có 1 hy sinh).

Ngày 10 tháng Tư 1956

— Xe chỉ huy trúng mìn ở Magen ; 3 bị thương.

— Quân xa trúng mìn ở Kisufin, 3 bị thương. (cùng ngày, nhiều quyết tử quân bị loại khỏi vòng

chiến : 1 toán lọt ổ phục kích Do Thái ở Khirbet Li-kia, 1 chết và 2 bị bắt sống ; 1 toán khác bị phục kích ở Bet Govrin, nhưng chạy thoát).

Ngày 11 tháng Tư 1956.

— 1 xe chỉ huy trúng mìn ở nam Kerem Abu Irab ; 1 bị thương.

— 1 xe buýt và 1 xe dân sự bị bắn trên xa lộ Tel Aviv — Ramla ; 6 bị thương.

— Bắn vào trường canh nông nội trú ở Shafir ; 6 học sinh bị chết, 2 bị thương.

— Ném lựu đạn vào nhiều nhà trong làng Ahi'ez-er ; 3 bị thương.

— Xe tuần tiểu biên phòng bị bắn gần phi cảng quốc tế Lod , 1 bị thương.

IV

Trước những hành động khiêu khích ấy, dĩ nhiên chính phủ Do Thái không thể làm ngơ mãi được. Chắc chắn hành động khủng bố đó sẽ chưa chấm dứt, nếu các chính phủ Ả Rập, đặc biệt là Ai Cập nhận thấy họ có thể làm hại được Do Thái mà không nguy hiểm gì cho quân đội và xứ sở họ.

Song Do Thái đã trả đũa, đúng hơn là có một phản ứng quân sự (Không sử dụng hình thức của bọn quyết

tử tấn công vào thường dân). Sau mỗi vụ bắn giết của quyết tử quân, 1 đơn vị Do Thái lại vượt biên giới, tấn công 1 mục tiêu quân sự như 1 trại lính, hay 1 đồn cảnh sát trên lãnh thổ nước Ả Rập nào đã là điểm xuất phát của quân khủng bố; cốt để người Ả Rập biết rằng nếu chính phủ Do Thái không bảo vệ nổi tính mạng từng người tài xế máy cày đang cày ngoài cánh đồng gần biên giới, hoặc ngăn cản không cho giạt mìn 1 chiếc xe vận tải đang chạy đến 1 làng di cư; thì đất nước này cũng không để những kẻ khủng bố được bình an vô sự. Khi một lực lượng Do Thái hoạt động trên lãnh thổ Ai Cập mà quân sở tại không ngăn cản nổi, nhân dân Ả Rập sẽ nhận rõ sự thất bại của giới quân sự. Thay vì nâng cao uy tín của chế độ, hoạt động của quyết tử quân lại làm mất niềm tin của dân chúng vào quân lực xứ họ.

Những hoạt động khủng bố và trả đũa liên miên bất tận đó, làm các chính phủ Ả Rập phải đi đến một chọn lựa, hoặc tăng cường các cuộc tấn công của quyết tử quân vào Do Thái, để cứu vãn uy tín trước dư luận, hoặc bỏ hẳn hoạt động của tổ chức này để tránh sự trả đũa của Do Thái.

Chúng tôi hy vọng các chính phủ Ả Rập sẽ chọn con đường thứ hai bằng cách giảm bớt khủng bố, nhưng những sự kiện xảy ra trong tháng 6-1955 như dội gáo nước lạnh vào ý tưởng trên. Các hoạt động của quyết tử quân cũng như của quân đội Do Thái đều gia tăng về mọi mặt. Hơn nữa, từ khi biết người Do Thái sẽ trả đũa, những nước láng giềng có cần

cứ xuất phát của quyết tử quân đã tập trung quân đội và tăng cường các đồn cảnh sát dọc theo biên giới, để chống lại các cuộc tấn công. Hành động đó biến những cuộc xâm nhập lẻ tẻ thành những trận đánh lớn, có cả pháo binh và kỵ binh can thiệp.

Các sự kiện trên đưa đến một ngã rẽ không lối thoát vào cuối mùa hạ năm 1955. Các hoạt động khủng bố của Ả Rập và trả đũa của Do Thái đều lên đến mức mãnh liệt, tạo nên một bầu không khí khét lẹt mùi chiến tranh. Vì lãnh tụ Ai Cập, vì danh dự, không muốn quyết tử quân ngưng hoạt động, vì họ đã lỡ nổi danh trong thế giới Ả Rập là 'Những người phục hận cho miền Palestine bị chiếm' mất rồi; nhưng đồng thời, giới quân sự Do Thái cũng đã gửi tới hậu thư cho khối Ả Rập qua hành động trả đũa: Hòa bình, hoặc chiến tranh. Trong tháng trước chiến dịch Sinai, từ 12-9-1956 đến 10-10-1956, quân đội Do Thái phản ứng chống lại hành động sát nhân của quyết tử quân bằng cách tung ra 4 cuộc xung kích, phá hủy các đồn cảnh sát Rahawah, Garandal, Husan và Kaki-liah. Thiệt hại của Do Thái (chết và bị thương) trong các hoạt động trên lên đến 100 người, phía Ả Rập thiệt trên 200 người. Tình trạng đó chưa hẳn là chiến tranh, nhưng chắc chắn không phải hòa bình.

V

Một trong những nguyên nhân chính làm chiến tranh giữa Do Thái và Ai Cập bùng nổ là quyền tự

do lưu thông của tàu bè Do Thái qua Hồng Hải. Để đến Hồng Hải, các tàu rời cảng Haifa trên Địa Trung Hải phải qua kênh Suez, và tàu rời Eilat, hải cảng ở cực nam Do Thái, phải qua eo biển Tiran, Ai Cập phong tỏa tàu bè Do Thái qua các hải lộ trên, không cho Do Thái được giao thương trực tiếp với Đông Phi và Á Châu.

Do Thái không giàu có gì về tài nguyên. Trong số rất ít hầm mỏ, chỉ pơ-tát và phốt-phát là quan trọng nhất, và là món hàng chính xuất cảng sang Viễn đông. Phong tỏa đường hàng hải đến các xứ trên, không những làm ung thối sinh hoạt chính trị, mà còn là một đòn nặng nề vào nền kinh tế, làm cản đà phát triển của Do Thái.

Sự phong tỏa này bất hợp pháp, và vi phạm hiệp ước về kênh đào Suez (ký ở Constantinople năm 1888) vi phạm quốc tế công pháp, vi phạm hiệp ước đình chiến, và hiến chương Liên Hiệp Quốc. Do Thái đã đưa vấn đề này ra trước LHQ, và ngày 1-9-1951, Hội Đồng Bảo An LHQ đã cứu xét đơn khiếu nại của Do Thái, và chấp thuận giải pháp truyền cho Ai Cập bắt chấp quyết nghị trên, cuối năm 1953, họ còn đưa ra quy chế ngăn cản khắt khe hơn, là cấm cả tàu bè không phải của Do Thái chở tất cả các loại hàng hóa xuất nhập Do Thái, dù hàng đó không có giá trị quân sự, như thực phẩm chẳng hạn.

Trước quy chế mới này, Do Thái lại một lần nữa khiếu nại trước Hội Đồng Bảo An. Vấn đề được đưa ra bàn cãi trong phiên họp ngày 29-3-1954, nhưng

Liên Số dùng quyền phủ quyết gạt vấn đề này khỏi nghị trình.

Chính phủ Do Thái chưa chịu bỏ rơi cuộc tranh đấu. Lúc 6 giờ sáng ngày 28-9-1954, tàu Bat-Galim của Do Thái đến đầu nam kênh đào Suez với hy vọng nếu nhà cầm quyền Ai Cập không cho qua, LHQ bắt buộc phải xét đến trường hợp này, và sẽ yêu cầu Ai Cập tôn trọng luật quốc tế để cho tàu được đi lại qua kênh.

Nhưng giả thuyết trên không thành sự thực. Ai Cập đã tịch thu tàu Bat-Galim và bỏ tù thủy thủ đoàn. Vấn đề lại được đưa ra trước Hội Đồng Bảo An vào tháng 12-1954 và tháng 1-1955, nhưng không đi đến đâu hết. Kết quả của cuộc thí nghiệm xem: Ai Cập có tôn trọng sự bắt buộc chính thức của quốc tế không là tàu Bat-Galim bị tịch thu, các thủy thủ được thả về qua ngã giải Gaza vào ngày 1-1-1955. Sau khi nằm 3 tháng trong nhà tù Ai Cập.

Tuy thất bại trong việc khai thông kênh Suez cho tàu bè. Do Thái tạo nên một nguồn dư luận thất vọng và bất bình trong nước, nhưng không ai nghĩ đến một cách giải quyết nào khác hơn là những hoạt động trong khuôn khổ ngoại giao. Song với vấn đề đi qua eo biển Tiran thì khác.

Eo biển Tiran nối Hồng Hải với vịnh Akaba, bờ biển của vịnh này chung cho 4 xứ: Ai Cập, Do Thái, Jordan, và Saudi Arabia. Theo luật quốc tế, đường thủy nào nằm trên ranh giới của nhiều hơn một quốc gia, thì bắt buộc phải để cho tàu bè của tất cả các quốc

gia khác được tự do lưu thông, và không quốc gia nào có biên giới là một phần thủy lộ được nhận khúc thủy lộ đó là thuộc lãnh thổ nước mình. Nước đó cũng không được kiểm soát tàu bè qua lại trên thủy lộ đó.

Nhưng Ai Cập bất chấp luật quốc tế, can thiệp vào những tàu bè muốn đi lại giữa Hồng Hải và hải cảng Eilat. Năm 1953, họ công bố chính sách phong tỏa tàu bè Do Thái không cho đi qua, lập đơn vị phòng duyên tại Ras Natsrani. Đơn vị đó được đại bác trên bờ yểm trợ, chặn khám tất cả tàu bè qua lại, chỉ tàu nào không phải của Do Thái mới được qua.

Đầu tháng 9-1955, Ai Cập quyết định nói rộng mức độ phong tỏa. Họ thông báo cho tất cả các hãng hàng hải và hàng không rằng mọi sự đi qua vịnh dù dưới nước hay trên không, đều coi như đi qua lãnh thổ Ai Cập, và bất cứ tàu bè hay máy bay nào muốn đi qua đều phải xin phép nhà cầm quyền Ai Cập trước 72 giờ đồng hồ. Kể từ đó, tàu thủy và máy bay của Do Thái không còn được đi hay bay ngang qua vịnh nữa. Người phát ngôn Ai Cập còn tuyên bố, họ coi như trong tình trạng chiến tranh với Do Thái. Tiếp theo lời tuyên bố đó là những hành động chặn bắt thêm tàu thủy, và máy bay của hãng hàng không Do Thái 'EL AL', từ trước vẫn bay từ Tel Aviv qua eo biển tới Nam Phi.

Nói rộng sự phong tỏa kênh Suez và eo biển Tiran sang phạm vi đường hàng không từ Do Thái tới Phi Châu, tức là họ đã dồn chúng tôi vào chân tường.

Ngày 22-10-1955, tôi đang nghỉ phép tại Pháp, thì

nhận được một điện tín của sĩ quan tùy viên, ông Ben Gurion kêu về nước gấp (Ben Gurion lúc này đã trở lại chức vụ bộ trưởng quốc phòng, nhưng chưa làm thủ tướng). Bức điện như sau : « Ông già vừa rời giường bệnh sáng nay, (ông đã đau từ 2 tuần nay) Ông ấy muốn gặp trung tướng gấp. Trung tướng hãy trở về ngay khi nhận được điện tín này. » Ngày hôm sau, tôi gặp ông Ben Gurion tại khách sạn President tại Jerusalem. Tôi điem qua tình hình an ninh và những vấn đề mà chúng tôi phải đương đầu. Cuối cùng, với tư cách bộ trưởng quốc phòng, ông chỉ thị cho tôi phải tiến chiếm eo biển Tiran, Sharm e-Sheikh, Ras Natsrani, và các đảo Tiran, Sanapir, để tàu bè được tự do lưu thông từ vịnh Akaba đến Hồng Hải.

10 ngày sau, tức ngày 2-11-1955, ông Ben Gurion lên làm thủ tướng. Khi trình diện chính phủ mới trước quốc hội, ông trình bày tổng quát chính sách sẽ theo đuổi, đến phần quốc phòng, ông nói :

« Những cuộc xâm nhập phá rối từ giải Gaza chỉ làm cho 153 người người chết và bị thương trong chín tháng đầu năm 1955. Đại diện Ai Cập tại LHQ đã công khai tuyên bố rằng tình trạng chiến tranh vẫn tiếp tục giữa Ai Cập và Do Thái. Chính phủ Ai Cập đã vi phạm luật quốc tế trong việc ngăn cản sự tự do lưu thông của tàu bè qua kênh Suez, mặc dầu đã có sự phân xử đặc biệt của hội đồng bảo an. Ngày nay, Ai Cập lại toan đóng cửa Hồng Hải không cho tàu bè Do Thái qua lại, trái với nguyên tắc quốc tế về tự do lưu thông hàng hải. Khi một bên đã ngưng tiếng súng thì

phía bên kia không thể tiếp tục cuộc chiến tranh ấy mãi.

Chính phủ Do Thái lúc nào cũng sẵn sàng tôn trọng các điều khoản của hiệp ước đình chiến. Nhưng bên phần ấy cũng cần được phía bên kia tôn trọng. Một hiệp ước đã bị phía bên kia vi phạm thì không thể ràng buộc chúng ta nữa. Nếu đường ranh giới đình chiến đã bị họ mở ra cho những kẻ phá hoại, giết người, thì bọn chúng sẽ không thể đến gần những người mà chúng ta có bổn phận phải bảo vệ. Nếu quyền lợi của chúng ta bị xâm phạm bởi hành vi uy hiếp trên đất liền cũng như trên mặt biển, chúng ta sẽ tự giành quyền hành động để bảo vệ quyền lợi ấy, một cách hiệu quả nhất.

Chúng ta tìm hòa bình, nhưng chúng ta không tự sát».

Chưa có bài diễn văn nào của thủ tướng đọc trước quốc hội lại rõ rệt hơn bài này, để trình bày ý định cho quân đội vượt biên giới, nếu tình trạng hỗn loạn vẫn còn tiếp diễn.

Tình trạng an ninh của Do Thái vẫn không thay đổi, và sự phong tỏa hải cảng Eilat vẫn kéo dài. Ông Ben Gurion nhận thấy không còn gì do dự để hành sử bổn phận bảo vệ quyền tự do lưu thông cho tàu bè của mình bằng cách chiếm eo biển. Do đó, trong một buổi họp hội đồng nội các, hồi đầu tháng 11-1955, ông nêu ý kiến trên; Dù ông đã cố thuyết phục, hội đồng chính phủ vẫn cho rằng thời cơ chưa đến, và Do Thái sẽ « hành động ở một thời gian và địa điểm thích hợp

hơn. »

Quyết định đó được chuyển đến tôi, và tôi trả lời ông Ben Gurion bằng bức thư đề ngày 5-12-1955 sau đây :

Kính gửi ông Bộ Trưởng Quốc Phòng.

Đề mục : Tương quan giữa Do Thái và Ai Cập.

1— Công ty hàng không « EL AL » đã phải ngưng các chuyến bay trên đường Do Thái — Nam Phi qua eo biển Tiran từ 6 tuần nay, sau khi Ai Cập tuyên bố sẽ hạ bất cứ phi cơ nào bay qua phần đất mà họ bảo thuộc lãnh thổ của họ, nếu chưa được phép của nhà cầm quyền Ai Cập. Vấn đề eo biển Tiran ai cũng biết rõ, tôi thấy không cần nhắc lại ở đây. Nhưng tôi thấy chính sách của chúng ta về vấn đề này không được xác đáng, và sẽ đưa đến hậu quả mất quyền tự do lưu thông qua eo biển này. Hải cảng sẽ thành một giải đất cạnh bờ hồ, mà ngổ ra phải tùy thuộc vào sự đồng ý của Ai Cập.

Sự kiện này, theo thời gian, rồi cũng tương tự như quyền tự do lui tới đồi Scopus (ở Jerusalem) và sự sử dụng con đường Latrun (giữa Tel Aviv.) Cả hai đều được hiệp ước đình chiến bảo đảm, nhưng một mặt, Jordan không tôn trọng; mặt khác, chúng ta không dùng quân lực bắt buộc họ phải thi hành.

Vấn đề eo biển Tiran trầm trọng hơn nhiều, vì :

a) Ai Cập không có lý do hợp pháp nào ngăn cản sự tự do lưu thông của chúng ta.

b) Sự di chuyển qua eo biển Tiran quan trọng hơn việc di chuyển trên đường Latrun và sự lui tới đồi

Scopus rất nhiều.

c) Sự phong tỏa eo biển Tiran nhằm chứa âm mưu chiếm Negev.

3— Theo thông cáo của Ai Cập, chúng ta phải ngưng các chuyến bay trên đường này, trong khi đó, chúng ta tiếp tục ngồi chung với Ai Cập trong ủy ban hỗn hợp đình chiến, chừng tỏ chúng ta không coi hành động của họ như là thủ tiêu hiệp ước đình chiến. Như vậy, không khác gì chúng ta đã chấp nhận trên thực tế lời giải thích của họ, nên chúng ta mới coi hiệp ước đình chiến vẫn còn là căn bản liên lạc giữa Ai Cập và Do Thái, mặc dầu họ không cho chúng ta đi qua eo biển nói trên.

3— Nếu công thức 'chúng ta sẽ hành động ở thời gian và địa điểm thuận tiện' là có thực, thì thời gian và địa điểm ấy đã xuất hiện. Trên thực tế, không địa điểm nào khác hơn eo biển Tiran — Để giải tỏa thủy lộ này, buộc lòng phải xâm lăng, phải cương quyết. Về thời gian để chiếm eo biển, tôi không thấy thuận lợi ở chỗ nào, nếu phải đợi thêm vài tháng nữa. Với sự trưởng thành của quân lực Ai Cập, nhất là không quân, viễn ảnh chiến thắng của chúng ta trong cuộc hành quân ấy sẽ bị giảm sút. Dĩ nhiên, trong một ngày nào đó, chúng ta buộc lòng phải dùng đến giải pháp quân sự, nhưng kết quả sẽ do may rủi định đoạt, chứ không còn do kế hoạch nữa, vì ta đã bỏ qua 'thời gian' và 'địa điểm' đặc biệt này.

4— Như vậy, tôi thấy chúng ta không hành động ngay bây giờ, và tiếp tục công nhận hiệp ước đình

chiến Ai Cập — Do Thái, trong khi trên thực tế, ta đã bị bao vây, thuyền bè và phi cơ không được qua lại eo biển Tiran. Hơn nữa, tình trạng trên đã được ông và vị thủ tướng tiên nhiệm công bố rõ rệt; và ông cũng đã thông báo cho thủ tướng Ai Cập qua tướng E.L.M. Burns (tướng Gia Nã Đại, chủ tịch ủy ban kiểm soát đình chiến LHQ). Lập trường của chính phủ Do Thái là không thể chấp nhận tình trạng đơn phương đình chiến này được.

Theo thiên ý của tôi, thì chúng ta phải chiếm eo biển Tiran càng sớm càng tốt (trong vòng 1 tháng).

5 — Tôi cũng cần nhấn mạnh rằng không quân Ai Cập đã có máy bay Mig-15, mà chúng ta không có loại phi cơ tương đương, do đó, hệ số may mắn của chúng ta bị giảm nhiều, đồng thời, việc điều quân sẽ gặp nhiều khó khăn, và sự thắng bại sẽ tùy thuộc chặt chẽ vào điều kiện có được tự do hoạt động trên không hay không.

Thư tôi chuyển đến ông Ben Gurion, không phải hoàn toàn không có ảnh hưởng gì, vì chính ông đã chỉ thị cho quân đội phải chuẩn bị bề gây sự phong tỏa, nhưng chính ông cũng phải tuân theo quyết định của hội đồng chính phủ.

Sự trì hoãn đó rút cục chẳng giải quyết được gì. Sau đó cả năm nữa, Do Thái vẫn liên tiếp bị ngăn cản không được di chuyển đến Hồng Hải, hay thực hiện sự di chuyển đó bằng cách chiếm eo biển.

VI

Vấn đề sử dụng quân lực được đặt lại, vì Do Thái phải gạt bỏ giải pháp thương thuyết. Nguyên nhân chính là các quốc gia Ả Rập không chấp nhận thương thuyết. Sự từ chối đó không phải ngẫu nhiên. Nó bắt nguồn từ sự không công nhận Do Thái, không muốn thiết lập liên hệ bình thường với Do Thái. Đối với người Ả Rập, vấn đề không phải tìm một giải pháp sống chung, mà làm thế nào để tiêu diệt Do Thái, và việc này không thể làm trên bàn hội nghị được.

Trận đánh đầu tiên chống dân tộc Do Thái của khối Ả Rập không đem lại kết quả tốt đẹp, và cuộc thử lửa năm 1948 trong mưu toan tiêu diệt cộng đồng Do Thái kết thúc trong sự thất bại chua cay. Quân đội Irak tham chiến sau khi thua trận, đã phải lạng lẽ rút về nước. Nhưng Ai Cập, Jordan, Syria và Lebanon bắt buộc phải ký hiệp ước đình chiến với Do Thái, mặt khác, quân Do Thái vẫn chiếm được ụm thế về lãnh thổ (về phía nam và bắc, quân Do Thái đều vượt biên giới, đuổi quân Ai Cập đến tận Sinai, và quân Lebanon đến sông Litani).

Hiệp ước đình chiến đã được ký kết dưới sự chủ tọa của bác sĩ Ralph Bunche, và căn cứ trên quyết nghị của Hội Đồng Bảo An cùng hiến chương LHQ. Chương mở đầu hiệp ước viết: « Các phe liên hệ

trong hiệp ước này, đáp lại quyết nghị ngày 16-11-1948 của Hội Đồng Bảo An kêu gọi tôn trọng nguyên trạng, căn cứ vào điều 40 hiến chương LHQ, và đề đi đến một hiệp ước đình chiến hầu chuyển cuộc ngưng bắn thành một nền hòa bình lâu dài cho vùng Palestine; đã quyết định đặt các buổi họp dưới quyền chủ tọa của LHQ, nhằm hoàn thành các quyết nghị của hội đồng bảo an ngày 4 và 16-11-1948; nên đã đề cử đại diện có thẩm quyền đến hội nghị để kết thúc một hiệp ước đình chiến;... đã đồng ý những điều khoản sau đây...

Nhưng không phải LHQ chỉ bảo trợ cho cuộc thương thuyết, thảo và ký hiệp ước; LHQ còn thành lập và điều khiển một bộ tham mưu quân sự đặc biệt để giám sát việc thi hành hiệp ước.

Do đó, không có gì ngạc nhiên khi thấy ông Tổng thư ký LHQ cũng như ông Tổng Tham Mưu Trưởng ủy ban kiểm soát đình chiến là những nhân vật trung gian, và các sĩ quan liên lạc giữa Do Thái và các nước Ả Rập láng giềng đã bay như mắc cửi từ thủ đô nọ sang thủ đô kia, đặc biệt là giữa Jerusalem và Cairo để cố dàn xếp những xích mích về biên giới.

Đa số các hoạt động của ông Tổng Tham Mưu Trưởng ủy ban kiểm soát đình chiến (trong khoảng 1954-56 là tướng Burns) có tính cách chuyên môn, và ông chỉ tham gia các cuộc bàn cãi chính trị khi tháp tùng ông Tổng Thư Ký LHQ, lúc bấy giờ là ông Dag Hammarskjöld. Ủy ban KSĐC/LHQ quan tâm nhiều đến việc điều tra những biến cố đã xảy ra rồi. Theo đơn khiếu nại của một bên, họ sẽ mở cuộc điều tra, và

phúc trình lên ông Tổng Thư Ký LHQ ; trường hợp quan trọng, phúc trình được gửi đến Hội Đồng Bảo An. Cả Do Thái lẫn các quốc gia Ả Rập đều không hài lòng về ủy ban KSĐC, vì họ không có thẩm quyền giải quyết gì cả, và chỉ là những hợp thư không hơn không kém. Trong năm 1955, lúc quân quyết tử hoạt động mạnh, tướng Burns đã cố thuyết phục nhà cầm quyền Ai Cập cho ngưng những hoạt động đó, nhưng thất bại. Trong cuốn «Ả Rập và Do Thái», ông viết : «Không thể minh chứng được rằng các lệnh ban cho quân quyết tử, hoặc những bọn thảo khấu khác, xâm nhập Do Thái để khủng bố phát xuất từ Cairo. Song khi thảo luận về điểm này, cá nhân tôi, cũng như ông Tổng Thư Ký LHQ đều cho rằng nhà cầm quyền liên hệ có thể chặn đứng những cuộc đột kích đó được, dù họ không ban hành lệnh đó... » (trang 89). Hoạt động của ông Tổng Thư Ký LHQ Dag Hammarskjöld nằm trong lãnh vực chính trị. Ông gặp các giới chức cao cấp hơn, nhưng cũng không đạt được kết quả khả quan. Tất cả mọi cố gắng của ông để thuyết phục Nasser đồng ý, hoặc chỉ hứa suông là tôn trọng các quyết định của Hội Đồng Bảo An về vấn đề cho tàu bè Do Thái được lưu thông trên kênh Suez, và qua eo biển Tiran đều vô hiệu.

Vào cuối năm 1955, đầu năm 1956, hoạt động của các đại diện LHQ lên cao nhất, vì tình hình căng thẳng trong vùng. Tháng 12-1955, thủ tướng David Ben Gurion triệu tướng Burns đến và cho biết Do Thái có đủ bằng cứ chứng minh chánh phủ Ai Cập phải

chịu trách nhiệm về các hoạt động của quyết tử quân. Ông xin tướng Burns yêu cầu Nasser tôn trọng hiệp ước đình chiến, và đặc biệt lưu ý đến 2 điều : Tuyệt đối ngưng bắn, nước nọ không được tấn công vào thường dân nước kia (điều 1,) và một điều khác gồm 4 hành động căn bản : Cấm dùng phương tiện quân sự để giải quyết vấn đề Palestine ; không được dự định, hay đe dọa bằng hành động vũ trang xâm lăng ở mặt đất, dưới biển, hay trên không, để chống lại thường dân hay quân đội của nước khác ; quyền bảo vệ an ninh và tự do của một nước tránh sự đe dọa, tấn công của nước kia ; và cuộc đình chiến giữa hai phe là một bước tiến cần thiết để giải quyết cuộc tranh chấp quân sự và tái lập hòa bình.

Tướng Burns không được Nasser bảo đảm sẽ thỏa mãn lời yêu cầu. Mấy tuần sau, ông Dag Hammarskjöld đến Cairo gặp Nasser cũng không đem lại kết quả gì.

Hai tháng sau, ngày 14-3-1956, Do Thái đệ trình Hội Đồng Bảo An một đơn khiếu nại sự vi phạm nền hòa bình trên biên giới giải Gaza. Đình kèm đơn khiếu nại là một bản kê 180 hành vi thù nghịch của người Ai Cập: đặt mìn, bắn phá, giết người, mà họ đã thực hiện trong 3 tháng, kể từ tháng 12-1955 đến tháng 3-1956. Tình hình càng ngày càng đen tối. Các cuộc tấn công của quyết tử quân làm Do Thái phải trả đũa lại càng ngày càng nhiều và mãnh liệt. Ông Tổng Thư Ký LHQ quyết định phải trở lại vùng Trung Đông để cố hòa giải cuộc khủng hoảng. Ngày 10-4, ông đến Do Thái ;

sau cuộc đàm luận, ông bay qua Cairo ; rồi lại trở về Jerusalem ; rồi lại bay qua Cairo, ; qua Amman ; lại trở về Jerusalem ; lại bay qua Cairo lần nữa. Cứ như vậy suốt 7 ngày, và lần này, cố gắng của ông dường như đã có kết quả.

Ngày 17-4, ông nhận được bức thư sau đây của ông Ben Gurion :

Tôi viết thư này đến ông với danh nghĩa chính phủ Do Thái, xác nhận rằng theo điều 2, chương 2 của hiệp ước đình chiến Ai Cập — Do Thái, một lần nữa, chúng tôi ra lệnh cho lực lượng quốc phòng Do Thái không được bắn qua ranh giới đình chiến, cấm tất cả lực lượng quân sự, bán quân sự, kể cả lực lượng phi hiện diện không được vượt biên giới vì bất cứ lý do nào kể từ lúc 6.00 (giờ Do Thái) ngày 18-4-1956. Lệnh này cũng cần được sự đáp ứng tương tự về phía Ai Cập.

Hai ngày sau, ông Hammarskjöld, lúc đó đang ở Cairo, báo cho ông Ben Gurion biết chính phủ Ai Cập cũng đã cam kết như vậy, và lệnh ngưng bắn bắt đầu có hiệu lực từ 06.00 sáng ngày 18-4.

Ông Hammarskjöld tin rằng mình đã thành công trong sứ mạng không cho ngọn lửa bùng cháy trở lại ; nhưng ngày 29-4-1956, trong khi ông Tổng Thư Ký còn có mặt tại Trung Đông, lãnh tụ lỗi lạc của cộng đồng Nahal Oz là Roi Rutenberg bị toán biên phòng Ai Cập từ bên kia biên giới Gaza bắn qua. Cũng trong ngày đó, một chiếc xe chở binh quân đội trúng mìn gần Nir Yitzhak, phía nam đường ranh giới giải Gaza. Do

Thái không trả đũa hai vụ trên, với hy vọng những chuyện đó xảy ra ngoài sự hiểu biết của Cairo ; nhưng chỉ trong ít ngày, ảo tưởng ấy bị tiêu tan. Quân quyết tử trở lại hoạt động mạnh mẽ hơn, xâm nhập Do Thái ở mặt hai giải Gaza và Jordan, đặt mìn, giết công nhân, liệng lựu đạn vào nhà, bắn xe buýt trên xa lộ. Những chuyện đó tái diễn hàng ngày.

Lần này, ông Hammarskjöld không trở lại Trung Đông ; mà thủ tướng Do Thái cũng không mời ông trở lại nữa.

Trong phiên nhóm quốc hội ngày 15-10-1956, ông Ben Gurion kiểm điểm tình hình như sau :

Trong báo cáo gửi Hội Đồng Bảo An ngày 9.5.1956, ông Tổng Thư Ký LHQ đã lên án « những hành động thù nghịch ấy. » Dù hiến chương LHQ không đặc biệt bảo đảm quyền tự vệ, quyền đó, tự chúng vẫn có. Tôi có thể nói rằng cơ quan LHQ đã tỏ ra bất lực trong việc ngăn cản những hành động sát nhân có tính cách liên tục và có tổ chức đối với các công dân Do Thái. Do Thái là quốc gia duy nhất mà đời sống dân cư luôn luôn bị đe dọa bởi những toán sát nhân do nhà lãnh đạo các quốc gia lân bang đưa qua. Liệu có quốc gia nào trên thế giới có thể cam chịu với tình trạng các công dân mình bị đặt dưới bàn tay bọn sát nhân có tổ chức của các nước láng giềng không. Các quan sát viên LHQ, ông Tổng Thư Ký LHQ đều biết rõ rằng bọn đó hành động với danh nghĩa chính phủ của chúng, mà Ai Cập là trung tâm tổ chức trang bị, huấn luyện, cũng như đặt kế hoạch hành quân cho

bọn chúng. Các quyết tử quân bị bắt đã công nhận như vậy trước các phiên xử; bộ trưởng chiến tranh Ai Cập, ông Hassan Al Bakuri đã nói trong buổi phát thanh ngày 11-4 năm nay trên đài 'tiếng nói Cairo' rằng: « Không vì lý do gì mà các chiến sĩ đang sôi sục máu căm thù giặc, lại không được đột nhập Do Thái, và làm cho đời sống dân chúng xứ này biến thành địa ngục. »

Chính phủ Do Thái không thể để xứ sở biến thành địa ngục. và những kẻ sát nhân cũng như chủ nhân của chúng không thể không bị trừng trị.

14 ngày sau, ngày 29-10-1956, chiến dịch Sinai được phát động.

CHƯƠNG HAI

MỞ ĐẦU CHIẾN DỊCH SINAI

Ngày 1 tháng chín 1956.

SÁNG NAY, TOÀN THỂ BỘ TỔNG THAM MƯU HỢP, với sự tham dự của ông thủ tướng, kiêm bộ trưởng quốc phòng David Ben Gurion, để kiểm điểm việc sử dụng kỵ binh của chúng tôi. Giữa lúc đang thảo luận thì một nguồn tin hỏa tốc do tùy viên quân sự tại Ba Lê gửi về cho biết liên quân Anh — Pháp đang chuẩn bị chiếm kênh Suez. Mục đích cuộc chuyển quân của Anh — Pháp là chiếm vùng kênh đào và thủ tiêu lệnh quốc hữu hóa (Nasser công bố lệnh quốc hữu hóa kênh Suez ngày 27-6-1956). Bản tin cho biết thêm,

cuộc hành quân đó mệnh danh là « Musketeer » (1), và có thể do tướng Anh Sir Charles Keightlev chỉ huy, pho đô đốc Pháp Pierre Barjot làm phụ tá.

Trong mấy ngày gần đây, nhiều nguồn tin cho chúng tôi thấy tình hình chính trị dường như trở nên trầm trọng.

Trong giờ nghỉ ăn trưa, chúng tôi khảo sát các diễn tiến, và nhận định rằng cần phải chuẩn bị đề phòng cuộc chiến tranh có thể xảy ra trong vùng. Tôi ra lệnh bãi bỏ cuộc họp sẽ tổ chức sau đó hai tuần lễ, thay vào đó bằng một loạt những cuộc thăm viếng các đơn vị hành quân.

Nếu Anh—Pháp thực sự chiếm kênh đào Suez, và tái lập tình trạng quốc tế của kênh này bằng vũ lực, sẽ có ảnh hưởng chính trị rất quan trọng đến chúng tôi. Không những kênh mở cửa cho tàu bè Do Thái (tôi hy vọng thế), mà việc Anh lao đầu vào cuộc tranh chấp quân sự với Ai Cập còn đem lại cho chúng tôi nhiều lợi điểm khác. Tôi nhớ vua Jordan, Abdullah có nói với tôi ít ngày trước khi ông bị mưu sát rằng ông đã chuẩn bị để đi đến một hòa ước với chúng tôi, nhưng đại diện Anh, Kirbride (Sir Alexander Kirbride) đặc sứ Anh tại Amman) ngăn cản, vì sợ làm sứt mẻ mối liên hệ thân hữu giữa Anh và Ai Cập. Vào những năm sau 1940, nước Anh ủng hộ và khích lệ tinh thần quốc gia của các nước Ả Rập, và nghĩ rằng nhờ hợp

(1) Pháo thủ.

tác với Ai Cập, địa vị của Anh ở Trung Đông sẽ được vững vàng. Điều khôi hài nhất là cho đến bây giờ, thủ tướng Anh, Anthony Eden vẫn cho rằng cần ngăn cản sự tái lập hòa bình giữa Do Thái và Jordan, cốt để người Ai Cập đừng nhìn người Anh như những kẻ thân Do Thái. (Nước Ai Cập của vua Farouk !)

Sáng nay, đài phát thanh Cairo tuyên bố, toan tuần biên Do Thái bị tổn thất nặng tại giải Gaza. Thực ra, chúng tôi không có người nào bị thương vong hay mất tích. Tôi không hiểu dân chúng Gaza có biết rằng những tin tức về Do Thái do đài Cairo loan đi nhằm mục đích tuyên truyền hơn là thông tin hay không.

Ngày 7 tháng Chín 1956.

Hôm qua, tôi đi thăm bộ chỉ huy thiết giáp, tháp tùng có chỉ huy trưởng các binh chủng trong bộ Tổng tham mưu, để xét xem có thể đẩy mạnh việc huấn luyện nhân viên xạ đội cho các chiến xa chúng tôi vừa tiếp nhận không.

Hôm nay, tôi thăm bộ tư lệnh không quân, để duyệt qua tình trạng huấn luyện, xem trong tương lai gần đây, có thể trông cậy vào lực lượng này tới mức nào. Tôi nhấn mạnh rằng tình hình chính trị bắt buộc chúng ta phải có khả năng tung được tất cả máy bay hiện có vào cuộc hành quân — kể cả những chiếc mới tiếp nhận—không nên trì trễ để vượt mất cơ hội thuận tiện đánh Ai Cập, hay phải ra trận với toàn máy bay cũ, vì máy bay mới thiếu phi công.

Tôi tin tưởng không quân hiểu rõ tình trạng khẩn cấp, và bằng mọi cách, sẽ cấp tốc hoàn thành chương trình đào tạo phi công. Họ dự định cho phi công lái máy bay cánh quạt lái ngay phần lực, khỏi qua giai đoạn thực tập như thường lệ. Các phi công sẽ đi thẳng từ máy bay Havard sang Meteor, bỏ giai đoạn huấn luyện trên Mustang.

Những khó khăn thông thường, xưa như trái đất lại trở dậy : thiếu nhân lực, ngân sách giới hạn. Chúng tôi phải bầu xén lung tung để tăng thêm cho ngân sách hành quân. Một trong những việc đó là hôm nay, tôi hủy bỏ chương trình chín sĩ quan xuất dương du học. Tuy quyết định này tiết kiệm cho ngân sách 70.000đ, nhưng nếu ở trường hợp khác, chắc tôi không làm thế.

Ngày kia, tôi sẽ thanh tra lữ đoàn bộ binh của Galoni để xem đã sẵn sàng tại chỗ chưa. Ngày 19, tôi cũng sẽ thanh tra lữ đoàn nhảy dù.

Ngày 17 tháng Chín 1956

Tôi đã ra lệnh cho các quân binh chủng tại Bộ Tổng Tham Mưu nghiên cứu nhiều kế hoạch hành quân khác nhau cho mặt trận Ai Cập từ một tuần lễ trước, từ những kế hoạch chiếm toàn thể bán đảo Sinai cho đến những hoạt động cục bộ như việc kiểm soát eo biển Tiran (ở đầu nam vịnh Akaba), hay giải Gaza. Hôm nay, tôi theo dõi cuộc hội thảo của toàn thể các quân binh chủng tại Bộ Tổng Tham Mưu,

trong số đó, có cả các tư lệnh không quân và hải quân.

Tôi phác qua bối cảnh chính trị và chiến lược, phân tách sự liên hệ giữa những vấn đề quốc tế và những vấn đề riêng biệt của chúng tôi. Cuộc hành quân của liên quân Anh — Pháp có vẻ sẽ tiến hành gấp rút, vì quy chế quốc tế của kênh đào Suez bị thủ tiêu. Việc này không phải vấn đề riêng của Do Thái, dù sự lưu thông qua kênh Suez liên quan chặt chẽ đến chúng tôi. Chúng tôi không có tham vọng tiến đến kênh Suez, và cũng không muốn tham dự vào cuộc tranh chấp đó. Song đối với vấn đề eo biển Tiran và giải Gaza thì khác ; đây là những vấn đề riêng của chúng tôi. Eo biển Tiran là nơi Ai Cập dùng để phong tỏa, không cho tàu bè ra vào hải cảng Eilat, còn giải Gaza là căn cứ của bọn khủng bố Ai Cập.

Những hoạt động quân sự để tiến đánh các mục tiêu trên sẽ do chúng tôi phát khởi, khi chính phủ Do Thái cho phép, và cuộc hành quân đó có thể có, hay không có sự phối hợp với các lực lượng hành quân chống Ai Cập khác.

Ngày 24 tháng Chín 1956.

Hôm nay, ông Ben Gurion triệu một phiên họp hội đồng chính phủ để xin phê chuẩn cho hoạt động trả đũa đoàn lữ dương Ả Rập Jordan. Chúng tôi không muốn làm cuộc khủng hoảng Do Thái — Jordan trầm trọng thêm trong lúc đang có cuộc tranh chấp giữa

tây phương và khối Ả Rập về kênh Suez, và không để cho Anh quốc có cơ buộc tội Do Thái, hầu che đậy sự bất lực của họ trong vụ Suez, nhưng chúng tôi không thể không sử dụng biện pháp mạnh chống Jordan. Công chúng Ả Rập coi hành động khủng bố chống Do Thái là một nghĩa vụ của quốc gia, nhằm thỏa mãn khát vọng phục thù và khôi phục danh dự, vì quân đội của họ đã thua trong cuộc chiến tranh giành độc lập của Do Thái. Những nhà lãnh đạo khối Ả Rập, kể cả quốc vương Hussein của Jordan, đã tuyên bố với các ký giả ngoại quốc rằng họ không thể ngăn cản quân khủng bố được, vì đó là việc của những người Palestine di cư. Song dân chúng Ả Rập lại hoan nghênh những hành động khủng bố của đơn vị quân đội đặc biệt, tức quyết tử quân, từ Gaza đưa đến hoạt động tại các xứ Jordan, Syria và Lebanon (bọn này được tòa đại sứ Ai Cập tại các xứ đó cung cấp vũ khí và tiền bạc). Trong tình thế hiện tại, chúng tôi chỉ còn một cách để chặn đứng những cuộc tấn công của họ vào thường dân Do Thái là đánh mạnh vào các căn cứ quân sự của Ả Rập. Chúng tôi hy vọng những cuộc hành quân đó sẽ cho các chính phủ Ả Rập thấy rằng ngăn cản hoạt động của các đơn vị quyết tử chính vì quyền lợi của họ, vì các đạo quân Ả Rập yếu kém không thể đương đầu với quân Do Thái ngoài trận địa. Nếu tiếp tục, các nhà lãnh đạo khối Ả Rập chỉ chuốc lấy nhục nhã và bị thất thế.

Về phương diện chính trị, cho quân đội tấn công

các mục tiêu bên kia biên giới trong thời bình, không phải là một chuyện dễ. Nhưng trong tuần qua, nhiều dấu hiệu chứng tỏ hành động khủng bố phát xuất từ Jordan đã vượt quá mức chịu đựng của chúng tôi.

Ngày 22, tức hai ngày trước đây, quân Lê Dương Ả Rập đóng tại bắc Bethlehem xả đại liên vào một nhóm nhà khảo cổ Do Thái đang viếng các địa điểm khai quật tại Ramat Rachel, ngoại ô phía nam thành Jerusalem. Đồn Ả Rập ở gần tu viện Mar Elias, còn các nhà khảo cổ Do Thái đứng ngay trước mắt họ, không có gì để che chở, ẩn nấp. Chỉ trong khoảnh khắc, có 4 người chết và 16 bị thương.

Hôm qua có thêm hai vụ. Vụ thứ nhất xảy ra tại trại di cư mới Aminadav, cũng trong vùng phụ cận Jerusalem, sát biên giới Jordan, hai mẹ con đang kiếm củi gần biên giới thì bị lính Ai Cập từ Kafr Beitir bắn qua. Cả hai đều bị thương. Bà mẹ cố lết về tới trại Aminadav cầu cứu. Lúc cùng mấy nông dân trở lại, thì người con gái đã bị đâm chết, lính Ả Rập vượt biên giới, không những giết cô, còn chặt mất một cánh tay đem đi.

Vụ thứ hai xảy ra ở ấp cộng đồng Maoz Haim trong thung lũng Bet She'an. Trong vùng này, sông Jordan là biên giới giữa Jordan và Do Thái. Lính Ả Rập tại đây vượt sông Jordan, bắn chết một thanh niên đang lái máy cày, rồi kéo xác anh này sang bên Jordan.

Trong cả ba trường hợp, nạn nhân của quân Ả Rập toàn là thường dân vô tội, và họ đã giết người trên phần đất Do Thái.

Ngày 25 tháng Chín 1956

Tôi gặp ông Ben Gurion lúc 8 giờ 30 sáng nay tại phi trường quân sự Ramla. Ông từ Sde Boker đến bằng chiếc máy bay Piper Cub (phi cơ quan sát). Năm nay, ông đã gần 68 tuổi, nhưng thứ sáu nào, ông cũng lái xe trên con đường đầy ổ gà từ Jerusalem, hay Tel Aviv về chiếc chòi vắng vẻ của ông tại ấp cộng đồng Sde Boker ở Negev, và sáng chủ nhật trở về bằng chiếc máy bay bà già cồ lỗ, thiếu tiện nghi này. Đối với ông Ben Gurion, sự định cư tại vùng Negev là một biểu tượng cao nhất cho sự phục sinh của Do Thái, một Do Thái đã biến mảnh đất hoang vu thành nguồn sống, nhờ lòng hy sinh của những người di dân trẻ tuổi, hay dân sở tại, trai hoặc gái, đã rời bỏ những tiện nghi đời sống thành thị, nối gót phiêu lưu của những người khai phá. Tel Aviv lại khác hẳn. Có lần đi qua những phố đông nghẹt của thủ đô, tôi thấy ông lăm bầm : ‘Nineveh!’ (1)

Ông Shimon Peres (Đồng lý văn phòng bộ quốc phòng) cũng có mặt tại phi trường. Cả ba chúng tôi lên xe về Jerusalem. Để đáp lại những hành vi sát nhân mấy ngày gần đây, tôi đề nghị với ông Ben Gurion đánh một trong bốn mục tiêu : Dahariah trên dãy đồi Hebron ; Jenin ở Samaria ; Husan, hoặc Tzurif, đều

1) Tên một thành phố xứ Assyrie cổ, trên bờ sông Tigre, gần thành phố Mosul của Irak hiện tại.

trên dãy đồi Jerusalem. Các vị trí trên do quân Jordan đóng giữ. Mục đích trận đánh là chỉ dợt kích đồn, không gây nguy hại đến thường dân.

Trên lộ trình, chúng tôi kiểm điểm cuộc thăm viếng nước Pháp của ông Peres vừa qua. Hình như ngoại trưởng Christian Pineau Pháp rời hội nghị Luân Đôn lần thứ hai (21-9) với vẻ mặt vô cùng thất vọng. Hội nghị do ngoại trưởng Hoa Kỳ Foster Dulles đề xướng, và bàn về việc xử dụng kênh đào Suez, nhưng thực ra, Hoa Kỳ cố làm cho mọi dự tính thủ tiêu lệnh quốc hữu hóa kênh Suez của Ai Cập trở nên vô ích. Ông ta cũng tin rằng nước Anh sẽ không châm ngòi chiến tranh chống Nasser. Thủ tướng Anh Anthony Eden muốn tấn công Ai Cập, nhưng gặp sự chống đối mạnh mẽ ngay trong đảng ông. Mặt khác, tin tức quanh bộ quốc phòng Pháp thì cho rằng hành quân đánh Ai Cập là một việc tối cần, và Pháp phải thực hiện, dù phải hành động một mình. Pháp tin rằng nếu họ phát khởi, thế nào Anh cũng tham gia chiến dịch. Họ cho rằng Hoa Kỳ sẽ không can thiệp, còn phản ứng của Sô Viết ra sao thì chưa rõ.

Ngày 26 tháng Chín 1956.

Đêm qua, chúng tôi hoạt động trả đũa quân Ả Rập tại pháo đài Cảnh sát Tegart ở Husan. (Gọi là pháo đài, vì đây là một đồn cảnh sát rất kiên cố, do đặc ủy hành chánh Anh cho xây vào khoảng 1930 để an ngữ

con đường yết hầu, theo lời đề nghị của Sir Tegart, khi đó là cố vấn an ninh.) Trong những trận đánh như vậy, tôi muốn có mặt tại bộ chỉ huy tiền cứ đơn vị tham chiến — Dù chiến tranh chỉ xảy ra trong giới hạn nhỏ hẹp, cũng vẫn là công việc chính của nhà binh. Tôi không hiểu vị chỉ huy đơn vị đó có vui lòng vì sự hiện diện của tôi không; nhưng nếu có thể được, tôi thích được dự vào thành phần tấn công hơn — Đến tận nơi để biết rõ những diễn tiến đã xảy ra hơn là ngồi nhà chờ đọc báo cáo vào buổi sáng hôm sau, rồi lên mặt dạy đời.

Hậu cứ đơn vị này đặt tại làng Mevuot Betar. Tôi để xe lại đây rồi đi bộ đến bộ tư lệnh lữ đoàn trên một ngọn đồi chỉ cách vị trí địch vài trăm thước. Tôi trở về trước khi trời sáng. Trong làng có mấy người bị thương, vì hồi đêm, quân Ả Rập pháo kích làng bằng súng cối. Trong số bị thương, có cả Noam, tài xế của tôi — vết thương của hắn không nặng lắm, và vẫn còn khôi hài được.

Mục tiêu đã thanh toán xong, đồn cảnh sát đã bị phá tan tành, các vị trí Ả Rập đều bị tràn ngập. Nhưng chúng tôi cũng phải trả một giá khá đắt: 10 chết, 16 bị thương. Tồn thất địch đếm được là 34 chết, 12 bị thương. Cảnh địch khác cố chạy đến tiếp viện cho đơn vị đang bị tấn công, nhưng lọt ổ phục kích của chúng tôi ở giữa đường, nên không tới nơi được.

Phần lớn các tổn thất của chúng tôi đều xảy ra trong lúc xung phong vào vị trí địch được xây ngầm trên sườn đồi. Quân Ả Rập đã chống cự quyết liệt vì

không dường rút lui. Một trở lực khác của chúng tôi là bị hệ thống hào chống chiến xa chặn lại. Tuy không đáng gì, mà cũng phải dùng đến một đại đội chiến đấu khuôn đá, xúc đất lấp lại.

Phải cố gắng khuất phục khó khăn như vậy, vì thời gian có hạn. Trong vài giờ tối trời đó, các chiến sĩ Do Thái đã phải vượt qua bao ngọn đồi dốc đứng, đầy gai góc và đá lởm chởm, chiếm các đồn biên cảnh, xung phong vào đồn cảnh sát, mở một con đường cho xe chở chất nổ đến giạt sập đồn này, rồi tất cả phải rút lui, kể cả những người chết và bị thương — trước khi trời sáng.

Trong các hoạt động đó, các đơn vị trưởng đều đi với toán đi đầu, và trận nào cũng có vài cấp chỉ huy bị chết hay bị thương. Trong trận đánh gần đây nhất, hồi đầu tháng này, tại đồn cảnh sát Rahawah của Jordan (trên xa lộ Hebron — Beersheba), một anh lính biệt động quân giỏi nhất của chúng tôi đã bị chiến nạn. Đó là đại úy Meir Har Zion, mới 21 tuổi, sự can đảm và khôn ngoan của anh đã tạo thành một huyền thoại trong quân đội. Anh bị thương rất nặng: một viên đạn xuyên qua khí quản, nhưng được cứu sống, nhờ một y sĩ trong đơn vị bỏ đến chỗ anh, thực hiện cuộc giải phẫu khí quản dưới hỏa lực bằng dao con chó. Tôi không tin rằng có vị cựu sĩ quan nhảy dù nào lại không bị thương một lần trong cuộc đời chiến đấu của họ.

Đơn vị mang theo những người chết và bị thương, về đến lãnh thổ Do Thái trước khi trời

sáng. Xe hồng thập tự vẫn đợi họ tại điểm tập trung, vội chở mấy người bị thương đến bệnh viện. Những người lính mới trở về được dùng trà và bánh sandwich trong phòng ăn tại Mevuot Betar, trong khi ấy, các nông dân của ấp cộng đồng dậy sớm cũng đang ngấu nghiến bữa điểm tâm trước khi ra đồng.

Sau khi nghe các sĩ quan trình bày chi tiết trận đánh, và những khuyết điểm, theo ý họ của kế hoạch hành quân. Tôi trở về bộ tổng tham mưu. Ngồi cùng tôi, có U, sĩ quan nhảy dù. Anh bị thương nhẹ, nhưng không muốn nằm bệnh viện. Cái rét của buổi sáng, cùng con đường lồi lõm làm chúng tôi tỉnh ngủ, và hai hàm răng đánh cặp khế. Trong số những chuyện nói với tôi, U. có kể câu chuyện hai sĩ quan trẻ thuộc đơn vị anh, mỗi lần không được tham gia hoạt động là cứ bị lương tâm cắn rứt mãi, vì cho rằng như vậy là phản bội những người bạn đã nằm xuống. Lúc U. nói tên hai người, tôi thấy lạ. Tôi tưởng trên đời, khó có thanh niên nào thông minh và trầm tĩnh hơn. Tôi nói thế với U. Hắn cương quyết đáp rằng bất cứ ai đã sống đời lính chiến hai năm, hàng tuần nhìn thấy những cái chết của bạn bè bên cạnh, thì không cần phải thông minh và trầm tĩnh cũng nghĩ như vậy. và biên giới giữa cuộc sống và cõi chết khó tránh khỏi bị xóa mờ. Tôi muốn hỏi đi sâu vào câu chuyện hơn nữa, nhưng hắn đã chuyển sang đề tài khác.

Ngày 27 tháng Chín 1956

Trong buổi hội kiến hôm nay, ông Ben Gurion giành phần lớn thì giờ để phân tích tình hình an ninh và chính trị. Ông bối rối với câu hỏi: Hoa Kỳ và Anh quốc sẽ đứng trên lập trường nào? Ông có thể hiểu được thái độ của Hoa Kỳ, nhưng nước Anh thì không. Rất có thể nước Anh muốn chứng tỏ tình thân hữu với khối Ả Rập rằng cách dùng quân lực giúp Jordan chống lại Do Thái. Nếu có một cuộc đụng độ lớn xảy ra giữa Do Thái và Jordan, tất phải do một trong ba lý do sau:

1— Jordan giúp Ai Cập, trong lúc Ai Cập đang có chiến tranh với Do Thái.

2— Các hoạt động phá hoại phát xuất từ lãnh thổ Jordan, và những cuộc trả đũa của chúng tôi trở nên mãnh liệt.

3— Quân Irak tiến vào Jordan, và đặc biệt trọng trường hợp họ lại đóng quân sát biên giới Do Thái.

Mối liên hệ giữa Irak và Jordan đến nay vẫn chưa rõ rệt. Jordan khi thì thân Ai Cập, khi thân Irak, không nghiêng hẳn về bên nào, dù hiện tại, họ có vẻ muốn thắt chặt liên hệ với Irak, trong khuôn khổ hoàng tộc Hashenate.

Tháng sáu vừa qua, tướng Ali Abu Nawar, tổng tham mưu trưởng quân đội Jordan đã đi thăm Irak, kết quả là lập được một ủy ban liên bộ gồm tổng tham mưu trưởng và bộ trưởng quốc phòng hai xứ, có nhiệm vụ xác định những đường lối để Irak có thể giúp đỡ

Jordan.

Ủy ban đó quyết định, trong giai đoạn đầu, một sư đoàn tăng cường của Irak sẽ đóng trên biên giới Irak — Jordan, sẵn sàng giúp Jordan, khi được yêu cầu.

Mới đây, những đụng độ giữa Do Thái và Jordan gia tăng, quốc vương Hussein đã bay qua Irak gặp quốc vương Feisal tại phi trường Habfaniyah. Đề tài cuộc gặp gỡ trên là di chuyển sư đoàn trên vào lãnh thổ Jordan.

Ông Ben Gurion thấy nếu quân Irak đến đóng trên biên giới Jordan — Do Thái, thì tình hình sẽ rất trầm trọng, và tuyên bố mình thì rằng, lúc đó chắc quân Do Thái phải di chuyển đến tây ngạn sông Jordan. Tôi không rõ ông đã quyết định thực thi việc này hay chỉ đe dọa đối phương, hầu cản trở một cuộc chuyển quân như vậy. Dù sao, căn cứ vào những sự kiện xảy ra tại biên giới, và việc Jordan mở cửa cho quân Irak tiến vào, chúng tôi thấy tình hình Do Thái — Jordan rất căng thẳng. Còn thái độ của nước Anh thế nào, nếu chiến tranh Do Thái — Jordan bùng nổ thì không được bàn đến.

Ngày 28 tháng Chín 1956

Họp bộ tổng tham mưu lúc 10 giờ. Tối nay, chúng tôi sẽ đi Ba lê để hoàn tất bản danh sách các quân dụng mà chúng tôi sẽ mua của Pháp. Điềm lại nhiều vấn đề tiếp vận, chúng tôi mới thấy rõ sự nghèo

nàn của mình. Song chúng tôi vẫn phải bấm bụng cắt thêm bảng liệt kê, chỉ giữ lại những món hàng thật cần. Chúng tôi không muốn đơn đặt hàng có vẻ rườm rà quá, đồng thời, không muốn bắt quân đội phải tiếp nhận trong giờ phút cuối cùng này, quá nhiều quân dụng mới hơn là nhu cầu cần thiết.

Tuy vậy, bản danh sách vẫn còn khủng khiếp. Các món hàng gồm chiến xa, xe chở chiến xa, bán xích xa, súng bazooka, và máy bay vận tải.

Máy bay chở chúng tôi cất cánh rời một phi trường quân sự, bay ngang Bizerte, hướng về Ba lê. Đáng lẽ chúng tôi lên máy bay tại phi trường L, nhưng phi hành đoàn Pháp gặp trở ngại kỹ thuật. Cũng may nhờ họ lanh trí, chúng tôi mới lên máy bay tại phi trường D được. Chiếc máy bay trên được lệnh tới phi trường L, nhưng không rõ tại sao họ không nhận được phi trường này. Họ bỗng thấy một phi trường khác có máy bay kiểu Mystère và Ouragan của Pháp đậu trên sân. Đó là phi trường D. Viên trưởng phi cơ nghĩ 'phi trường nào cũng được, miễn có máy bay bạn đậu thì chắc là phi trường bạn', anh liền xin phép đài kiểm soát cho hạ cánh. Chỉ huy trưởng phi trường cũng chưa hề dự trù có trường hợp này xảy ra, nhưng khi thấy phi cơ ra hiệu ông nghĩ «không hiểu chiếc nào, nhưng chắc là bạn» và ông cho hạ cánh.

Bay đến Bizerte mất 7 giờ 30 phút. Dọc đường, phi hành đoàn vui vẻ chia thức ăn cho chúng tôi. Khẩu phần mỗi người được một chai vang đỏ lớn, một ổ bánh mì, phó mát và thịt dồi. Không biết còn bao lâu nữa

mới tới nơi, nhưng vấn đề bao tử thì đã được giải quyết thật là hoàn toàn.

Tới Bizerte, một vị thiếu tá thuộc bộ tổng tham mưu Pháp đã chờ sẵn hướng dẫn chúng tôi đến gặp đô đốc chỉ huy trưởng căn cứ này. Chúng tôi được ông mời dùng bữa cơm chiều. Ngủ vài giờ, sáng mai, ngày 29, đúng 5 giờ 00 sáng chúng tôi lại cất cánh để đến Ba lê.

Ngày 1 tháng Mười 1956

Sáng nay, chúng tôi gặp tướng Ely, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp. Cuộc gặp gỡ diễn ra tại nhà một người bạn, ông Louis Mangin, cố vấn chính trị cho bộ trưởng quốc phòng Pháp, là ông Maurice Bourges Maunoury. Phái đoàn Do Thái có tôi và các sĩ quan tham mưu của tùy viên quân sự tại sứ quán. Tháp tùng tướng Ely có tướng Maurice Challe, phụ tá không lực; tướng Martin, phụ tá của tướng Challe; đại tá Simon, phòng hành quân bộ tổng tham mưu; một vị sĩ quan hải quân, và ông Louis Mangin.

Tướng Ely tỏ ra rất có cảm tình và nhiệt thành với Do Thái. Dáng điệu, tư cách ăn nói của ông đều khác hẳn tướng Guillaume, vị tiền nhiệm của ông mà tôi đã có dịp biết. Ông người xương xương và rất cao, tóc nâu, trông có vẻ như một nhà tri thức. Một cánh tay của ông không còn cử động được nữa.

Buổi họp có mục đích trao đổi tin tức, và làm sáng tỏ các vấn đề kỹ thuật. Mở đầu, trong Ely hỏi về lực lượng quân sự của Ai Cập, và tôi nói với ông

tất cả những gì tôi biết. Tin tức của chúng tôi có vẻ phù hợp với các nguồn tin tình báo của ông. Ông trở lại vấn đề an ninh của Do Thái, hỏi ý kiến tôi về tình hình Trung Đông; và liệu nước Pháp có thể giúp Do Thái như thế nào.

Ngay câu hỏi đầu tiên đã cho thấy rõ thái độ của ông. Ông sẵn sàng giúp Do Thái, nhưng không tiết lộ kế hoạch kênh Suez của Pháp. Tôi đã cố tìm cách để được thảo luận với ông về kế hoạch này, nhưng không kết quả.

Cuối buổi họp, tướng Ely hỏi tôi cần những quân dụng gì của Pháp. Tôi trao ông bản liệt kê, gồm 100 chiến xa (kiểu siêu Sherman,) 300 bán xích xa, 50 xe chở chiến xa, 300 xe 4 bánh, 1000 khẩu bazooka, và 1 phi đoàn vận tải. Không hiểu trước khi gặp, ông có hiểu qua về quân số và trang bị của lực lượng quốc phòng Do Thái không, nhưng ông có vẻ ngạc nhiên khi nghe tôi nói, các đơn vị của chúng tôi chỉ bằng 1/4 quân đội Pháp; đạn dược, cơ phận thay thế và nhiên liệu chỉ đủ dùng trong thời hạn từ 20 đến 30 ngày tác chiến; chỉ có 1 phi đoàn vận tải; và thiết giáp của chúng tôi toàn là chiến xa Sherman Mark 3 cổ lỗ. Tôi nói thêm, với lực lượng ấy, dù không nhận được thêm đồ trang bị, trường hợp chiến tranh giữa Ai Cập và Do Thái bùng nổ, chúng tôi vẫn có thể đánh bại quân Ai Cập và chiếm bán đảo Sinai trong vòng nửa tháng. Nếu không có thêm chiến xa, chúng tôi sẽ gắn bazooka trên xe jeep và xe chỉ huy. Vấn đề số một của chúng tôi là phương tiện xe cộ để di chuyển qua sa mạc. Tôi

chưa rõ đương đầu với thiết giáp Ai Cập sẽ khó khăn đến đâu, nhưng tôi biết rõ trữ lực của sa mạc, và muốn đưa bộ đội, đạn dược, đồ tiếp tế vượt sa mạc để tới Sharme Sheikh, chúng tôi phải có phương tiện chuyển vận thích hợp.

Tướng Ely nhìn bảng liệt kê, hứa sẽ thỏa mãn nhu cầu của chúng tôi ; nhưng chính ông cũng đang gặp những khó khăn vì đạo quân tại Algeria không ngớt xin thêm trang cụ ; và ông đã phải miễn cưỡng cắt xén số lượng dự định gửi cho các đơn vị tại Cyprus để đưa qua cho vùng Suez.

Trong buổi họp, tôi còn cho tướng Ely biết, quân Do Thái đa số là lính trừ bị ; vì không đủ trang cụ, nên họ phải sử dụng cả xe dân sự, về mùa đông, phải mặc áo lạnh dân sự. Chắc tôi đã gọi lại trong đầu óc ông hình ảnh người dân quân thế kỷ 18, những người có thể cầm cờ vượt chướng ngại vật một cách dễ dàng, nhưng chắc không thể thực hiện một chiến dịch bằng thiết giáp trên sa mạc, và giải quyết vấn đề tiếp vận trên khoảng đường thiên lý ấy được.

Đêm nay, chúng tôi bay về Do Thái. Dù trời mưa, chúng tôi vẫn giành vài tiếng đồng hồ để đi lang thang trong thành phố Ba Lê. Trước hết, chúng tôi vào quán «Coq hardi» làm một bữa cơm tây ngon lành, rồi qua một trong những quán cà phê của «điện Élysée». Khi len lỏi qua những dãy bàn chật rích để ra ngoài tôi nghe có ai thảng thốt bằng tiếng Hy bá Lai vùng Sabra : «Này, mày có thấy ai vừa đi ngang đây không ? Moshe Dayan và Shimon Peres. Chắc có chuyện gì cần

giữ kín nên Moshe Dayan đeo kính đen để khỏi bị nhận diện».

Ngày 2 tháng Mười 1956

20 giờ 00 tối nay, tôi triệu tập một buổi họp Bộ Tổng tham mưu để ban lệnh báo động sơ khởi. Tôi cho biết, tuy hội đồng chính phủ chưa quyết định, nhưng có lẽ sắp có một chiến dịch chống lại Nasser. Thời gian phát động có thể là ngày 20-10-1956, và theo tôi, chiến dịch sẽ kéo dài khoảng ba tuần lễ. Tôi giải thích thêm, do phản ứng của Anh và Pháp chống lại biện pháp quốc hữu hóa kênh đào, Do Thái có thể thừa cơ mở các hoạt động quân sự phong tỏa vịnh Akaba của Ai Cập một cách thuận lợi. Để hoàn thành công tác này, ta phải chiếm bán đảo Sinai. Chúng ta cũng phải chuẩn bị đối phó với những quốc gia Ả Rập khác có thể tham chiến, có nghĩa là chúng ta phải giữ vững mặt Jordan và Syria. Trong giai đoạn hiện tại, ta chưa cần động viên, nhưng phải sẵn sàng động viên quân trừ bị. Để đánh lạc hướng, chúng ta nên giải thích rằng sở dĩ có các cuộc chuẩn bị như vậy, là vì quân Irak có thể tiến vào Jordan, và sự di chuyển đó bắt buộc Do Thái phải chiếm tây ngân sông Jordan.

Tôi ra lệnh gọi tất cả sĩ quan đang du học về nước. Tham dự trực tiếp chiến dịch giúp họ học hỏi và thu thập được nhiều kinh nghiệm hơn là miệt mài

trong bất cứ trường quân sự nào. Hơn nữa, họ đều là đồng đội của chúng tôi. Không ai có thể tha thứ cho chúng tôi được, nếu có cuộc chiến đấu ở đây mà chúng tôi lại để họ ngồi yên trong những trường tham mưu ở Pháp, ở Anh — Do tình nguyện trở nên sĩ quan quân đội Do Thái đầu phải lý do đó ?

Nguồn tin chuẩn bị tham chiến của tôi làm buổi họp có phần sôi động. Ai cũng cố đè nén xúc động để tỏ ra ta đây bình tĩnh, song ta vẫn cảm thấy bầu không khí trong phòng căng thẳng. Đối với họ, dường như chiến dịch đã bắt đầu rồi.

Quanh bàn các sĩ quan cao cấp lực lượng quốc phòng Do Thái ngồi gồm có : Các tư lệnh quân khu, thiếp giáp, không quân, hải quân. Họ hầu hết đều ở lớp tuổi 30. Không những họ tương đối trẻ so với nhiệm vụ, mà còn trẻ so với tính tình của họ nữa. Trong mấy năm gần đây, sĩ quan được lựa chọn để chỉ huy đơn vị tác chiến phải là người tháo vát trong những nhiệm vụ khó khăn được trao phó, không bao giờ nói « nhưng tại vì... ». Những cấp chỉ huy trẻ tuổi này rất giàu kinh nghiệm cá nhân, nhờ họ đã từng là cấp chỉ huy nhỏ cỡ tiểu đội trưởng, trung đội trưởng rồi mới leo dần lên đến địa vị tư lệnh lữ đoàn, sư đoàn, do đó, họ biết rõ khi chiến đấu thì phải làm như thế nào. Họ thấu hiểu ngay tinh thần lệnh báo động sơ khởi của tôi. Không những họ không ngại nhiệm vụ đó, mà còn hoan nghênh là khác. Hoạt động khủng bố và những phản ứng trả đũa của chúng tôi trong mấy năm gần đây lên cao, làm họ bị bức dọc.

Còn gì đáng buồn hơn là những hoạt động của họ phải trả bằng xương máu, mà vẫn không giải quyết được việc gì cả.

Rút cục, tối nay, họ đã nhận được lệnh báo động cho một chiến dịch dứt khoát, mục đích để đẩy quân Ai Cập khỏi El Arish ở phía Bắc, và Sharm e Sheikh ở phía Nam. Chiến dịch đó thành công sẽ giúp cho tàu bè được tự do ra vào hải cảng Eliat, và nhổ bứt các căn cứ quân sự và quân khủng bố khỏi giải Gaza cùng bán đảo Sinai.

Sau phần thuyết trình của tôi, có mấy người nêu câu hỏi, phần lớn liên quan đến kỹ thuật tổng động viên, viễn tượng một cuộc tăng cường nhân lực và các cơ phận thay thế, vấn đề phân phối đạn dược từ các kho khẩn cấp ra các đơn vị. Cũng có một câu hỏi ra ngoài vấn đề kỹ thuật. Chuẩn tướng Y. hỏi liệu chi nguyện quân Nga Xô hay của các nước thuộc khối đó có thể được đưa đến giúp Ai Cập không ?

Đó cũng là một thắc mắc của chính tôi, nhưng cho tới nay, chúng tôi vẫn gạt giả thuyết đó ra ngoài khuôn khổ các cuộc kiểm điểm tình hình chính trị và chiến lược. Song thắc mắc đó nêu trong buổi họp hôm nay rất là thích đáng. Quân đội chúng tôi đã chiến đấu và đặt kế hoạch chiến đấu chống quân Ả Rập, và các cấp chỉ huy đều tin chắc sẽ nắm phần thắng, dù địch đông hơn, nhiều chiến cụ hơn, nhờ quân đội Do Thái tinh nhuệ hơn. Nhưng nếu chúng tôi phải chạm trán với quân đội Ba Lan, Tiệp Khắc, hay Nga Xô thì sao ? Tôi lập luận rằng :

1— Chiến dịch càng ngắn hạn, quân chí nguyện càng ít hy vọng đến được.

2— Nếu họ vẫn đến, chắc chỉ có người Tiệp Khắc, Ba Lan, không có Nga Xô.

3— Chí nguyện quân có lẽ không phải là các đơn vị bộ binh, hay chiến xa, mà là các phi công, như vậy, ta chỉ gặp họ trên không. Gặp họ, có lẽ không dễ chịu như gặp phi công Ai Cập, nhưng dù Ba Lan, hay Tiệp Khắc đi chăng nữa, cũng đã có gì đáng sợ !.

Buổi họp chấm dứt. Lúc gần tan, các hội thảo viên đã ra hiệu cho các sĩ quan tham mưu của họ chuẩn bị sẵn, và bây giờ, họ phóng vọi về bộ chỉ huy riêng của họ. Các bánh xe bắt đầu quay.

Từ đây đến 20, chúng tôi còn 17 ngày, không phải là nhiều để làm tất cả mọi chuẩn bị cần thiết, nhất là để bảo mật, chúng tôi không thể động vến quân trừ bị ngay được. Kể ra cũng không có gì đáng tiếc. Nếu việc chuẩn bị không được hoàn hảo, vì quá vội vàng, chúng tôi lại được một lợi điểm quan trọng khác là yếu tố bất ngờ. Nếu là kế hoạch chiếm Sinai của chúng tôi che được mắt người Ai Cập cho đến ngày bắt đầu trận đánh, thì đó là một thắng lợi quân sự vĩ đại. Tôi hiểu rõ sự liều lĩnh của mình, khi hoãn ngày tổng động viên đến cách ngày N độ 4 hay 5 ngày — Như vậy là đầy những thương dân vừa rời đồng áng, công xưởng hay văn phòng ra mặt trận, gần như hoàn toàn chưa được chuẩn bị gì cả. Tôi biết rõ nỗi khó khăn của họ trong tình trạng ấy, nhưng không thể làm khác được.

Ngày 3 tháng Mười 1956

Họp các nhân viên trong bộ Tổng tham mưu tại phòng tôi. Trước hết là vấn đề vật liệu. Ở điểm này không có sự bất đồng ý kiến quan trọng nào. Có lẽ chúng tôi sắp nhận được đồ trang bị cho bộ binh và thiết giáp, dù nhu cầu không được thỏa mãn hết. Nguồn tin từ Ba Lê cho biết đã có sự chấp thuận cho gửi đi 200 bánh xích xa, 100 chiến xa siêu Sherman, 20 xe chở chiến xa, và 300 chiếc xe 6 x 6 (1).

Phần thứ hai bàn về các cuộc hành quân trong chiến dịch. Phần này không được thỏa hợp lắm. Chúng tôi bắt đầu với kế hoạch điều động không quân. Trách nhiệm của không quân rất là nặng nề, phải tận dụng khả năng của họ, và nếu trong lúc khởi đầu, không thành công trong việc bắt thần tấn công và phá hủy các phi cơ Ai Cập ngay lúc chúng còn đậu tại phi trường, thì kế hoạch coi như thất bại.

Tiếp theo, chúng tôi kiểm điểm lực lượng lục quân, gồm bộ binh, thiết giáp và nhảy dù, và tôi nhấn mạnh rằng sự nhanh chóng là yếu tố quyết định. Chúng tôi phải chấm dứt chiến dịch trong thời gian thật ngắn. Càng kéo dài, càng gặp nhiều rắc rối về chính trị, như áp lực của Mỹ, việc chi nguyện quân đến giáp Ai Cập, hay những việc tương tự. Chiến dịch

(1) Xe có 6 đùm, tất cả đều được phát động, (3 cầu, 2 sau, 1 trước).

không được lâu quá hai tuần lễ, và trong thời hạn đó, phải làm sao chiếm trọn bán đảo Sinai.

Không phải chỉ yếu tố chính trị thúc đẩy chúng tôi phải hành động cấp tốc. Trên phương diện quân sự, nhanh chóng cũng là một yếu tố quan trọng nhất, giúp chúng tôi khai thác hết ưu điểm của mình đối với quân đội Ai Cập. Tôi không đề cập đến ưu thế giữa từng người một, như phi công so với phi công, nhân viên xa đội (thiết giáp) so với nhân viên xa đội; mà muốn nói đến cách vận động, điều hành cùng cách tổ chức hành quân của toàn thể quân đội, của cả một liên lũy đoàn, một lũy đoàn, một tiểu đoàn so với một tổ chức tương tự của Ai Cập. Tôi có thể nói người Ai Cập có một quan niệm điều quân cứng nhắc, bộ chỉ huy bao giờ cũng đặt ở phía sau, xa tiền tuyến. Mọi biến chuyển của các đơn vị thuộc hạ như tổ chức một kháng tuyến mới, chuyển mục tiêu tấn công, hay mọi cuộc di chuyển ngoài kế hoạch ấn định, đều mất rất nhiều thì giờ. Thì giờ để suy nghĩ, thì giờ để nhận báo cáo qua các hệ thống chỉ huy, thì giờ xin phép bộ chỉ huy cao hơn để bảo đảm an toàn cho quyết định ấy, thì giờ để ra lệnh, và để lệnh đó được thông suốt từ hậu tuyến ra tiền tuyến.

Trái lại, chúng tôi hoạt động mềm dẻo hơn, và ít tuân theo các quy luật quân sự thông thường. Các cuộc hành quân của chúng tôi đặt căn bản trên các đơn vị không tùy thuộc lẫn nhau. Chỉ huy trưởng các đơn vị ấy nhận, ban các lệnh cần thiết tại chỗ, và ở chung với lính tác chiến của họ.

Ưu điểm này, nếu khai thác được, chúng tôi có thể nghiền nát được quân đội Ai Cập, sau khi vừa chọc thủng một lỗ hổng đầu tiên trên trận tuyến địch, trước khi quân Ai Cập kịp điều động để thay đổi trận thế. Theo cách đó, chúng tôi sẽ thực hiện chiến dịch làm cho địch không có thì giờ tổ chức lại, sau cuộc xung phong, và như vậy, sẽ không được nghỉ ngơi trong suốt trận đánh. Đó là điều căn bản trong kế hoạch của chúng tôi. Chúng tôi sẽ tổ chức một lực lượng riêng rẽ cho mỗi mục tiêu, và trận đánh sẽ kéo dài, nhưng duy nhất, cứ vừa đánh, vừa đuổi, cho đến bao giờ lực lượng đó chiếm được mục tiêu mới thôi.

Tôi cũng biết, không phải trận nào cũng áp dụng cách đánh này được. Nhưng hiện tại, mục tiêu là bán đảo Sinai, và địch thủ là quân đội Ai Cập, đem phương pháp này ra sử dụng thật là thích hợp. Nó cũng hợp với đặc tính của quân đội và sĩ quan của chúng tôi. Với một đơn vị trưởng Do Thái, tôi có thể chỉ lên kênh Suez trên bản đồ và nói : « Đây là mục tiêu và trục tiến quân của các anh. Trong trận đánh, đừng xin thêm người, vũ khí, xe cộ. Không có gì để cấp phát thêm nữa, anh chỉ việc sẵn sàng di chuyển. Anh phải đến kênh Suez trong vòng 48 giờ đồng hồ. » Tôi có thể ban những lệnh đại khái như vậy cho các đơn vị trưởng Do Thái, vì biết lúc nào họ cũng sẵn sàng đảm đương, và có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ như vậy.

Tôi giải thích thêm rằng, chúng ta có thể mở đầu chiến dịch bằng một cuộc nhảy dù xuống vùng phụ

cần các mục tiêu cuối cùng, để cản đường tiếp viện của quân Ai Cập, và chiếm các yếu điểm chiến thuật. Quân nhảy dù phải bám chặt các địa điểm ấn định cho đến khi lực lượng chính đến bắt tay với họ. Theo tôi dự tính, thời gian không quá 48 giờ.

Mấy người được dự trù có thể thay thế tôi, có mặt trong buổi họp này nói rằng vấn đề khó khăn không phải là ý định của kế hoạch, mà là khả năng hoàn thành kế hoạch, và chúng ta phải xét xem chúng ta có thể làm được những gì, nhất là các vấn đề tiếp vận. Họ cho rằng quá tham lam, không có khoản nào dự trù cho những trục trặc có thể gặp. Cuộc họp chấm dứt với cảm tưởng là kế hoạch chưa chín mùi để ban hành cho các đơn vị. Chính tôi cũng không bằng lòng kế hoạch này, vì có vẻ quá thiên về các cuộc tấn công tiền diện, và tiến cấp đoạn. Phòng hành quân đã ấn định điểm thả dù là các yếu điểm trên trục lộ bắc — Nay cần phải đổi lại là vào giờ H, sẽ cho một đơn vị nhảy dù lớn nhảy xuống gần vùng kênh Suez.

Ngày 7 tháng Mười 1956

Sáng nay, tôi gặp bộ chỉ huy quân cụ. Vị chỉ huy trưởng trình bày một lô các vấn đề kỹ thuật cần phải thanh toán trước khi hành động. Để các bánh xích xa có thể hoạt động tốt trong suốt chiến dịch, chúng tôi phải có ít nhất 500 bộ xích dự trữ, ngoài số 100 bộ vừa cập bến, và 70 bộ nội hỏa. Chỉ xe xích mới

vượt qua các đụn cát; sa mạc được, và tại nhiều khu vực, sự di chuyển của chúng tôi hoàn toàn tùy thuộc vào loại xe này. Xe jeep Willys còn ừ động rất nhiều trong xưởng vì hư động cơ, hoặc thiếu cơ phận thay thế. Hãng Kaiser Fraser sở tại phụ trách việc ráp xe này đã gặp nhiều trở ngại, và còn đang chờ các chuyên viên kinh nghiệm từ Hoa Kỳ sang.

Lại đến chiến xa. Để đặt pháo tháp và gắn súng mới lên chiến xa Sherman, có lẽ chúng tôi phải sản xuất của chiến xa Mack 3 cũ, nhưng nếu vậy, số xe tham chiến sẽ ít hơn. Xe thiết giáp hạng nhẹ kiểu AMX của Pháp có bình lọc dầu không đáp ứng nổi với cát bụi của vùng Negev, và chúng tôi phải thay bằng một bình lọc thích hợp với sa mạc hơn.

Về súng trường cũng gặp khó khăn. Các chuyên viên đã bay sang xưởng F.N. bên Bỉ, thấy súng do xưởng này chế tạo không đúng với các tiêu chuẩn kỹ thuật của chúng tôi, nên không chịu nhận. Việc này không gây khó khăn nào cho hãng F.N. cả, vì họ vừa nhận được một đơn đặt hàng cũng loại súng này của Syria!

Trang bị của nhảy dù cũng không tương xứng với nhiệm vụ nặng nề sẽ trao cho họ tại Sinai. Cần phải cấp thêm cho họ ròng rọc, dây dù, túi nhảy.

Về súng trường, chúng tôi quyết định là vị chỉ huy trưởng phải đích thân bay sang Bỉ để dàn xếp với hãng F.N. để lấy số súng đó. Về các cơ phận thay thế cho chiến xa Sherman, Shimon Peres đã hứa sẽ lo chở về bằng máy bay. Phí tổn chuyên chở bằng

máy bay rất tốn kém, nhưng không còn cách nào hơn. Về trang vụ nhảy dù, chúng tôi sẽ cố mượn thêm của Pháp, như vậy phải bỏ ra mất 30.000 đồng IL (tiền Do Thái, 3,5 IL bằng 1 US dollar) trong tổng số 250 000đ IL đã xin được để đặt chế các món hàng tại nội địa. Vậy là chúng tôi lại thiếu tiền. Tôi cũng ra lệnh cho bộ tham mưu nghiên cứu xem có thể dùng các rạp chiếu bóng trong các doanh trại làm kho quân cụ khẩn cấp được không. Chúng tôi không đủ thời gian, và cũng không đủ tiền để cất thêm kho. Phải làm sao tận dụng những ngôi nhà hiện có. Chúng tôi cũng quyết định rằng từ nam Beersheba, đạn được sẽ chất ngoài trời.

Trong buổi họp bộ tổng tham mưu chiều nay, chúng tôi bàn về vấn đề động viên quân trừ bị. Chúng tôi hẳn khoan mãi giữa ý định hoãn cuộc trưng binh đến phút chót, tới lúc chiến dịch sắp mở màn, với nhu cầu của các đơn vị cũng phải có đủ thời gian để tổ chức nội bộ, bảo trì xe cộ, mở các hoạt động tuần tiễu, và hoàn tất hàng trăm việc trước giờ xuất trận. Họ đề nghị với tôi thời biểu sau đây: Những đơn vị được chỉ định chống lại cuộc tấn công có thể xảy ra trên trận tuyến Jordan và Syria phải được động viên vào ngày N và N+1. Quân trừ bị của bộ Tổng tham mưu động viên cùng ngày trên. Khuyến cáo này dựa trên giả thuyết rằng dù Jordan và Syria muốn giúp Ai Cập tấn công chúng tôi chăng nữa, cũng phải mất một thời gian để chuẩn bị. Các đơn vị dự trừ để chiếm giải Gaza sẽ gọi vào ngày N—4; tất cả các đơn vị thiết giáp gọi

vào ngày N—8; Các đơn vị phụ trách các trục phía nam cho đến Sharm e Sheikh và Nakhl động viên vào ngày N—7.

Tôi không chấp nhận đề nghị này. Một cuộc tổng động viên trước ngày chiến dịch phát khởi tới một tuần lễ sẽ làm mất yếu tố bất ngờ. Cuối cùng, chúng tôi quyết định chỉ triệu tập sĩ quan trước ngày N vài ngày. Các đơn vị thiết giáp có thể động viên vào ngày N—3; các đơn vị khác vào ngày N—2.

Tối qua, tôi vừa nhận một bức thư của thủ tướng kiêm bộ trưởng quốc phòng. Trong thư, ông Ben Gurion nghĩ rằng hiện tại, ta không nên trả đũa vụ máy công nhân vừa bị hạ sát tại S'dom (Ngày 4-10, 1 chiếc xe vận tải chở công nhân đến nhà máy pô-tát tại S'dom, lọt ổ phục kích; có 5 người bị chết. Quân phục kích chạy qua Jordan). Ông Ben Gurion cho rằng vụ trên là một lý do quan trọng đặc biệt để giữ địa vị nguyên cáo trước công luận thế giới, chứ không còn là bị cáo và chúng tôi sẽ cố gắng làm cho ông Eden, và ông Hammarskjöld không còn dễ tài gây khó dễ cho chúng tôi nữa.

Ngày 8 tháng Mười 1956

Sáng nay, tôi gặp nhóm soạn thảo các lệnh hành quân cho chiến dịch Sinai. Các cuộc hành quân đều mang tên 'Kadesh.' và kế hoạch hành quân thứ nhất là 'Kadesh 1' (xem phụ bản 1) (Kadesh là một địa

danh trong thánh kinh ; dân Do thái trong cuộc viễn hành qua miền hoang vu để đến vùng đất hứa, đã dừng bước khá lâu tại đây, có lẽ để tổ chức lại nội bộ, trước khi đương đầu với địch.) Khi đọc lệnh xong, tôi trả lời các câu hỏi, và giải thích mấy điểm cần nghiên cứu kỹ lưỡng. Sau cùng, tôi cho các chỉ thị căn bản của chiến dịch như sau :

« Nhiệm vụ của chúng ta là đánh gục lực lượng địch, và chiếm trọn bán đảo Sinai càng nhanh càng tốt. Chúng ta cố thu thật nhiều vũ khí và trang cụ làm chiến lợi phẩm, nhưng đừng đánh giết địch nhiều quá, không có lợi gì. Bị tổn thất hàng ngàn nhân mạng đi chẳng nữa, địch vẫn bổ sung được một cách nhanh chóng và dễ dàng. Nhân lực không phải là một vấn đề nan giải đối với Nasser hay những lãnh tụ khác của khối Ả Rập, và ưu thế của chúng ta đối với quân Ả Rập không phải là ưu thế về số lượng.

Các đơn vị ta phải nắm vững mục tiêu và tiếp tục cho đến bao giờ tới đích mới thôi. Như vậy họ phải tự lo liệu, mang theo tất cả mọi vật dụng cần thiết để có thể đi đến mục tiêu cuối cùng, đừng trông chờ ở những nguồn tiếp liệu khác. Một khi đường đã mở được, họ phải tiến mạnh về phía trước, không nên dừng lại thanh toán các vị trí cô lập của địch ở dọc đường. Không nên sợ các đơn vị Ai Cập đó phản công hay chặn đường tiếp tế. Trường hợp này, nếu là quân đội Âu Châu, chắc họ sẽ làm như vậy, nhưng quân đội Ai Cập không thể hành động như vậy được !

Để làm nổi bật ý định đó, tôi xếp các lệnh hành

quân theo thứ tự ưu tiên như sau :

Thoạt tiên, quân nhảy dù nhảy, hay được không vận xuống; thứ hai, tiến sâu bằng cách tránh né các vị trí địch ; thứ ba, chọc thủng phòng tuyến địch. Bảng thứ tự ưu tiên này cho thấy, nếu có thể được, nên thả quân nhảy dù xuống chiếm các mục tiêu sâu trong lãnh thổ địch ngay, hơn là bắt họ phải vất vả bắt đầu đi từ biên giới Do Thái, tiến từng chặng một, sau các trận đánh trực diện tại mỗi vị trí Ai Cập, trên đường đến kênh Suez. Bộ binh và thiết giáp cũng theo cách đó, làm thế nào để tránh các vị trí địch, bỏ chúng lại phía sau, và cứ thế tiến cho nhanh. Họ chỉ phải xung phong chọc thủng vị trí khi không còn lối tránh nào, hay ở vào giai đoạn sau của chiến dịch, khi mà các đồn đó đã bị cô lập, không còn liên lạc được với các căn cứ ở Ai Cập nữa.

Để phù hợp với cuộc tiến quân này, tôi lưu ý rằng nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta là chiếm các cao địa quanh vùng kênh Suez. Đó là những mục tiêu cuối cùng trên chặng đường tây tiến. Nhiệm vụ này dĩ nhiên chỉ có nhảy dù mới đảm trách được. Rồi chúng ta phải đến El Arish ; sau đó là Abu Ageila và Sharm e Sheikh. Tới giai đoạn chót của chiến dịch, ta mới tiến đến Gaza, tỉnh này nằm sát ngay biên giới Do Thái.

Theo kế hoạch này, quân nhảy dù sẽ phải thi hành hai cuộc hành quân trong một thời gian rất ngắn: nhảy xuống gần kênh Suez để chiếm mục tiêu ấn định ; rồi sau đó, lúc bộ binh đến nơi, họ lại phải tổ chức một cuộc nhảy dù khác xuống sau trận tuyến địch, trên

đường đi Sharme Sheikh ; mục tiêu xa nhất về phương diện địa lý, và cũng là quan trọng nhất của chiến dịch. Việc chiếm Sharme Sheikh sẽ đánh dấu sự kiểm soát trọn vẹn bán đảo Sinai của chúng tôi.

Tôi cũng nói rõ là các cuộc hành quân này không tùy thuộc lẫn nhau, nên nếu chẳng may có cánh quân nào bị sa lầy, cũng không gây trở ngại cho cuộc tiến quân của các cánh còn lại.

Ngày 9 tháng Mười 1956

Buổi họp sáng nay để cắt đặt các sĩ quan. Có mấy vị sĩ quan lỗi lạc hiện đang ngồi tại bộ tổng tham mưu, và cục quân huấn, hay đang được nghỉ phép để tông học. Tôi thấy họ cần phải được tham gia chiến dịch Sinai, và một vài vị cần được chỉ định làm đơn vị trưởng thay thế một số đơn vị trưởng hiện đang tại chức mới hợp lý. Tôi biết việc này không phải dễ. Lý do thứ nhất, đơn vị trưởng bị thay thế sẽ rất lầy lăm chưa xót vì bị thay thế giữa lúc gần kề chiến dịch ; một lý do khác là mọi thay đổi đều tạo nên một lỗ trống cho bộ tổng tham mưu, hay cục quân huấn, nhưng cũng phải làm. Nếu trong một cuộc chiến tranh lâu dài, có lẽ chúng tôi phải quyết định khác ; song chiến dịch này chỉ xảy ra trong vòng vài tuần lễ thì tập trung mọi nỗ lực vào phạm vi chiến đấu là hợp lý, dù một vài lãnh vực có bị yếu kém chút đỉnh trong thời gian hành quân cũng không sao. Phải

hy sinh cảm tình cá nhân để đổi lấy các tiêu chuẩn quyết định sự chiến thắng. Trong kế hoạch Kadesh, vai trò người đơn vị trưởng ngoài chiến địa rất là quan trọng. Họ chính là người phải ban hành các quyết định sinh tử giữa trận địa. Khả năng chỉ huy của họ sẽ ảnh hưởng lớn lao đến sự thành bại của chiến dịch.

Tôi mong rằng việc bổ nhiệm khẩn cấp này sẽ được các sĩ quan liên hệ thông cảm và chấp nhận trong tinh thần xây dựng. Dù sao, sau khi ký lệnh bổ nhiệm này, tôi cảm thấy chúng tôi đã chọn những người Do Thái ưu tú nhất cho chiến dịch.

Trưa nay, bộ tư lệnh quân khu nam xin phép được mở các cuộc tuần tiễu quanh vùng Rafah để khảo sát khả năng di chuyển của các chiến xa qua vùng nhiều đụn cát. Tôi sợ những cuộc tuần tiễu như vậy bị địch ghi nhận, làm họ chú ý và nghi ngờ. Vì vậy, tôi chỉ chấp thuận cho đi một toán, nhưng phải di chuyển dưới các suối mùa (1), đồng thời, không được cho quá 2 người đi bộ lên các đụn cát — mấy người này phải đi dép Beduin (2) chế tạo tại Hebron (3) để dấu chân của họ không khác dấu chân của bọn buôn lậu Ả Rập thông thường.

1) Wadi : Suối ở vùng Trung Đông, chỉ có nước về mùa mưa, mùa nắng khô.

2) Dép của dân du mục Ả Rập, sông ở miền Syria, Arabia, và Bắc Phi.

3) Một thành phố ở nam Palestine.

Sa-Đéc, March 28, 2015

CHƯƠNG BA

KALKILIAH

Ngày 12 tháng Mười 1956

TỐI QUA (ĐÊM 10, RẠNG 11-10), CHÚNG TÔI MỞ một cuộc tấn công trả đũa vào Jordan. Mục tiêu là đồn cảnh sát ở phía bắc thị trấn Kalkiliah. Mức độ cuộc trả đũa này lớn hơn hết từ trước tới nay, và chúng tôi thiệt hại nặng : 18 chết, trong số đó có 8 sĩ quan, trên 50 bị thương, trong số đó có 14 sĩ quan. Tồn thất địch khoảng 100 tên bị giết.

Sau đợt giết tróc tháng trước, và cuộc trả đũa của chúng tôi vào đồn cảnh sát Husan ngày 25-9-1956, chúng tôi cố tránh các hoạt động quân sự, và hy vọng giữ tình trạng này cho đến lúc hội đồng bảo an họp

xong — Khi đó, Anh và Pháp cũng đã quyết định về cuộc hành quân chống Ai Cập xong.

Nhưng chúng tôi không thể làm ngơ với vụ khiêu khích quá lộ liễu vào ngày 9-10-1956, ba ngày trước đây. Hai nông dân đang làm cho một đồn điền cam gần Tel Mond, bị giết giữa ban ngày. Nạn nhân bị bắn và cắt mất tai. Bọn khủng bố mang về để làm bằng chứng rằng chúng đã thi hành xong công tác.

Thung lũng Sharon là con đường từ Jordan qua Do Thái dễ nhất. Thị trấn Kalkilah của Jordan nằm sát biên giới, cách đường hỏa xa và xa lộ chính Haifa — Tel Aviv không tới 6,5 dặm. Nếu các làng biên giới của Jordan đều biến thành căn cứ của bọn bắn trộm, thì chúng tôi không thể cản sự xâm nhập đó bằng các biện pháp kỹ thuật, hay tăng cường canh gác được, và lúc đó, bọn khủng bố có thể quấy rối vùng đông dân cư và dễ bị xâm nhập nhất của chúng tôi là Tel Aviv. Lần này, quân khủng bố đã xâm phạm vào trái tim của Do Thái, và chúng tôi đã có lý do chính đáng để hành động.

Trong quá khứ, mỗi khi chúng tôi yêu cầu chính phủ Jordan không cho bọn khủng bố đặt căn cứ trên lãnh thổ của họ, họ đều trả lời qua các đại diện Anh, Mỹ, hoặc LHQ rằng họ vẫn cố gắng, nhưng không đủ sức kiểm soát bọn xâm nhập được.

Sau vụ ba người Do Thái theo Hồi giáo bị thảm sát tại Ein Ofarin tháng trước (12-9-1956), chúng tôi có chuyện đến vua Hussein những tin tức về căn cước của bọn sát nhân. Dù biết trước họ sẽ không áp dụng

đủ biện pháp cần thiết, chúng tôi vẫn hy vọng giới chức cao cấp của chính quyền Jordan sẽ không bao bọc bọn sát nhân, và ra lệnh xử tội chúng. Nhưng chúng tôi đã gặp một sự thực trái ngược hẳn. Ngay khi nhận được điệp văn, quốc vương liền ra lệnh thả bọn sát nhân, lúc đó vừa bị cảnh sát Jordan bắt vì tội buôn lậu, và biết thêm rằng không phải bọn này chỉ giết ba người Do Thái tại Ein Ofarim, mà còn là thủ phạm giết cả năm công nhân tại S'dom hôm 4-10 nữa.

Thái độ che chở bọn khủng bố của vua Hussein làm tình hình thêm trầm trọng. Chắc họ lầm tưởng sự nhẫn nhịn của chúng tôi là dấu hiệu yếu kém, và nếu chúng tôi tiếp tục đường lối này, thế nào bọn khủng bố cũng sẽ hoạt động mạnh hơn. Chúng tôi đành phải chọn một phản ứng cứng rắn để các nhà lãnh đạo Jordan thấy rõ hậu quả nghiêm trọng như thế nào, nếu họ vẫn khăng khăng theo đuổi chính sách đó.

Hoạt động quân sự bắt đầu lúc chập tối ngày 10. Vài giờ trước, ông Ben Gurion gửi tuyên ngôn sau đây cho báo chí và tướng E.L. Burns :

« Ngày 12-9-1956, như quý vị đã biết, một nhóm người Jordan có vũ trang đã hạ sát ba người Do Thái theo Hồi Giáo tại Ein Ofarim. Lúc đó, chúng tôi được thông báo rằng bọn sát nhân đã bị cảnh sát Jordan bắt tại Kafr Dahel. Những kẻ bị bắt đã thú nhận có giết mấy người Do Thái trên, và trong số đồ đạc chúng mang theo, có cả đồ đạc của nạn nhân mà chúng đã đoạt được. Mấy ngày trước đây, quốc vương

Hussein đã đích thân ra lệnh thả bốn sát nhân mà không xét xử, hay có một hình phạt nào giành cho bốn chúng cả. Lệnh trên của quốc vương là một hành động trực tiếp khuyến khích sự tiếp tục các hành vi sát nhân. Chúng tôi cho rằng cần phải vạch rõ sự nghiêm trọng của vụ này, nhất là từ lúc đó, bọn xâm nhập có võ trang đã gia tăng ».

Chúng tôi chọn mục tiêu là đồn cảnh sát Kalkilah, vì đồn này ở sát ngay một tỉnh lỵ đông đúc, dân cư lên tới 20.000 người ; tiêu hủy được đồn này sẽ gây tiếng vang lớn. Nhưng quá gần tỉnh lỵ như vậy cũng tạo cho chúng tôi những khó khăn riêng, khiến chúng tôi phải hành động thận trọng hơn. Để tránh đụng chạm đến dân chúng, các đơn vị đều bị cấm không được vào thành phố, dù chỉ đi qua để đến mục tiêu. Ngoài ra, sợ có gia đình nhân viên cảnh sát ở trong đồn, cho nên trước khi giật mìn phá sập, các đơn vị phải lục soát và đưa tất cả thường dân ra khỏi đồn trước.

Cuộc hành quân này có mục đích chính trị, nên cần thực hiện ở càng gần địa điểm và thời gian xảy ra hành vi uy hiếp của người Ả Rập càng hay. Như vậy, Ả Rập, Do Thái, cũng như công luận trên toàn thế giới mới nhận rõ các cuộc hành quân của chúng tôi chỉ nhằm trả đũa sự khủng bố. Nếu chậm lại ít ngày, hành động đó không còn ý nghĩa trả đũa nữa, mà trở nên hành động khiêu khích của Do Thái. Vì vậy, khi được tin về vụ thảm sát các nông dân tại Tel Mond, tôi ra lệnh cho ban hành quân, ngay đêm ấy, phải soạn thảo kế hoạch tấn công đồn Kalkilah

và sẽ đem ra thi hành trong vòng 24 tiếng đồng hồ. 10 giờ sáng hôm sau, ngày 10-10-1956, tôi đi Jerusalem, và trình xin ông bộ trưởng quốc phòng chấp thuận kế hoạch mà tôi vừa nhận được của ban hành quân như sau :

A.— Mục Đích : Chiếm và phá hủy đồn cảnh sát Kalkilah, do quân nhảy dù phụ trách.

B.— Phương pháp :

- 1) Mục tiêu sẽ được một đèn soi sáng chiếu sáng (đặt cách đó 2 dặm).
- 2) Cuộc tấn công được một phân đội chiến xa yểm trợ.
- 3) Sau khi đơn vị yểm trợ bắn tề liệt, hai đại đội xung phong vào, và đặt mìn phá hủy đồn cảnh sát này.
- 4) Các toán án ngữ trực lộ sẽ đặt giữa Khirbet Sufin và Nebi Elias ; giữa đồn cảnh sát và tỉnh lỵ ; và con đường từ phía đông nam về tỉnh.
- 5) Một Pháo đội pháo binh đặt vị trí đối diện với Kalkilah để phản pháo, nếu vị trí bạn bị pháo kích.
- 6) Các vũ khí đạn đạo thẳng sẽ bắn vào tỉnh, nếu có súng tự động từ trong bắn ra quân bạn.
- 7) Giờ H khoảng từ 19 đến 20 giờ.

Ông Ben Gurion hỏi thêm vài chi tiết, và lưu ý tôi phải làm sao cho cuộc tấn công đồn cảnh sát không gây hư hại cho thị trấn Kalkilah, và khiến thường dân phải thiệt mạng.

Sau khi đồng ý, ông triệu tập hội đồng nội các

lúc 11 giờ và kế hoạch được chính phủ chấp thuận.

Theo giả thuyết, nếu kế hoạch sẽ được chấp thuận, tư lệnh lữ đoàn nhảy dù sẽ đến nhận các chỉ thị về cuộc hành quân lúc nửa đêm 9-10. Thời gian còn lại từ lúc ấy cho đến khi khởi sự, lữ đoàn dùng để tập hợp quân sĩ thuộc hạ ở rải rác khắp nơi trong xứ. Hai chi đoàn bán xích xa ở nam Beersheba, một đại đội nhảy dù khác ở bắc dãy Galilée. Các đơn vị trưởng được chỉ định tham gia hoạt động hợp lúc 09.00 giờ sáng. Sau đó, họ phải nghiên cứu địa thế vùng hoạt động bằng không ảnh và bản đồ, khảo sát đồn cảnh sát bằng cách quan sát đồn cảnh sát Kefar Saba của chúng tôi, vì hơi giống đồn Kalkiliah. Cả hai đồn đều do người Anh kiến tạo dưới thời bảo hộ, theo đồ án của Tegart.

Cuộc họp để ban các huấn lệnh cuối cùng triệu tập lúc 16 giờ 45, và cuộc tấn công sẽ bắt đầu lúc 21 giờ 00.

Tại bộ tổng tham mưu, tôi bị phê bình gắt gao vì định trả đũa hành động sát sát nhân của địch trong vòng có 24 tiếng đồng hồ. Thời gian đó quá ngắn không đủ cho những chuẩn bị tương xứng, và binh lính cũng như sĩ quan chưa được nghỉ ngơi trước khi ra trận. Sự kiện đó có thể khiến chúng tôi phải trả một giá đắt. Tôi lý luận rằng, rất đồng ý là sự chuẩn bị tỉ mỉ và nghỉ ngơi của binh sĩ trước khi xung chiến rất cần thiết. Nhưng những người đả kích tôi không lưu tâm đến những khía cạnh khác. Chúng ta phải nhớ rằng chiến tranh tự nó không có mục đích gì cả. Chiến tranh xảy ra cốt để đạt đến một mục tiêu chính trị,

và quân nhân chúng ta phải uốn mình theo những điều kiện mà tình hình chính trị đã giành cho ta. Nếu không, chúng ta có thể chiến thắng về quân sự, mà thất bại về chính trị. Hơn nữa nếu chúng ta không học tập cách tổ chức nhanh chóng một cuộc tấn công đồn địch sát ngay biên giới, làm sao ta có thể hành động nhanh chóng trong một chiến dịch toàn diện, vấn đề tổ chức đã khó khăn gấp bội, mà yếu tố chính trị cũng không kém phần khắt khe?

Lúc 21 giờ 50, toán tiền phong của đơn vị xung kích đã đến cách rào đồn cảnh sát độ 200 thước, trong đồn bắt đầu bắn ra. Tòa nhà được đèn chiếu soi sáng và bị đại bác 25 pounder (1) của chúng tôi bắn vào. Dù đạn nổ rất chính xác, nhưng khi xung phong, quân Jordan vẫn còn chống cự ác liệt, có lẽ vì đơn vị xin ngưng tác xạ sớm quá. Sân trước nhà là ổ phòng thủ kiên cố do một đại đội khoảng 100 quân Jordan trấn giữ, ngoài ra, còn một đại đội khác đóng trong một đồn gần đó nữa. Trận đánh xáp lá cà rất chặt vật. Bên Do Thái có 9 người chết, kể cả đại đội trưởng, đại đội phó, và 29 người bị thương, đa số nhẹ. Lúc 23 giờ 30, sau khi quét sạch toàn khu vực, tòa nhà bị giạt mìn sập. Trong giai đoạn đầu, đơn vị thứ hai có nhiệm vụ án ngữ trực lộ di chuyển đến điểm ấn định không có gì trở ngại. Họ đi sâu vào nội địa Jordan độ 6 dặm,

1) Đại bác cỡ 88 ly, do Anh chế tạo — bắn đạn nặng khoảng 25 cân Anh.

rồi phục kích hai bên con đường từ trại lính lê dương Ả Rập Khirbet Azum đến Kalkiliah. Quả nhiên ngay sau khi trận tấn công bắt đầu, 2 đại đội thuộc tiểu đoàn 9 lê dương, tiểu đoàn dân Bedouin, lên đường đi Kalkiliah trên 15 chiếc xe. Toàn phục kích của chúng tôi bắn hạ 4 chiếc đầu. Mấy chiếc còn lại quay đầu chạy trở về. Đơn vị Do Thái di chuyển lên một ngọn đồi khác, nhưng vẫn kiểm soát được con đường đó. Khoảng một giờ sau, quân lê dương Ả Rập lại theo đường đó, định đến tiếp viện cho Kalkiliah và lọt ổ phục kích lần nữa. Hai chiếc xe và một số lính Ả Rập trúng đạn, đoàn xe phải rút lui.

Lúc nửa đêm, toán án ngữ của chúng tôi nhận được lệnh trở về. Cho đến lúc đó, họ chưa bị tổn thất gì, như khi vừa bắt đầu đi về phía biên giới thì bị bắn xối xả. Toán lính lê dương không đi bằng xe được đã xuống xe, đi bọc đê phục kích sau lưng đơn vị Do Thái, vì vậy, toán án ngữ bị chặn lại trên đường về. Quân Jordan chuyển qua thế công một cách nhanh chóng, và chỉ trong một thời gian ngắn, trong số 54 người của chúng tôi, đã có 11 bị thương và 1 chết. Đại đội trưởng và đại đội phó nằm trong những người đầu tiên bị thương, sau đó đến y tá, 2 trong số 3 trung đội trưởng; như vậy, đại đội chỉ còn 2 sĩ quan không việc gì, trong số đó, có 1 trung đội trưởng.

Đại đội này rất không may, và bây giờ, ai nấy đều mệt mỏi đến độ đi hết nổi. Buổi sáng, họ đã phải đi hành rất cực nhọc trên dãy Galilée, đêm nay lại phải lặn lội 6 dặm trong đêm tối như mực, vượt qua

những đoạn đường khó khăn, trơn trượt, quần áo ướt đầm sương đêm. Bây giờ họ phải làm sao mở được một con đường máu thoát khỏi bọn lê dương Ả Rập đang xối đạn đại liên và lựu đạn vào chỗ họ. Đại đội chỉ có ba chiếc cang, do đó, họ phải cống phần lớn thương binh.

Vị sĩ quan thâm niên nhất không việc gì là một thiếu tá — ông bị xúc động mạnh. Đáp lại tất cả các câu hỏi trên máy truyền tin, ông đều trả lời «vâng, dạ». Đúng là ông đã bị khủng hoảng và không còn nắm vững được những vấn đề chúng tôi nói với ông nữa. Vị tư lệnh lữ đoàn liền gọi viên sĩ quan không bị thương còn lại, mới 21 tuổi đến máy và trao cho anh ta trách nhiệm chỉ huy đơn vị. Viên trung đội trưởng trẻ tuổi liền gom góp nhân viên còn lại, vừa bắn cầm chân địch, vừa di chuyển, kéo theo các đồng đội chết và bị thương, lên một đỉnh đồi có lợi thế hơn để tổ chức phòng thủ.

Tại bộ chỉ huy tiền cứ, chúng tôi đã biết tình hình tổng quát của đơn vị. Liên lạc vẫn tốt. Chắc chắn đơn vị này không thể tự phá vòng vây, mang theo những người chết và bị thương về đất Do Thái được. Có ba việc phải làm. Việc cần cấp nhất là làm sao giữ vững được đơn vị. Đạn được voi một cách nhanh chóng, và quân Jordan chiếm ưu thế hỏa lực rõ rệt. Việc thứ hai là cố đưa một cánh quân đến giải vây cho đơn vị đó trong lúc trời còn tối. Việc thứ ba, sẵn sàng ngay một lực lượng khá mạnh, đủ để chọc thủng vòng vây cho đơn vị đó lúc trời đã sáng, nếu cuộc đọ sức

trên thất bại.

Trong hai năm sau cùng, các đơn vị nhảy dù đã vượt biên giới nhiều lần, và chỉ một lần phải bỏ thương binh lại trên đất địch. Lần này, cả một đơn vị trên 50 người đang trong tình trạng tuyệt vọng: đạn hết, sĩ quan bị thương, lính lê dương Bedouin đang bao vây, hết đường tiến lui.

Chỉ Pháo binh mới có thể giúp họ ngay trong lúc này. Ngọn đồi đầm máu đó cách vị trí 155 ly 8,5 dặm. Vậy pháo đội này có thể yểm trợ cho họ được. Đơn vị bị bao vây có sĩ quan tiền sát đi theo. Vị chỉ huy trưởng pháo binh quân đội Do Thái suốt đêm không rời pháo đội, đích thân báo cho sĩ quan tiền sát biết ý định của ông là sẽ dùng đại bác thay đại liên, đổ trái phá xuống sườn đồi và con đường do lính lê dương Ả Rập đang giữ. Lực lượng tiếp viện phải nhiều tiếng đồng hồ nữa mới tới. Đơn vị bao vây được lệnh đào hầm trú ẩn để pháo binh có thể bắn thật sát.

Sĩ quan tiền sát cho biết, không cần sửa soạn kỹ quá như vậy. Hơn nữa đơn vị đã hết đạn, và không thể xé địch, cử động chút nào được nữa. Chỉ trong ít phút, ngọn đồi của họ được hàng rào trái phá bao bọc, những trái phá leo dần lên đến mức chỉ cách họ có 50 thước, trong khi bán kính hiệu quả của đạn nổ 155 ly là 100 thước.

Tuy pháo binh yểm trợ hữu hiệu như vậy, song chỉ giúp cho tình thế sáng sủa đôi chút, chứ không thể giải quyết dứt khoát được. Nếu không đưa lực lượng tiếp viện đến thì vẫn không hy vọng cứu thoát đơn vị

đó một đại đội nhảy dù do vị tiểu đoàn trưởng đích thân chỉ huy được cấp tốc cử đi tiếp viện. Đó là đại đội đã yểm hộ cho đơn vị đã xung phong vào đồn cảnh sát hồi tối, và họ chỉ bị tổn thất nhẹ. Bấy giờ đã 1 g 30 sáng. Hy vọng đưa đại đội này đến bắt tay được với đơn vị bị bao vây và đem họ trở về trước khi trời sáng thật là mong manh, nhưng sự giúp đỡ của đại đội này có thể giúp họ giữ vững vị trí chờ lực lượng tiếp viện khác.

Tiếp theo đại đội nói trên là hai đại đội đi trên bán xích xa. Trong những trường hợp thông thường khác thì không bao giờ tôi cho phép đi như vậy. Đoàn xe di chuyển trong đêm, trên đường nhựa là đi làm mồi cho địch, chứ không phải đi tấn công. Ở vùng đồi núi lại càng nguy hiểm hơn, vì không có chỗ xoay trở, nếu có một chiếc bị hạ, cả đoàn xe sẽ bị kẹt lại. Nhưng hiện tại, chúng tôi không làm cách nào hơn được. Chúng tôi không có một lực lượng cơ động nào khác có thể đưa đến gặp đơn vị bị bao vây trong một thời gian ngắn, và đưa cả người lành lặn bị thương trở về. Đoàn xe mở đèn sáng trưng, xả hết tốc lực trên xa lộ, phóng qua các trại quân Jordan tại Kalkiliah và Khirbet Sufin. Họ bị bắn rất khì qua các vị trí trên, nhất là tại Sufin, nhưng không bị tổn thất gì. Lúc 2 giờ 30 họ tới chỗ những người bị bao vây, nhưng đoàn xe chỉ còn 9 chiếc. Nửa còn bị kẹt trong các ngõ ngách ở Kalkiliah, không đến nơi được, (phải trở về căn cứ).

Có đoàn bán xích xa đến, áp lực của quân lê

đương bao vây yếu hấn đi. Cũng có thể vì hai chiếc Mustang và hai chiếc Harvard vị tư lệnh không quân vừa cho lên bay lượn trên khu vực hành quân khiến địch nghi ngờ có cuộc tấn công lớn của lực lượng cơ động, có không quân yểm trợ.

Lúc 3 giờ 00, đoàn xe bắt đầu di chuyển về. Những người bị thương nằm dưới sàn xe, người khác bám quanh xe, không có gì che chở. Lúc đó, đồn Lê dương Khirbet Sufin đã được tăng cường, nên khi đoàn xe trên đường về, đi qua đồn này, thì bị hỏa lực đại liên và chống chiến xa bắn ra như mưa, làm chết thêm 5 người, và bị thương thêm khoảng 20 người nữa.

Nhưng trận đánh vẫn chưa chấm dứt. Khi đoàn xe đã vượt qua vùng hỏa lực, tập trung lại trước sân đồn cảnh sát vừa bị phá hủy, mới biết thiếu một chiếc xe. Chiếc đó đã bị loại khỏi vòng chiến, và nằm lại trong một chiến hào gần Khirbet Sufin, bốn chiếc bán xích xa phải quay trở lại kéo chiếc đó về. Cuối cùng họ cũng kéo được chiếc đó lên, nhưng họ phải mở đèn pha để làm việc dưới hỏa lực ghê gớm của lính lê dương Á Rập, và chết thêm 2 người.

Tiếng súng ngưng khi trời vừa sáng. Xác hai người vừa chết trong lúc kéo xe tại Sufin bắt buộc phải bỏ lại.

Bây giờ, tất cả đã về tới bên này biên giới, và tôi có thể hủy bỏ lệnh hồi đêm về việc cho chuẩn bị một lực lượng gồm hai chi đoàn chiến xa, một tiểu đoàn bộ binh, và các chiến đấu cơ, với nhiệm vụ phá vòng vây vào lúc bình minh, nếu không đem được đơn vị

bị vây về trước lúc đó.

Từ chấp tối, tôi đã gặp vị tư lệnh hành quân tại bộ chỉ huy của ông ta đặt trên ngọn đồi trông sang đồn cảnh sát Kalkilah ; nhưng lúc xảy ra trục trặc, thì tôi đã về bộ tổng tham mưu rồi. Tin tức về tình trạng tuyệt vọng của đơn vị bị bao vây lan nhanh, và khi tôi đến văn phòng thì các vị tư lệnh và sĩ quan hành quân của họ đã tề tựu để chờ lệnh khi cần. Bây giờ tôi có thể trở lại bộ chỉ huy gặp những người vừa từ mặt trận trở về. Vị tư lệnh lữ đoàn dù cho biết một trong hai người bị chết sau cùng ở Khirbet Sufin là sĩ quan hành quân của lữ đoàn, trung úy Yirmeyahn Burdanov, tục danh là Yirmi. Chàng ta đi theo đơn vị án ngữ.

Yirmi đã giải ngũ từ lâu, nhưng anh em bạn vẫn thường rủ chàng tham gia hoạt động. Chàng là một sĩ quan nhiều kinh nghiệm, một lính công binh ưu hạng, một biệt động quân can đảm vượt bậc. Trận này, tuy không ai kêu, nhưng chàng vẫn đến. Lúc cuộc hành quân sắp khai diễn, bọn Jordan bắn lên bộ chỉ huy tiền cứ của chúng tôi ; mọi người phải nhảy xuống hầm hố tránh đạn, và tôi đụng phải người hấn. Gặp hấn, tuy bất ngờ, nhưng tôi không ngạc nhiên. Tôi biết nhiều sĩ quan nhảy dù đã rời khỏi quân đội, vẫn thường trở lại hoạt động để 'giúp đàn em một tay'. Khi đơn vị xung kích bắt đầu di chuyển, hấn lĩnh ra khỏi bộ chỉ huy và đi theo toán này. Khi biết tình trạng ngặt nghèo của đơn vị án ngữ, Yirmi trèo lên chiếc bán xích xa đi đầu và hướng dẫn đoàn xe đến chỗ họ. Trên đường

về, lúc biết có một chiếc bị kẹt ở Sufin, Yirmi ra lệnh cho tài xế chiếc xe của anh trở đầu lại, và chính anh nhảy xuống, móc dây cáp vào chiếc xe bị đạn đè kéo lên — Lúc đó, anh vẫn còn mặc thường phục. Chiếc sơ mi trắng thu hút các họng súng của lính Ả Rập, và anh bị một tràng đại liên vào bụng.

Ngày 15 tháng Mười 1956

Vụ Kalkilah tạo nên một dư luận xôn xao hơn bất cứ cuộc trả đũa vào Jordan nào khác từ trước đến giờ, và làm liên lạc ngoại giao giữa Do Thái và Anh căng thẳng đến tột độ. Việc quân đội Anh có thể giúp phe Ả Rập không còn là một viễn ảnh xa xôi nữa. Ngay đêm xảy ra trận đánh, lãnh sự Anh ở Jerusalem có thông báo cho chúng tôi biết về lời yêu cầu của Jordan. Ông cho biết, vua Hussein đã liên lạc với tướng Charles Keightley, tư lệnh quân đội hoàng gia Anh tại Trung Đông thi hành hiệp ước phòng thủ chung Anh — Jordan. Vua Hussein yêu cầu không lực Anh sẵn sàng cất cánh để yểm trợ bộ đội Jordan.

Cuộc ‘thông báo’ lúc nửa đêm này cốt để gián tiếp cảnh cáo Do Thái rằng người Anh sẵn sàng đáp ứng lời kêu gọi của Jordan. Hôm sau, ngày 12, cuộc tranh luận lan rộng hơn. Đặc sứ Anh tại Tel Aviv, ông Peter Westlake xin được hội kiến với thủ tướng. Trong cuộc gặp mặt này, ông ta cho ông Ben Gurion biết, một sư đoàn Irak sắp tiến vào Jordan, và nếu

Do Thái có phản ứng quân sự, rất có thể Anh sẽ giúp Jordan. Ông Ben Gurion trả lời rằng Do Thái phản đối việc quân Irak tiến vào Jordan, và sẽ giành quyền tự do hành động, nếu quân Irak cứ di chuyển, dù có gặp sự phản kháng của người Anh chăng nữa.

Thực ra, từ một tuần nay, tiếp theo vụ tàn sát các nhà khảo cổ tại Ramat Rachel, và cuộc tấn công đồn cảnh sát Husan đe dọa thù của chúng tôi, đặc sứ Anh đã cho tướng Burns của LHQ biết, nếu Do Thái còn trả đũa thêm lần nữa, có thể Anh buộc lòng sẽ phải thi hành hiệp ước phòng thủ chung Anh — Jordan. Chúng tôi đã nghe chuyện ấy và lập trường đó đã phản ảnh qua thái độ của người Anh hiện tại.

Nếu trận đánh kéo dài đến lúc trời sáng, không hiểu không lực hoàng gia Anh có thực sự lên nghênh chiến với máy bay Do Thái hay không, nhưng trong vòng 24 giờ, đại diện Anh đã ba lần thông báo cho chính phủ Do Thái biết, Anh sắp đem quân lực giúp Jordan. Thái độ lãnh đạm của Anh đối với Do Thái không phải mới xảy ra lần thứ nhất, nhưng lần này, cùng với kế hoạch chuyển quân của Irak, thái độ đó trở nên cứng rắn hơn.

Kế hoạch trên được thủ tướng Irak Nuri Said cho tiến hành từ một tuần nay, lúc đó ông đang viếng Luân Đôn. Trước khi rời Bát Đa, ông tuyên bố với phóng viên tạp chí Times rằng cuộc tranh chấp giữa Do Thái và khối Ả Rập có thể giải quyết trên căn bản giải pháp của LHQ năm 1947, theo đó, khối Ả Rập được nhận thêm vùng Negev và Galilee. Ngày hôm

sau, phát ngôn viên bộ ngoại giao Anh vội tuyên bố, chính phủ hoàng gia rất hoan hỉ đón nhận lời tuyên bố của ông Nuri Said, và sẵn sàng làm trung gian hòa giải giữa hai phe. Phát ngôn viên nhắc lại lời tuyên bố của thủ tướng Anh trong bài diễn văn đọc tại Guildhall ngày 9-11-1955, khuyên Do Thái nên nhượng bộ yêu sách lãnh thổ của khối Ả Rập, và các phe sẽ thỏa hiệp với nhau về biên giới mới của Do Thái, căn cứ vào biên giới hiện tại và biên giới đề nghị trong bản điều giải của LHQ tháng 11-1947.

Trong bài diễn văn Guildhall cuối năm vừa qua, ông Anthony Eden đã coi Do Thái như kẻ hiếu chiến làm chúng tôi vô cùng phẫn uất. Chính phủ Anh thừa biết rằng các nước Ả Rập không thiếu gì đất, và yêu sách lãnh thổ của họ không phải để thỏa mãn một nhu cầu cần thiết, mà cốt để gây khó dễ cho Do Thái, trong khi lãnh thổ Do Thái cũng đã quá nhỏ hẹp rồi.

Bây giờ, phát ngôn viên Anh khơi lại bài diễn văn Guildhall và môt nôi khuyến cáo của ông Eden với tuyên ngôn của ông Said, tức là đã công khai ủng hộ yêu sách đất đai của Ả Rập dưới chiêu bài 'kế hoạch Irak'. Khi tòa lãnh sự và đặc sứ Anh chuyển các điện văn đó qua, sau vụ Kalkilah, dĩ nhiên chính phủ Do Thái phải xếp vào chồng hồ sơ liên quan đến tuyên ngôn và kế hoạch của ông Said.

Ngoại trưởng Golda Meir phản ứng mãnh liệt, đáp lại điện văn của Anh, cho ra một tuyên cáo chính thức cho biết Do Thái coi việc quân đội Irak vào Jordan, trong khuôn khổ kế hoạch của ông Said, là một sự

kiện gây nguy hại đến sự sinh tồn của Do Thái, vì vậy, Do Thái sẽ chống lại cuộc chuyển quân đó. Thủ tướng Ben Gurion hôm nay cũng tuyên bố trước quốc hội rằng chính phủ Do Thái phản đối việc đưa quân đội Irak vào Jordan, dù chỉ vào đông bộ Jordan cũng vậy. Chính phủ Do Thái sẽ giành quyền tự do hành động, nếu nguyên trạng bị xâm phạm, và có quân đội ngoại quốc di chuyển vào Jordan.

Dĩ nhiên, tuyên cáo bao giờ cũng phải có đi, có lại. Hôm nay tờ Times có đăng một bài cho biết nước Anh sẽ giúp Jordan, nếu Do Thái tiếp tục các hoạt động trả đũa chống lại Jordan.

Dù ý định của Anh ra sao, Jordan cũng đã tuyên bố, không phải chỉ kêu gọi quân đội Irak đến giúp, và yêu cầu nước Anh can thiệp, Jordan còn ngăn cản, không cho xâm nhập vào Do Thái nữa bằng cách tăng cường thêm một tiểu đoàn canh gác biên giới vùng Kalkilah, và hôm qua, thủ tướng Jordan, Ibrahim el Hashem, với sự chấp thuận của quốc vương Hussein, cho phép các quận trưởng được quyền chặn bắt bất cứ người nào có hành động khuấy rối an ninh, kể cả bọn xâm nhập. Biện pháp này được ban hành, có lẽ theo khuyến cáo của tướng Fauzi Mirad, tư lệnh quân khu Kalkilah. Ông yêu cầu tăng giờ giới nghiêm, và trong giờ giới nghiêm, cấm mọi sự đi lại trong giải đất rộng 6 dặm dọc theo biên giới. Lĩnh lệ đương Ả Rập cũng được lệnh tăng cường tuần tiễu, và bắn hạ bất cứ ai toàn vượt biên giới, 'đặc biệt cấm không cho người Ả Rập xâm nhập, tạo lý do cho Do Thái tấn

công, phá hoại Jordan.

Sáng ngày 11, sau khi đơn vị tham chiến tại Kalkilah trở về căn cứ, tôi lái xe lên Jerusalem trình công tác với ông bộ trưởng quốc phòng. Vị tư lệnh lữ đoàn nhảy dù, chỉ huy cuộc hành quân này đi cùng với tôi. Ông Ben Gurion, cũng như chúng tôi, đều rất đau buồn vì tổn thất quá nặng nề. Bức điện văn của tòa lãnh sự cho biết Jordan đã yêu cầu Anh trợ lực, làm ông càng khó chịu thêm. Dù vậy, ông không thốt một lời trách cứ nào, chỉ hỏi thăm về những sự việc xảy ra: Phải chăng tổn thất của chúng ta không thể tránh được? Cả tôi lẫn vị tư lệnh lữ đoàn đều không muốn mang tỉ số tổn thất hai bên ra bào chữa. Hôm sau, ngày 12, tôi phúc trình tước ủy ban ngoại giao và ủy ban an ninh quốc hội, và bị nhiều vị công kích cũng như biện hộ cho cuộc cường tập bên kia biên giới đó. Ngày hôm kia, 14. Tôi triệu tập một buổi họp tại bộ tổng tham mưu để phê bình kiểm thảo và rút ưu khuyết điểm.

Tại đây, đa số các sĩ quan nhảy dù có tham dự trận đánh đều công kích bộ tổng tham mưu — thí dụ như tôi không chịu nghe theo ý kiến họ, đã giới hạn phạm vi hoạt động của họ, và không cho chiếm cao địa Khirbet Sufin. Bây giờ, trận đánh đã xong xuôi, nhưng tôi vẫn thấy ý kiến của họ là không xác đáng. Việc chiếm đồn Sufin không cần thiết đối với nhiệm vụ đã ấn định của họ là giết sập đồn canh sát, mà chỉ có mục đích cứu thoát đơn vị án ngữ mà thôi. Theo ý tôi, chỗ sai lầm là điểm án ngữ nằm sâu trong nội

địa Jordan quá, khiến địch có thể chặn đường rút lui của đơn vị đó tại Khirbet Sufin, hay tại bất cứ yếu điểm nào trên con đường Azun—Kalkilah. Mặt khác, cuộc tấn công thực hiện theo cách thông thường, pháo binh chưa yểm trợ đúng mức. Những cuộc hành quân, trước không thể sử dụng đèn soi sáng, hỏa lực chiến xa, cũng như đại bác. Lần này, chúng tôi được sử dụng, thì đơn vị xung kích lại xung phong quá sớm, khiến các đơn vị yểm trợ không kịp khai thác hết khả năng của mình.

Thái độ đó chính vì kỹ thuật và tinh thần tác chiến của lính nhảy dù, thường chú trọng vào sự xung phong cương quyết, liều lĩnh và hành động mau lẹ. Khi bị bắn, phản ứng tự nhiên của các cấp chỉ huy nhảy dù là cho tràn lên chiếm mục tiêu. Việc xung phong ào ạt vào chiếm mục tiêu đó không những phát xuất từ nguyên tắc quân sự và kỹ thuật tác chiến rất vững chắc, mà còn do đơn vị này đã thu thập được nhiều kinh nghiệm qua bao lần hoạt động trong hai năm vừa qua, và chàng lính nào cũng đã từng thấy những người bạn chí thân, những cấp chỉ huy của mình gục ngã. Cho nên khi ra trận, họ thấy mình không thể kém can đảm hơn những người đó — họ phải xung phong lên, không được do dự.

Lữ đoàn nhảy dù toàn là lính tình nguyện, gồm những thanh niên tru tú nhất. Thề chất cường tráng và sức chịu đựng bền bỉ của họ thường bị hướng dẫn sai lạc, khiến họ đều muốn hy sinh vô giới hạn — hy sinh cho nhiệm vụ và cho đồng đội. Do đó, dù tình

hình chiến trận ngặt nghèo đến đâu đi nữa, họ vẫn cố mang hết những người chết và bị thương về, không chịu bỏ lại đất địch. Hành động đó rất hợp lý. Nhưng sự thiện chiến cũng như lòng khinh thường nguy hiểm ấy lại không làm vừa lòng các cấp chỉ huy là muốn họ chiếm được mục tiêu với một tổn thất nhỏ nhất. Cho nên, trong câu chuyện nói với các sĩ quan đầu não của lực lượng, tôi cho rằng sự kiện không khai thác tối đa ưu thế hỏa lực pháo binh của ta trong cuộc tấn công đồn cảnh sát này, không phải chỉ là một lầm lỗi chiến thuật, mà còn chứng tỏ ta thiếu cố gắng, không chịu tận dụng triệt để hình thái dụng độ đặc biệt của từng trận đánh.

Tuy nhiên, buổi họp này không phải để bày tỏ các ý kiến dị biệt, hoặc đi sâu vào từng chi tiết, mà để cứu xét toàn bộ các hoạt động trả đũa. Tất cả đều đồng ý là phải xét lại toàn bộ vấn đề. Vụ Kalkilah không phải chỉ nghiêm trọng vì những sự kiện đã xảy ra, nhưng chính vì những sự kiện có thể xảy ra.

Chúng tôi xuất nữa đã không cứu thoát được đơn vị an ninh trong lúc trời còn tối. Nếu chúng tôi buộc lòng phải đưa một lực lượng thiết giáp có không quân yểm trợ đi cứu họ giữa ban ngày, chắc chúng tôi không tránh khỏi các cuộc đụng độ với không lực hoàng gia Anh. Đó là điều ông Ben Gurion vẫn lấy làm lo ngại, và cố tránh từ ngày lập quốc.

Nguyên nhân chính của vụ Kalkilah không phải do xuất trận sớm quá; đó là phương pháp chúng tôi vẫn thường dùng mỗi lần trả đũa địch, vì theo kinh

nghiệm đã được tiêu chuẩn hóa thì các cuộc tấn công của chúng tôi đều phải bất ngờ khiến địch không kịp trở tay. Bây giờ, người Ả Rập thấy rằng, sau mỗi vụ giết người của quyết tử quân, thế nào cũng có một căn cứ quân sự bị tấn công, do đó, các đơn vị đánh đồn cảnh sát này thấy rằng địch đã chuẩn bị và phòng thủ kỹ lưỡng.

Trong các cuộc tranh luận tuần này, tại ủy ban ngoại giao cũng như ủy ban an ninh quốc hội, với thủ tướng chính phủ kiêm bộ trưởng quốc phòng cũng như tại bộ tổng tham mưu tôi đều gặp câu hỏi 'bây giờ phải làm sao?' Tôi phát biểu ý kiến rằng chúng ta không thể duy trì tình trạng mập mờ, chiến không ra chiến, hòa chẳng ra hòa như thế này mãi. Chúng ta phải buộc các quốc gia Ả Rập láng giềng chọn một trong 2 điều kiện sau đây: ngưng các hoạt động khủng bố, hoặc gặp chúng ta trong một cuộc chiến tranh toàn diện. Chúng ta có thể thực hiện sự bắt buộc này bằng hai cách. Cách thứ nhất, chúng ta sử dụng cả thiết giáp và máy bay mở cuộc tấn công trả đũa giữa ban ngày. Như vậy, không những giảm được mức tổn thất cho ta, mà còn làm các nước Ả Rập, nhất là Ai Cập cũng như Jordan và Syria mất mặt và không thể làm ngơ được. Như vậy, cuộc tranh chấp chắc chắn sẽ rất gay go. Cách thứ hai là vượt biên giới chiếm các địa điểm then chốt của địch, rồi ra điều kiện địch phải ngưng các hoạt động khủng bố ta mới rút quân. Địa điểm này có thể là giải Gaza, nơi đặt căn cứ của quyết tử quân. Ai Cập hiện không có nước đồng minh tây

phương nào. Ta có thể chiếm các vị trí dọc theo biên giới của giải đó và tuyên bố bao lâu Ai Cập không ngăn cản được bọn khủng bố, thì chúng ta còn chiếm giữ những vị trí đó, để phòng không cho bọn quyết tử xâm nhập Do Thái.

Tại bộ Tổng tham mưu, tại các ủy ban quốc hội, cũng như trong câu chuyện với thủ tướng, chúng tôi vẫn chưa đi đến một quyết định dứt khoát cho tương lai, nhưng tất cả đều thấy rõ rằng giai đoạn trả đũa trong đêm tối đã đến lúc chấm dứt.

CHƯƠNG BỐN

TRÊN BỜ VỰC THẨM

Ngày 16 tháng Mười 1956

HÔM NAY, CHÚNG TÔI ĐƯỢC TIN CÁC ĐƠN VỊ TIỀN phong Irak đã tiến vào Jordan từ hôm 14-10-1956, tức là đã được gần 48 giờ. Nếu định phản kháng bằng quân sự, chúng tôi phải làm ngay đề sự hiện diện của họ tại Jordan không trở thành một sự đã rồi. Chúng tôi khó có thể phân chia lực lượng để đồng thời, chiến đấu trên cả hai mặt trận Jordan và Ai Cập; nhưng tôi thấy không có cách nào tránh khỏi. Những diễn biến đang diễn ra ở biên giới phía đông cũng như phía tây, đều quyết định cho vận mạng tương lai của chúng tôi, nên bắt buộc chúng tôi phải đối phó với cả

hai mặt, dù gặp phải khó khăn đến đâu chẳng nữa.

Chắc nước Anh có thể bỏ qua cho chúng tôi ở mặt trận thứ hai (Ai cập.) Song nếu có cơ hội, có khi họ còn tự tạo lấy cơ hội để chứng minh cho khối Ả Rập thấy, họ cùng quan điểm chính trị với Do Thái chẳng nữa, cũng không có nghĩa là họ yêu thích gì Do Thái, và bỏ rơi các nước Ả Rập trên tất cả các phương diện khác.

Dù chưa biết chiến dịch hành quân về phía kênh Suez có khai diễn thực sự hay không, chúng tôi cũng phải chuẩn bị chu đáo. Hôm nay, tôi viếng bộ tư lệnh quân khu nam để duyệt lại kế hoạch hành quân «Kadesh». Kế hoạch do bộ tư lệnh trên thiết lập được chấp thuận toàn bộ. Tôi chỉ cho gia tăng tính cách độc lập giữa các cánh quân để không làm trở ngại lẫn nhau. Tôi cũng giảm số xe cộ cấp cho cánh quân hoạt động trên trục lộ nam cho đến Nakhl. Nhiều xe quá chỉ làm kẹt đường và tốn kém, không ích gì — vả lại chúng tôi cũng không có đủ xe.

Ngày 21 tháng Mười 1956.

Sáng nay, tùy viên quân sự Pháp gọi điện thoại đến văn phòng tôi hỏi rõ thêm mấy chi tiết về dụng cụ đồ xăng cho máy bay mà chúng tôi đặt mua. Trước khi chấm dứt, chúng tôi có trao đổi quan điểm về việc quân Irak tiến vào Jordan. Vị tùy viên quân sự cho biết trong một cuộc nói chuyện với Pháp tại Luân

Đôn, người Anh cho biết chính Jordan cũng như ông Nuri Said cũng không hoan hỉ gì để đón tiếp quân Irak vào xứ mình. Việc này hoàn toàn do Anh khởi xướng, vì nghĩ rằng có quân Irak tại Jordan trong khi Jordan đang bầu quốc hội, sẽ làm phong trào chống Nasser tại đây mạnh thêm.

Tôi phải thú thực rằng, tôi thấy ngoài thượng đế, chỉ có người Anh mới có thể thực hiện nổi những công tác rắc rối khó khăn như vậy. Giữa lúc muốn lật đổ Nasser là kẻ thù chung của cả Anh lẫn Do Thái, họ lại khuyến khích việc đưa quân Irak vào Jordan, mặc dầu hành động này sẽ châm ngòi cho cuộc chiến tranh giữa Jordan và Do Thái, lúc đó, Anh sẽ đứng về phía Jordan để đánh lại Do Thái. Rút cục, thay vì bảo vệ địa vị cường quốc của mình ở vùng Trung Đông, và quyền lợi ở kênh Suez, họ lại nhảy vào một cuộc tranh chấp tay ba khác giữa Do Thái—Anh—Jordan, thả lỏng cho Nasser mùa gặt vườn hoang. Không ai hiểu nổi tại sao mãi đến lúc chiến dịch Sinai kết thúc, người Anh mới chấm dứt kế hoạch về Irak của họ.

Khởi hải nhất là trong khi tùy viên quân sự đang giảng giải lý do vì sao đại diện Pháp không thuyết phục được Anh từ bỏ chương trình Irak của họ, thì tôi đã biết toàn bộ kế hoạch đó đã trở thành công dã tràng. Trong cuộc bầu cử quốc hội Jordan vừa hoàn tất hôm qua, những người thân Nasser đã thắng lớn. Chính phủ Jordan thấy vậy, phải vội vàng hủy bỏ hiệp ước quân sự với Irak. Nasser đã tuyên bố sẽ rời rộng viện trợ quân sự cho Jordan. Hơn nữa, dường như

chính phủ Jordan đã thương nghị đề gia nhập bộ tư lệnh hỗn hợp Ai Cập — Syria.

Đối với Do Thái, tôi không rõ sự liên kết Jordan — Ai Cập, và việc đưa quân Irak vào Jordan, việc nào có lợi, hay đúng ra, việc nào ít hại cho Do Thái hơn; nhưng đối với người Anh, kết quả cuộc bầu cử vừa qua ở Jordan là một thất bại chưa chút-Phong trào quốc gia lên cao từ hồi đầu năm. Tư lệnh quân lê dương Ả Rập từ ngày đoàn quân này bắt đầu thành lập đến lúc bấy giờ vẫn là tướng Glubb, người Anh, bị giải nhiệm, và được lệnh phải rời Jordan trong vòng 48 giờ đồng hồ. Radi Eynab nhảy lên địa vị đó. Nhưng người Ả Rập ở Jordan cho là Eynad chưa bài Anh đúng mức, lại đưa Ali Abu Nawar lên thay, đồng thời, ý định đòi hủy bỏ hiệp ước Anh-Jordan lan rộng trong nghị viện. Chính phủ chống lại kiến nghị đó và bị quốc hội biểu quyết bất tín nhiệm ngày 25-6-1956. Vua Hussein giải tán quốc hội và tuyên bố sẽ bầu quốc hội mới vào tháng 10, hy vọng ba tháng gián đoạn đủ giúp ông dàn xếp đề cơ quan lập pháp mới sẽ có đa số chấp thuận hiệp ước trên. Bấy giờ cuộc bầu cử đã xong, lập trường quốc hội mới cũng không có gì thay đổi, chắc chắn sẽ không hậu thuẫn cho chính sách thân Anh của Nuri Said, và sẽ yêu cầu tiếp xúc mật thiết hơn với Nasser.

Chúng tôi không lo kế hoạch Irak nữa. Những người quốc gia Jordan sợ nhãn hiệu « made in Britain » phải trả giá đắt. Vậy bộ ngoại giao phải có ngay một kế hoạch khác về Trung Đông — và trên đường đi tới,

chắc gì chúng tôi lại không dùng một chương ngại vật khác.

Ngày 25 tháng Mười 1956.

Sau vô số các cuộc hội thảo trong nước, cũng như tiếp xúc với các nhân vật ngoại quốc được tiến hành từ hai tháng nay, hôm nay, chúng tôi tổng kết tình hình như sau :

1.— Thủ tướng kiêm bộ trưởng quốc phòng Ben Gurion đã chấp thuận trên nguyên tắc, chiến dịch và các mục tiêu của chiến dịch ấy.

2.— Lực lượng Do Thái bắt đầu hoạt động lúc chập tối ngày 29-10-1956, và phải chiếm trọn bán đảo Sinai nội trong một tuần lễ hay mười ngày.

3.— Chiến dịch được đặt trên giả thuyết là liên quân Anh — Pháp sẽ đánh Ai Cập.

4.— Theo các tin tức chúng tôi hiện có, quân Anh — Pháp sẽ mở cuộc hành quân vào ngày 31-10-1956. Mục đích của họ là kiểm soát khu vực kênh Suez. Để thực hiện mục đích này, họ cần thành công trong một cuộc đổ bộ hay nhảy dù, và chắc chắn phải có không quân yểm trợ.

Lúc 13g45, tôi gặp các sĩ quan cao cấp thuộc vòng hành quân. Trong buổi họp này, tôi ra các chỉ thị đề soạn thảo lệnh hành quân (phụ bản 2) thay thế lệnh hành quân « Kadesh 1 » ngày 5-10-1956. Ngoài thời biểu có ghi rõ ngày giờ bắt đầu hành động, lệnh

hành quân hôm nay cũng có vài thay đổi so với lệnh cũ. Trước hết là về các mục tiêu. Lần này, chú trọng tạo một sự đe dọa vào kênh Suez, sau đó mới thực hiện mục đích chính của chiến dịch là chiếm eo biển Tiran (Sharm e Sheikh và 2 đảo Tiran, Sanafir) và đánh bại quân Ai Cập.

Về điểm đánh bại quân Ai Cập, tôi đã trình bày với ông Ben Gurion nhiều lần. Chúng tôi không có lợi khi 'tiêu diệt quân địch' theo thông lệ chiến tranh; vậy không nên đề đồ nhiều xương máu. Do đó, tôi áp dụng công thức 'gây rối loạn hàng ngũ Ai Cập, làm cho nó tự sụp đổ'. Nói cách khác, chúng tôi sẽ chiếm các ngã đường và các đồn then chốt để kiểm soát được cả vùng và vây chặt địch.

Sự thay đổi thứ hai trong lệnh liên quan đến các giai đoạn hành quân, và thay đổi thứ ba là về sự xữ dụng không lực.

Tôi hy vọng đó là những thay đổi chót. Chỉ còn 4 ngày nữa là bắt đầu chiến dịch.

Mở đầu buổi họp, tôi thông báo những điều có thể cho biết được liên quan đến tình hình chính trị, xem đó cho phép chúng tôi điều khiển cuộc hành quân trong giới hạn nào. Tôi phải chia cuộc hành quân thành hai giai đoạn: giai đoạn trước, và giai đoạn sau cuộc tấn công của Anh và Pháp. Có thể đặt giả thuyết rằng khi cuộc tấn công này phát khởi, không lực Ai Cập sẽ không lên nghênh chiến với chúng tôi nữa. Đa số các đơn vị tại Sinai sẽ được lệnh rút về Ai Cập, tinh thần bọn còn lại sẽ xuống dốc. Do đó, chúng tôi

có thể thanh toán bọn này sau cuộc hành quân của Anh—Pháp cũng được, không cần phải làm trước.

Tôi nhấn mạnh rằng ông bộ trưởng quốc phòng ngại chúng tôi sẽ bị tổn thất nặng trong giai đoạn đầu của chiến dịch, mở trước cuộc hành quân của Anh—Pháp mà chúng tôi hy vọng sẽ có. Ông tin rằng khi chúng tôi vừa bắt đầu tấn công, không quân Ai Cập sẽ oanh tạc Tel Aviv và Haifa bằng oanh tạc cơ Ilyushin, dân chúng sẽ bị thiệt hại lớn. Tôi không đồng quan điểm với ông về điểm này. Dĩ nhiên «đi trong mưa khó tránh khỏi ướt áo», nhưng theo tôi, ta có thể tìm cách tránh đề dừng ướt đầm. Trong giai đoạn đầu, ta làm như cuộc hành quân chỉ có tính cách trả đũa, nên dù ta có đưa một bộ phận lớn đến gần kênh Suez, Ai Cập cũng khó nhận định được đó là hoạt động mở màn cho cả một chiến dịch, và sẽ không oanh tạc các mục tiêu dân sự tại Do Thái.

Đề phù hợp với ý định đó, tôi đã phải thay đổi kế hoạch ban đầu. Hoạt động đầu tiên không còn là chiếm các mục tiêu phía bắc, mà là thả một tiểu đoàn xuống chiếm các mục tiêu chế ngự con đường chính nối liền Ai Cập—Do Thái. Con đường này chạy băng ngang miền bắc bán đảo Sinai, song song với bờ biển Địa Trung Hải, gồm một đường sắt, một xa lộ trải nhựa, một phi trường và nhiều nguồn nước ngọt. Dĩ nhiên quanh vùng đó là nơi tập trung chủ lực của Ai Cập giành cho mặt trận Do Thái.

Mặt khác, đèo Mitla gần đầu nam kênh Suez, con đường đất từ đó cắt đôi sa mạc Sinai hoang vu. Đường

này chỉ có mấy đơn vị Ai Cập nhỏ trấn giữ, còn đèo hoàn toàn bỏ trống. Tôi hy vọng bộ tham mưu Ai Cập sẽ ước đoán rằng cuộc nhảy dù xuống Mitla chỉ là một cuộc đột kích. Họ nghĩ rằng một chiến dịch nhằm chiếm Sinai bắt buộc phải kiểm soát được các trục tiến quân phía bắc, những con đường đó đi qua El Arish và Bir Gafgafa. Tôi còn bảo đảm rằng cho đến ngày hôm sau, sau khi lực đoàn lưu động của chúng tôi đã chiếm xong Thamad và Nakhl, các điểm phòng thủ trên trục lộ tiến đến Mitla, bộ tư lệnh Ai Cập vẫn còn nghĩ, chúng tôi làm như vậy để tăng cường cho đơn vị bị cô lập ở Mitla, cốt để rút đơn vị này về lại Do Thái.

Thay đổi thứ ba liên quan đến việc sử dụng không quân. Chúng tôi không mở đầu chiến dịch bằng cách oanh tạc các phi trường Ai Cập, mà giới hạn hoạt động của không quân trong hai ngày đầu vào việc yểm trợ lực quân và bảo vệ không phận Do Thái. Sự thay đổi này cốt để bộ tổng tham mưu Ai Cập càng tin rằng cuộc đụng độ chỉ là một hoạt động trả đũa có giới hạn, không phải là một cuộc chiến tranh toàn diện.

Đương nhiên kế hoạch hoàn toàn căn cứ trên giả thuyết của chúng tôi có vẻ liều lĩnh. Nếu giả thuyết này lầm, và không lực Ai Cập phản ứng lại cuộc chiếm cứ đèo Mitla bằng cách oanh tạc các thành phố Do Thái, chúng tôi sẽ phải trả một giá rất đắt, vì đã bỏ lỡ mất cơ hội bất ngờ, hạ các phi cơ Ai Cập khi chúng còn nằm dưới đất.

Nhưng tôi tin rằng tình trạng trên chỉ xảy ra, nếu tình báo Ai Cập thụ lượng được tin tức về kế hoạch này. Theo tiến trình thông thường, tôi thấy bộ tổng tham mưu Ai Cập thường không có ý niệm chính xác về những sự kiện xảy ra ngay trong đêm đầu. Thực ra, họ nhận được tin do các đơn vị đang bị tấn công ở biên giới gửi về ngay, nhưng các đơn vị này vẫn báo cáo dung độ với cấp tiểu đoàn, lực đoàn Do Thái thay vì thực sự chỉ có tiểu đội, trung đội, và bộ tổng tham mưu Ai Cập thường bị báo cáo lầm lộn. Mãi sáng hôm sau, khi thấy lệnh báo động là đúng, bộ tham mưu Ai Cập mới nghiên cứu phương pháp đối phó. Chắc họ sẽ không ngần ngại tung hết lực lượng đến chặn đánh đơn vị Do Thái đã lọt vào lãnh thổ Ai Cập; nhưng tôi không tin họ hấp tấp cho máy bay oanh tạc Tel Aviv ngay.

Trong ngày đầu, các trận đánh chắc phải giới hạn trong trục Nakhl — Mitla, đó là các vị trí mà các đơn vị Do Thái phải chọc thủng để đi vào Sinai. Lúc bình minh một ngày sau đó, hy vọng quân Anh và Pháp sẽ phát động chiến dịch của họ. Nếu việc này xảy ra, chúng tôi có thể mở rộng cuộc hành quân về hai hướng: tiếp tục tiến về nam đến Sharm e Sheikh, và mở cuộc tấn công Rafah và El Arish ở phía bắc. Trường hợp có trục trặc, hoặc vì lý do nào khác khiến chiến dịch không thể tiếp tục được, chúng tôi sẽ cho rút đơn vị tại Mitla về trục Nakhl — Thamad, lúc đó đã dưới quyền kiểm soát của chúng tôi, và tuyên bố, đây chỉ là một cuộc trả đũa, và sau khi hoàn thành

công tác, các đơn vị đó rút về Do Thái.

Ngày 26 tháng Mười 1956.

Toàn thể bộ tổng tham mưu họp đêm qua. Nếu mọi diễn tiến đều phù hợp với kế hoạch, thì lần này là lần họp cuối cùng trước khi chiến dịch khai diễn.

Phòng hành quân đã ban lệnh cho từng đơn vị một trong các cuộc hội kiến cá nhân; cuộc họp khoáng đại này cốt để thuyết trình về bối cảnh chính trị và hậu quả của chiến dịch.

Đề tài cũng hơi rắc rối. Tôi không thể thông báo tất cả tin tức tôi đã biết được, và tôi không thể giải thích tất cả những điều tôi sẽ thông báo. Song tinh thần chung của buổi họp có thể gọi là tốt.

Khi giải thích mối liên hệ giữa chúng tôi và liên quân Anh—Pháp, tôi nói, nếu họ thực sự tấn công Ai Cập theo như dự đoán của chúng tôi, ta sẽ có thái độ như một chàng đi xe đạp đang lên dốc, may mắn gặp một chiếc xe cũng lên dốc đi qua, chắc chắn sẽ bám lấy xe. Chúng ta cũng bám theo xe để được kéo đi càng xa càng tốt, và chỉ rời khi đến một ngã rẽ nào đó, chúng ta không còn đi cùng đường với họ nữa. Lúc đó, chúng ta lại phải dùng đến sức mạnh của chính mình.

Hình ảnh được chiếc xe Anh—Pháp kéo đi làm ta liên tưởng đến việc chúng tôi có thể bị bánh xe ấy nghiền nát hoặc bị kéo đến nơi ngoài ý muốn của

minh. Tôi không chọn được hình ảnh nào thích hợp hơn, nhưng tất cả đều hiểu rõ tình trạng của chúng tôi.

Có người hỏi, ý định của chúng tôi là ở lại Sinai, hay sẽ rút lui sau đó? Tôi chỉ có thể trả lời rằng nhiệm vụ trước hết là hãy chiếm trọn Sinai đã, sau đó, 'nếu phải rút lui, chúng ta cũng có bàn đạp để rút lui'.

Cuối buổi họp, nhân lúc tinh thần họ đang hăng hái, tôi đề cập đến sự liên quan giữa bộ tổng tham mưu và các đơn vị tác chiến. Tôi nói, chúng ta ai cũng muốn tránh không để đơn vị tác chiến có cảm tưởng bộ tổng tham mưu muốn làm họ ngã lòng bằng cách trao cho những nhiệm vụ vượt quá khả năng, và những sĩ quan chai đá, ngồi trong những căn phòng đầy đủ tiện nghi ở Tel Aviv, không chịu cấp cho họ đủ phương tiện để chiến đấu. Đa số cấp chỉ huy đều có cảm tưởng bị phiền trách như vậy. Nhưng theo kinh nghiệm bản thân, các chỉ huy trưởng phiền trách bộ tổng tham mưu, không phải ở nhiệm vụ nặng nề quá, mà vì họ bị coi nhẹ quá. Các đơn vị phản đối không phải vì thiếu xe cộ, thiếu tiếp viện, mà vì họ không được tham dự một hoạt động nào đó. Tinh thần tốt này cần được nuôi dưỡng và phát triển thêm. Trong cuộc hành quân «Kadesh», các đơn vị sẽ được trao những nhiệm vụ khó khăn, và thế nào cũng gặp ít nhiều trở ngại. Trong trường hợp ấy, có thể có vài sĩ quan tìm cách trút tội lên đầu con vật hy sinh: «Bộ tổng tham mưu ư! Hề họ làm đâu là hỏng đấy».

Trút tội là một việc dễ dàng nhất, nhưng nếu cấp chỉ huy làm như vậy, thì làm sao đòi hỏi binh sĩ thuộc hạ nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ giao phó được.

Tôi không đưa thí dụ cụ thể nào, song mọi người đều biết vấn đề này không phải chỉ xảy ra trong phạm vi lý thuyết, nên không ai phản đối điều tôi vừa trình bày. Nếu phải đưa ra những hình ảnh rõ rệt, họ có thể thấy những hình ảnh ấy nhan nhản từ cuộc chiến tranh giành độc lập đến cuộc hành quân ở Kalkilah.

Chúng tôi sắp nhảy vào chiến dịch Sinai, sau vô số những cuộc hành quân trả đũa, nhờ vậy, quân đội đã ghi được một thành tích quan trọng nhất: Các đơn vị nhỏ đều thiện chiến, và sẵn sàng thực hiện các công tác khó khăn, nguy hiểm. Trong chiến dịch Sinai, chúng tôi sẽ khai thác tối đa thành tích đó. Nhưng tôi vẫn ngại rằng các cuộc trả đũa đều do các đơn vị nhỏ phụ trách, các sĩ quan cũng như binh sĩ đều thuộc thành phần chọn lựa, đa số là lính nhảy dù. Lần này là cuộc trắc nghiệm toàn quân. Vấn đề nghiêm trọng nhất là không hiểu chúng tôi có lầm lẫn không, khi cho rằng quân hiện dịch hay trừ bị cũng sẽ đạt mức chiếm đầu của các đơn vị chọn lọc trong các cuộc hành quân trả đũa. Tôi hy vọng họ có thể đạt được, và bí quyết đó nằm trong tay các cấp chỉ huy.

Sáng nay, tôi gặp tư lệnh không quân, và sau đó, tư lệnh hải quân. Kết thúc buổi họp, tôi ra những

chỉ thị sau đây :

Chỉ thị của tổng tham mưu trưởng về việc sử dụng không quân trong cuộc hành quân 'Kadesh' ngày 26-10-1956.

1.— Trong giai đoạn một, từ ngày N đến hết ngày N + 2, nhiệm vụ chính của không quân là phòng thủ, và hoạt động theo thái độ của không quân địch. Trong giai đoạn này, phải giới hạn các cuộc không chiến càng ít càng tốt, để tránh các hành động trả thù của Ai Cập vào các căn cứ và các địa điểm đông dân cư ở Do Thái. Vậy ba nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên sau đây có thể trở nên cần thiết :

(a) Bao vùng và yểm trợ cho lực quân tại Sinai, trong trường hợp địch giới hạn hoạt động không quân của họ trên vùng chiến địa.

(b) Sẵn sàng bảo vệ không phận Do Thái và đẩy mạnh hoạt động của hệ thống phòng không.

(c) Tấn công không lực và các phi trường Ai Cập, nếu địch nới rộng phạm vi hoạt động, tấn công các mục tiêu trong lãnh thổ Do Thái.

2.—Giai đoạn hai, từ ngày N+2 trở đi, không quân tập trung vào các nỗ lực sau :

(a) Yểm trợ lực quân.

(b) Ngăn chặn địch.

(c) Bảo vệ không phận Do Thái.

(d) Sẵn sàng tấn công nước Ả Rập khác có thể tham chiến.

3.— Trọng suốt thời gian chiến đấu, kể từ giờ H trở đi, không quân đóng một vai trò quan trọng trong

việc chuyển vận, thả quân nhảy dù hay không vận, thả đồ tiếp tế cho các đơn vị cô lập, đảm nhiệm các công tác tiếp tế và tản thương khác.

Chỉ thị của tổng tham mưu trưởng về việc sử dụng hải quân trong cuộc hành quân «Kadesh» ngày 26-10-1956.

1.— Tiếp tế và yểm trợ trên bờ biển Hồng Hải. (vịnh Akaba.)

2.— Đặt kế hoạch và sẵn sàng sử dụng hải quân trong trường hợp Syria và Lebanon tham chiến.

Hải quân thất vọng, vì họ không được hoạt động trên Địa Trung hải, nhưng chúng tôi đoán các chiến hạm Anh và Pháp sẽ trói chặt hải quân Ai Cập; chúng tôi cần có lực lượng hải quân mạnh ở Hồng hải. Hơn nữa, hoạt động ở Địa Trung Hải mà không phối hợp với liên quân Anh—Pháp có thể bị nguy hiểm.

Đề hải quân có thể hoạt động ở Hồng Hải, chúng tôi phải chuyển các thuyền đổ bộ qua đất liền đến Eilat. Chỉ có loại xe đặc biệt mới chở được những xuống này. Công việc đòi hỏi một sự xếp đặt tỉ mỉ, như phải mở rộng ngay các khúc cua gấp ở đèo Scorpion trên xa lộ Beersheba—Eilat, phải cắt các đường giây điện thoại chằng ngang đường thấp quá.

Buổi chiều, tôi dẹp khỏi bàn giấy tất cả các vấn đề không liên quan đến chiến dịch. Tôi được ủy nhiệm cho cấp dưới những quyền hạn mà trong lúc bình thường, chính tôi cũng không được hành xử, như là :

1.— Cho phép các đơn vị được hoạt động bên kia biên giới Do Thái : Ủy quyền cho tư lệnh quân khu.

2.— Các phi vụ chụp không ảnh và tuần thám bên kia bên giới : Cục trưởng cục quân báo.

3.— Mọi liên lạc với phòng vệ dân sự : Ủy cho thủ lĩnh ngành phòng vệ dân sự.

4.— Phê chuẩn bản án của tòa án quân sự : Ủy cho phòng tổng quản trị.

5.— Chuẩn chỉ tài chánh (vô giới hạn) : Ủy cho cố vấn tài chánh.

Tối nay, tôi họp phòng hành quân. Âm danh cuộc hành quân chiếm eo biển Tiran là « Yotvat. »

Phòng quân báo cho phao tin đồn quân Irak đã vào Jordan, để tạo ấn tượng rằng mục đích các hoạt động của chúng tôi chỉ nhằm vào Jordan và Irak mà thôi (Phòng quân báo thành công đến nỗi chính phòng hành quân cũng bắt đầu muốn tin vào nguồn tin giả này).

Không hiểu Jordan sẽ tham chiến giúp Ai Cập hay không. Đa số tin là có. Chúng tôi không thể nghĩ rằng chính phủ mới thân Nasser do Nabulsi làm thủ tướng, và Ali Abu Nawar làm tổng tham mưu trưởng lại muốn làm mất lòng Ai Cập. Dù sao, chúng tôi cũng phải đặt giả thuyết là Jordan sẽ tấn công chúng tôi vào ngày N + 2 hay 3, và phải chuẩn bị kế hoạch đối phó thích đáng trên mặt trận Jordan.

Rời văn phòng lúc nửa đêm, tôi liếc nhìn qua mấy phòng bên cạnh. Trong một căn phòng, mọi người đang soạn các lệnh cần thiết cho hành khách còn ngủ trên các giường treo của chuyến xe lửa, lúc đó, bắt buộc phải dừng lại giữa đường Tel Aviv —

Gaza — nếu chúng tôi chiếm Gaza. Ở một căn khác, họ đang thảo một tuyên ngôn bằng tiếng Ả Rập gửi cho dân chúng ở Sinai. Chưa bao giờ tôi thấy cả một quân đội bận rộn như vậy.

Ngày 27 tháng Mười 1956.

Chiếc tàu Pháp chở 200 chiếc xe vận tải 6 x 6 có bánh trước phát động hôm nay cứ vùn vụt thế. 100 chiếc được cấp phát cho lữ đoàn nhảy dù 202, lữ đoàn này sẽ chiếm trục lộ Nakhl, di chuyển trên con đường băng ngang sa mạc này đến gặp đơn vị thuộc hạ đã nhảy dù xuống Mitla. 100 chiếc còn lại trao cho lữ đoàn 9, có nhiệm vụ đi theo thung lũng song song với bờ biển phía tây của vịnh Akaba để đến Sham e Sheikh. Sau khi trưng dụng một ít xe dân sự chẳng thấm vào đâu, nếu số xe của Pháp này không tới kịp, không biết chúng tôi phải xoay trở ra sao.

Chúng tôi quyết định, ngay đêm đầu tiên, đêm 29-10-1956, phải chiếm các đồn biên giới của Ai Cập để khai thông các đường tiến quân chính. Các đồn này ở Nitzana, Kusseima, Kuntilla và Ras en Nakeb. Tôi chấp thuận (sau khi đã được ông bộ trưởng quốc phòng đồng ý) cho rút phái đoàn quan sát LHQ khỏi Nitzana. Thà để họ phiền trách vì lệnh này, còn hơn họ báo cáo các cuộc tập trung của các cánh quân sắp hành động.

Viên trưởng ngành phòng vệ dân sự đề nghị ra

lệnh cho các thành phố lớn tắt đèn trong đêm ngày N. Tôi bác đề nghị này, vì như vậy chỉ gây thêm nghi ngại, lo lắng. Tôi vẫn quan niệm Ai Cập sẽ không tấn công chúng tôi trong mấy ngày đầu, vì nghĩ rằng đây chỉ là một cuộc trả đũa mạnh mà thôi. Tôi cũng không chấp thuận lời yêu cầu cho miễn lệnh « trưng tập toàn diện » trong khuôn khổ tổng động viên của phòng vệ dân sự. Chiến dịch sẽ rất ngắn, không nguy hại gì đến nền kinh tế, nên không cần xếp đặt một kế hoạch như trong một cuộc chiến tranh lâu dài. Dĩ nhiên lệnh này không áp dụng cho những dịch vụ khẩn yếu như điện, nước, và vấn đề nhân viên này sẽ được trao cho các ủy ban có thẩm quyền cứu xét xem ai là người cần thiết để cho miễn dịch,

Chỉ còn hai ngày nữa là chiến dịch khai diễn. Ngày mai, tôi đi thăm binh chủng thiết giáp. Họ sẽ giữ nhiệm vụ chính trong việc đánh tan quân lực Ai Cập.

Ngày 28 tháng Mười 1956.

Sáng nay họp với phòng tổng quản trị để duyệt xét các tiến triển của việc tổng động viên quân trừ bị tại gia.

Trong hai ngày đầu, chúng tôi không áp dụng phương pháp gọi động viên khẩn cấp, nên kết quả không được như ý muốn, vì các lý do kỹ thuật: Địa chỉ sai: không nhật tu các sự thay đổi nơi cư trú,

do đó, nhiều quân nhân trừ bị tại gia không nhận được lệnh gọi. Vấn đề này gây nhiều trở ngại cho binh chủng thiết giáp. Thí dụ như lữ đoàn 27, thoát tiên, chỉ có 50 phần trăm đến trình diện. Phần lớn lính trừ bị thuộc lữ đoàn này đều gốc gác ở Đông Âu, tên họ, địa chỉ của họ đề bằng chữ Hung Gia Lợi, Lỗ Mã Ni, hay các chữ phiên âm, nên các bưu tín viên có nhiệm vụ tổng đạt lệnh tổng động viên cho họ đọc không ra. Vì vậy, ngày hôm kia, lệnh tổng động viên được ban hành theo thủ tục khẩn cấp, và tình hình đã có tiến bộ trông thấy. Sự thay đổi đó không phải chỉ nhờ ưu điểm kỹ thuật, mà phần lớn nhờ tác dụng tâm lý. Chưa tuyên bố tình trạng khẩn cấp, các quân nhân trừ bị tại gia vẫn tưởng đây chỉ là một cuộc trắc nghiệm guồng máy động viên như thường lệ; nhưng khi thấy lệnh gọi lần này là để hành quân thực sự, thì cả những người chưa nhận được lệnh cũng đổ xô về đơn vị của họ. Mỗi đơn vị chỉ cần vài người nhận được lệnh và đi trình diện, là những người khác cũng biết tin và đến căn cứ ngay.

Chúng tôi dự định động viên trên 100.000 người, 90 phần trăm đã có mặt. Thực ra, chính chúng tôi cũng không ngờ kết quả lại tốt đẹp đến thế. Tỷ số cao đó phản ảnh một tinh thần tình nguyện, một yếu tố quan trọng hơn là số lượng đã đạt được.

Nhưng tinh thần tình nguyện ấy cũng làm tôi bức mình không ít vì các tư lệnh quân khu đã tự ý gọi nhiều hơn quân số ấn định, bất chấp chỉ thị đã ra. Bộ tư lệnh quân khu bắc gọi quá 2.000 người, bộ tư lệnh

quân khu trung quá 1.500 người, và quân khu nam quá 1.000 người.

Song vấn đề chính của động viên lại là xe cộ. Lệnh trưng dụng gửi cho 13.013 chiếc xe (chắc 2 con số 13 này do 1 anh chàng thư ký quân đội không mê tín nào đó ghi vào.) Hình như chỉ tổng đạt được khoảng 60 phần trăm. Thoạt tiên chúng tôi nghĩ rằng có lẽ các chủ xe không muốn trao xe cho quân đội sử dụng nên lãnh mặt không chịu nhận lệnh nhưng lúc cho quân cảnh và cảnh sát đến tận nơi trao cho họ, tình trạng vẫn không có gì thay đổi. Một lý do chính khiến chúng tôi phải bỏ cuộc là vì các phương tiện chuyển vận dân sự quá phức tạp và thiếu tiêu chuẩn kỹ thuật. Tôi không biết có đạo quân nào trên trái đất này xuất chinh với một đoàn xe đủ màu, đủ cỡ đủ kiểu như đoàn xe chúng tôi hiện có không. Nathan Alterman (một thi sĩ Do Thái nổi tiếng, giữ một mục thường xuyên trên một tuần báo) có thể sáng tác một bài thơ thất ngôn bát hủ trên chiếc xe chở đồ giặt, hay xe chở bơ trên đường đến kênh Suez (nếu anh chưa bao giờ đến đấy). Hơn nữa, nếu một hộp đồ nghề mất, một vỏ bánh xe nổ, chúng tôi coi như không đáng kể; nhưng chẳng may chiếc xe bị lật, đầu máy vỡ, hộp số bể, thì trưng dụng chiếc xe đó còn bị lỗ là khác. Tôi sợ rằng mình đã ước tính quá đáng; trên thực tế, có lẽ chúng tôi cần ít phương tiện hơn con số đã dự trù.

Các quân nhân trừ bị được biết sẽ có chiến tranh với Jordan vì xứ này để quân Irak vào lãnh thổ mình,

và gia nhập bộ tư lệnh hỗn hợp Ai cập — Syria. Lời giải thích trên phù hợp với dư luận báo chí mấy ngày nay đem lại kết quả tốt, và chúng tôi có thể che dấu mục đích cuộc tấn công này.

Nếu chúng tôi có thể động viên được đầy đủ nhân tài, vật lực cần thiết cho chiến dịch Sinai trong vòng một tuần lễ, thì dù mắc bao sai lầm, khuyết điểm, chúng tôi cũng coi như đã hoàn thành một giai đoạn quan trọng bậc nhất, và xuyên qua các bản báo cáo mới nhất hôm nay, chắc chắn chúng tôi sẽ đạt được mức ấy. Như không quân chẳng hạn, việc động viên quân trừ bị đã hoàn tất trong vòng 43 tiếng đồng hồ.

Cuối buổi họp với tổng quân trị, tôi yêu cầu phải báo cáo tiến triển động viên hàng ngày, và phải phân loại: bộ binh, thiết giáp, hải quân, và các đơn vị công dịch. Tôi chịu, không thể đọc nổi chồng hồ sơ báo cáo nhân viên dày cộm, với những chữ tắt, những hình ảnh như rừng già.

Ngày 29 tháng Mười 1956.

Mười giờ sáng hôm qua, ông Ben Gurion mang vấn đề chiến dịch Sinai ra trước hội đồng chính phủ để mở xê và quyết định. Chính phủ đã chấp thuận. Ông Ben Gurion cũng gặp đại diện các đảng đối lập để thông báo quyết định trên. Sau đó, ông ra một tuyên cáo chính thức giải thích lý do động viên quân trừ bị.

Bản tuyên cáo nói, vì các hoạt động quân sự cũng như ý định xâm lăng của khối Ả Rập, một số tiểu đoàn trừ bị được động viên để 'chúng ta không bị tấn công bất ngờ từ phía bắc, đông cũng như nam tới, trong lúc chúng ta thiếu phòng thủ'. Bản tuyên cáo kết thúc bằng một câu nói cảm động mà những người từng cư ngụ trên giải đất này vẫn thường nói (trích trong ca vịnh, 121-4): « *Hãy xem, Chúa sẽ độ cho dân Do Thái, các người sẽ không bị ru ngủ và bỏ quên.* »

Bản này, trước hết, đề gửi đến công chúng Do Thái điều đáng chú ý không phải chỉ ở những điều đã nói ra, mà còn ở những điều chưa đề cập đến: cả bài không có khoản nào bảo đảm rằng chỉ động viên trong một thời gian ngắn; cũng không có khoản nào làm giảm bớt tình trạng khẩn trương và cảm tưởng sắp động binh trong xứ. Về phương diện ngoại giao, bản tuyên cáo kết án ý định xâm lăng của các quốc gia Ả Rập, do đó, Do Thái cần động viên để có thể thêm một đơn vị quân đội. Nó che dấu được mục đích thực sự của cuộc động viên, và phối hợp với các phương tiện khác, chúng tôi lái sự chú ý qua biên giới Jordan, làm như đó là nguyên do tạo nên tình trạng căng thẳng; và sẽ là nơi xảy ra các cuộc giao tranh.

Cùng lúc đó, chúng tôi nhận được một điện văn của tổng thống Hoa Kỳ. Trong điện văn này, cũng như trong bản văn trước, (ngày 27.10.1956) ông Eisenhower bày tỏ nỗi lo ngại về cuộc động viên của chúng tôi. Trong cả hai bức điện văn, ông gắn liền cuộc động viên với việc quân Irak vào Jordan, và ông cho

biết, theo tin tức nhận được, thì chưa có đơn vị Irak nào vào Jordan. Trong bức điện trả lời, ông Ben Gurion nhấn mạnh đến ý định xâm lăng của Ai Cập, và không hứa sẽ cho ngưng lệnh động viên. Khi biết có bức điện thứ hai đang gửi đến, ông Ben Gurion rất lo ngại, không hiểu nội dung nói gì ; nhưng lúc nhận được, và nghiên cứu kỹ lưỡng, ông cảm thấy dễ chịu hơn. Lời lẽ trong cả hai bức điện đó đều «nuốt trôi» được. Trong bức điện sau, lời cảnh cáo ở bức điện trước được lặp lại một cách mạnh mẽ hơn : « Mọi cuộc phát động chiến tranh từ phía quý chính phủ, sẽ làm nguy hại cho nền hòa bình, sút mẻ tinh hũu nghị giữa hai nước chúng ta ».

Thêm vào đó, đại sứ Hoa Kỳ tuyên bố, ông đã nhận được chỉ thị phải di tản ngay tất cả công dân Mỹ ở Do Thái (khoảng 1800 người). Chúng tôi hứa sẽ giúp ông. Ông tiếp, lệnh đó cũng đã ban cho các công dân Mỹ ở Ai Cập, Syria, và Jordan.

Một việc liên quan đến cả chính trị lẫn quân sự cần chú ý là phải có một bài diễn văn cho phát ngôn viên quân đội — Tối nay, ngay sau khi nhảy dù xuống Mitla, thế nào cũng phải ra một tuyên cáo chính thức. Tuyên cáo phải cứng rắn, nhưng không được tiết lộ ý định thực sự của chúng tôi. Sau khi thảo đi, thảo lại, tôi mang bản tin sau đây đến trình ông Ben Gurion xin duyệt y : 'Phát ngôn viên tuyên bố rằng lực lượng quốc phòng Do Thái đã đột nhập và giao tranh với quyết tử quân tại Ras en Nakeb, Kuntilla, và chiếm các vị trí phía tây ngã tư Nakhl, gần kênh Suez. Hành

động này tiếp theo các vụ tấn công của Ai Cập vào công cuộc chuyển vận của Do Thái, trên mặt đất cũng như trên mặt biển, với ý định phá hoại và tiêu diệt đời sống hòa bình của các công dân Do Thái'.

Tôi thấy ông Ben Gurion đau nằm liệt giường, nhiệt độ lên gần 40°, hình như ông bị cúm. Ông mệt vì những suy tính và phải sống trong tình trạng căng thẳng trong mấy tuần qua, nhưng vẫn tiếp tục làm việc, và khi tôi từ giã, quay vội về bộ chỉ huy của tôi (đã di chuyển khỏi bộ tổng tham mưu), vẫn còn ông bộ trưởng ngoại giao đợi để được hội kiến.

Tình hình ngoại giao với Hoa Kỳ rất phức tạp, và không được tốt đẹp lắm. Do Thái muốn và cần thắt chặt tình thân hữu với Hoa Kỳ, lại bị đặt trong tình trạng nan giải, có khi phải làm trái lại ý định thực sự của mình, vì bắt buộc phải đối phó với những hành động thù nghịch của khối Ả Rập : Phong tỏa vịnh Akaba, sự khủng bố của bọn quyết tử quân và các chuẩn bị để xâm lăng Do Thái bằng quân sự, Hoa Kỳ nhất định phản đối các hoạt động quân sự của Do Thái, nhưng lại không ngăn chặn được các hoạt động chống Do Thái của khối Ả Rập. Ngoài ra, Hoa Kỳ còn khẳng khái không chịu nhượng hay bán vũ khí cho Do Thái, dè dặt chúng tôi cho khối Ả Rập xâu xé, vì những nước này tha hồ lấy vũ khí của khối Cộng Sản.

Sự phi lý của Hoa Kỳ về tình hình Trung Đông hiện tại, làm các nước đồng minh xa lánh. Anh và Pháp không cho Hoa Kỳ biết ý định tấn công Ai Cập của mình. Trong văn thư thứ hai ông Ben Gurion,

tổng thống Eisenhower nói, căn cứ trên bản tuyên ngôn tam phương ngày 25-5-1950 (Do Mỹ — Anh — Pháp ký kết, bảo đảm sự vẹn toàn lãnh thổ cho các nước Trung Đông,) ông sẽ bàn về vấn đề an ninh Do Thái với hai nước Anh — Pháp. Trong cả hai bức điện, ông đều cho rằng cuộc chiến tranh sắp tới sẽ xảy ra giữa Do Thái và Jordan, và Anh—Pháp sẽ hợp tác với ông để ngăn cản cuộc chiến tranh này. Song thực trạng trái ngược hẳn với dự đoán của ông. Chiến trường không phải ở Jordan, mà là Ai Cập; Anh và Pháp có lẽ sẽ đứng cùng trận tuyến với Do Thái chống lại sự phản đối của Hoa Kỳ, chứ không cùng Hoa Kỳ phản kháng Do Thái.

Theo tôi, không phải chỉ vì không biết rõ sự thực; lý do chính khiến Hoa Kỳ không đến gần Do Thái được, vì chính họ cũng không tìm được giải pháp cho vấn đề gai góc mà chúng tôi đang phải đối phó. Tôi thấy chán cái câu trống rỗng của tổng thống Hoa Kỳ trong cả hai bức điện: « Chỉ có hòa bình và thông cảm mới mang lại tình hình sáng sủa được ». Rồi ông vượt ve Do Thái: « Tôi cũng liên lạc với các quốc gia Trung Đông khác, yêu cầu họ ngưng ngay các hành động gây hấn có thể đưa đến chiến tranh. » Những lời hứa đẹp đẽ đó chứa đựng mấy phần sự thực, và ông sẽ làm cách nào để đụng chạm đến hành động khủng bố của quyết tử quân, việc ngăn cản không cho tàu bè Do Thái qua kênh Suez, hay phong tỏa vịnh Akaba của khối quân sự Ai Cập — Syria — Jordan?

Tôi tin chắc rằng Hoa Kỳ dùng áp lực quân sự

đối với nước tôi chỉ nhằm mục đích bành trướng ảnh hưởng của mình ở Trung Đông, chứ chả có cách nào giải quyết vấn đề Do Thái với các nước Ả Rập cả.

Tại bộ chỉ huy, bầu không khí rất phấn khởi. Không phải mọi người reo hò gì. Trái lại, ai nấy đều nói trầm giọng, đi đứng thận trọng như bưng chông lỵ cổ trên tay. Nhưng những cử chỉ của họ đều cho thấy, họ đang nghĩ, tối nay, chúng tôi sẽ phát động chiến dịch.

Tôi cảm thấy tình hình toàn quốc đều thuận lợi cho chiến dịch này, mặc dầu đối với họ, không gì xa lạ, và cũng không gì làm cho họ ghét hơn là chiến tranh. Những chàng thanh niên chưa nhận được lệnh gọi, đã hăng hái trình diện đơn vị của họ, cũng chính là những chàng trai đã ra đi xây dựng nhà máy cộng đồng, áp cộng đồng, với lý tưởng được làm một công nhân bình thường, trong một xã hội công bằng. Lý do bắt buộc mọi người phải tham gia chiến dịch này, cũng không khác yếu tố đã thúc đẩy mọi nỗ lực của cả ba thế hệ vừa qua là phục hưng quốc gia Do Thái. Mọi người đều cho rằng, chiến dịch 'Kadesh' một ám danh chưa được phổ biến này, được nối liền với những giai đoạn di cư lên lút, chọc thủng vùng đất lưu đày Bevin, tiến lên lập các ấp cộng đồng ở Negev, nơi cấm địa, và còn là 'tờ giấy trắng' dưới thời bảo hộ.

Trong giới các sĩ quan cao cấp, họ còn nghĩ rằng đây là một cơ hội để thanh toán vấn đề, rằng « ngày mong đợi » đã đến, để sau cùng, thoát khỏi cảnh cay đắng mà họ đã phải chịu đựng suốt tám năm, kể từ

ngày thành lập quốc gia Do Thái đến nay. Tám năm, người Ả Rập liên tiếp đe dọa tiêu diệt Do Thái, kèm theo biết bao cuộc khủng bố và những hành vi thù nghịch khác. Trong mấy tuần sau khi có lệnh báo động, các hoạt động tuần tiễu, không thám, sắp xếp kế hoạch, tổ chức, thật là nhộn nhịp ; tuy nhiên đa số sĩ quan vẫn chưa tin chúng tôi sắp đi hành quân thực. Mọi người đều nghĩ, sau cùng, như thường lệ, sẽ có lệnh hủy bỏ chiến dịch, hay một câu quen thuộc : «Hoãn đến khi có lệnh mới».

Tôi thì không đồng ý hẳn với thái độ đó, nhưng lúc nào cũng có cảm tưởng, mình như một kẻ ăn mặc xềnh xoàng, giữa cảnh ngựa xe như nước, áo quần như nem. Thái độ đó không hẳn do bản tính trời sinh. Thực ra, tôi cho rằng thời cơ thuận lợi để phát động chiến dịch đã qua. Đáng lẽ ngày đó phải là ngày 25, bốn ngày trước đây, và ngay bây giờ, không có gì bảo đảm là chiến dịch sẽ không bị đình hoãn. Tôi biết rõ tình hình chính trị sẽ phức tạp đến mức nào, nếu Do Thái mở cuộc hành quân «Kadesh»; và tôi vẫn sợ rằng, bất cứ lúc nào, ông bộ trưởng quốc phòng cũng có thể gọi tôi đến và cho biết, tình hình chính trị bắt buộc chúng tôi phải ngưng chiến dịch này.

CHƯƠNG NĂM

PHÁT ĐỘNG CHIẾN DỊCH

Ngày 21 tháng Mười 1956.

BỐN CUỘC HÀNH QUÂN TUNG RA TRONG ĐÊM khai diễn chiến dịch (29-30/10/1956) : Mitla, Ras en Nakeb, Kuntilla và Kusseime. Cuộc hành quân thứ nhất bắt đầu lúc 17 giờ 00, có nhiệm vụ thả 395 lính nhảy dù xuống chiếm đèo Mitla. Ngoài mục đích chính là kiểm soát ngã tư con đường Nakhl—Suez và Ismailia — Tor, cuộc hành quân này còn để thử xem kế hoạch của chúng tôi có đánh lừa được bộ tham mưu Ai Cập không.

Cuộc nhảy dù không gặp tai nạn nào đáng kể. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, chỉ có 13 người bị

thương nhẹ. Họ cất cánh lúc 15g20 trên 16 chiếc vận tải cơ Dakota, bay làm 4 chuyến, mỗi chuyến chở một Đại đội.

Chúng tôi ngại nhất là những vận tải cơ này bị Ai Cập khám phá sẽ cho phi cơ chiến đấu lên tấn công. Những chiếc Dakota bay chậm, mỗi chiếc chở 25 người lính, với đầy đủ trang cụ cá nhân, sẽ là những con mồi ngon cho máy bay Mig của địch. Hơn nữa, vùng nhảy dù chỉ cách phi trường Kabrit của Ai Cập 45 dặm. Căn cứ không quân của chúng tôi thì cách đây hàng trăm dặm. Để tránh màn lưới Radar của Ai Cập, các máy bay Dakota phải bay thật thấp, chỉ cách mặt đất 500 bộ, và đến sát vùng thả dù mới lên cao 1500 bộ. Họ tổng đoàn vận tải cơ là đoàn Meteor, trong lúc đó, 12 chiếc Mystere bay dọc theo kênh Suez để đề phòng phi cơ Ai Cập bay đến đón đánh các máy bay bạn.

Các Dakota tới và thả dù xuống Mitla, không gặp chiếc phi cơ Ai Cập nào. Nhưng khi những chiếc Mystere xuất hiện trên nền trời Kabrit, dĩ nhiên địch nhận ra ngay. Lập tức, họ phân tán bảy bay đang đậu dưới đất. Lúc đoàn Dakota về căn cứ một cách an toàn, chúng tôi mới thấy dễ thở.

Không ai dám đoán chắc Ai Cập không có tin tức, và cũng không nghi ngờ gì về ý định của chúng tôi. Nếu trường hợp không may trên xảy ra, thì chúng ta có thể tưởng tượng thấy rõ bình ảnh phi đội vận tải của Do Thái bị đoàn chiến đấu cơ đồng như kiến, từ các phi trường gần Mitla bay lên cản đường và bắn phá.

thỏa thích.

Có báo cáo cho biết các phi công đã lằm, thả quân nhảy dù xuống cách xa điểm ấn định 3 dặm về phía đông, làm họ phải đi bộ mất hai tiếng đồng hồ. Lúc 19g30, đơn vị nói trên đến điểm ấn định, tức đài kỷ niệm Parker (Đại tá A.C. Parker, toàn quyền Anh tại Sinai từ 1910 đến 1923). Lúc 21g00, phi cơ thả dù tiếp tế thêm cho họ, theo đúng kế hoạch: 8 xe jeep, 4 đại bác không giật 106 ly, 2 súng cối 120 ly, đạn dược và trang cụ cá nhân.

Trước đó ít phút, toán tuần tiểu đơn vị này gặp 2 quân xa Ai Cập. Một chiếc bị phá hủy, còn chiếc kia quay đầu chạy thoát về phía Nakhl.

Không hiểu mồm đất quân nhảy dù đang trấn giữ đó có phải là điểm thuận lợi nhất không. Thoạt tiên chúng tôi định cho nhảy xuống đầu tây đèo Mitla. Nhưng không ảnh chụp ngày 16-10 vừa qua cho thấy nơi đó có 16 chiếc chòi, và không ảnh chụp ngày 28, trước lúc nhảy dù không bao lâu, cho thấy có 23 chiếc lều vải, và mấy chiếc xe. Dù chưa rõ ý định của nhóm đó, chúng tôi cũng tránh bằng cách cho nhảy dù xuống đài kỷ niệm Parker ở đầu đông đèo Mitla. Không hiểu tại sao các không ảnh chụp ngày 16 không được chuyển đến lữ đoàn dù. Họ chỉ nhận được nhiệm ảnh thứ hai chụp vào đêm 28, rạng 29, mới biết các tin tức trên; và việc thay đổi điểm nhảy mới được quyết định đêm hôm qua.

Giờ này, cả đơn vị đang đào công sự phòng thủ gần đài kỷ niệm Parker, và cũng trong đêm nay, tôi

sẽ ra lệnh cho họ tiến về phía tây. Trong giai đoạn hiện tại, không nên mở rộng hoạt động, khiến khích quân đội Ai Cập. Chúng tôi sẽ cố dùng để xảy ra cuộc đụng độ nào trong vòng 24 tiếng đồng hồ.

Vấn đề chính yếu trong vòng 24 tiếng đồng hồ sắp tới là cân cân không lực. So sánh hai lực lượng này không phải dễ. Một mặt, các loại máy bay của chúng tôi khác hẳn máy bay của Ai Cập, và mỗi loại đều có ưu khuyết điểm riêng, tùy theo hoàn cảnh. Mặt khác, khoảng cách cách từ phi trường đến chiến trường có tầm quan trọng sinh tử, thì khoảng cách của Ai Cập ngắn hơn của chúng tôi nhiều. Bay đến Mitla, họ chỉ mất từ 2 đến 5 phút; từ căn cứ không quân gần nhất của chúng tôi tới đó phải mất 21 phút. Như vậy, phi cơ của chúng tôi chỉ bay được trên vùng này 10 phút, nếu không sẽ hết xăng.

Thêm vào đó, ta phải so sánh tài nghệ các phi công, hoạt động của Radar, việc bảo trì phi cơ, trình độ kỹ thuật của các chuyên viên dưới đất, và hàng chục yếu tố khác không kém phần quan trọng để đánh giá không lực.

Không quân Ai Cập dùng toàn phần lực, trong khi Do Thái chỉ trọng cậy vào một ít máy bay cánh quạt. Được biết Ai Cập đã nhận của Liên Xô 200 chiến đấu cơ Mig-15, và khoảng 50 oanh tạc cơ Ilyushin 28. Vấn đề khó là phải biết có bao nhiêu chiếc trong số đó đã

được tổ chức thành các phi đoàn, với đầy đủ phi công và các chuyên viên được huấn luyện tinh thục. Trước kia, chúng tôi đã thấy họ có 8 phi đoàn phản lực: 4 phi đoàn Mig-15, 4 phi đoàn Meteor và Vampire, mỗi phi đoàn có từ 15 đến 24 chiếc.

Đối phó với 8 phi đoàn phản lực đó, chúng tôi có thể đưa ra chiến trường Sinai 5 phi đoàn phản lực, tổng cộng 79 chiếc: 37 chiếc Mystere, và 42 chiếc vừa Meteor, vừa Ouragan. Về oanh tạc cơ, chúng tôi có 2 chiếc máy bay cánh quạt B-17, để chống lại 2 phi đoàn gồm 36 chiếc Ilyushin 28.

Tôi biết quân đội các nước Tây phương đã đưa loại phi cơ cánh quạt ra bãi phế thải từ lâu, nhưng chúng tôi vẫn phải dùng. Chúng tôi có 64 chiếc loại ấy: 28 chiếc Mustang, 13 chiếc Mosquito, 21 chiếc Harvard, và 2 chiếc B-17. Trong tổng số 143 chiếc hiện hữu của chúng tôi, chỉ có một nửa phản lực, nửa còn lại là cánh quạt, để chống với từ 150 đến 250 chiếc toàn là phản lực của địch. Đứng là châu chấu đá xe.

Tư lệnh không quân Do Thái còn nói, tuy vậy, bảng so sánh trên vẫn còn lạc quan, và chưa phản ánh đúng thực trạng. Theo ông, trong số 37 chiếc Mystere, chỉ 14 chiếc sử dụng được, và những chiếc đó chỉ được trang bị đại bác 30 ly, vì chưa nhận được bom và phi đạn. Hơn nữa, đa số phi công còn tập sự, chưa tham chiến lần nào, và cũng chưa xong giai đoạn huấn luyện, máy bay tốt nhất của chúng tôi là Mystere, mới tiếp nhận một ít vào tháng 4 năm nay, phần lớn mãi tháng tám mới đến. Tôi hoàn toàn đồng ý rằng nhận

xét và ước tính của ông không sai ; Nhưng nếu được đến thăm các căn cứ không quân, bạn sẽ thấy tình thần hăng say và tự tin của các phi công, khác hẳn với hình ảnh không mấy phấn khởi khi phân tích các bảng thống kê. Khả năng hai lực lượng phải được trải nghiệm trên bầu trời, chứ không phải chỉ căn cứ vào các con số trên bàn giấy, và trong cuộc chiến đấu, yếu tố quyết định sẽ là tinh thần hy sinh và sự thiện chiến của các chiến sĩ.

Lúc 22g30 tối nay, thành phần lưu động của Lữ đoàn 202 dù sẽ đến bắt tay với đơn vị đã nhảy dù xuống trước tại đài kỷ niệm Parker. Các đơn vị còn lại của Lữ đoàn vài giờ sau cũng sẽ tới nơi. Họ khai thông trục lộ này dài 190 dặm, trong đó có 125 dặm nam trên lãnh thổ Ai Cập mất 28 giờ đồng hồ. Theo kế hoạch chúng tôi dự trù công tác này sẽ hoàn thành trong vòng từ 24 đến 36 tiếng.

Đó là trục lộ NAKHL, và quân Ai Cập bảo vệ trục này bằng ba vị trí phòng thủ : Kuntilla ở sát biên giới Do Thái, Thamad và Nakhl. Đồn Kuntilla, có một trung đội coi như bỏ trống, vì vừa thấy quân Do Thái đến gần, họ đã rút về Thamad. Có chạm súng ở Thamad, cũng như ở Nakhl, lính Ai Cập vừa nghe súng nổ đã bỏ chạy hết.

Trong số những khó khăn mà Lữ đoàn gặp phải trên đường tiến quân, có lẽ việc chiếm các đồn địch là những khó khăn nhẹ nhất.

Vấn đề khó khăn nhất là tổ chức kỹ thuật, và nhất là thiếu phương tiện thích hợp để di chuyển qua

sa mạc. Thoạt tiên Lữ đoàn được hứa cấp 153 chiếc vận tải 6x6. 24 giờ trước giờ H, họ được báo sẽ được cấp 90 chiếc. Đến giờ xuất phát, họ chỉ còn 46 chiếc.

Các đồ trang bị phụ khác cũng không khá hơn. Đáng lẽ có 5 chiếc xe cứu thương, họ chỉ có 1. Thay vì 4 xe kéo chỉ có 1. Công binh không có dụng cụ và các vỉ sắt để lát những đoạn đường khó đi. Cả đoàn xe không có một chiếc chìa khóa xiết bu loong bánh xe, và nếu chiếc nào hư bánh chắc đành phải bỏ lại.

Để tránh tiết lộ, Lữ đoàn được lệnh tập trung tại Ein-Hussub, trên biên giới Jordan.

Lữ đoàn rời điểm tập trung trễ mất bốn giờ, mặc dầu sự tổ chức vẫn chưa hoàn bị cho lắm, nhưng giờ H đã gần đến Lữ đoàn không thể trì hoãn được nữa.

Đoàn xe của Lữ đoàn vượt trên 60 dặm đường, từ biên giới phía đông đến biên giới phía tây Do thái, băng qua sa mạc Negev, mất 9 tiếng đồng hồ, và vượt biên giới gần đúng giờ ấn định. (chỉ trễ nửa tiếng). Đoạn đường này cũng làm một mớ xe bị kẹt : chiếc thì dính cứng trong bãi cát, chiếc thì hỏng máy, đa số thuộc loại bánh trước không được truyền động và phải bỏ lại khá nhiều. Thiết giáp cũng vậy, lúc khởi hành tại Ein-Hussub có 13 chiếc, nhưng khi đến Kuntilla chỉ còn 7 chiếc.

Song dù đủ hay thiếu xe, bộ chỉ huy Lữ đoàn vẫn cho lệnh tiến đến mục tiêu. Khi thấy Kuntilla trống rỗng, họ tiến nhanh đến Thamad. Thamad do hai đại đội địch trấn giữ nằm trên một mỏm núi đá kiểm soát được cả vùng, rất có lợi thế phòng thủ. Chúng tôi bắt

đầu xung phong lúc 06 giờ 00. Binh sĩ nhảy dù ngồi trên bán xích xa xông thẳng vào vị trí địch, dưới hỏa lực yểm trợ trực tiếp của hai chiến xa (hình ảnh cụ thể của con đường xấu này là, trong số 13 chiếc chiến xa của Lữ đoàn, chỉ 7 chiếc đến Kuntilla, ba chiếc đến Thamad kịp thời, nhưng lại bị lật mất một, thành thử chỉ còn hai chiếc tham chiến) lính Ai Cập đã bị màn bụi do các chiến xa, bán xích xa tạo nên, che khuất không thấy gì cả lại còn mặt trời lúc này đã lên cao, từ phía sau lính nhảy dù chiếu thẳng vào làm họ chói mắt địch, như giúp thêm binh sĩ Do thái. Sau 40 phút giao tranh, trận đánh chấm dứt, đồn lộn vào tay quân nhảy dù. Cần nói rõ là đồn Thamad được chuẩn bị phòng thủ rất kỹ lưỡng, có hầm hố và bãi mìn, trang bị cả đại liên hạng nặng và đại bác không giật đầy đủ. Phía nhảy dù có 14 người chết và 6 bị thương, lính Ai Cập bị chết trên 50.

Cuộc tấn công vào Nakhl bắt đầu lúc 17 giờ 00. Lực lượng chiếm đồn này di tản qua Thamad, trước đồn này bị chiếm, và tiếp tục tiến đến Nakhl. Cảnh quân gồm hai đại đội bộ binh được hai trung đội Pháo binh và hai chiến xa cổ chạy theo để yểm trợ. Trận đánh kéo dài 20 phút, lúc 17 giờ 20, hai đại đội phòng thủ của Ai Cập bỏ chạy, để 56 xác chết và một số bị thương.

Trước đó, một báo cáo cho biết có 4 chiến đấu cơ Mig của Ai Cập tấn công Thamad hai lần, sau khi đồn này bị Do Thái chiếm, làm 3 binh sĩ bị thương.

Tôi không rõ đêm nay, có bao nhiêu quân sẽ

tôi gặp đơn vị ở tại Mitla. Quân số của Lữ đoàn là 2.500 người, nhưng chắc phải để lại một phần để giữ trực lộ và các đồn Kuntilla, Thamad, Nakhl. Lại còn vấn đề xe cộ nữa. Hiện tại 2/3 xe cộ của Lữ đoàn nằm kẹt dọc đường, nhưng tôi hy vọng phần lớn trong số này sẽ được kéo lên và sửa chữa một cách nhanh chóng.

Thực lực các đơn vị nhảy dù không phải chiến xa, đại bác, mà trông cậy vào quân số, và đến lúc này họ mới bị vài tổn thất nhẹ. Hơn nữa, trong hàng ngũ họ càng ngày càng có thêm nhiều người mới tới, đó là những binh sĩ trừ bị nhận được lệnh gọi trễ, những người đang nằm bệnh viện hay dự khóa trốn đi theo các bạn đồng đội. Dù gặp nhiều trở ngại, khó khăn bất khả kháng hay không. Họ cũng đã hoàn thành nhiệm vụ chính là mở đường, đến liên lạc được với đơn vị đã nhảy dù đúng thời gian hạn định, với tổn thất không đáng kể.

Vị trí Ras-en-Nakeb ở biên giới phía Nam cũng chiếm hôm qua, theo đúng kế hoạch. Tin tình báo cho biết đồn này do hai trung đội lưu động Ai Cập trấn đóng, được các toán tuần tiễu thuộc tiểu đoàn cơ giới biên phòng yểm trợ. Việc chiếm cứ này được trao cho Bộ chỉ huy tiểu khu Eilat, và chúng tôi biệt phái cho tiểu khu này ba đại đội thuộc Lữ đoàn 9. Lúc mặt trời lặn hôm qua, một đại đội trinh sát xuất phát, từ Eilat đi vòng qua dốc «chướng đạo» và «thung lũng mặt trăng», chiếm ngã tư đường Ras-en-Nakeb — Thamad — Kuntilla — Sharame e-Sheikh.

Lúc 21 giờ 00, công binh gỡ mìn, làm một lối đi qua bãi mìn xong, và mở một con đường từ Ein-Netafim đến đồn Ai Cập. Khi đại đội này tiến sát đồn địch, họ chỉ nghe thấy một tiếng súng duy nhất, lúc tràn vào đồn thì chẳng thấy ai cả.

Trước bình minh, họ thấy có 3 chiếc xe jeep Ai Cập đang chạy về phía ngã tư. Đơn vị trinh sát liền nổ súng. Một chiếc bị hạ, bỏ lại, 2 chiếc kia chạy mất.

Khi nghe vị chỉ huy trận đánh báo cáo «thật là kỳ diệu», tôi đoán không phải ông nói đến thái độ của lính Ai Cập, mà là phong cảnh. Khấp sa mạc Neger, không đâu cảnh sắc huy hoàng bằng vùng phụ cận vịnh Eilat. Giấc mơ đẹp nhất cũng không gọi hết được vẻ đẹp phối hợp giữa biển cả, sa mạc và mỏm đá hoa cương nhô ra biển, rực rỡ như màu sắc trong bức tranh của Chagall.

Sáng sớm hôm nay, Lữ đoàn 4 cũng đã Chiếm Kusseima. Tồn thất chúng tôi là 4 chiếc, 36 bị thương; Phía Ai Cập có 45 chết, 370 bị bắt, trong số này nhiều người bị thương.

Vị trí Kusseima do hai tiểu đoàn vệ quốc quân, và một đại đội trinh sát (có lẽ thuộc thành phần cơ động biên phòng.) Thêm vào đó có một đại đội thuộc tiểu đoàn 17 Ai Cập đóng ở cao địa Ras Matmor cũng thuộc khu vực phòng thủ Kusseima.

Lữ đoàn 4 của Do Thái toàn là lính trừ bị, gặp đủ khó khăn vì phải động viên vội vàng và tung ra trận ngay. Lệnh gọi không hiểu sao tới lữ đoàn trễ, do đó, họ chỉ có 48 tiếng thay vì 72 tiếng đồng hồ để động

viên. Số bưu tín viên đề tống đạt lệnh gọi tương đối ít, thành ra đa số không nhận được lệnh gọi kịp thời; hoặc khi đưa lệnh đến thì gặp đúng lúc chàng lính trừ bị đó vắng nhà. Sau cùng, cũng có tới 80 đến 90% quân nhân trừ bị tại gia đến trình diện, nhưng phần nhiều tới trễ,

Các sĩ quan không đủ thì giờ nghiên cứu đề biết rõ nhiệm vụ Tư Lệnh phó lữ đoàn mới được chỉ định cùng trong ngày động viên, còn các tiểu đoàn chỉ biết mục tiêu của mình trước trận đánh có 24 tiếng.

Khó khăn chính cũng vẫn là chuyển vận. Điềm tập trung ấn định cho lữ đoàn này là Bir Hafir, phía nam Beersheba 43 dặm, và cách Kusseima 12 dặm. Bộ tư lệnh quân khu Nam cho biết lữ đoàn có thể di chuyển tới tận nơi bằng phương tiện chuyển vận thông thường. Lúc bình thường thì ý kiến trên cũng xác đáng, nhưng bây giờ, hàng đoàn chiến xa và xe hạng nặng đã đi trên đường Bir Hafir, nghiền lớp đất trên thành bột, dày hàng chục phân, cho nên chỉ xe có bánh trước phát động mới đi trên đường này được. Chẳng bao lâu, những chiếc xe chở bơ sữa, xe chở nước đá, xe đồ bị trưng dụng để chuyển quân đều bị mắc kẹt hết. Trước tình cảnh khó khăn ấy, vị tư lệnh lữ đoàn không còn cách nào hơn là cho binh sĩ chỉ mang theo súng đạn leo lên những chiếc xe có bánh trước phát động, các đồ trang bị phụ, đạn dược dự trữ, mìn, dây kẽm gai v.v... đều quăng lại lề đường, hy vọng sẽ trở lại lấy sau.

Đấy chưa phải là rủi ro duy nhất của lữ đoàn. Tại

Beersheba hai chiếc xe chở quân đụng nhau, làm 13 người bị thương. Lưu thông bị trở ngại, và đoàn xe phải đi vòng qua thành phố, trên một con đường đơ dáy. Người hướng dẫn đoàn xe lại không thuộc địa thế, đi lạc vào một giồng suối khô dưới chân ngọn đồi lạ, không đúng với lộ trình ghi trong kế hoạch. Lữ đoàn đã phải di chuyển lâu hơn thời gian cần thiết lại còn mất khá nhiều thì giờ qui để hỏi đi hỏi lại một cách vô ích.

Giờ H trước định vào lúc 23 giờ ngày 29 ; lại phải dời lại lúc 3g30 sáng hôm sau. Chỉ có một đại đội mà mục tiêu là cao địa Sabha hoạt động đêm đó (vì máy truyền tin hư nên đơn vị này không nhận được lệnh hoãn giờ H). Nhưng cả đơn vị này cũng không may mắn gì. Họ đi lầm đường nên đến tấn công đồn tiểu Sabha, thay vì tại Sabha đồn này bỏ trống. Sau đó họ thấy địa điểm đáng lẽ họ phải chiếm cũng bỏ trống, như vậy sự lầm lẫn của họ cũng chẳng có gì tai hại.

Cuối cùng, lúc 04giờ00, quân Do Thái tấn công vào Kusseima và tất cả sai lầm của chúng tôi đều được lính Ai Cập sửa thành đúng cả. Họ bỏ chạy hết. Chỉ có mấy đồn ở các cao địa phía tây là chống cự mạnh mẽ. Nhưng đơn vị trinh sát của lữ đoàn, lúc này bỗng nhiên trở nên xuất sắc, đến tăng cường, lật ngược cán cân lực lượng. Lúc 07g00, Kusseima nằm trong tay lữ đoàn. Đồng thời lữ đoàn 7 thiết giáp cũng tiếp vào Kusseima, Bộ tư lệnh quân khu Nam đưa lữ đoàn này đến vì sợ trận đánh kéo dài, và kết quả không được như ý.

Việc chiếm cứ Kusseima kết thúc giai đoạn mở đầu, chiến dịch bốn mục tiêu phải chiếm trong đêm đầu là Mitla, Ras-en-Naked, Kuntilla và Kusseima đã hoàn toàn nằm trong tay chúng tôi. Như vậy trục lộ Nakhl-Thamnad đã được khai thông, và đơn vị nhảy dù tại Milla không còn bị cô lập nữa.

Ngày 31 tháng Mười 1956.

Trên chiến địa, quân Ai Cập phản ứng đúng như ý muốn của chúng tôi. Phần lớn các tiền đồn Ras-en-Naked, Kuntilla và Sabha đều bỏ ngõ không chống cự gì cả. Còn ở Kusseima, Thamnad và Nakhl, có chống cự lúc đầu, nhưng sau thấy các cánh quân của chúng tôi vẫn cứ tiến và lại họ nghĩ có lẽ quân Do thái chỉ mượn đường qua vị trí họ mà thôi nên bỏ chạy, không cố chống giữ. Nhiều lúc chúng tôi vừa xông vào tới đồn lính Ai cập đã hàng hết, thành ra không có những trận đánh xáp lá cà. Ta thấy con số tử thương của địch tương đối nhiều và số bị bắt làm tù binh trong các trận đánh trên trục lộ Kuntilla—Mitla tương đối ít là do kỹ thuật tác chiến của lính nhảy dù, chứ không phải do sức cầm cự mãnh liệt của lính Ai cập.

Ở trên không tiểu đoàn của chúng tôi về sự trả đũa của không quân Ai cập trong giai đoạn mở màn này không sai ; Nếu chúng tôi không oanh kích các phi trường của họ, họ cũng không nới rộng phạm vi hoạt

động quá biên giới Sinai.

Trận không kích đầu tiên của Ai Cập diễn ra từ 07g30 đến 09g30 sáng ngày 30. Bốn chiếc Vampire bay thám thính trên đầu cánh quân ở Mitla và đoàn quân đang di chuyển từ Kuntilla đến Nakhl. Hai cặp Mig 15 theo sau liệng xuống bắn phá tại Mitla và Thamad, làm bốn người và một máy bay thám thính đậu dưới đất tại Mitla trúng đạn; ở Thamad cũng có 3 người bị thương.

Sau trận này, các hoạt động không quân trong ngày của Do Thái khả quan hơn. Theo kế hoạch lúc trời sáng phi cơ của chúng tôi phải bay quanh vùng Mitla và hộ tống đoàn quân di chuyển trên trục lộ Nakhl. Nhưng đến lúc phi cơ Ai Cập bắn phá, không hiểu sao chẳng thấy chiếc phi cơ hạn nào cả. Từ lúc 10 giờ 30 trở đi, lúc nào cũng có các phi tuần hạn bay trên trời, và không quân được phép tấn công các mục tiêu dưới đất của Ai Cập, cũng như chặn đường các phi cơ của địch tại căn cứ gần Mitla. Buổi chiều, có một trận không chiến xảy ra trên phi trường Kabrit, giữa 12 chiếc Mig của Ai Cập với 8 chiếc Mystère Do Thái. Hai chiếc Mig bị hạ, 2 chiếc khác có lẽ trúng đạn. Phía chúng tôi có 1 chiếc Mystère trúng đạn nhưng cố về được tới căn cứ và hạ cánh một cách an toàn.

Dù nhiệm vụ chính của không quân là yểm trợ cho lữ đoàn 202 ở Mitla, các phi cơ của chúng tôi cũng tấn công nhiều mục tiêu dưới đất của Ai Cập, phần lớn là các đoàn xe, pháo binh di chuyển từ kênh Suez về phía Mitla. Những trận đánh này, dù rất gần phi

trường Ai Cập, nhưng ít thấy phi cơ địch lên bảo vệ cho các cánh quân dưới đất. Có lẽ họ tìm cách tránh né các cuộc giao phong chiến đấu cơ của chúng tôi. Trận đánh không phải diễn ra giữa các phi cơ, mà giữa các phi công. Về điểm này, sự khác biệt giữa phi công Ai Cập và Do Thái đã biểu lộ rõ ràng trong phi vụ cắt đứt đường dây điện thoại hôm kia của chúng tôi, trận oanh tạc tối qua của Ai Cập.

Trong ngày N. khoảng 2 giờ trước khi quân nhảy dù nhảy xuống Mitla, 4 chiếc Mustang của chúng tôi bay trên đường dây điện thoại căng giữa Thamad và Mitla—Kusseima—Nakhl để cắt các đường dây này. Máy bay buộc hai cái móc, định để khi bay, sẽ dùng móc giật đứt giây, nhưng không thành công. Giá họ cứ bay về và báo cáo không làm được, cũng chẳng bị trách mắng gì. Nhưng sau một cuộc thảo luận ngắn với nhau qua làn sóng điện, 4 phi công quyết định thử liều dùng cánh máy bay cắt dây điện thoại của Ai Cập; và họ thành công một cách kỳ diệu, không có tai nạn nào xảy ra cả, dây cũng không quấn vào chong chóng. Nên biết dây chỉ chằng cách mặt đất có 4 thước.

Trái với thái độ liều lĩnh ấy, tên phi công Ai Cập được lệnh lái chiếc Ilyushin 28 oanh tạc một phi trường của chúng tôi đã tìm cách an thân bằng cách thả bom xuống một ngọn đồi trống gần Jerusalem. Chỉ có một trại chủ ở làng Ramat Rachel may mắn trông thấy điểm bom nổ, báo cho cảnh sát. Sáng hôm sau, Cảnh sát đến xem thấy nhiều miếng bom của Liên Xô.

Chúng tôi không rõ chính phủ Ai Cập sẽ đối phó

cách nào với bản tối hậu thư của Anh—Pháp đã trao cho họ lúc 18 giờ 00 tối qua (giờ Do Thái.) Có thể trong tình trạng đang bị đe dọa về quân sự hiện tại, Ai Cập sẽ thay đổi các huấn lệnh đã ban cho quân đội. Lúc này chúng tôi đã có thể tổng kết các hoạt động sơ khởi của Ai Cập để chống lại cuộc hành quân của chúng tôi, dù các tin tức vẫn chưa nhận đầy đủ, và nhiều tin chưa được phối kiểm.

Câu hỏi đầu tiên là các nước Ả Rập sẽ làm gì ? hiện họ có giúp Ai Cập không, và nếu giúp, thì bằng cách nào ?

Kế hoạch của chúng tôi có vẻ thành công. Cho đến giờ phút cuối cùng, nghĩa là cho đến lúc nhảy dù xuống Mitla. Bộ tổng tham mưu của tất cả các nước Ả Rập đều tin quân Do Thái sẽ vào Jordan. Do đó Jordan đã tăng cường hệ thống phòng thủ dọc theo biên giới chung với Do Thái. Các đồn bót trước kia do một đại đội đóng giữ, bây giờ đóng một tiểu đoàn. Cả Irak cũng gia tăng lực lượng dự định đưa vào giúp Jordan, và chuyển thêm một lữ đoàn nữa đến Habbaniyah. Bây giờ, Irak có một sư đoàn đầy đủ ở biên giới Jordan—Irak, sẵn sàng vào giúp quân đội Jordan.

Về phương diện chiến thuật, đây là một cuộc chuyển quân phòng thủ của Jordan. Nếu muốn tấn công, Jordan phải tập trung quân chứ không thể phân tán lực lượng thành từng tiểu đoàn đóng dọc theo biên giới. Sự tăng cường của lực lượng Irak cũng không cho thấy có điểm nào khác với kế hoạch liên quân Irak—

Jordan cũ, cả về quân số lẫn địa điểm tập trung. Như vậy không có dấu hiệu nào chứng tỏ có tình hình nghiêm trọng cả.

Song đêm qua, khi bộ tổng tham mưu Ai Cập nhận được tin chúng tôi nhảy dù xuống Mitla, tấn công Kus-seima và Ras-en-Nakeb, chuyển quân trên trục lộ Kuntilla — Nakhl, hướng về kênh Suez, thì họ bắt đầu nhìn thấy ý định thực sự của chúng tôi, không biết bộ tổng tham mưu Ai Cập có yêu cầu các quân đội đồng minh của họ không, nhưng chính phủ Ai Cập đã chính thức kêu gọi các nước Ả Rập xa gần, hãy cùng đánh Do Thái (có lẽ đề động viên dư luận trong khối Ả Rập hầu dân chúng sẽ áp lực với chính phủ của mình thì đúng hơn).

Nếu là một bài tập quân sự trên bản đồ, trên sa bàn, hay trong một cuộc thao dượt, thật không có gì giản dị hơn. Chỉ cần cho quân Jordan tiến 12 dặm, quân Syria gần 30 dặm, theo đường chim bay, là Do Thái bị cắt làm ba khúc ngay ; Trên thực tế, không có dấu hiệu nào cho thấy Syria và Jordan định tiến quân như vậy. Hai xứ này có thể quấy rối khiến chúng tôi phải để lại một phần lực lượng để đối phó. Họ cũng có thể pháo kích các làng mạc, đô thị (Jerusalem chẳng hạn), và làm cản trở các đường giao thông, hoặc những việc tương tự. Nhưng cho rằng họ có thể mở được một cuộc tấn công toàn diện vào Do Thái trong vòng 24 giờ là lo nghĩ quá đáng.

Cho đến bây giờ, chưa có gì chứng tỏ Jordan hay Syria định tấn công Do Thái. Có lẽ cả dự đoán của

tôi rằng họ sẽ giúp Ai Cập cũng sai nốt.

Quân Ai Cập bị bất ngờ hoàn toàn. Dù mấy ngày nay, báo chí khắp thế giới đều nói đến cuộc động viên và chuẩn bị chiến tranh của chúng tôi, nhưng không bao giờ họ nghĩ rằng cuộc chuẩn bị đó lại nhằm vào họ. Tổng tham mưu trưởng quân đội Ai Cập, Abb-el-Hakim Amer, cùng một nhóm sĩ quan cao cấp đi thăm quân đội Jordan và Syria năm ngày, mới về nước hôm qua, theo đúng chương trình. Tôi nghĩ, nếu khám phá ra điều gì có vẻ đe dọa tại biên giới nước mình, chắc ông ta phải vội vàng bỏ về ngay.

Các tù binh của lữ đoàn nhảy dù khai rằng, những báo cáo đầu tiên mà bộ tổng tham mưu Ai Cập nhận được là do một biệt đoàn thuộc tiểu đoàn hai cơ động biên phòng đóng tại Thamad gửi về. Linh của biệt đoàn này trông thấy các máy bay Dakota đang thả dù, sau đó, lại thấy đoàn xe di chuyển về phía kênh Suez, mới báo cho cấp chỉ huy biết.

Tôi không hiểu Ai Cập nắm hết được tầm quan trọng cuộc chuyển quân này của chúng tôi không, nhưng họ đã có phản ứng ngay: Lệnh báo động được ban cho toàn thể hải, lục, không quân — Các oanh tạc cơ Ilyushine được lệnh sẵn sàng oanh kích các mục tiêu trên lãnh thổ Do Thái — Lữ đoàn 1 tổng trừ bị được lệnh di chuyển đến El Arish, và lữ đoàn 2 được lệnh đến tấn công cánh quân của chúng tôi vừa nhảy dù xuống Mitla ngay. Tất cả các đơn vị ở mặt Đông, mặt tiếp giáp với Do Thái, bao gồm bán đảo Sinai, giải Gaza, và khu vực kênh Suez, đều được lệnh tập

trung lực lượng, đề phòng cẩn mật, sẵn sàng đẩy lui mọi cuộc tấn công của Do Thái.

Hôm qua, tôi rất bức mình vì tư lệnh quân khu Nam đã cho Lữ đoàn 7 thiết giáp xuất trận trước giờ ấn định.

Dù đã có lệnh chỉ được sử dụng lực lượng thiết giáp. Sau ngày 31, và đã được giải thích lý do tại sao phải làm như vậy, tư lệnh quân khu Nam vẫn cho rằng phải khai thác tối đa yếu tố bất ngờ lúc đầu, để đánh chiếm bất cứ nơi nào có thể chiếm được, không nên bỏ lỡ cơ hội, nên ngay trong ngày N, ông đã tung hết lực lượng dưới quyền chỉ huy của mình vào trận đánh.

Vì công việc phút chót bề bộn, tôi không thể rời bộ chỉ huy thật sớm như dự định; và xe chạy trên đoạn đường về miền Nam nhỏ hẹp đầy quân xa, đại bác, mất nhiều thì giờ hơn tôi tưởng.

Tại Beersheba, nhìn vào bộ tư lệnh quân khu Nam, không thấy một bóng sĩ quan. Tất cả đều đã đi theo các bộ chỉ huy hành quân hết. Gặp vị tư lệnh này tại Beerotayim, cả hai chúng tôi đến thẳng Kusseima ngay.

Làng Kusseima nằm dưới thung lũng, còn trận đánh, trước khi chúng tôi đến vài giờ, diễn ra trên mấy ngọn đồi xanh quanh, nơi đóng quân của Ai Cập, nhưng làng cũng không tránh khỏi những dấu vết của chiến tranh. Một cửa hàng không may bị trúng đạn,

các giá, kệ thống trơn, miếng chai lọ bề rải tung tóe trên sàn nhà. Xác lạc đà nằm thành dãy ở ven làng—chúng bị giết hại một cách vô ích. Trong bụi cây, mấy chú linh đang đuổi bắt mấy con gà quá khôn lanh. Tôi thấy cảnh tượng vừa bi thảm, vừa mất nhân cách. Có lẽ cảm tưởng này tăng lên nhiều vì tôi đang giận bộ tư lệnh quân khu Nam.

Chúng tôi thấy đầu lữ đoàn 7 thiết giáp đã tới khoảng giữa dãy đồi Ras Matmor, cách Kusseima 12 dặm. Đoàn thiết giáp trên đường tây tiến, tung bụi mù mịt suốt đoạn đường. Lữ đoàn này đã tiến sâu vào Sinai 25 dặm, trong khi đó, theo kế hoạch, thì lữ đoàn đáng lẽ còn phải nằm bất động tại điểm tập trung là vùng Nahal Ruth, cách biên giới 25 dặm trong lãnh thổ Do Thái.

Tôi chợt nhớ lại những ngày thơ ấu, đi chăn bò và say mê đuổi bướm, nhiều con liều chết, vùng vẫy, vượt khỏi tay tôi. Tôi đỏ mặt nhìn chúng cong đuôi bay mất về phía cánh đồng xa.

Trên đường đi, tôi đã nghe vị tư lệnh giải thích tại sao lại cho di chuyển trái lệnh như vậy ; và tôi cố nói cho ông rõ những cảm nghĩ của tôi về thái độ của ông ta, trước khi chúng tôi gặp vị tư lệnh lữ đoàn. Bây giờ là lúc tôi phải ra lệnh.

Tôi đã biết rõ mình phải ra lệnh gì, và tôi nhìn rõ cả đoàn xe đang quay đầu về Nahal Ruth. Về phương diện kỷ luật thì không thành vấn đề, vì nếu không đúng, ta có thể điều chỉnh sau ; nhưng liệu có thể điều chỉnh được thành quả của chiến dịch này không ?

Lữ đoàn đã xâm nhập Sinai 8 tiếng đồng hồ, Tư lệnh quân khu Nam nói ông ra lệnh cho họ đi qua Kusseima, để tiến về Um Katef và Um Shihan, nhưng đã phải chận lại, trước khi họ tới đích, và không cho tấn công. Cũng như những trường hợp khác, vì «liên lạc trực trực,» nên một thiết đoàn đã tấn công vào Um Katef.

Nhưng Um Katef lại không hạ được. Cuộc tấn công gặp sức kháng cự rất mạnh mẽ, và vũ khí chống chiến xa địch đặt dưới hầm hố cần thận bắn ra rất chính xác. Một chiến xa và một bán xích xa trúng đạn. Một chi đoàn trưởng và 3 binh sĩ bị thương. Tiền sát viện pháo binh bị chết, khi bước xuống chiếc bán xích xa để định hướng địa bàn. Lúc ấy, tư lệnh lữ đoàn đã tới nơi, và thấy rằng thiết đoàn này không thể tự lực chiếm đồn Ai Cập được, nên cho thiết đoàn rút lui, và ra lệnh tập trung một lực lượng tấn công khác.

Việc phải đến sẽ đến. Nếu quả thật cuộc tiến quân của Lữ đoàn thiết giáp này làm không quân Ai Cập tăng gia hoạt động trước thời gian dự trù, chúng tôi cũng chả có cách nào ngăn cản được. Bây giờ, tốt hơn hết là khai thác tối đa lợi thế của lữ đoàn, vì chẳng nào họ cũng đã tham chiến rồi. Tôi bèn ra lệnh cho lữ đoàn 7 thiết giáp thì hành ngay các lệnh ấn định trong lệnh hành quân 'Kadesh' là chọc thủng và chiếm giữ trực lộ Jebel Livni — Ismailia.

Tư lệnh lữ đoàn lập lại rằng nếu chiếm Um Katef bằng lực lượng cơ hữu, thì thế nào cũng bị tổn thất nặng. Tôi bảo ông ta hãy bỏ Um Katef đấy, cho lữ

đoàn vòng qua phía tây, rồi hướng về kênh Suez, tiến trên hai trục song song Bir Hassna và Jebel Livni. Có lẽ không phải vị trí Ai Cập nào cũng kháng cự mạnh cả đâu. Thiếu gì, đồn chống cự yếu ớt, và khi tất cả các mặt trận đều khai diễn, những vị trí kháng cự mạnh chẳng nữa, cũng cảm thấy lẻ loi, và việc khuất phục họ sẽ ít khó khăn hơn. Hơn nữa, bình minh sáng mai, liên quân Anh Pháp sẽ dội bom xuống các phi trường Ai Cập — sau đó, có lẽ chúng tôi sẽ chiếm được các mục tiêu một cách dễ dàng hơn.

Đã cho lữ đoàn thiết giáp này tiến quân, thì cũng phải cho các cánh quân khác trên mặt trận này hoạt động. Do đó, lữ đoàn 10 được lệnh khởi hành ngay trong đêm nay, đêm 30, rạng ngày 31, tức là trước thời gian trên ấn định 24 giờ, để tiến chiếm các tiền đồn Ai Cập quanh vùng Nitzana, và các căn cứ Auja Masri, Tarat Um.

Chúng tôi trở về Kusseima. Vừa bước vào bộ tư lệnh lữ đoàn 4, thì nhận được tin đội thám thính của lữ đoàn 7 Thiết giáp đã chiếm được Deika. Deika là một đèo nhỏ, hẹp, cách Kusseima khoảng 50 dặm về phía tây. Đèo nối hai trục lộ song song Kusseima—Bir Hasna—Suez và Abu Ageila—Ismailia. Đầu nam đèo có một cây cầu. Khi đơn vị thám thính vừa tiến đến thì cầu bị giật sập. Họ nhìn thấy 3 người cưỡi lạc đà chạy về hướng tây. Cầu sập, đơn vị phải tìm cách đi vòng qua ngọn suối khô, tiếp tục theo đèo đến đầu phía bắc, rồi dừng lại tổ chức phòng thủ tại đấy. Bây giờ, lữ đoàn thiết giáp có thể tấn công Abu Ageila từ

mặt hậu, tức từ phía tây đánh tới. Dù vẫn đề ngày mai của lữ đoàn này ra sao, họ cũng sẽ không thiếu mục tiêu để xung phong đường lộ để tiến tới, và khoảng trống để dàn quân.

Lữ đoàn 4 đặt bộ tư lệnh trên một ngọn đồi phía đông làng, cách điểm dừng độ khá xa. Tôi nghe ông trình bày chi tiết cuộc đánh chiếm Kusseima, và báo cho ông biết các thay đổi trong kế hoạch. Dù lính lữ đoàn đã mệt nhọc, tôi vẫn ra lệnh cho ông phải cho đơn vị trinh sát mở đường đi Nakhl ngay, tiếp đó là một tiểu đoàn bộ binh để thay thế cho nhảy dù đang giữ Nakhl, vì đơn vị dù này cần tham dự một cuộc hành quân khác. Đại đội trinh sát lữ đoàn 4 được trang bị đầy đủ phương tiện di chuyển để vượt qua vùng đồi cát. Còn tiểu đoàn bộ binh theo sau thì không biết xe chở lính, hay lính sẽ phải khiêng xe. Nhưng chúng tôi không thể đợi được nữa. Chúng tôi phải giữ vững đà tiến và mở thêm trục di chuyển mới. Tôi hy vọng xe cộ sẽ đi trên con đường Kusseima—Nakhl dễ dàng hơn là đường từ Kusseima đi Kuntilla, hiện rất xấu. Vấn đề tiếp liệu sẽ trở nên khẩn thiết, khi các đơn vị đã dùng hết số lương thực, đạn dược, và nhiên liệu mang theo. Chúng tôi phải nắm vững các trục giao liên để vấn đề tiếp tế được đầy đủ.

Tôi rời Kusseima với một vật kỷ niệm : một đầu mũi tên bằng đá. Xích thiết giáp đã bới tung một đồng đá vụn trên một chiếc gò gần giếng nước, phát lộ một số dụng cụ nhân tạo. Có lẽ đây là một xưởng làm đồ đá cách đây từ 6000 đến 8000 năm. Bây giờ, còn

sót lại nhiều lưỡi dao gậy, những đầu mũi tên hình tam giác đáy nhỏ, và có cả khối đá làm khuôn các vật dụng nữa. Không hiểu nguyên do nào đã làm bộ lạc đã sống ở đây hàng ngàn năm trước này hoảng sợ đến nỗi phải bỏ chạy, để lại nơi đây xưởng chế tạo, với những dụng cụ và vật liệu thô sơ, rồi những trận bão sa mạc thổi cát đến lấp kín, và che dấu đám cổ vật này đến mấy nghìn năm, cho đến sáng nay, một chiến xa Sherman quanh gấp, mẩu xích bới tung lên mới đem chúng ra ánh sáng.

Về đến trung tâm hành quân bộ tổng tham mưu đêm qua, tôi lại ra lệnh mới cho các lữ đoàn để hoạt động ngày hôm sau, 31-10-56.

— Lữ đoàn 9 : Tiếp tục chuẩn bị để chuyển đến Sharm e Sheikh, nhưng chưa được khởi hành (cuộc di hành của lữ đoàn 9 dễ bị không kích nhất, nên chỉ di chuyển khi chúng tôi có ưu thế về không quân.)

— Lữ đoàn 202 : Tổ chức phòng thủ vị trí hiện tại, không được tiến về phía tây để chiếm đèo Mitla,

— Lữ đoàn / thiết giáp : chiếm các vị trí quanh Abu Ageila, Bir Hassna, và Jebel Livni, rồi tiếp tục tiến đến Bir Hama và Bir.

— Lữ đoàn 10 : Đêm 30, rạng 31, chiếm các đồi ở Auja Masri và Tarat Um, đêm sau, 31 rạng ngày 1, tấn công Um Katef và Um Shihan,

— Lữ đoàn 77 : Chiếm các vị trí tại Rafah đêm 31, rạng ngày 1.

— Lữ đoàn 27 thiết giáp : Sau khi hạ được Rafah, tiến chiếm El Arish ngay.

Nếu tất cả đều phù hợp với kế hoạch trong hai ngày 31 tháng 10 và 1 tháng 11 này, ta sẽ được chứng kiến những trận đánh lớn tại khu phía bắc, nơi quân Ai Cập tập trung.

Khá khuya, tôi đến thăm ông Ben Gurion. Ông vẫn còn phải nằm trên giường vì bệnh cúm. Mới có tin cho biết liên quân Anh—Pháp đã hoãn ngày tấn công, và có thể chưa oanh tạc vào sáng mai, 31-10, theo như chương trình dự định. Được tin này ông Ben Gurion rất lo ngại cho số phận đơn vị ở Mitla, và muốn cho họ trở về Do Thái ngay đêm nay, vì nỗi lo sợ của chúng tôi khi các cánh quân nằm trong lòng địch bị cắt đứt đường liên lạc như trong đêm ở Kalkilah đã in sâu vào ký ức ông. Tôi vẫn còn nhớ đêm đó, nhưng nghĩ rằng không đến nỗi phải rút đơn vị ở Mitla về. Dù cuộc tấn công của Anh—Pháp bị hủy bỏ chẳng nữa, tôi tin rằng chúng tôi vẫn có thể hoàn thành được chiến dịch này ; và Mitla là một bàn đạp rất quan trọng để đến Sharm e Sheikh qua ngã Tor. Do đó, tôi lập luận rằng, thay vì rút quân, ta nên tăng cường cho họ. Ông Ben Gurion miễn cưỡng chấp thuận đề nghị hủy bỏ ý định rút lui, nhưng tôi thấy chiến thuật hợp lý đó cũng làm ông yên tâm phần nào về số phận đoàn lính nhảy dù này.

Sau đó, tôi không còn dám cho ông biết những thay đổi trên trận tuyến Kusseima, và việc lữ đoàn 7 thiết giáp đã tham chiến trái với kế hoạch. Thực ra, dù tôi đã khiển trách vì họ vi phạm kỷ luật, và hành động hấp tấp một cách vô mưu, tôi cũng không khỏi có cảm

trình với sự vội vàng của lũ đoàn đã ra quân trước khi tình thế cần đến họ. Ngựa chúng vẫn thường là ngựa hay.

CHƯƠNG SÁU

TỔNG CÔNG KÍCH

Ngày 31 tháng Mười 1956.

LÚC 18G. TỐI QUA (GIỜ DO THÁI,) HAI CHÍNH PHU Anh và Pháp gợi cho Do thái và Ai cập một tối hậu thư, yêu cầu :

- 1.— Ngưng ngay các hoạt động chiến tranh trên mặt đất dưới biển, cũng như trên không.
- 2.— Rút lui các lực lượng vũ trang ra cách xa kênh Suez 10 dặm.
- 3.— Chính phủ Ai cập phải đồng ý « cho liên quân Anh — Pháp tạm chiếm các yếu điểm tại Port-Said, Ismaïlia và Suez, để bảo đảm quyền tự do lưu thông của tàu bè các nước trên Kênh, đồng thời để tránh các cuộc chiến tranh có thể xảy ra. »

Tối hậu thư này cần phải được trả lời trong vòng 12 tiếng, sau thời hạn trên, nếu một hay cả hai chính phủ chưa thi hành đúng theo lời yêu cầu trên liên quân Anh Pháp sẽ can thiệp nếu cần, để các điều khoản trên được tôn trọng.

Tối hậu thư này không làm Do Thái lo ngại. Chúng tôi không đóng cách kênh Suez trong vòng 10 dặm. cũng không dự tính tiến quân thêm làm gì, tối hậu thư này hiển nhiên chỉ dùng làm cái cớ để Anh—Pháp đem quân lực chiếm vùng kênh Suez mà thôi, tất nhiên Ai Cập không thể chấp nhận các điều kiện trong tối hậu thư này, nhất là khoản liên quân Anh—Pháp sẽ chiếm đóng các yếu điểm trong vùng.

Cùng lúc với Anh—Pháp, nước Mỹ cũng hoạt động mạnh, nhưng với ý định trái ngược hẳn. Thêm vào hai bức điện trước, hôm nay ông Ben Gurion nhận một bức nữa của Tổng thống Eisenhower, khuyên Do Thái nên rút quân khỏi Sinai, sau khi đã đạt được mục đích là phá hủy các căn cứ của quyết tử quân. Nếu Do Thái làm đúng như vậy, bức điện viết tiếp, Tổng thống Hoa Kỳ sẽ lập tức tuyên dương thiện chí với Do Thái.

Khi chính phủ Mỹ không nhận được trả lời thỏa đáng của Do thái, đại diện Mỹ tại liên hiệp quốc là ông Henry Cabot Lodge gửi cho ông chủ tịch hội đồng Bảo An (ngẫu nhiên tháng đó lại là đại diện Pháp), một văn thư khẩn, yêu cầu triệu tập hội đồng để tìm biện pháp chấm dứt ngay các hành động quân sự của Do thái tại Ai cập. Lúc 18giờ00 hôm qua, (giờ Do thái),

dùng lúc Anh — gửi tối hậu thư, hội đồng Bảo An cũng nhóm phiên khẩn cấp bất thường, đại diện Mỹ đưa ra giải pháp kêu gọi «Do thái lập tức rút quân về sau ranh giới đình chiến», và tất cả các nước hội viên không được dùng binh lực, hay đe dọa vùng này bằng binh lực, trái với ý định của LHQ... và ngưng mọi viện trợ quân sự, kinh tế hay tài chánh cho Do thái, cho đến khi nào Do thái chịu đáp ứng lời kêu gọi này».

Hội nghị hoãn cuộc bàn về yêu sách của Pháp, Anh và Do thái lại 5 giờ (đến 23giờ, giờ Do thái). Khi hội đồng tóm tắt buổi họp thì nhận được tin về tối hậu thư của Anh—Pháp, và Tổng thống Mỹ coi đó như một hành động phản trắc của các đồng minh ; do đó ông ra lệnh cho đại diện Mỹ phải dùng hết uy thế của Mỹ để chống lại kế hoạch Anh—Pháp.

Anh và Pháp dùng quyền phủ quyết ngăn không cho hội nghị chấp nhận giải pháp bất lợi cho họ và hội đồng Bảo An giải tán lúc 04g00 sáng (giờ Do thái.)

Trong khi ấy, vào lúc nửa đêm (30-10-56,) ngoại trưởng Do thái trả lời bức tối hậu thư như sau :

«Chính phủ Do thái đã nhận được công hàm chung của hai chính phủ Pháp và Anh, gửi cho hai chính phủ Do thái và Ai Cập về việc ngưng bắn và rút quân khỏi kênh Suez 10 dặm.

«Đáp lại công hàm ấy, chính phủ Do Thái hân hạnh tuyên bố chấp nhận cả hai điều kiện về thời gian cũng như khu vực và bày tỏ thiện chí mong mỗi được góp phần vào việc thực hiện mục đích ấy.

«Chính phủ Do thái hứa như trên với giả thiết

rằng phía Ai cập cũng có sự đáp ứng tương tự ».

Đúng như dự đoán, Ai cập không chấp nhận các điều khoản trong tối hậu thư. Nếu đó là điều Anh-Pháp đang chờ đợi, thì bây giờ họ có thể cất quân chiếm bất cứ nơi nào họ muốn, với lý do Ai cập không thuận theo đòi hỏi của họ.

Ngày 1 tháng Mười Một 1956

Lúc 19 giờ 00 ngày 31-10-1956 (giờ Do Thái), liên quân Anh-Pháp khởi sự oanh tạc các sân bay trong vùng kênh Suez của Ai cập.

Hoạt động này bắt đầu sau khi tối hậu thư được gửi đi 25 tiếng đồng hồ, thay vì 12 tiếng. Thời biểu các sự kiện xảy ra như sau : 17g00, ngày 29-10-1956, quân nhảy dù Do Thái nhảy xuống Mitla ; 25 giờ sau, lúc 18 giờ 00 ngày 30-10 Anh-Pháp gửi tối hậu thư cho Do Thái và Ai cập ; 25 giờ sau nữa, lúc 19 giờ ngày 31-10, liên quân Anh-Pháp mở cuộc tấn công vào Ai cập với mục đích chiếm kênh Suez.

Cho đến giờ phút này, tức là sau khi Anh-Pháp đã oanh tạc, bộ tổng tư lệnh quân đội Ai Cập vẫn chưa thay đổi lệnh lại, cũng chưa chỉ thị cho các đơn vị của họ ở Sinai rút lui về phía bên kia kênh Suez. Hôm qua bộ binh (lữ đoàn 1 và 2) và thiết giáp (thuộc lữ đoàn 1 thiết giáp) vẫn tiếp tục di chuyển từ khu vực kênh, nơi đặt bộ tổng tham mưu phòng hờ, đến tiếp viện cho các đơn vị ở Sinai. Bộ tư lệnh hải quân Ai Cập cũng ra lệnh cho ba phòng ngư lôi định do Nga

viện trợ, và khu trục hạm «Ibrahim elAwab», tham chiến đánh Do Thái, đồng thời cho chiến hạm «Domiat» đến tăng cường cho Sharm e Sheikh.

Dù có những sự kiện trên, tôi vẫn tin rằng việc bộ tổng tham mưu Ai cập ra lệnh cho các đơn vị rút lui về khu vực kênh Suez, nếu có thể rút lui được, chỉ còn là vấn đề thời gian.

Không các cuộc đụng độ trên không, các trận đánh nay diễn ra ở Abu Ageila, vùng hoạt động của thiết giáp, và ở Mitla. nơi đây, lữ đoàn 202 dù gặp nhiều rắc rối.

Trận Mitla, (tên chính thức của đèo Mitla là Jebel Heitan) bắt đầu lúc 12g30 hôm qua (31-10). Lúc mờ sáng, ngay sau khi lữ đoàn này đi theo trục lộ Nakhl đến gặp đơn vị đã nhảy dù xuống từ trước tại đài kỷ niệm Parker, tư lệnh lữ đoàn muốn tiến chiếm đèo ngay, tuy việc này đã bị bộ TTM cấm. Ông chỉ xin phép được đưa đi một toán tuần tiễu, và trưa đó toán tuần tiễu lên đường. Thực ra toán tuần tiễu là một lực lượng chiến đấu đủ khả năng đánh chiếm đèo, gồm có hai đại đội bộ binh ngồi trên bán xích xa, một phân đội ba chiến xa, đơn vị trinh sát lữ đoàn đi trên xe vận tải và một trung đội súng cối nặng yểm trợ. Chỉ huy cánh này là một tiểu đoàn trưởng, tư lệnh phó lữ đoàn cũng đi theo.

Khi đoàn xe vừa lên đèo là bị địch từ các mỏ đất hai bên bắn vào. Lối vào cầu gọi toán tuần tiễu này chỉ được chấp thuận với điều kiện, họ phải tránh các trận đụng độ lớn, nhưng họ vẫn tiếp tục vượt đèo, vì

cho rằng chỉ có lực lượng nhỏ của Ai cập trấn giữ nơi đây. Khi toán tiền phong của đoàn xe đã đi sâu vào con đường đèo chật hẹp, hỏa lực địch bỗng trở nên mãnh liệt, nhiều bán xích xa và nhân viên bị trúng đạn. Vì chỉ huy cánh này vội chạy lên tiếp cứu nhưng chính ông cũng bị mắc kẹt, vô phương tiến thoái, chỉ có thành phần đi trước, gồm hơn một đại đội, mặc dù bị bắn rát là chọc thủng được vòng vây và tiến đến đầu phía tây đèo; phần còn lại bị dính cứng tại chỗ, đạn từ các điểm cao xung quanh trút xuống làm con số tổn thất càng ngày càng lên cao.

Trong 7 tiếng đồng hồ, từ 13g00 đến 20g00, lính nhảy dù đã phải đánh một trận hết sức gay gắt, khó khăn mới tràn được vào vị trí Ai cập và chiếm đèo. Đây là một trận đánh hiểm thấy. Con số thương vong cũng nặng nhất từ trước đến giờ: 38 chết 120 bị thương.

Quân Ai cập đã chiếm các hang hốc thiên nhiên và nhân tạo tại các sườn đồi hai bên đèo, chia các loại súng tự động và chống chiến xa xuống con đường bên dưới. Sáng sớm ngày 30, lữ đoàn 2 Ai cập cho tiểu đoàn 5 cộng thêm một đại đội thuộc tiểu đoàn 6 đến giữ đèo, năm đại đội bộ binh Ai cập này được trang bị 14 đại liên, 12 đại bác 57 ly chống chiến xa và khoảng 40 khẩu súng không giật của Tiệp khắc.

Họ còn được bốn chiếc máy bay Meteor, sáu chiếc Mig, từ phi trường Kabrit bay lên yểm trợ. Các máy bay Ai cập hoạt động không bị gì ngăn cản. Lúc đó có sáu chiếc Ouragan của chúng tôi bay gần vùng Mitla,

nhưng vì truyền tin trực trặc, không ai gọi đến tiếp cứu quân bạn.

Ngay phút đầu, chiếc xe chở nhiên liệu của cánh này bị cháy, tiếp theo đó là xe chở đạn và ba chiếc khác. Viên đại đội trưởng vừa nhảy khỏi chiếc bán xích xa thì bị chết tại chỗ. Khẩu súng 120 ly đưa đi yểm trợ bị loại khỏi vòng chiến, bốn bán xích xa, 1 chiến xa, 1 xe Jeep và 1 xe cứu thương cũng bị trúng đạn nằm bất động.

Lính nhảy dù chỉ còn mỗi cách là bò lên sườn đồi, đánh cận chiến với lính Ai cập để chiếm từng ô kháng cự một. Xong lên như vậy, không những thâu được thắng lợi, họ còn kéo theo được hàng chục người chết và bị thương nằm bên lề đường, cạnh những chiếc xe đang bốc cháy.

Họ làm như vậy là đúng. Trong tình cảnh ấy chắc khó có đơn vị nào tìm được cách đánh thắng địch. Cánh quân nhảy dù này, được hai đại đội đến tăng cường đã chọc thủng được cụm bẫy của địch, hai đại đội trên đi vòng sau lưng địch, trèo lên các đỉnh đồi, rồi từ trên cao đánh thốc vào phòng tuyến Ai cập ở sườn đồi. Kết thúc trận đánh, Ai cập chết 150 tên, phần còn lại, lành lặn hay bị thương, lui vào bóng tối, và chạy về kênh Suez.

Trận đánh đẫm máu ở đèo Heitan tại Mitla có thể còn có lý, nếu nhiệm vụ của lữ đoàn phải đến kênh Suez, và bị quân Ai cập cản lại. Nhưng hiện tại, mục đích của chúng tôi là chiếm Sharm e Sheikh ở phía nam, chứ không đến Suez, vậy cần gì phải tấn công

các đơn vị Ai cập tấn giữ con đường tiến về kênh Suez. Chúng tôi hoan nghênh và khuyến khích tinh thần chiến đấu cũng như lòng dũng cảm cao độ của các cấp chỉ huy nhảy dù, nhưng trận đánh này thật là vô ích. Hơn nữa sau khi tấn công chiếm đèo rồi, cũng vẫn phải bỏ đèo rút về, tiếp tục đóng tại đài kỷ niệm Parker.

Có mấy sĩ quan ở bộ tổng tham mưu không bằng lòng, cho rằng tôi quá dễ dãi với nhảy dù. Dĩ nhiên ai cũng phải đau xót vì tổn thất nặng nề đó ; song tôi không phiền trách gì về trận đánh, mà chỉ giận họ gọi cuộc hành quân đó là một cuộc 'tuần tiếu' để trấn an bộ TTM. Tôi tiếc rằng mình đã không tạo được sự tin cậy lẫn nhau. Nếu họ muốn làm trái lệnh tôi, họ vẫn có thể hành động một cách công khai, thẳng thắn, cần gì phải che giấu.

Tuy giận rằng họ đã coi thường lệnh trên, nhất định tấn công, nhưng tôi vẫn thông cảm được với họ. Trong cuộc chiến tranh giành độc lập 8 năm trước, khi đó, tôi chỉ huy một tiểu đoàn biệt động quân, cũng đã có lúc hành quân trái lệnh bộ TTM. Tôi cho rằng một cấp chỉ huy có thể làm như vậy mà không có lỗi gì cả, vì các sĩ quan tham mưu không thể biết rõ tình hình địch. Chỉ người có mặt tại trận địa mới hiểu rõ tình hình, và quyết định chính xác được, do đó, phân tích trận Mitla, ta nên phân biệt rõ thế nào là nhầm lẫn, thế nào là vô kỷ luật.

Lỗi chính của nhảy dù trong trận này thuộc về phương diện chiến thuật. Bộ chỉ huy cánh này ước

tính rằng Ai Cập không có lực lượng mạnh ở Mitla, nên mới đi theo con đường dưới thấp cho dễ, và đoàn xe di chuyển dính chùm lại với nhau. Họ nghĩ rằng nếu dụng địch, họ vẫn còn đủ thì giờ để dàn quân và phản công.

Đoàn quân nhảy dù này đã quá chủ quan, vì tổ chức nhanh chóng và xung phong mãnh liệt vẫn là kỹ thuật tác chiến cổ hữu của họ. Nhưng địa thế đặc biệt của đèo Mitla không hợp với chiến pháp ấy.

Mặt khác, có lẽ vị tư lệnh lữ đoàn dù không lạ gì địa thế vùng này, trước khi mở cuộc hành quân ; nhưng hiện tại, lữ đoàn bị cô lập và cách xa lực lượng chính hàng trăm cây số sâu trong lòng địch, còn khoảng cách đến các căn cứ không quân và thiết giáp địch tương đối rất gần, tất nhiên họ phải nóng lòng củng cố vị trí.

Lầm lẫn về suy luận và chiến thuật làm đội quân nhảy dù phải trả một giá bằng xương máu khá đắt. Còn việc tha thứ cho hành vi bất tuân thượng lệnh của họ, thì thực ra, tôi chỉ coi đó như một đơn vị không hoàn thành được nhiệm vụ của mình, chứ không phải họ đã đi ra ngoài nhiệm vụ, hay lời yêu cầu của họ.

Trong các cuộc giao tranh trên bộ, ngày hôm qua có thể gọi là ngày của lữ đoàn 7 thiết giáp. Các cánh quân thuộc lữ đoàn này chiếm Abu Ageila, đập Ruafa, Bir Hassnz, Jebel Livni, và Bir Hama. Họ cũng phạm nhiều khuyết điểm. Trong ngày, họ bị máy bay bạn tấn công mấy lần ; những chiếc máy bay này dĩ nhiên bắn không trật, khiến 1 chiếc bán xích xa trúng đạn.

Tại Jebel Livni, 4 chiếc Ouragan tấn công 1 phân đội chiến xa, làm 7 người bị thương, và hư mất mấy chiếc xe. Những cuộc ngọ nhận này phần lớn vì liên lạc giữa lữ đoàn 7 và không quân thiếu chặt chẽ. Máy liên lạc trên hệ thống không—lục bị hư từ khi lữ đoàn vừa đặt chân vào Kusseima, và trong hai ngày 30 và 31, máy vẫn chưa sửa được, nên lữ đoàn không thể xin yểm trợ, mà cũng không giữ liên lạc với không quân được.

Đêm trước (30-10), sau khi chiếm Deika, các toán thuộc thiết đoàn đã vượt đèo, đề sẵn sàng tấn công các mục tiêu ở ngay phía bắc đèo vào lúc rạng đông. Cuộc di chuyển qua đèo rất khó khăn, vì cầu sập, phải mất cả đêm, khiến ai nấy đều mệt lả. Trên quãng đường lồi lõm, không những xe vận tải thường, mà cả xe 6 x 6 cũng không qua nổi. Chỉ loại xe chiến đấu như bán xích xa, chiến xa mới tới được đầu đèo bên kia lúc bình minh.

Lúc 05g30, một toán thiết giáp tiến đánh Abu Ageila. Đơn vị phòng thủ Ai Cập nghe tiếng xe thiết giáp di chuyển suốt đêm qua, đã chuẩn bị tiếp chiến kỹ lưỡng, và bắt đầu pháo kích lúc toán này còn cách ba cây số. Cuộc pháo kích làm bộ binh phải dừng chân nhưng thiết giáp vẫn tiến. Khi những chiếc chiến xa tiên phong cách vị trí địch độ 200, 300 thước, thì bắt đầu gặp hỏa lực bắn thẳng của súng chống chiến xa và đại liên địch. Một phân đội chiến xa tìm cách bọc sườn trái địch, lại bị một ngọn suối khô quá sâu chặn đường (suối mùa El Arish); nhờ cạnh suối mùa này có một

xạ trường tốt, nên họ đã yểm trợ cho đơn vị bán xích xa chạy theo đường cái, xông thẳng vào chọc thủng phòng tuyến Ai Cập.

Trong lúc đó, sườn phải chúng tôi vẫn còn bị hở. Vị chỉ huy quân Ai Cập đã nhận thấy khuyết điểm này, liền phái một đại đội bộ binh đến tấn công. Đại đội địch tìm cách ra khỏi đồn, dưới hỏa lực yểm trợ từ trong căn cứ bắn ra, nhưng bị một chi đội bán xích xa đi sau đoàn chiến xa trông thấy, liền tiến lên bọc sườn địch, và đẩy lui chúng trở lại vị trí phòng thủ. Trận đánh coi như ngã ngũ khi chiến xa và bán xích xa tiến đến các ổ kháng cự, dù quân phòng thủ đã tỏ ra rất can đảm, có người còn dám đứng ngay đầu chiến xa bắn bazooka. Sau một giờ tấn công, trận đánh kết thúc lúc 06G 30. Thiệt hại phía chúng tôi rất nhẹ. Tồn thất địch không rõ. Đồn do một đại đội bộ binh và các đơn vị yểm trợ đóng giữ, cộng thêm toán quân Ai Cập mới từ Kusseima rút về hôm qua. Có một sĩ quan Ai Cập dẫn một toán lính tìm đến đơn vị an ngữ xin hàng. Tuân theo lệnh tiểu đoàn trưởng, viên chỉ huy an ngữ không bắt tù hàng binh, nên cho họ được tự do chạy theo các đồng đội vào vùng sa mạc.

Chẳng bao lâu sau khi chiếm được, Abu Ageila bị pháo binh Ai Cập tại căn cứ Um Shihan pháo kích nặng nề, đồng thời, một đơn vị Ai Cập gồm bộ binh cơ động, toán chống chiến xa trang bị súng Archer, và mấy chiếc chiến xa từ hướng El Arish tiến đến. Cả ba lần, đơn vị này cố tiến vào vị trí đã mất đều bị

hỏa lực thiết giáp đẩy lui vào đám khói bụi. Trong xung phong thứ ba, lực lượng Do Thái có máy bay yểm trợ, khiến địch phải bỏ chạy, để lại nhiều xe bị cháy.

Trận đánh lớn nhất của lữ đoàn thiết giáp trong ngày này diễn ra tại đập Ruafa, và đơn vị làm chiến ở đây cũng gặp tình trạng tương tự như đơn vị vừa chiếm Abu Ageila hồi sáng.

Quân lính trong đơn vị đã chiến đấu suốt ba ngày không nghỉ, mệt gần đứt hơi, nhưng vị thiết đoàn trưởng vẫn thúc họ tiến, đề khai thác đà xung kích sẵn có. Đêm qua, chỉ công binh được ngủ ba giờ, vì nếu quá mệt, họ sẽ thiếu sáng suốt, và gặp rủi ro khi gõ min, có thể nguy hiểm đến tính mạng.

Việc ban lệnh mất ba phút: Thiết đoàn trưởng chỉ vẫn tắt cho biết mục tiêu là các cơ cấu phòng thủ Ruafa, và phân chia khu vực hoạt động cho các chi đoàn.

Cuộc xung phong nhằm vào hướng tây nam, và đối đầu với cánh này của chúng tôi là một hệ thống phòng thủ có hầm hố kỹ lưỡng, với hơn 20 ổ chống chiến xa, gồm 10 khẩu «Archer», 7 khẩu đại bác 57 ly không giật, và 6 khẩu đại bác 25 pounder bắn trực xạ.

Trận đánh bắt đầu lúc mặt trời lặn. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, mịt mờ cát bụi, những cặp mắt mệt mỏi của nhân viên xa đội khó nhìn thấy xe chạy trước. Quân Ai cập xả tất cả các loại súng họ có, và ngay phút đầu, một bán xích xa trúng đạn, toàn thể nhân viên xa đội đều chết hay bị thương, làm mất xe

khác phải dừng lại, nhưng chỉ mấy phút sau, họ lấy lại bình tĩnh. Và tiếp tục tiến, Mìn đem buồng nhanh trong bóng tối mịt, chỉ còn ánh sáng từ những viên đạn lửa vạch các đạn đạo chéo qua chéo lại, và ánh lửa từ kho đạn Ai cập, bị chúng tôi bắn trúng đang nổ. Tất cả chiến xa thuộc đơn vị xung phong đều trúng đạn chống chiến xa, nhưng đa số vẫn tìm cách tiến. Trong giai đoạn chót của trận đánh, chiến xa này bị hết đạn, nhân viên xa đội phải chiến đấu bằng lựu đạn và súng tiểu liên. Sau khi quét sạch ổ kháng cự cuối cùng, những người bị thương được tập trung lại để băng bó dưới đèn pha xe jeep. Nếu Ai cập phản công lúc này, chắc quân Do thái bị chết đứng. Chỉ còn mấy chiến xa là không việc gì, nhưng lại hết cả xăng lẫn đạn. Lính Ai cập cũng cần một thời gian để chuẩn bị cuộc phản công, và khi họ tới, lúc 21g00, thì đơn vị thiết giáp của chúng tôi cũng đã được tái tiếp tế nhiên liệu và đạn được xong sẵn sàng dàn quân phòng thủ. Quân Ai cập được pháo binh từ các vị trí Um Katef và Um Shihan yểm trợ, các tay súng chống chiến xa «Archer» cũng theo sát bên họ. Nhưng cuộc phản công thất bại, họ phải rút lui về El Ansh, bỏ lại thêm 4 khẩu Archer và 37 xác chết. Tồn thất của đơn vị chiếm đập Ruafa của chúng tôi là 10 chết và 30 bị thương.

Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ số lượng các loại vũ khí, đạn dược và trang cụ do lữ đoàn này tịch thu được tại các vị trí và doanh trại địch, nhưng tin tức cho biết con số này rất đáng kể. Cũng chưa

ai nghĩ đến tập trung các tù binh ở Ruafa cũng như Abu Ageila lại. Các đơn vị thiết giáp không đủ phương tiện và thì giờ làm việc ấy. Ngay sau khi chiếm xong vị trí địch, việc đầu tiên của các Sĩ quan thiết giáp là tổ chức lại đơn vị rồi tiếp tục tiến, không mất thì giờ và nhân lực để giải quyết các vấn đề liên quan đến vùng vừa chiếm được.

Hơn nữa nhân viên xa đội tất nhiên phải theo sẵn sóc chiến xa như sau trận đánh ở đập Ruafa chẳng hạn, khi tất cả chiến xa đều trúng đạn, nhân viên xa đội và các thợ máy phải sửa suốt đêm, cho nên sáng hôm sau, tất cả đều sẵn sàng hoạt động, trừ ba chiếc không sửa được.

Bây giờ chúng tôi thực sự kiểm soát được ba con đường miền nam Nakhl-Mitla; Jebel Livni; và Bir Hassna. Sáng nay một cánh thiết giáp đến chiếm Hassna, không có gì khó khăn. Đồng thời một cánh thiết giáp khác di chuyển trên con đường phía bắc, và song song với đường này để đến chiếm Jebel Livni vào buổi trưa, rồi lại tiếp tục tiến về hướng tây, chiếm Bir Hama lúc 16 giờ 00; cả hai mục tiêu đều không gặp sức kháng cự nào đáng kể. Chỉ còn hai đồn Um Katef và Um Shihan là còn trong tay Ai Cập, nhưng cả hai đều coi như bị bao vây ở cả ba mặt, chỉ còn liên lạc được với căn cứ qua ngã El Arish.

Điều làm chúng tôi lấy làm lạ nhất là thiết giáp Ai Cập. Theo tin tình báo, Ai Cập có hai đơn vị thiết giáp tại Sinai. Đơn vị thứ nhất là thiết đoàn 3 kỵ binh, đặt dưới quyền chỉ huy của bộ tư lệnh sư đoàn 3 tại

El Arish. Đơn vị thứ hai là lữ đoàn 1 thiết giáp, tổng trừ bị tại kênh Suez. Lữ đoàn này đã được đưa vào Sinai ngày 30.10, gồm hai thiết đoàn chiến xa T — 34 Liên xô, một pháo đội pháo binh cơ động trang bị đại bác SU — 100 nòng dài Liên xô, và một tiểu đoàn bộ binh cơ động đi trên thiết quân vận, cũng do Liên xô chế tạo. Lữ đoàn 7 thiết giáp của chúng tôi hôm qua đã rình rập lữ đoàn Ai Cập này, nhưng chưa giáp chiến. Phi cơ Do Thái báo cáo đã tấn công các thiết giáp này, trong lúc chúng đang chạy tới, chạy lui trên quãng đường Bir Gafgafa — Jebel Livni, và địch cũng đã cho một phân đội chạy về phía Mitla, qua ngã Bir Hassna. Như vậy, thiết giáp Do Thái vẫn chưa có dịp gặp gỡ thiết giáp Ai Cập. Thực ra, sau khi chiếm đập Ruafa, máy bay Do Thái có oanh kích mấy chiến xa địch, lúc ấy đang bị quân Do Thái từ xa bắn tới, nhưng các chiến xa đó dường như của thiết đoàn chiến xa Sherman đóng tại El Arish.

Ta có thể nói, cho tới giờ phút này, các đơn vị lực quân của chúng tôi vẫn chưa gặp thiết giáp địch, và sức kháng cự của địch phần lớn trông vào các vũ khí chống chiến xa bất động đặt tại vị trí như đại bác 57 ly, súng 'Archer' súng Bazooka, và đại bác 25 pounder bắn trực xa. Nói cách khác, hệ thống phòng thủ Ai Cập đặt căn bản trên loại vũ khí bất động, và họ cũng ít nhiều làm tròn nhiệm vụ; còn lực lượng thiết giáp và bộ binh cơ động thì chưa tham chiến và không làm tròn nhiệm vụ. Đó là trường hợp của tiểu đoàn hai cơ động biên phòng trên trục Nakhl, và của lữ

đoàn một thiết giáp được bộ TTM Ai Cập đưa vào tăng cường cho Sinai. Các lực lượng tăng viện này dường như chỉ chạy quanh quần phía sau, và nếu ý định thực sự của các cấp chỉ huy của địch là cho họ tham gia chiến dịch, thì ý định đó đã thất bại.

Cuộc oanh tạc các sân bay Ai Cập của Anh và Pháp đêm qua đã làm tê liệt không lực Ai Cập, khiến họ không còn khả năng hoạt động chống chúng tôi nữa. Tuy vậy, trước cuộc oanh tạc này, suốt một đêm (29-10) và hai ngày (30 và 31-10) đánh nhau, trước khi Anh — Pháp hành động, máy bay Ai Cập cũng không hoạt động quá biên giới Sinai. Các xứ Ả Rập láng giềng như Syria và Jordan được yêu cầu, và đã hứa sẽ tấn công Do Thái bằng không lực; nhưng cũng chỉ hứa suông. Trong đêm 30, rạng ngày 31, Không quân Ai Cập có cho oanh tạc cơ Ilyushin — 28 qua oanh tạc hai lần tại hai địa điểm, nhưng bom đều thả xuống đồng trống cách xa thành phố và làng mạc, nên không gây thiệt hại nào.

Ngoài oanh tạc cơ Ilyushin, Ai Cập còn cho các chiến đấu cơ Vampire, Meteor, và Mig — 15 hoạt động. Các phi cơ Vampire và Meteor thường có Mig hộ tống, có nhiệm vụ tuần tiễu và tấn công các mục tiêu dưới đất quanh vùng Mitla, và dọc theo trục lộ Nakhl. Các máy bay Mig, ngoài nhiệm vụ hộ tống, còn yểm trợ cho lữ đoàn 1 thiết giáp, và bảo vệ chống

lại cuộc không kích.

Chiến trường ở sát nách phi trường, song phi công Ai Cập có vẻ không làm việc hết sức. Trong ngày đầu, (30-10,) họ chỉ bay khoảng 40 phi xuất (mỗi máy bay chưa được một phi xuất,) và ngày hôm sau, 90 phi xuất.

Nhận xét chung, ta ~~thể~~ thấy, các phi công Mig không hề tránh né. Nhiều lần, họ đã phục kích đoàn phi cơ Do Thái sau khi đã bắn hết đạn, và gần cạn xăng, đang trên đường về, nhưng ít khi họ chịu xuất hiện đông đảo cỡ 4, 8 chiếc và họ tìm cách kết thúc trận đánh thật nhanh, không muốn dây dưa, kéo dài. Phi cơ của chúng tôi hay bay thấp để oanh kích các mục tiêu dưới đất cho được chính xác, nên thường trúng đạn phòng không Ai Cập; nhưng trong các cuộc không chiến (14 cuộc) không có chiếc nào bị hạ. Trái lại, có ít nhất, 4 chiếc Mig và 4 Vampire bị các phi công Do Thái bắn rớt.

Trong các cuộc oanh kích của Ai Cập nhằm vào mục tiêu dưới đất, chỉ có một cuộc quan trọng diễn ra trong trận đánh tại đèo Heitan, Mitla. Khó xác định rằng bao nhiêu lính và quân dụng bị tổn thất vì phi cơ, và bao nhiêu vì quân bộ. Nhưng ta có thể tính đại khái là cuộc không kích đó đã làm cho Do Thái bị 10 chết, 20 bị thương. Cuộc không kích đó cũng đã phá hủy được khẩu súng cối hạng nặng, xe đạn dược, và ba chiếc xe khác của Do Thái. Các cuộc không kích khác của Ai Cập như ở Thamad, đài kỷ niệm Parker, vào đoàn xe đang di chuyển từ Eilat đến Nakhl... tổn

thất nhân mạng cũng như xe cộ của chúng tôi không đáng kể, và không ảnh hưởng gì đến chiến trường.

Dù không rõ không quân Do Thái đã gây được bao nhiêu phần trăm trong tổng số thiệt hại của địch, nhưng chắc chắn là trong mấy ngày qua, họ đã đóng một vai trò quyết định cho chiến dịch. Tôi cho rằng nếu nói phi cơ của Do Thái đã gây được ít nhất là phân nửa tổng số tổn thất về nhân mạng và trang cụ của địch, cũng không phải là quá đáng.

Nhiệm vụ chính của họ là tấn công các mục tiêu dưới đất: vị trí địch, đường xe lửa từ Ai Cập đến Gaza, các đoàn xe, đoàn thiết giáp. Không quân Ai Cập tỏ ra hoàn toàn bất lực trong việc bảo vệ các mục tiêu trên. Hầu như không có cuộc không tập nào của không quân Do Thái bị thất bại, vì sự can thiệp của các phi công Ai Cập. Có thể nói lũ đoàn một thiết giáp Ai Cập không tiến về hướng đông Bir Gafaga được cũng vì e ngại không quân của chúng tôi, và thiết đoàn 3 kỵ binh không tham gia phòng thủ các cứ điểm Abu Ageila và Ruafa được, là vì bị phi cơ Do Thái tấn công. Ngoài ra, trong mấy ngày đầu, chỉ không quân là thực sự đụng độ với chiến xa Ai Cập, và đã thành công lớn.

Rạng đông sáng qua, có một cuộc tấn công của Hải quân Ai cập vào cảng Haifa. Chưa trận nào có kết quả lớn như trận này. Chỉ trong vòng ít tiếng đồng hồ,

chiếc tàu tấn công là khu trục hạm Ibrahim el Awal bị hải quân Do thái bắn trúng bao vây và bắt được cả tàu lẫn thủy thủ đoàn đem về Haifa.

Được biết ngày hôm trước, 30-10, khi chiếc Ibrahim el Awal đang neo tại Portsaid, thuyền trưởng hải quân là Thiếu Tá Hassan-Rushdi Tamzan nhận được điện thoại của tư lệnh hải quân Ai cập, Đô đốc Siman Azat, ra lệnh cho ông phải sẵn sàng cho thuyền nhỏ neo trong đêm để lên đường hành quân. Mục tiêu sẽ cho biết sau khi tàu rời bến.

Thủy thủ đoàn mất cả ngày để chuẩn bị, đồ nhiên liệu, lấy thêm đạn dược, thực phẩm và tàu lặn lẽ tách bến lúc trời nhá nhem tối.

Theo nhật ký hải trình của tàu, thì thuyền trưởng nhận được lệnh hành quân Mã hóa lúc 19g30, ra lệnh cho ông phải tấn công vào hải cảng Haifa, bắn phá tàu bè lẫn tàu chứa dầu, và các căn cứ quân sự ở đây vào lúc bình minh.

Ông ta quyết định tấn công ngay lúc trời còn tối, để khi vừa tản sáng, tàu có thể rút lui khỏi vùng hoạt động được.

Do đó lúc 03g30, (sáng ngày 31) khu trục hạm Ibrahim el Awal tiến vào cách Haifa có 6 dặm lúc đó vừa di chuyển với vận tốc từ 12 đến 14 gút, vừa bắn 220 trái đại bác 4 inch (101,6 ly) vào hải cảng. Những tác xạ đó khá chính xác, có nhiều trái rơi trúng bến tàu, trại hải quân, và ụ đóng tàu, nhưng không người nào việc gì, sự hư hại cũng không đáng kể. Trước đó Radar của chúng tôi phát hiện có tàu tiến gần, nhưng không

nhận ra được đó là tàu địch. Các chiến hạm tuần duyên Do thái cũng không chú ý đến khu trục hạm này sau khi bị pháo kích hệ thống phòng thủ mới được báo động, khu trục hạm Pháp Crescent, lúc đó đang ở quanh vùng Haifa là chiếc tàu đầu tiên nhận ra tàu địch, và khai hỏa lúc 03g38, bắn vào tàu đó 64 trái. Nhưng tàu Crescent không đuổi theo tàu Ai cập, thành ra bị mất hút. Thuyền tàu Ibrahim thấy bị lộ, vội xả hết tốc lực chạy về Port Said.

Bộ tư lệnh Hải quân Do thái đánh điện cho hạm đội khu trục ở ngoài khơi, lúc đó đang cách Haifa 32 dặm về phía tây nghênh cản tàu địch. Khu trục hạm Jaffa và Eilat liền đuổi theo chiếc Ibrahim el Awal (lúc 03g 56), và 1 tiếng rưỡi sau (05g27), họ nhìn thấy và bắt đầu vào tàu địch trên tầm xa 9000 mã. Cuộc trao đổi trái phá tiếp tục, trong lúc khu trục hạm Ai cập tìm cách né đạn. Khi thấy đường về Ai cập đã bị chặn, tàu địch bèn quay đầu chạy về hướng cảng Beirut của Liban ở phía bắc, nhưng không thoát khỏi hạm đội Do thái, chiếc Jaffa đã bắn 242 trái, và chiếc Eilat bắn 194 trái, nhiều trái nổ sát tàu Ibrahim, làm tàu bị hư.

Trời vừa tảng sáng, bộ tư lệnh Hải quân xin không trợ, chiếc đầu tiên cất cánh là chiếc Dakota, khi đã nhận được địch (lúc 05g46) liền có hai chiếc Ouragan bay đến. Chiếc Dakota hướng dẫn các phần lực cơ tới chỗ tàu Ibrahim el Awal, lúc đó cách bờ biển Do thái 37 dặm. Không có chiếc máy bay địch nào bay trên vùng này. Không chờ các chiến hạm bạn ngưng bắn, hai chiếc Ouragan nhào xuống phóng phi đạn chống

chiến xa (mỗi chiếc mang 16 trái) và xả đại bác xuống boong khu trục hạm Ai cập. Các phi đạn phá hư phần đầu chiếc tàu. Khi thuyền trưởng thấy bánh lái gãy, hệ thống điện hư, và máy nâng đạn kẹt, liền kéo cờ trắng xin đầu hàng. Lúc đó là 07g10.

Khi hai chiếc Jaffa và Eilat đến gần chiếc Ibrahim, thấy địch đang hạ thủy một thuyền cấp cứu, nhưng đã bị lật úp, đáy thuyền bị đạn bắn lỗ chỗ như rổ thưa, và họ đang vớt lên 53 thủy thủ, trong số đó có 2 bị thương. Trên boong tàu tịch thu còn thấy 6 người bị thương khác, 2 người chết, và thành còn lại gồm 153 thủy thủ. Chiến hạm đó được chiếc Eilat kéo về Hải cảng Haifa.

Các thợ Ai cập cố đánh đắm tàu bằng cách mở các thông nước, nhưng các ống sắt bị rỉ sét, mở không được.

Nhật ký hải trình khu trục hạm ghi cuộc liên lạc cuối cùng với bộ tư lệnh Hải quân Ai cập tại Alexandria như sau :

Alexandria : 06.31 — Anh có phi cơ Ai cập bao vùng, ngoài ra còn các oanh tạc cơ đang từ Syria bay đến giúp Anh.

Ibrahim el Awal : 06.41 — Hiện tôi đang bị 3 phi cơ và 2 chiến hạm địch tấn công. Vẫn chưa có tiếp viện.

Ibr-el-Awal : 06.50 — Tôi bắt buộc phải dừng lại.

- Alexandria : 06.55 — Toán tiếp viện đang trên đường từ Beirut đến. Hãy tiếp tục bắn.
- Ibr-el-Awal : 06.56 — Tàu hết hoạt động được.
- Ibr-el-Awal : 07.00 — Chúng tôi hết đạn.
- Alexandria : 07.01 — Bỏ tàu.
- Alexandria : 07.03 — Bỏ tàu sau khi đốt hết giấy tờ, phá hủy dụng cụ, và đánh đắm tàu.
- Ibr-el-Awal : 07.25 — Cuộc tấn công Haifa rất kết quả. Không xác định được tổn thất địch. Ta có mấy người bị thương. Chúng tôi đang đánh đắm tàu.
- Ibra-el-Awal : 07.32 — Tất cả đã rời tàu, chúng tôi cũng sắp rời tàu.
- Alexandria : 07.37 — Các bạn đã hoàn thành nhiệm vụ, các bạn hãy tiếp nhận niềm hãnh diện. Chúng tôi và tổ quốc lấy làm vinh dự vì các bạn. Sẽ sẵn sàng gia đình các bạn. Xin ơn trên phù hộ các bạn.
- Ibr-el-Awal : 07.50 — Chúng tôi đã mở các khóa đánh đắm tàu. Hiện đang bị kẹp giữa hai khu trục hạm Do thái, chiếc Jaffa

bên trái và Eilat bên phải.

Ngay sau khi chúng tôi bắt đầu hành động ở Sinai, khắp thế giới đều lên tiếng buộc tội. Lời buộc tội càng gay gắt khi Anh Pháp nhảy vào vòng chiến — thoát tiên với tối hậu thư, sau cuộc oanh tạc các căn cứ không quân Ai cập.

Đứng đầu chiến dịch chống lại các cuộc hành quân ở Sinai—Suez, là chính phủ Hoa Kỳ, và dĩ nhiên phải có mặt chính Phủ Sô Viết, hai cao thủ được một đám đông thuộc ban hòa tấu « hòa bình với bất cứ giá nào » phụ họa nồng nhiệt. Đặc biệt là họ không phải trả đồng xu nào cho cái giá đó cả.

Sau vụ Anh Pháp dùng quyền phủ quyết, hội đồng Bảo An giải tán hôm qua (31-10) mà không quyết định được gì, đại diện Nam Tư, được ông tổng thư ký LHQ Dag Hammarskjöld ủng hộ, đề nghị nên triệu tập đại hội đồng LHQ ngay. Anh và Pháp phản đối đề nghị này. Úc và Bỉ tránh né, nhưng bảy hội viên khác của hội đồng Bảo An bỏ phiếu thuận, nên đại hội đồng sẽ được triệu họp khẩn cấp vào lúc 17 giờ hôm nay, đúng nửa đêm tại Do thái.

Nghị viện cũng như công chúng Anh cũng phản đối mãnh liệt cuộc hành quân của Anh—Pháp. Các lời chỉ trích đều nhắm vào thủ tướng Anh. Ta thấy rõ đa số dân chúng và phần lớn nội các Anh không đứng sau ông Eden trong vụ Suez, ông cũng không gặp dễ dàng gì với các tư lệnh quân đội Anh. Họ nói, họ đã bảo rằng quân Ai cập mạnh; do đó cần phải thiết lập một kế hoạch hành quân tỉ mỉ, và định ngày đi

bộ trẻ hơn.

Về phương diện chính trị, chắc chắn thời gian không về phía chúng tôi, và sẽ ép buộc Anh — Pháp, có thể cả Do thái nữa, phải ngưng chiến, trong lúc trận đánh càng ngày càng ác liệt. Ai biết được chúng tôi sẽ còn đeo đuổi chiến dịch được mấy ngày nữa ? Chúng tôi mới thực sự bắt đầu ngày hôm kia, nhưng phải làm sao cho kết thúc nhanh chóng, nếu không, phải chấm dứt trước khi hoàn thành nhiệm vụ ; nếu vậy, coi như chúng tôi bị thất bại cả về chính trị lẫn quân sự.

Sáng qua tôi viếng khu phụ trách của lữ đoàn 10 và bộ tư lệnh quân khu Nam. Tôi đi qua các tiền đồn Ai cập Auya Masri, Tarat Um Basis đã bị lữ đoàn chiếm đêm trước, và thanh tra các vị trí của lữ đoàn, đối diện với Um Katef và Um Shihan. Bất chấp chỉ thị trong lệnh hành quân «Kadesh» các tiểu đoàn trưởng vẫn chưa chuẩn bị cần thiết để đánh chiếm hai vị trí địch đó. Hai tiểu đoàn được chỉ định cho các trận này mãi hôm qua mới tới vùng tập trung gần Ketziot, và vẫn chưa chịu tiến đến các vị trí thuận tiện để tấn công Um Katef và Um Shihan, sau khi đã chiếm xong Auja Masri và Tarat Um Basis.

Tôi giải thích cho bộ tư lệnh lữ đoàn biết tại sao cần phải chiếm Um Katef càng nhanh càng tốt. Thời gian qua rất nhanh, và cần phải khai thông trục lộ di chuyển thuận tiện cho lữ đoàn 7 thiết giáp, và lữ đoàn 202 dù. Um Katef kiểm soát con đường nhựa duy nhất mà các đơn vị có thể sử dụng để tiến vào

Jebel Livni, và Bir Hassna. Con đường mòn dơ bẩn qua Kusseima bị các loại xe hạng nặng quằn qua quằn lại, bây giờ trở nên tàn tệt, chỉ còn loại xe cả bốn bánh phát động mới đi qua được, mà loại xe này trong các đoàn xe tiếp vận rất hiếm. Tình trạng này có thể làm cản bước tiến của quân bạn.

Hình như lệnh hoãn cuộc tấn công là do tư lệnh quân khu Nam ban ra. Đáng lẽ cuộc tấn công phải mở vào ngày 30-10. Theo lời yêu cầu, bộ TTM biệt phái lữ đoàn 37 thiết giáp cho bộ tư lệnh quân khu Nam, để cùng lữ đoàn 10 bộ binh đánh chiếm Um Katef và Um Shihan. Họ đã hứa sẽ cho bộ binh và thiết giáp tăng cường tấn công nội đêm nay (tức đêm qua,) và sẽ hoàn tất nhiệm vụ vào sáng hôm sau (tức sáng nay.) Đã xếp đặt, ra lệnh, và được hứa hẹn như vậy, song tôi vẫn cảm thấy mình chưa làm cho các ông chỉ huy ở đây nhận thức rõ tầm quan trọng của việc chiếm hai vị trí Ai Cập trên.

Nói chuyện với mấy sĩ quan này thật là bức mình. Tôi nói một đằng, họ làm một nẻo. Tôi thúc tư lệnh lữ đoàn mau tiến đánh Um Katef, họ vẫn bất động và trả lời là mục tiêu đó đã được tư lệnh quân khu Nam dành cho một đơn vị khác rồi. Họ có cả 1001 lý do tại sao đêm nay không thể xung phong vào các vị trí Ai Cập : Nào là bãi mìn, nào là hệ thống bố phòng vững chắc ; nhưng thực ra, họ được đưa đến đó, chỉ có mỗi mục đích là chiếm các vị trí đó, và chiến dịch đòi hỏi cuộc tấn công phải thực hiện càng nhanh càng tốt. Tôi coi họ như một đơn vị hiện dịch

giống như nhảy dù, thiết giáp, trong khi đó, lữ đoàn 10 thuộc thành phần trừ bị. Có lẽ các sĩ quan không tin tưởng binh sĩ dưới quyền, toàn là lớn tuổi và thiếu tập luyện. Ngoài ra, có lẽ lữ đoàn cũng chưa quen thuộc địa thế vùng Negev, một vùng mới đối với họ.

Tôi hiểu cảm giác đó. Mấy năm trước, khi được chỉ định làm tư lệnh quân khu Nam, tôi tưởng như mình vừa lạc vào một thế giới khác. Các phương chức cũ của tôi đều hết sai. Các cách xác định khoảng cách, định hướng, nhận định địa thế ở đây đều phải thay đổi. Tôi phải học lại tất cả, phải tự thích nghi với khoảng trống, không có một bóng cây, một mái nhà làm mốc, nhưng tôi cũng hết kiên nhẫn nổi với họ. Tôi không muốn nghe tư lệnh lữ đoàn phàn nàn mãi về những vấn đề khó khăn: Lính tráng mệt mỏi, đồ tiếp tế đến không kịp thì, đêm lạnh, ngày nóng, bụi bặm dơ dáy, xe cộ kẹt dưới bãi cát. Tôi biết tất cả những điều đó đều đúng, nhưng tôi cũng bó tay, không sao giải quyết cho họ được. Tôi không có tài biến đổi được sa mạc Negev, song trực tiến quân mới bắt buộc vẫn phải mở.

Cuộc tấn công vào Um Katef đêm qua và sáng nay của lữ đoàn 10 và một đơn vị thuộc lữ đoàn 37 thiết giáp thất bại. Tuy nhiên, cuộc tấn công đó có đáng gọi là tấn công hay không.

Lực lượng chính phòng thủ khu vực Abu Ageila—

Um katef — Kusseima của Ai cập là lữ đoàn 6 bộ binh. Lữ đoàn này gồm ba tiểu đoàn 12, 17 và 18 bộ binh. Ngoài ra, còn hai tiểu đoàn về quốc quân cũng đặt dưới quyền chỉ huy của lữ đoàn này. Um Katef là điểm kiên cố nhất, và bộ TTM Ai Cập đã ra lệnh cho nơi này phải chiến đấu đến «phút cuối cùng», lực lượng trấn giữ gồm hai tiểu đoàn bộ binh, một đội chống chiến xa (6 khẩu Archer), một pháo đội 6 khẩu đại bác 25 pounder, và được trung đoàn pháo binh của sư đoàn yểm trợ tổng quát.

Trước khi tấn công, chúng tôi đã chiếm các vị trí Abu Ageila và Ruafa, làm Um Katef bị hở cạnh sườn phía tây, nhưng quân Ai cập tại đây, cũng như tại Um Shihan vẫn tiếp tục chống cự, không chịu rút lui. Chúng tôi cho rằng sớm hay muộn, lữ đoàn 6 cũng phải bỏ hai vị trí này rút về El Arish, nếu El Arish vẫn còn nằm trong tay Ai Cập, nhưng hiện nay thì họ vẫn còn kháng cự mạnh.

Hai ngày trước (30-10,) lữ đoàn 10 nhận được lệnh phải chiếm Auja Masri, và Tarat Um Basis. Nhiệm vụ này được trao cho đại đội trinh sát lữ đoàn, được tăng cường thêm một đại đội bộ binh, một phân đội chiến xa, và lúc 15g30 ngày đó, Auja Masri đã lọt vào tay chúng tôi. Quân số đồn này dường như chỉ có hơn một trung đội, và khi chiến xa vừa khai hỏa, địch đã rút lui; quân Do thái tiến vào không gặp sức kháng cự nào cả. Đại đội trinh sát tiếp tục tiến chiếm Um Tarat Basis lúc 17g00. Địch cũng bỏ đồn rút lui, trước khi đơn vị này tiến vào.

Bộ tư lệnh quân khu Nam ra lệnh tấn công Um Katef lần thứ nhất vào sáng ngày hôm qua (31-10). Lần này cũng do đại đội trinh sát phụ trách, và được tăng cường thêm 10 bán xích xa, mấy chiếc xe chỉ huy, và một đại đội bộ binh. Cánh quân vừa lên đến đỉnh đồi đối diện với cứ điểm Ai Cập, đã được địch chào đón bằng những tràng đại bác, lại phải rút lui, và vị chỉ huy báo cáo họ không thể chiếm Um Katef giữa ban ngày được.

Do đó, lữ đoàn mở một cuộc dụ kích khác, lần này giao cho hai tiểu đoàn bộ binh, đánh từ hai cạnh sườn phía bắc và phía nam vào Um Katef. Tiểu đoàn thứ nhất đi lạc, cả đêm quanh quẩn trên mấy ngọn đồi, không tìm ra vị trí địch, mất cả liên lạc với các đại đội, mãi 10 giờ sáng hôm sau mới chiếm được một đồn nhỏ, cách Um Katef 1 dặm rưỡi.

Tiểu đoàn thứ nhì cũng tìm kiếm mục tiêu rất vất vả, gần suốt đêm lặn lội, trèo lên, tuột xuống mấy đụn cát, mãi 04g30 mới đến gần vị trí địch. Một trung đội chạm địch, bị lính Ai Cập từ trong đồn bắn ra, làm 1 chết 1 bị thương. Thế là trận đánh chấm dứt, tiểu đoàn rút lui, để lại người chết và bị thương ở sát hàng rào địch. Trước đó, trong lúc di chuyển, tiểu đoàn này cũng đã bị pháo binh Ai Cập làm cho khoảng 30 người bị thương.

Cuộc tấn công kế tiếp do đơn vị thuộc lữ đoàn 37 thiết giáp mở vào lúc 04g30 (1-11). Nếu nguyên nhân thất bại của lữ đoàn 10 là vì họ không đủ khả năng một cuộc xung phong thực sự, thì sự thất bại của lữ

đoàn 37 lại vì các sĩ quan quá sốt sắng xung phong vào vị trí địch.

Theo kế hoạch, sẽ có hai tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 10 đoàn cùng tham gia trận đánh với thiết giáp, và khi bộ binh học sườn, thì thiết giáp đâm thẳng vào trung tâm Um Katef. Cánh thiết giáp có đến một chi đoàn chiến xa, gồm hai chi đội chiến xa hạng trung (Sherman,) một chi đội chiến xa hạng nhẹ (AMX) hai chi đoàn thiết kỵ sử dụng bán xích xa, và một tiểu đoàn bộ binh cơ động. Lữ đoàn cho các đơn vị này tập trung ở Rehovoth, và sau khi được tiếp tế nhiên liệu ở Beersheba, đơn vị đi đầu đến Nitzana khoảng gần nửa đêm. Tại đây, họ chỉnh đốn lại hàng ngũ, và hai chi đoàn bán xích xa sẵn sàng tấn công lúc 02g00, nhưng chiến xa chưa đến kịp. Tư lệnh lữ đoàn, với sự chấp thuận của tư lệnh quân khu Nam, quyết định chờ thêm một giờ nữa, sau đó, dù chiến xa đến hay không cũng cho tấn công. Lúc 03g00, chiến xa vẫn chưa thấy đến, tư lệnh lữ đoàn liền cho hai chi đoàn bán xích xa tấn công Um Katef. Trời vẫn còn tối, nên đoàn xe di chuyển bằng đèn pha sáng trưng. Khi tiến gần vị trí địch, họ mới mở đội hình tác chiến. Quân Ai Cập đã nghe tiếng và thấy rõ đoàn xe đến gần, liền dùng các loại súng chống chiến xa và đại bác nã vào xối xả. Chiếc bán xích xa đi đầu lọt vào bãi mìn gài quanh đồn, bị loại khỏi vòng chiến. Chiếc bán xích xa chỉ huy cũng nằm trong số những chiếc đầu tiên trúng đạn. Tư lệnh lữ đoàn tử trận, mấy sĩ quan đi cùng xe đều bị thương nặng.

Trận đánh không thể tiếp tục được nữa. Lúc đó, một chi đội bán xích xa đã phá được một lỗ hồng vào hết hống bố phòng địch, nhưng không còn ai ở bộ chỉ huy cánh quân nhận báo cáo để cho lệnh khai triển lỗ hồng đó. Chỉ còn sĩ quan tiền sát, lúc đó cũng đã bị thương, được coi như người có cấp bậc cao nhất, còn đủ sức hoạt động. Vị này liền tổ chức tiếp cứu và dưới hỏa lực của pháo binh và chiến xa, lúc đó cũng vừa tới, họ kéo được tất cả những người bị nạn ra khỏi bãi mìn, rồi tất cả rút lui về căn cứ, mang theo hơn 80 thương binh.

Dĩ nhiên cách hành quân của lữ đoàn 37 như vậy là sai lầm và thiếu tính toán: Mở cuộc dọ kích cơ động vào một địa thế lạ, có mìn, không chịu đợi chiến xa thêm trong chốc lát, tập trung tất cả sĩ quan đầu não, vào một bán xích xa duy nhất — trên phương diện quân sự, lầm lỗi đó không sao bào chữa được. Ngoài ra, còn hai yếu tố khác nữa: Yếu tố thứ nhất là tin tức tình báo sai, không hiểu sao tư lệnh quân khu Nam lại nhận được tin là quân Ai Cập ở Um Katef đã bị tan rã, chỉ cần cho đơn vị của chúng tôi đến bắn vài phát là họ bỏ đồn. Yếu tố thứ hai là áp lực quân khu Nam, sau khi bị hối thúc, vội muốn mở ngay trục lộ Um Katef — Abu Ageila. Ông ta bảo rằng đã hứa với tôi là trục lộ sẽ được khai thông lúc trời sáng. Thực ra, tôi không hối thúc ông mở ngay trong đêm, mà là trưa hôm sau, vì tôi vẫn không tin vào khả năng dọ chiến của thiết giáp — và quả thực, tôi có yêu cầu ông phải thi hành ngay lệnh đó, dù gặp khó khăn,

hay tổn thất nặng chẳng nữa.

Tôi đã ra lệnh tấn công Um Katef rất sớm. Trên hình thức, lệnh đó được thi hành, nhưng Um Katef vẫn không chiếm được. Bộ tư lệnh quân khu Nam có đủ lực lượng để hoàn thành nhiệm vụ: bộ binh, thiết giáp, pháo binh... nhưng nhiệm vụ vẫn không làm tròn. Cuộc tấn công không theo một kế hoạch tốt, và không sử dụng hết lực lượng đã được ấn định cho cuộc hành quân này.

Đêm nay, chúng tôi bắt đầu tấn công Rafah, và định sau đó, tiến ngay đến El Arish. Hai địa điểm này là then chốt của trục lộ Ismalia, và nếu thành công, thì cả mạn bắc Sinai lọt vào tay chúng tôi.

Trên phương diện quân sự, có thể nói cuộc tấn công này là trọng tâm của chiến dịch, nó sẽ quyết định sự thắng bại cho cuộc tranh đấu giữa Ai Cập và Do Thái hiện tại.

Cả hai mặt trận trên trời và dưới biển, kết quả đều quá sự mong mỏi. Khi hải và không quân Anh — Pháp vừa khai chiến, thì hải và không quân Ai Cập dường như hết hoạt động nổi. Tôi tin rằng dù Anh — Pháp không can thiệp chẳng nữa, không quân của chúng tôi cũng chiếm thượng phong, mặc dầu đã bị giới hạn khá nhiều, kể cả việc cấm oanh tạc các phi trường Ai Cập. Nếu phải chiến đấu đơn độc, không lực của chúng tôi có đủ sức làm tê liệt không quân.

Ai Cập trong vòng vài ngày.

Về chiến tranh thiết giáp, chúng tôi chưa có cuộc đụng độ quan trọng nào với đoàn thiết giáp Ai Cập, và không chắc trong tương lai sẽ có cuộc đụng độ nào như vậy. Cho đến bây giờ, các đơn vị địch chỉ lần lượt ở hậu phương, và tránh giao tranh với lực đoàn 7 thiết giáp Do Thái, lúc này đã tiến được gần nửa chặng đường đến kênh Suez. Chiến xa Ai Cập tránh cả lực đoàn nhảy dù của chúng tôi ở Mitla, dù đơn vị này đóng giữ đồng, mất đường liên lạc với lực lượng chính, và chỉ cách kênh Suez khoảng 30 dặm, là một mục tiêu vô cùng thích hợp cho thiết giáp.

Song chủ lực phòng thủ Sinai của Ai Cập là các sư đoàn bộ binh tăng cường : Sư đoàn 8 Palestine, và sư đoàn 2, sư đoàn này dùng làm trừ bị cho khu Đông. Quân bảo vệ Sinai nằm trong bốn căn cứ chính : El Arish, Rafah, Abu Ageila và Sharm e Sheikh. Sharm e Sheikh là một cứ điểm biệt lập ; còn ba vị trí kia có thể hỗ trợ lẫn nhau, và do một đơn vị duy nhất, tức sư đoàn 3 phụ trách. Giải Gaza ở bắc Rafah, do sư đoàn 8 Palestine trấn giữ, cũng liên kết chặt chẽ với hệ thống phòng thủ ở El Arish. Nếu El Arish và Rafah lọt vào tay chúng tôi, giải Gaza sẽ bị cô lập và không thể tự lực giữ nổi.

Chiến dịch đã khai diễn được 48 giờ. Bây giờ là lúc chúng tôi phải xử dụng toàn lực đánh thẳng vào trung tâm lực lượng phòng vệ Sinai của Ai Cập tại El Arish và Rafah. Giai đoạn chuẩn bị cho trận đánh này đã qua. Người Ai Cập đã nhận rõ ý định của

chúng tôi và hiểu rằng trận này không phải chỉ là một cuộc trả đũa giản dị. Dọc theo các trục lộ miền nam như Nakhl — Mitla, Kusseima — Jebel Livni, các đơn vị đều đã tiến đến mục tiêu. Không lực Anh—Pháp đã oanh tạc các sân bay Ai Cập lúc chập tối hôm qua. Chắc những áp lực chính trị mạnh mẽ nhất sắp đè lên Do Thái, bắt phải ngưng các hoạt động quân sự. Do đó, chúng tôi phải hoàn thành cuộc chinh phục thật nhanh chóng.

Cũng vì lý do đó, tôi khuyên bộ tư lệnh quân khu Nam nên dùng mặt nam xung phong vào Rafah, không nên dùng mặt bắc. Như vậy, ta sẽ xử dụng được tối đa hỏa lực thiết giáp ngay từ lúc đầu. Tôi cũng biết như vậy là chấp nhận một cuộc tấn công trực diện vào hệ thống bố phòng kiên cố của Rafah ; nhưng tôi e rằng con đường phía nam có thể làm chiến xa bị kẹt trên các đụn cát, mà hiện tại, chúng tôi phải chạy đua với thời gian.

Tôi dự định đi theo đơn vị tấn công Rafah, và ở lại với họ cho đến lúc chiếm xong El Arish. Tôi rất tin tưởng khi trao nhiệm vụ điều khiển chiến dịch lại cho các sĩ quan (thuộc phòng hành quân) đã thông thạo công việc, và có óc suy luận rất cao. Nhưng bộ TTM không mấy vừa lòng về sự vắng mặt của tôi. Tôi đã sống gần trọn hai ngày đầu của chiến dịch ngoài chiến trường : Ngày đầu tiên với lực đoàn 7 và 4 ở Kusseima, và hôm qua với lực đoàn 10 ở Um Katef. Thực ra, đêm nào tôi cũng trở về bộ TTM, nhưng những lúc tôi vắng mặt, dĩ nhiên công việc điều hành

trở nên khó khăn hơn. Ngoài mặt trận, bên tôi lúc nào cũng có 1 máy truyền tin, và liên lạc giữa tôi và bộ TTM rất tốt, song các sĩ quan tham mưu vẫn kêu là như vậy chưa đủ. Có thể họ nói đúng, nhưng tôi không thể, và cũng không muốn làm khác.

Ngày 3 tháng Mười Một 1956

Chúng tôi gặp quá nhiều chuyện không may. Trưa hôm qua (2-11), một chi đoàn chiến xa của lữ đoàn 7 vì ngộ nhận, đã bắn vào một chi đoàn chiến xa khác của lữ đoàn 37 từ tầm xa 1.100 mã (yard = 0,914 mét), trong vòng 5 phút, có 8 chiến xa bị loại khỏi vòng chiến. Tôi chưa rõ số thương vong là bao nhiêu, nhưng hình như trong số những người chết, có cả chi đoàn trưởng.

Nguyên nhân chính của sự nhầm lẫn nguy hại này là vội vàng, thiếu chuẩn bị, do đó, sự phối hợp giữa các đơn vị kém phần mật thiết. Hơn nữa, đề thi hành lệnh của tôi, đôi khi máy liên lạc hư, họ vẫn tiến, lúc đó, liên lạc hàng ngang với các đơn vị bạn, hay với không quân bị cắt đứt, tất dễ đưa đến ngộ nhận. Chiến xa Do Thái không ghi dấu hiệu, lại còn bị cát bụi bao phủ, nên rất khó nhận định đó là chiến xa bạn hay địch. Thêm vào đó, khi bộ đội chiếm được quân dụng của Ai Cập, nhất là xe cộ, nếu còn dùng được là họ xử dụng ngay, không nghĩ đến việc sơn phết lại, hoặc ghi dấu hiệu quân đội Do Thái vào. Chúng tôi chỉ còn trông vào các đơn vị trưởng, hy vọng họ sẽ phân

định được bạn, thù ngoài chiến trường. Tuy xảy ra ngộ nhận đáng tiếc hôm qua, tôi vẫn không có ý định cho tiến chậm lại và giảm bớt sáng kiến của các đơn vị trưởng.

Chuyện xảy ra hôm qua chỉ là một nhầm lẫn trong một trường hợp đặc biệt. Sĩ quan quân báo bộ tư lệnh quân khu Nam ngay sáng sớm hôm qua, đến khu vực của lữ đoàn 7, và gặp một vị thiết đoàn trưởng ở gần Abu Ageila. Sĩ quan quân báo thấy hình như tù binh Ai Cập trả lời các cuộc thẩm vấn có điều không được phù hợp. Ông ta liền thẩm vấn tại chỗ một tù binh về tình hình trong cái rọ Um Katef — Um Shihan.

Do nguồn tin của tù binh cung cấp, Sĩ quan quân báo liền cùng thiết đoàn trưởng liền gửi cho chỉ huy trưởng quân đội Ai Cập ở Um Katef một văn thư yêu cầu đầu hàng trước 14g00. Văn thư viết bằng chữ Anh và Ả Rập, trao cho hai tù binh Ai Cập ngồi trên một xe Jeep chiến lợi phẩm, treo cờ trắng, mang đi lúc 11g30.

Đúng giờ đó, các phi công đến để oanh kích Um Katef báo cáo họ không thấy động tĩnh nào trong khu vực địch, và có lẽ quân Ai Cập đã rút lui từ hồi khuya rồi.

Tư lệnh lữ đoàn 37 liền cho một chi đoàn chiến xa từ hướng Kusseima vào thăm dò, và nếu quả thực địch đã rút lui, thì băng qua vị trí địch để gặp lữ đoàn 7 thiết giáp ở phía bên kia đồn.

Quả nhiên địch đã bỏ Um Katef từ hồi đêm, và

và những hàng binh đầu tiên của chi đoàn lại là hai anh chàng lính Ai Cập lái xe jeep, treo cờ trắng đi đưa thư vừa rồi. Sau khi giải cả « tối hậu thư » lẫn người về bộ tư lệnh quân khu Nam, chi đoàn tiếp tục tiến về tây để gặp lữ đoàn 7, và khi vừa xuống dốc ở Um Shihan, thì gặp hỏa lực của lữ đoàn này. Vì lữ đoàn 7 cho rằng, thay vì ra hàng theo như tối hậu thư, quân Ai Cập lại định tập trung lực lượng thiết giáp để phá vòng vây.

Chỉ có các phi công là nhận được ngay là cả hai đoàn thiết giáp đều là bạn cả. Họ sà thấp xuống và ra hiệu để thiết giáp ngừng bắn — nhưng lúc đó, chỉ còn một chiếc chiến xa đi sau cùng, lùi về phía bên kia đỉnh đồi là không bị trúng đạn.

Cuộc rút lui Um Katef và Um Shihan có lẽ nằm trong khuôn khổ một cnộc tổng rút lui khỏi Sinai do lệnh của bộ TTM Ai Cập ra trưa ngày hôm kia. Lệnh đó đến lữ đoàn 6 Ai Cập lúc 16g00, theo đó, họ phải đi bộ về El Arish, bỏ lại tất cả quân dụng nặng nề. Cuộc rút lui bắt đầu lúc chập tối. Một thành phần hậu tập ở lại tiếp tục bắn pháo binh và các loại vũ khí khác làm kẻ nghi binh. Họ không phá sập kho tàng, nhà cửa, để ý định rút lui khỏi bị tiết lộ.

Cuộc rút quân, thoát đầu rất thứ tự, hết đại đội nọ đến đại đội kia, nối đuôi nhau, hướng về phía bắc, vượt qua những đồi cát ; nhưng chỉ lát sau, hàng ngũ bị rối loạn. Lính tráng mất liên lạc với cấp chỉ huy, cuộc rút lui trở thành mạnh ai nấy trốn. Binh sĩ thuộc tiểu đoàn 18 đi qua Magdawa và về tới El Arish trong

đám. Nhưng phần còn lại đi về phía Bir Lahfan và trở thành tù binh của chúng tôi tại đây.

Cho đến lúc này, các vị trí Um Katef và Um Shihan, hay cứ diêm Abu Ageila, theo cách gọi của Ai Cập, là những khu quân đội Ai Cập chiến đấu mạnh mẽ nhất, và lực lượng của chúng tôi lại tồi nhất.

Lầm lũi căn bản của chúng tôi trong các trận đánh này là tấn công theo kiểu nhỏ giọt. Thoạt đầu, ngày 30-10, một đơn vị của lữ đoàn 7 đánh Um Shihan ; rồi đến hai lữ đoàn 10 và 37 đánh Um Katef. Trong cả hai trận đánh, đơn vị tấn công đều không tập trung được toàn lực của mình. Lờn chỉ trích này dĩ nhiên chỉ đúng với hai tiền đồn ở phía đông của cứ diêm Abu Ageila. Còn chính Abu Ageila và đập Ruafa, thì một thiết đoàn thuộc lữ đoàn 7 đã đánh chiếm được sau hai trận đánh trong cùng một ngày (31-10). Sai lầm của chúng tôi là đã không tập trung tất cả lực lượng trên mặt trận này lại để mở một cuộc tấn công liên binh có phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm này không phải đơn vị tác chiến, mà do cấp cao hơn phải chịu. Trách nhiệm đó là ở bộ tư lệnh quân khu Nam, ở bộ TTM, và ở chính vị tổng tham mưu trưởng.

Quân Ai Cập chiến đấu giỏi trong giai đoạn tĩnh tại. Các loại vũ khí như chống chiến xa, đại bác đã chiến hay phòng không mà họ sử dụng ở tiền tuyến đều phải có hầm, có v. đàng hoàng. Họ xử dụng vũ khí một cách máy móc, và rất chính xác. Nhưng nếu phải thay đổi kế hoạch, hay rời bỏ vị trí, thì khác hẳn. Họ hầu như không mở được cuộc phản công nào, nếu có

cũng chẳng ra gì. Quân Ai Cập không đưa thiết đoàn 3 kỵ binh đóng tại El Arish, dưới quyền điều khiển của khu này, ra mặt trận, mà cũng chẳng dùng đến các đơn vị bộ binh trừ bị. Bộ tư lệnh sư đoàn ở El Arish không có một phản ứng nào về các trận đánh. Các đơn vị thuộc hạ không được trao phó nhiệm vụ, và cũng không đơn vị nào rời khỏi trại.

Về giá trị chiến thuật của cứ điểm Abu Ageila, thì sự kiện một phần của cứ điểm này không phải do quân Do Thái đánh chiếm được giúp cho ước đoán của chúng tôi về chiến cuộc trong vùng này thêm vững chắc.

Tôi không hiểu quân Ai Cập theo binh thuyết của ông thầy Anh, Đức, hay Nga. Nhưng theo lý luận của bộ TTM Ai Cập thì Abu Ageila sẽ là hàng rào ngăn một cuộc công kích vào trung tâm Sinai, khu vực Kusseima—Nitzana. Hệ thống phòng thủ nơi đây đặt vào 6 đồn chính: Kusseima, Um Katef, Um Shihan, Abu Ageila, đập Ruafa, và Ras Malmor, do một lữ đoàn bộ binh tăng cường, và các đơn vị yểm trợ đóng giữ. Nhiệm vụ mà thượng cấp định cho họ là làm tê liệt các lực lượng tấn công của Do Thái từ phía đông đến cũng như quét sạch các đơn vị đã xâm nhập được vào vùng này bằng cách nhảy dù, hoặc bằng phương tiện nào khác.

Tôi thấy hệ thống bố phòng Sinai của địch như trên, có ba sai lầm căn bản. Trước hết, Ai Cập quá tin vào sức phòng ngự của các đồn đó. Hồi đệ nhị thế chiến ở Âu châu, người ta cũng xây cất những cứ điểm

như vậy, với những bãi mìn rộng bao quanh, các công sự bê tông kiên cố, trang bị thật nhiều vũ khí chống chiến xa, đại bác hạng nặng, và súng phòng không. Nhưng các nước ở Trung Đông không thể thiết lập pháo lũy như vậy được. Họ không đủ nhân lực, không đủ vũ khí, cũng như tiền bạc cần thiết.

Cho nên, những cứ điểm như Abu Ageila đủ sức chống lại một cuộc tấn công mạnh chỉ là ảo tưởng; thực vậy, cả hai đồn Abu Ageila và Ruafa đều không chống cự nổi một giờ trước sức tấn công của một thiết đoàn kỵ binh với hai chi đoàn chiến xa và một chi đoàn bắn xích xa.

Sai lầm thứ hai cũng bắt nguồn từ một sự bất chước Âu châu không đúng cách. Họ cho rằng chiếm các cao địa hiểm yếu là có thể ngăn được các cuộc chuyển quân của địch vào Sinai hay Ai Cập. Ý tưởng ấy có thể đúng với nhiều nước ở Âu châu, xứ có nhiều sông, hồ, rừng, núi. Ở Âu châu, các phòng tuyến có thể cách nhau cả một cửa bể, cho nên những công sự kiên cố giúp cho phòng tuyến rất khó bị chọc thủng.

Nhưng hệ thống ấy không thể rập khuôn lại ở Trung Đông, tại Sinai lại càng không được. Địa thế vùng Negev và nửa phía bắc bán đảo Sinai cho phép ta có thể né các cứ điểm như Abu Ageila chẳng hạn. Đụn cát không thể thay pháo đài được, và đèo Deika không phải là sông Rhin. Do đó, các đơn vị thiết giáp thuộc lữ đoàn 7 vẫn tiến về bắc và tây được, dù lúc đó, cầu đã bị giật sập; và bất chấp vấn đề tiếp tế khó khăn vì không có đường nhựa, các cánh quân của chúng

tôi vẫn dùng đường mòn, tránh Abu Ageila, băng qua sa mạc để tiếp tục tiến về phía kênh Suez.

Sai lầm thứ ba và cũng là sai lầm chính của Ai Cập là ở quan niệm chiến tranh. Abu Ageila có thể đóng một vai trò quyết định trong việc phòng thủ Sinai, nếu được dùng như một căn cứ xuất phát của các đoàn quân lưu động đi ngăn chặn cánh quân địch nào định đánh vào vùng kênh. Địa thế sa mạc như Sinai bắt buộc phải dùng thiết giáp, phi cơ, nhảy dù, và bộ binh cơ động. Lực lượng phòng thủ gặp những đơn vị tấn công như vậy, phải có sẵn lực lượng lưu động để phản công. Ai Cập cho rằng các công sự kiên cố của Abu Ageila, Rafah, El Arish sẽ ngăn được sự xâm nhập vào Sinai, bảo vệ được kênh Suez mà không cần đến thiết giáp và máy bay trợ lực, và quân lính của họ cũng không cần phải ra khỏi phạm vi đồn bót để chiến đấu nữa thì thật là tai hại.

Cả ba ước tính của Ai Cập về phòng thủ: Khả năng chống giữ lâu; cản đường xâm nhập; và thay thế được cuộc chiến tranh lưu động đều là không tưởng. Ai Cập chỉ giữ được Abu Ageila có mấy ngày, sau đó, cũng không cản được bước tiến của chúng tôi.

Trận đánh Abu Ageila cũng là phần kết thúc cho chương này. Sau khi lữ đoàn 10 thất bại, tôi được tư lệnh quân khu Nam thông báo quyết định thay thế tư lệnh lữ đoàn này bằng người khác. Tôi chuẩn y sự thay đổi đó. Một chức vụ trong quân đội không phải bất cứ công dân nào cũng phải làm được, cũng không phải đặc quyền dành riêng cho ai. Nhiệm vụ cao cả

của cấp chỉ huy là hướng dẫn đơn vị ra mặt trận, và nếu ông ta không chịu được thử thách, thì cũng không đáng bị phạt, nhưng cần phải được thay thế bằng người có đủ khả năng hơn. Tôi không muốn, và không thể đi vào từng chi tiết trong trận đánh của lữ đoàn 10. Không phải họ thất bại vì không thiện chiến, thiếu kiểm soát, chiến thuật sai, mà về phương diện quân sự, nguyên nhân thất bại còn quan trọng hơn những điểm vừa kể trên nhiều: Đơn vị không nỗ lực chiến đấu.

Dù có nhiều ý kiến khác nhau về tầm quan trọng của các giải pháp của đại hội đồng LHQ, và không hiểu các giải pháp đó có giá trị hay không; nhưng yêu cầu của LHQ vẫn tiếp tục đè nặng lên cổ chúng tôi.

Cuộc họp khẩn cấp của đại hội đồng mở lúc 17g00 ngày 1-11, tức trước đây hai hôm. Đại diện Anh và Pháp chỉ trích là phiên họp không hội đủ điều kiện pháp lý theo các tiêu chuẩn kỹ thuật, nhưng lời phản đối này bị bác, và phiên họp tiếp tục. Đòi hỏi chính của các thuyết trình viên là ra một quyết nghị kêu gọi ngưng bắn ngay. Đại diện những nước Á Rập, và những nước ủng hộ khối này đi xa hơn, đòi lên án Do Thái, Anh, Pháp, và bắt phải chịu các biện pháp trừng phạt.

Đại diện Mỹ là ngoại trưởng Foster Dulles, sau khi nhắc lại tình hữu nghị sâu xa với Anh, Pháp, và

với Do Thái, dĩ nhiên là ở một cấp bậc thấp hơn, ông liền đặt liều thuốc đắng lên bàn: Bản dự thảo quyết nghị của Hoa Kỳ. Toàn bản văn như sau:

Đại Hội Đồng LHQ:

Xét rằng: đã nhiều lần, các phe coi thường các điều khoản trong hiệp ước đình chiến Do Thái — khối Ả Rập năm 1948, và hiện quân đội Do Thái đã tiến sâu vào lãnh thổ Ai Cập, vi phạm hiệp ước đình chiến Ai Cập — Do Thái.

Xét rằng quân đội Anh và Pháp đang mở cuộc hành quân vào lãnh thổ Ai Cập.

Xét rằng việc lưu thông trên kênh Suez hiện bế tắc, làm thiệt hại đến quyền lợi của nhiều quốc gia.

Bày tỏ nỗi lo ngại về những sự kiện trên.

1—Khuyến cáo rằng các phe lâm chiến phải ngừng bắn và ngừng chuyển quân đội vào khu vực này.

2—Khuyến cáo rằng các phe ký hòa ước đình chiến rút quân ngay về sau ranh giới đình chiến, ngừng các hoạt động vượt ranh giới, ngừng bắn sang lãnh thổ lân bang, tôn trọng các điều khoản của hiệp ước.

3—Khuyến cáo rằng các hội viên nên giới hạn việc đưa các loại hàng hóa có ích lợi quân sự vào vùng chiến, và kiềm chế các hoạt động làm trì trệ hay ngăn cản việc hoàn thành giải pháp này.

4—Khuyến cáo rằng cuộc ngừng bắn này phải đưa đến việc khai thông kênh Suez, và bảo đảm quyền tự do lưu thông cho tàu bè qua lại.

5—Yêu cầu tổng thư ký theo dõi và khẩn báo cáo về hội đồng bảo an và đại hội đồng, những hoạt động

thích hợp khác, thấy rằng phù hợp với quyết nghị này và với hiến chương LHQ.

6—Quyết định rằng phiên họp khẩn cấp này chưa giải tán, trong khi chờ đợi quyết nghị này được chấp nhận.

Các điều khoản trong bản dự thảo quyết nghị của Hoa Kỳ có hai đòi hỏi liên quan đến các nước tham chiến: ngưng bắn ngay, và rút quân về sau ranh giới đình chiến, và hai khuyến cáo: Các hội viên LHQ phải kiềm chế các hành động có thể làm cản trở việc thi hành quyết nghị, và kênh Suez phải được khai thông để tàu bè qua lại tự do.

Yêu cầu ngưng bắn tức khắc nhằm vào quân đội Anh và Pháp. Theo thời biểu, họ sẽ tiếp tục oanh tạc các phi trường, các căn cứ quân sự quanh vùng Suez và Port Said đến ngày 6-11, sau đó, các đơn vị mới đổ bộ lên đất Ai Cập.

Về phần Do Thái. Nếu làm cho cuộc thương thuyết ngưng bắn trễ được hai, ba ngày nữa, chúng tôi có thể chiếm Sharm e Sheikh, hoàn thành công cuộc chinh phục Sinai, và lúc đó, Do Thái có thể đồng ý ngưng bắn.

Nhưng với yêu cầu thứ 2 là rút quân về sau ranh giới đình chiến thì khác. Đòi hỏi này ngược hẳn lại của chúng tôi, nên không thể chấp nhận được, trừ phi chúng tôi muốn triệt bỏ hẳn chiến dịch này thì không kè.

Phiên họp đại hội đồng LHQ bế mạc khá trễ, và bản dự thảo của Hoa kỳ được chấp thuận, đúng như

dự đoán. Ngày hôm sau, 2-11, ông tổng thư ký Dag Hammarskjold trao bản quyết nghị cho các đại diện Anh, Pháp và Do Thái, và yêu cầu thông báo kết quả thi hành càng sớm càng hay.

Đại diện Do Thái, ông Abba Eban không trực tiếp trả lời ông Hammarskjold, nhưng yêu cầu làm sáng tỏ vấn đề, và nêu thêm ý kiến để kéo dài thời gian.

Việc Ai Cập tình cờ phong tỏa được kênh Suez đánh dấu một bước thụt lùi về phương diện quân sự và chính trị nữa của Anh. Họ đã biết trước rằng Ai Cập sẽ kéo sà lan vào rồi đánh đắm trong kênh, do đó, quân Anh đặt kế hoạch oanh tạc những tàu này, trước khi chúng rời chỗ đang buồng neo tại Port Said, Port Suez, và hồ Bitter, để đến địa điểm ấn định. Tôi không rõ kế hoạch trên không thực hiện được là vì Ai Cập cho tàu đi lên vào kênh, hay tại các oanh tạc cơ Anh thả lầm mục tiêu. Chỉ biết kể từ hôm qua, kênh hoàn toàn bị tắc nghẽn.

Khởi ả Rập cũng thành công trong việc phá tan hy vọng của Anh bằng cách phá hoại hệ thống tiếp tế nhiên liệu của Irak (ống dẫn dầu của công ty dầu Irak có đi qua Syria.) Ngày hôm kia, 1 tháng 11, công binh Syria kiểm soát và phá hủy được ba bơm chính của hệ thống dẫn dầu này. Ta thấy cả Anh lẫn thủ tướng Nuri Said của Irak đều không có ảnh hưởng đáng kể ở Syria, và nếu quân Syria không dám liều tấn công Do Thái, thì ít ra họ cũng phá hoại các cơ cấu của Anh trên đất họ.

Hai hành động : đóng cửa kênh Suez, và cắt đứt

mạch dầu từ Irak chảy ra làm địa vị của ông Eden tại Anh quốc thêm vững chắc, và chính sách của ông sẽ được ủng hộ nhiều hơn. Tôi không rõ dầu hỏa miền Trung Đông ảnh hưởng đến nước Anh đến mức nào, nhưng theo báo chí, thì đó là một vấn đề sinh tử của nền kinh tế Anh.

CHƯƠNG BẢY

QUYẾT ĐỊNH

Ngày 3 tháng Mười Một 1956

KHÁC HAN ĐỊA THỂ ĐỒI NÚI MIỀN TRUNG VÀ Nam Sinai, miền Bắc sát bờ biển Địa Trung Hải là những bãi cát bằng phẳng. Hệ thống phòng thủ của vùng Rafah không có địa hình địa vật tốt, do đó, phải đặt tất cả trọng cây vào các pháo đài chìm, và các pháo đài đó có thể hỗ trợ yểm trợ cả bằng đạn đạo thẳng.

Rafah do lữ đoàn 5 bộ binh, thuộc sư đoàn 3 trấn giữ. Mỗi lữ đoàn thường có bốn tiểu đoàn bộ binh; nhưng sau cuộc hành quân vào Sinai của chúng tôi, lữ đoàn này được tăng cường thêm hai tiểu đoàn, tức

các tiểu đoàn 45 và 46 thuộc lữ đoàn 87 vệ quốc quân Palestine.

Như vậy, để chống trả với cuộc tấn công của Do Thái, lực lượng Ai Cập ở Rafah gồm 6 tiểu đoàn bộ binh; 2 đại đội thuộc tiểu đoàn cơ động biên phòng; một trung đoàn pháo binh; một pháo đội chống chiến xa (12 khẩu Archer); và một pháo đội phòng không. Chi đoàn chiến xa được chỉ định yểm trợ cho Rafah lại ở El Arish, vì bộ tư lệnh sư đoàn muốn dùng cả thiết đoàn 3 kỵ binh (chiến xa Sherman) làm trừ bị, chứ không muốn phân tán các chi đoàn cho các lữ đoàn bộ binh.

Nhiệm vụ của cứ điểm Rafah là ngăn chặn cuộc công kích của Do Thái vào Sinai qua trục El Arish, và quân phòng thủ tại đây đã nhận được lệnh phải chiến đấu đến viên đạn cuối cùng; nhưng chỉ vài giờ sau cuộc tấn công của chúng tôi, bộ tư lệnh sư đoàn ra lệnh cho các đơn vị rút lui về El Arish. Đó là các đơn vị đóng trong vùng Magroutin, sau trận tuyến, vì vậy, họ tìm cách tránh thoát các cánh quân Do Thái, và về tới xa lộ El Arish — Rafah, rồi án ngữ con đường này.

Chúng tôi đã biết Ai Cập dàn quân ở Rafah như thế nào để chặn đánh chúng tôi, và chúng tôi coi đây là một mục tiêu gay gò nhất. Do đó, nhiệm vụ chiếm và kiểm soát trục lộ Rafah — El Arish được trao cho hai lữ đoàn: Lữ đoàn 1 bộ binh, và lữ đoàn 27 thiết giáp.

Lữ đoàn thiết giáp, kể cả tiểu đoàn bộ binh cơ

động trực thuộc, được chia thành ba cánh, gọi là ba thiết đoàn tác chiến; nhưng thực ra, nó chỉ gồm có bốn chi đoàn chiến xa: một chi đoàn chiến xa hạng nhẹ AMX, một chi đoàn Sherman, và hai chi đoàn Super Sherman.

Lữ đoàn 1 bộ binh có bốn tiểu đoàn: 3 tiểu đoàn cơ hữu, và 1 thuộc lữ đoàn khác. Lữ đoàn cũng được tăng phái một chi đoàn chiến xa Super Sherman của lữ đoàn 27.

Việc chiếm Rafah không những chỉ khó khăn vì Ai Cập tập trung đông quân, vị trí phòng thủ chắc, mà còn vì những điều kiện hoạt động của quân Do Thái. Chúng tôi không còn lợi thế bất ngờ nữa. Thực vậy, các đơn vị Ai Cập không những đã biết, mà còn được tăng cường và sẵn sàng đợi cuộc tấn công của chúng tôi. Hơn nữa thời gian giành cho trận đánh của Do Thái rất là hạn chế. 24 giờ trước chúng tôi đã níu họ lại, bây giờ lại thúc họ tiến. Lý do là vì đại hội đồng LHQ, và lập trường bất lợi của Hoa Kỳ thúc đẩy chúng tôi phải sớm hoàn tất chiến dịch.

Các yếu tố hành quân cũng cho thấy không dễ gì khuất phục, theo kế hoạch trước, chúng tôi định chiếm Rafah đêm 31-10, rạng ngày 1-11, như vậy, sáng hôm sau, các yếu điểm trên xa lộ chắc đều lọt vào tay chúng tôi, do đó, có thể thẳng đường tiến đến El Arish. Nhưng cả đêm đó chỉ có hai tiếng rưỡi trời tối, tức từ 03g05 đến 05g30 là thuận tiện cho bộ binh hoạt động. Khoảng thời gian trước đó giành để hải pháo và không quân oanh kích cơ cấu phòng thủ. Vì nhiều

lý do riêng, hải pháo không thể tác xạ trước lúc 02g00 và kéo dài cuộc pháo kích quá nửa tiếng. Không quân oanh tạc tiếp theo, từ 02g30 đến 03g05.

Không kể các cuộc oanh kích của hải quân và không quân, mọi hoạt động ngoài thời gian trời tối qui bấu đó chắc đều bất lợi. Chúng tôi, ai cũng nghĩ rằng các hòng đại bác trên những khu trục hạm có thể thực hiện được một mức độ tàn phá khủng khiếp như bên Âu châu, và chúng tôi nhớ đến những cảnh quen thuộc trong phim chiến tranh, với những trận mưa trái phá trên bờ biển, trước mỗi cuộc đổ bộ. Tôi nói với các sĩ quan có trách nhiệm trong cuộc hành quân Rafah, rằng hải quân sẽ phá tan hệ thống phòng thủ của Ai Cập, và cuộc xung phong của bộ binh sau đó, sẽ gặp một sức kháng cự đã bị yếu đi nhiều.

Nhưng đồng rơm khổng lồ chỉ để ra con chuột. Tất cả số đạn 155 ly do 150 khẩu hải pháo bắn vào khu trại Rafah còn ít hơn số đạn do bất cứ pháo đội cơ hữu nào sẽ rút xuống mục tiêu, nếu họ được chỉ định yểm trợ cho một cuộc tấn công tương tự.

Về không quân, thì các phi công thả trái sáng ngay trên đầu đơn vị bạn, làm họ bị lộ, rồi lại nhè ngay các đơn vị của mình mà trút bom. Chúng tôi phải liên lạc kêu ngưng ngay, và cuộc «oanh kích dọn đường» của không quân phải hủy bỏ, trước khi họ kịp gây tổn thất cho quân bạn.

Nhưng việc đã hoạch định, không thể không thi hành, và khoảng 03g00 sáng ngày 1-11, lục quân của chúng tôi phải bắt tay vào việc. Hai lữ đoàn 1 và 27 ra

lệnh cho các đơn vị thuộc hạ bắt đầu tấn công vào các đồn bót quanh vùng Rafah.

Cuộc tấn công thực hiện trên ba trục : Trục phía nam, và trục trung ương do lữ đoàn 1, mỗi trục 2 tiểu đoàn bộ binh ; và trục phía bắc do tiểu đoàn cơ động của lữ đoàn 27. Theo kế hoạch thì không cần phải chiếm tất cả, mà chỉ chiếm những đồn quan trọng của cứ điểm, và phải mở một con đường để thiết giáp có thể đến xa lộ Gaza — Kantara, rồi tiến thẳng đến El Arish.

Yết hầu của căn cứ Rafah là ngã tư giữa xa lộ Gaza — El Arish và con đường Rafah — Nitzana. Phía tây ngã tư đường này chỉ có một đường đi El Arish, nhưng phía bắc, đông bắc, và nam có tới ba con đường : Phía nam là con đường đi Nitzana và Ketziot, phía bắc là con đường đi qua trại Rafah, và đông bắc là đường đi Khan Yunis và Gaza. Những con đường trên là những mục tiêu được trao cho nhiều đơn vị Do Thái khác nhau. Cánh phía nam phải mở một lỗ hổng để thiết giáp có thể qua được, và đi tới con đường Nitzana. Cánh giữa mở một lối đi để tới con đường phía đông bắc. Cánh bắc mở lối đi đến con đường qua trại Rafah. Dĩ nhiên chúng tôi muốn mở cả ba đường, nhưng ước đoán rằng trong đêm đầu, chỉ mở được hai, có khi chỉ một. Dù trường hợp đó có xảy ra chăng nữa, thiết giáp cũng có thể lợi dụng lỗ hổng, chạy tới con đường Rafah — El Arish, rồi tiến về phía tây.

Căn cứ Rafah đường lối rất rắc rối, gồm vô số vị

tri, với công sự ngầm dưới cát, nằm giữa những vườn cây trái, và những dãy dừa gai. Trong lúc tiến quân, hầu hết các đơn vị đều bị lạc đường, hay nhận lầm mục tiêu, vì không dùng tác xạ pháo binh dẫn đường. Các đồn Ai Cập lại đóng khít nhau. Hai bên cùng bắn loạn xạ, không còn phân biệt được đạn nào của bạn, đạn nào của thù. Kế hoạch hành quân của chúng tôi phải căn cứ vào cơ cấu phòng thủ của địch. Quân số tấn công gần 3.000 người, được chia thành nhiều toán nhỏ, mỗi toán phải tự mở một con đường qua bãi mìn, qua hàng rào kẽm gai, và đơn độc đánh vào mục tiêu định sẵn.

Việc chiếm trục phía nam chia làm hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, tiểu đoàn thứ nhất chiếm ba đồn số 6, 2 và 293 của Ai Cập. Qua giai đoạn hai, tiểu đoàn kia theo vết tiểu đoàn trước, chiếm các đồn còn lại trên trục này.

Tiểu đoàn thứ nhất di chuyển một cách thận trọng. Đại đội trưởng đại đội D được chỉ định chiếm đồn đầu tiên, tức đồn số 6, lại không kiếm thấy mục tiêu. Ngay khi địch khai hỏa, thoát tiên bằng đại bác, rồi đến đại liên, viên đại đội trưởng này liền xin rút lui, và xin trao nhiệm vụ lại cho đơn vị khác. Lời yêu cầu đó không được chấp thuận; tiểu đoàn trưởng bắt buộc hấn phải tiếp tục nhiệm vụ; sau đó, hấn báo cáo hoàn thành công tác là «đồn đã lọt vào tay chúng tôi». Sáng hôm sau, mọi người mới biết rằng đồn số 6 chưa hề bị tấn công, và cũng chưa chiếm được, nhưng quân Ai cập đã bỏ đồn từ hồi khuya, lúc cuộc tấn công mới

bắt đầu.

Mục tiêu kế tiếp là đồn số hai, đồn cũng bỏ trống, và đại đội C chiếm không tốn một viên đạn. Đồn thứ ba là đồn 239, do đại đội B chiếm. Đại đội này di chuyển bằng bán xích xa. Lúc đến gần vị trí Ai Cập, họ dàn hàng ngang, xung phong thẳng vào đồn, gặp hỏa lực phòng thủ, nhưng cứ tiến, lính Ai cập liền bỏ chạy, và họ lấy đồn. Thế là giai đoạn đầu kết thúc. Tồn thất của tiểu đoàn này là hai chết, tám bị thương vì pháo binh địch khi vừa vượt tuyến xuất phát. Còn lúc chiếm đồn, tiểu đoàn không bị thiệt hại nào, kể cả khi đoàn xe bán xích tràn vào vị trí địch, phải băng qua 2 luống mìn nhựa, nhưng may, không quả nào nổ.

Bây giờ đến phần hoạt động chính trong vùng: Chiếm các đồn trên trục này là một đơn vị cơ động, tất cả nhân viên đều di chuyển bằng xe 6 x 6, hay bán xích xa, theo yểm trợ, có chi đoàn chiến xa 27 hạng trung (super sherman) của lữ đoàn 27. Dù đã đi theo vết của tiểu đoàn trước, lúc vào bãi mìn, chiến xe dẫn đầu vẫn cán trúng mìn. Chiếc bán xích xa chỉ huy tìm cách vòng về phải, cũng trúng mìn và bốc cháy nổ. Đạn pháo binh Ai Cập lúc nào cũng theo sát đoàn xe, và bây giờ, nhờ ánh sáng chiếc xe cháy, đạn rơi chính xác hơn. Công binh Do Thái, bỏ giữa những trái phá, mở con đường bên trái chiếc xe đang cháy để vượt qua bãi mìn. Vị tiểu đoàn trưởng tập trung quân lính lại, lúc đó, mọi người đều núp dưới các gò, bụi, và tiếp tục cho di chuyển. Có mấy chiếc bán xích xa, và hai chiến xa nhờ lối mới này mà thoát khỏi, nhưng

chiếc chiến xa thứ ba lại cần phải một trái mìn, không rõ tại sao còn sót, và lối đi lại bị kẹt. Công binh lại phải mở một lối đi khác, nhưng chiến xa đầu tiên đi thử lại trúng mìn, cắt đứt con đường mới này.

Cả tiểu đoàn bị kẹt. Hai chiến xa, bán xích xa, xe 6 x 6 bị mìn nằm cản trên những lối đi nhỏ hẹp qua bãi mìn. Bây giờ, quân Ai Cập xả hết các loại súng vào đoàn quân đang mắc bẫy : đại bác, súng cối, đại liên. Lúc đó là 01g30. Chỉ còn nửa giờ nữa là trời sáng, và nếu đoàn xe vẫn chưa ra khỏi tình trạng hiện tại, chắc chắn sẽ bị quân Ai Cập từ các đồn xung quanh tiêu diệt. Viên tiểu đoàn trưởng liên lạc với tư lệnh lữ đoàn, xin đem các xe còn tốt đến một vị trí gần đó, cho đào hầm hố phòng thủ, vì tiểu đoàn không còn khả năng tiến đến ngã tư được nữa.

Lời xin đó không được chấp thuận, và tiểu đoàn nhất định phải hoàn thành nhiệm vụ : chiếm các đồn kiểm soát ngã tư. Nếu không đi xe được nữa, họ phải đi bộ để đến mục tiêu.

Ở trường hợp khác, có lẽ lời xin của vị tiểu đoàn trưởng trên được chấp thuận, nhưng lần này, nếu thuận thì đến sáng, làm sao lữ đoàn mở được lối đi cho thiết giáp đến El Arish. Không còn đơn vị nào có thể nhận lãnh nhiệm vụ này được, vì lữ đoàn không có trừ bị. Tất cả lực lượng đều đã tham gia cuộc tấn công, và giờ này, đều dụng độ cả.

Về phần tiểu đoàn mắc nạn thì làm sao đủ sức đi bộ 7 dặm rưỡi để đến mục tiêu cho kịp giờ được, và nếu tới kịp, thì viễn ảnh chiếm đồn Ai Cập mà

thiếu chiến xa yểm trợ thật là đen tối. Họ chỉ còn mỗi cách : mở một lối khác cho xe chạy qua bãi mìn.

Trời đã hết tối, nhưng nỗ lực của công binh đã có kết quả. Lúc 05g15, các chàng lính công binh đứng dậy phui tay. Lối đi mới lần này chạy vòng phía bắc các xe hư, và đoàn xe ra khỏi bãi mìn không gặp trở ngại nào khác. Tiểu đoàn lại di chuyển, đơn vị trinh sát dẫn đầu, chỉ đoàn chiến xa đi giữa, và đại đội C trên bán xích xa tập hậu. Xe cộ của đại đội D bị hư cả, lính đại đội này phải bám quanh các chiến xa super sherman. Tinh thần binh sĩ vẫn cao có lẽ còn cao hơn cả sĩ quan. Khó khăn chính là thoát khỏi hỏa ngục đầy mìn và trái phá để di chuyển tới mục tiêu.

Lúc 06g20, đoàn xe bắt đầu di chuyển về phía ngã tư. Đi trên đường là đoàn chiến xa, chở các kỵ binh, và lính đại đội D, theo sau có đoàn bán xích xa. Các xe jeep đi kèm hai bên hông đoàn thiết giáp với nhiệm vụ trắc vệ.

Ngã tư do 3 đồn bảo vệ : Đồn số 8, số 10 và 12. Đoàn xe vừa đến gần là địch bắt đầu xả đại liên, súng chống chiến xa. Đoàn xe ngừng lại. Tiểu đoàn trưởng gọi pháo binh yểm trợ. Sau một hồi bắn qua lại, chiến xa bắt đầu xông vào các đồn — lính Ai Cập ở đồn thứ nhất thấy vậy liền bỏ đồn. Kẻ đi xe, người đi bộ, vội vã chạy về hướng tây, hướng của El Arish. Lúc 07g50, đại đội C trên bán xích xa chiếm đồn số 8, và đại đội D trên chiến xa chiếm đồn số 10. Chỉ còn đồn số 12, cả tiểu đoàn đều hướng vào đó, dàn

quân nghiêm chỉnh như trong một buổi lễ. Đại đội A và C tiến song song, chiến xa trắc vệ trái, và xe Jeep bên phải. Lúc 09g00, họ báo : 'chiếm xong đồn 12', và mấy giây sau, họ chiếm được ngã tư.

Tiểu đoàn phải tổ chức phòng thủ thật thận trọng, vì dù đã chiếm xong ngã tư, nhưng đoàn quân chiến thắng này chỉ như một mũi dùi mỏng manh, dài đến 9 dặm, sâu trong lòng địch, hai bên sườn còn vô số đồn bót Ai Cập. Bao lâu, các cánh quân ở trục giữa và trục phía bắc chưa thanh toán xong các mục tiêu, Ai Cập vẫn còn khả năng xóa sạch sự thành công của chúng tôi tại ngã tư này. Nhưng lo ngại đó, xem ra không xác đáng. Địch không những không nghĩ đến phản công, mà những đồn còn lại cũng không thêm chuẩn bị để chống cự cho mạnh mẽ. Đa số các đồn chỉ chiến đấu khi chúng tôi còn cách xa, đến lúc xung phong, lính trong đồn đều buông súng bỏ chạy cả. Trong số bảy đồn trên trục phía nam, có ba bỏ chạy trước khi chúng tôi đến nơi (2, 6, và 8), chỉ có đồn số 10, và 12 là chống cự cho tới lúc đồn bị tràn ngập.

Vì lẽ đó, tổn thất của lữ đoàn này không có gì nặng : 2 chết, và 22 bị thương, phần lớn vì mìn và đạn pháo binh. Về xe cộ cũng vậy : 4 chiến xa, 2 bán xích xa và 1 vận tải 6 x 6 bị trúng mìn. Chỉ có 1 chiến xa trúng đạn chống chiến xa, làm trưởng xa và tài xế bị thương.

Cuộc hành quân trên trục trung ương được trao cho hai tiểu đoàn cựu chiến binh, thuộc lữ đoàn 1. Nhiệm vụ của tiểu đoàn thứ nhất là chiếm 2 đồn số

25 và 25A đóng sát nhau. Tiểu đoàn quyết định tấn công cả hai đồn một lúc, đồn 25 do đại đội A, và đồn 25 A do đại đội Nahal (tên tắt của câu «thanh niên khai phá và chiến đấu» bằng tiếng Hy bả lai). Hai đại đội này đi bộ vượt tuyến xuất phát. Họ phải đi bộ một quãng khá xa, và đến mục tiêu lúc gần 05g00. Đại đội A đã tiến gần sát đồn 25, và sẵn sàng xung phong. Lính Ai Cập đã thấy họ, và bắt đầu khai hỏa, đồn bên cạnh cũng bắn phụ ngay. Lính Do Thái định phá hàng rào phòng thủ bằng mìn bangalore, song những ống mìn đã đặt dưới hàng rào này lại tịt ngòi. Đại đội trưởng quyết định không trì hoãn, ra lệnh cho thành phần yểm trợ chuẩn bị đồn hỏa lực đại liên vào những vị trí Ai Cập có nhiệm vụ bảo vệ hàng rào. Lệnh bắn vừa ban ra, cả đại đội nhào vào, dùng tay nhỏ cọc sắt, dè kềm gai xuống, và bỏ qua.

Họ lại gặp một bất ngờ khác : Bãi mìn quanh đồn. Trong lúc họ đang phải lay hoay, xoay trở với hàng rào, thì lính Ai Cập đã nhận được vị trí chính xác của đại đội này, và bắn mạnh vào quãng đó. Đại đội phải làm sao vượt qua bãi mìn thật nhanh, trước khi trời sáng. Viên sĩ quan công binh cầm một chiếc cuốc chim, bò đi trước, gõ mìn để mở lối đi. Cả đại đội bò một hàng dọc theo sau. Họ theo đường đó đến triển đồi, rồi trèo lên, chọc thủng phòng tuyến địch bằng tiểu liên và lựu đạn. Khi địch biết quân tấn công đã lọt vào đồn, thì cuộc chống cự chấm dứt. Như vậy, nếu không có chuyện gì xảy ra, thì có thể coi như êm đẹp ; nhưng có điều lạ là khi toán đầu tiên vừa lên

chiếm đỉnh đồi thì thấy đại đội Nahal, đang lẽ tấn công đồn 25A bên cạnh, lại đang tiến về phía mình. Có lẽ đại đội Nahal lầm tưởng đây là đồn 25A, và tấn công vào từ mặt bên kia. Cả hai đại đội trưởng cùng bối rối. Lính hai đại đội đã trộn lẫn với nhau, và trải ra cùng khắp các lô cốt, tiền đồn và hệ thống giao thông hào ngang dọc như mắc cửi của đồn này. Đồn 25A chắc chắn phải đánh chiếm, nhưng chiếm bằng cách nào, và ai đánh? Đúng lúc đó họ tìm thấy một giao thông hào nối hai đồn với nhau. Nếu dịch chờ sẵn đầu hào bên kia thì thực là nguy hiểm cho lực lượng tấn công. Sau một cuộc hội ý ngắn, hai đại đội trưởng quyết định phải liều cho cả hai đại đội đi theo con hào này đến đồn 25A. Không ai đón họ ở đầu bên kia, nhưng họ bị toán vũ khí nặng địch bắn thật rát. Cuộc chống cự đó quá trễ và đồn 25A bị chiếm lúc 05g30 lúc đó trời đã sáng hẳn.

Tồn thất của tiểu đoàn trong cuộc chiếm cả hai đồn này là 6 chết, 28 bị thương, không ai đếm xem lính Ai Cập chết bao nhiêu, và theo lệnh tiểu đoàn, chúng tôi cũng không bắt tù binh; bất cứ tên lính Ai Cập nào muốn trốn, đều được tự do chạy vào miền đầy đụn cát.

Nhiệm vụ của tiểu đoàn là chiếm 2 đồn 29 và 27 sát nhau. Đồn số 29 coi như trung tâm điểm, là đồn mạnh nhất của căn cứ Rafah, nhưng đồn này lại chiếm được dễ hơn chúng tôi tưởng, chứng tỏ mình đã đánh giá địch quá cao.

Tiểu đoàn vượt tuyến xuất phát lúc 03g30, và sau

một giờ tiến nhanh đã đến gần mục tiêu, các đại đội dàn quân dễ xung phong, nhưng các đại đội trưởng không nhận định được đâu là đồn phải tấn công, vì trời tối quá. Tiểu đoàn trưởng xin pháo binh bắn đạn vạch đường sáng xuống đồn 29, Pháo binh bắn. Nhưng quân Ai Cập từ các vị trí vùng quanh cũng bắn lên; thành ra họ không nhận được phát đạn nào là của bạn dẫn đường mình. Đại đội A bỗng thấy có một hàng rào gần đấy, vượt qua; lại gặp một hàng rào khác. Được một quãng, cách chỗ vào khá xa, nhờ đó họ tìm ra đồn số 29.

Bây giờ đã 05g00 sáng. Các bán xích xa dàn ra, dùng Bazooka bắn vào vị trí địch, lúc đó đang xả đại liên và súng chống chiến xa ra để cản không cho quân tấn công tới gần. Nhưng hai chiếc bán xích xa tìm cách tiến lên, hạ hai ổ súng chống chiến xa Ai Cập. Hỏa lực trong đồn yếu hẳn, các bán xích xa cùng một trung đội thuộc đại đội A phá hàng rào, tràn vào đồn, lúc trời sáng, đại đội A tìm thấy một con đường mòn đi quanh co giữa các hàng rào còn in vết chân mới, đoán rằng lính Ai Cập vẫn dùng đường đó để đi lại, chắc không có gài mìn. Dự đoán của họ không sai, và đại đội theo đường đó chiếm các vị trí phía bắc đồn, không gặp trở ngại nào cả.

Việc chiếm đồn 29 hoàn tất lúc 05g30; ông tiểu đoàn trưởng liền cho đại đội C và D đi tấn công đồn bên cạnh. Đúng lúc ấy, một thiết đoàn chiến xa thuộc lữ đoàn 27 đi tới, và họ bằng lòng yểm trợ bằng chiến xa. Lính Ai Cập vừa thấy chiến xa đến gần, đã

bỏ chạy. Khi hai đại đội này phá hàng rào, thì thấy đồn trống không. Lúc 07g15, họ gọi báo cáo « đồn 27 chiếm xong ». Tồn thất trong việc chiếm hai đồn này là 3 chết, 48 bị thương.

Trong trận đánh chiếm căn cứ Rafah, đơn vị bị tổn thất nặng nhất là tiểu đoàn bộ binh cơ động, thuộc lữ đoàn 27, thiết giáp. Nhiệm vụ của các tiểu đoàn này là chiếm các đồn 34 và 36, những đồn quan trọng của trục lộ phía bắc.

Tiểu đoàn gồm 4 đại đội khinh binh, được tăng cường một chi đoàn chiến xa hạng nhẹ AMX. Không hiểu tại sao họ lại nhận được lệnh di chuyển trễ. Đoàn xe lên đường lúc 03g45, và 15 phút sau, họ bị pháo kích nặng nề, và rất chính xác. Tiểu đoàn trưởng buộc lòng phải cho lệnh nhân viên xuống xe kiểm chỗ ẩn nấp. Tồn thất trong cuộc pháo kích này là 11 chết, và 88 người bị thương, trong số đó, có đại đội trưởng đại đội A, và 3 trung đội trưởng.

Dưới hỏa lực nặng nề đó, điều cần nhất là phải tản thương, và cho đoàn xe ra khỏi vùng nguy hiểm rồi tổ chức lại lực lượng tấn công. Đại đội trưởng đại đội D nắm quyền chỉ huy đại đội A, gom lại còn hai trung đội, đi đánh đồn 34. Đại đội trưởng đại đội B tập trung đại đội của mình lại, và tiến về phía đồn 36. Đại đội B đến mục tiêu trước tiên. Họ dàn quân trong những phút chót của đêm tối, và khi trời vừa sáng, lúc đó là 05g35, trung đội bộ binh trên bán xích xa, và phân đội chiến xa hạng nhẹ công phá vị trí Ai Cập. Theo sau bán xích xa và chiến xa, là một

rung đội cơ động khác, và trong vòng 15 phút, đại đội kiểm soát được đồn địch. Đồi lại đại đội có ba người bị thương.

Đại đội A đến gần mục tiêu lúc 05g45 Len lỏi theo các lùm cây, họ tìm cách đến thật sát các ổ chống chiến xa đặt ở mặt nam đồn 34, chỉ cách khoảng 275 mã, và khóa họng súng địch bằng bazooka. Đại đội lúc này có thêm chiến xa hạng nhẹ, sau khi hạ đồn 36 qua trợ lực. Các chiến xa yểm trợ bằng hỏa lực bắn thẳng, cho đại đội chọc thủng hàng rào phòng thủ tràn vào đồn Ai Cập. Đồng thời đại đội D qua tăng cường cũng vừa tới, được dùng làm thành phần trừ bị. Lúc 06g30, đồn 34 thanh toán xong. Trận này, bạn có 4 bị thương.

Tiểu đoàn trên không phải là đơn vị duy nhất bị tổn thất nặng trong trận đánh tại miền bắc này. Lúc 05g00 một tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 27 thiết giáp cũng đến gần các đồn 34 và 36. Đơn vị này sẽ theo chân tiểu đoàn bộ binh, để nếu mở xong đường, thì đi ngay đến con đường Rafah. Họ nhận được lệnh của tư lệnh 27 là yểm trợ cho bộ binh để chiếm các đồn. Thiết đoàn trưởng quyết định dùng một thành phần cơ hữu chiếm đồn 34, và ông tự dẫn một chi đội chiến xa đến đó. Lúc còn cách mục tiêu khoảng 450 mã, thì trời đã sáng rõ, chiếc bán xích xa của ông hiện rõ dưới mắt lính Ai Cập. (Vì máy truyền tin trên chiến xa chỉ huy hư, ông phải qua bán xích xa ngồi để có thể ra lệnh bằng các thủ hiệu). Địch tập trung hỏa lực vào đó, và xe ông bị trúng ba trái đạn chống

chiến xa. Thiết đoàn trưởng chết tại chỗ, thiết đoàn phó ngồi cùng xe bị thương nơi mất.

Lúc 06g30, tất cả đồn bót trên trục trung ương, và phía bắc căn cứ Rafah đều lọt vào các cánh quân bạn. Nhưng hai trong số ba thiết đoàn kỵ binh tham chiến hồi đêm đều bị tổn thất, cần phải có thì giờ để sửa chữa xe cộ, tiếp tế nhiên liệu, và tổ chức lại đội ngũ để tiếp tục chiến đấu. Thiết đoàn thứ ba để trừ bị, được lệnh di chuyển lúc 16g00. Đi qua lộ hồng phía bắc, khai thông con đường Gaza — Rafah, và gặp các cánh quân bạn tại ngã tư.

Lúc 09g00 chiếc chiến xa tiên phong tới ngã tư. Thoạt đầu lính bộ binh ở đấy (thuộc lữ đoàn 1) còn nghi hoặc, nhưng mấy phút sau, bụi tan đi, họ thấy những thân chiến xa kiểu AMX thấp lè tè của Do Thái hiện rõ phía chân trời.

Dù xung quanh vẫn còn tiếng súng nổ lẻ tẻ, và lúc nào cũng có thể có những đầu lính Ai Cập từ những bụi xương rồng trời lên, sĩ quan cũng như lính tiểu đoàn này, không hề nên được nổi vui mừng, họ chạy tủa ra ngoài đồn, chào đón đoàn chiến xa đang tiến đến. Mấy phút sau, ngã tư tràn đầy chiến xa, bán xích xa, và những nụ cười cởi mở hiện trên nét mặt phủ đầy bụi bặm của những chàng lính chiến. Bất chấp cực khổ, các cựu chiến binh ôm nhau thân mật, tự nhiên trong tình chiến hữu. Nạn nhân đặc biệt của tôi là tư lệnh phó lữ đoàn 1, chúng tôi ôm chàng lấy nhau, như một cảnh trong một phim ciné cũ của Nga.

Giai đoạn hai của cuộc hành quân khai diễn lúc 10g30, lữ đoàn 27 lên đường tiến về El Arish. Đi đầu là một thiết đoàn kỵ binh gồm 7 chiếc xe jeep của đơn vị thám thính, một trung đội công binh, một đại đội bộ binh đi trên bán xích xa, hai chi đội chiến xa (mỗi chi đội 6 chiếc), và một pháo đội đại bác 105 ly cơ động. Theo sau có hai thiết đoàn kỵ binh khác. Bộ tư lệnh lữ đoàn đi ngay sau đơn vị tiên phong. Tôi cũng kéo «đơn vị tổng tham mưu» đi xen vào toán xe của bộ tư lệnh lữ đoàn. Đơn vị của tôi gồm 2 chiếc xe 6 x 6, một xe truyền tin để liên lạc với tổng hành dinh và không quân, và một chiếc xe của tôi ngồi. Đi theo tôi có bộ tham mưu quân khu Nam, chánh văn phòng của tôi, và hai nhân viên truyền tin.

Rời khỏi Rafah, những kích động cũng tan biến theo. Tôi thấy mình như tìm lại được những cảm giác khoan khoái sau mỗi lần nhảy, hồi còn tập nhảy dù. Ra khỏi phi cơ, bỗng nhiên ta rơi vào một vùng yên tĩnh, không còn tiếng máy ỉnh tai, không còn áp lực không khí, quên cả sức gió cuốn, và được hưởng những giây phút thoải mái, thoát khỏi mọi trói buộc trước khi đặt chân xuống đất.

Chúng tôi chạy về hướng El Arish. Một làn gió mát từ Địa Trung hải thổi vào. Những đụn cát trải dài hai bên đường. Thỉnh thoảng lại gặp một chòm nhà vách đất, 1 đàn cừu, các phụ nữ Bedouin (dân du mục Ả Rập) dắt những con lừa chất đầy túi da đựng nước. Có muốn viết nhiều hơn về phong cảnh đồng quê vào

thiên hồi ký này, cũng khó tưởng tượng ra được.

Chúng tôi mất cả ăn sáng, vì trước khi đến ngã tư, một khẩu đội chống chiến xa Ai Cập không chạy — thật là một ngoại lệ — bắn vào đoàn xe, làm chúng tôi phải núp xuống dưới hố bên vệ đường mất một thời gian ngắn.

Đồn Ai Cập đầu tiên mà chúng tôi đoán sẽ gặp kháng cự là đồn Sheikh Zuweid, cách ngã tư 6 dặm về phía tây. Địa danh đó nổi tiếng từ thời 'Nili Spies' (nhóm người Do Thái ở Palestine, lãnh nhiệm vụ thi hành các công tác của đồng minh trong hồi đệ nhị thế chiến), và rất quen thuộc đối với tôi. Theo Lishinsky thì đó là nơi Avshalon Feinberg bị người Bedouin giết chết.

Khi tới nơi, chúng tôi thấy trống không. Thực ra, chúng tôi không phải là đơn vị Do Thái đến đây đầu tiên. Không quân đã có mặt ở đây trước chúng tôi; và dấu vết của cuộc thăm viếng đó là những chiếc xe đang cháy bên vệ đường, những khẩu đại bác dã chiến và chống chiến xa còn bỏ lại tại chỗ, nhưng nhân viên đã hoảng hồn bỏ chạy đầu mất cả.

Chúng tôi đã đi được 12 dặm, quá nửa đường Rafah — El Arish, mới gặp tiếng súng đầu tiên của địch, từ đồn El Bury bắn ra. Đồn El Jeradi cách đây đến 2 dặm cũng phụ họa. Đồn El Jeradi đặt trên cao địa để cảnh giác mọi cuộc tiến gần El Arish, vì nó kiểm soát được trọn vẹn trục lộ này. Hai bên xa lộ, và sâu vào phía trong nữa, toàn là những đồi cát mềm, rất khó vượt qua, nên không có cách nào

đi tránh đồn này được. Lực lượng đóng tại cao địa này gồm một đại đội bộ binh, một phân đội 3 khẩu súng chống chiến xa «Archer» và một pháo đội 6 khẩu súng cối 120 ly.

Thiết giáp bắt đầu tấn công cứ điểm này lúc 14g30, và trận đánh kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, vì việc di chuyển qua các đụn cát rất khó khăn. (Đúng là những đồi cát mà Lawrence rất thích, và ông cho rằng đó là những địa điểm tinh khiết cuối cùng còn sót lại trên trái đất ô trọc này.) Tại đây, cũng như ở Rafah. Khi các chiến xa Do Thái tới gần, lính Ai Cập liền bỏ súng chạy. Chúng tôi thiệt mất 10 người.

Bây giờ, chỉ còn cách El Arish 9 dặm đường. Trên đường tiến về thành phố, chúng tôi càng ngày càng gặp nhiều dấu vết của các đơn vị Ai Cập từ Rafah chạy về, bị máy bay Do Thái oanh kích. Đủ loại đạn được, súng ống, xe cộ, bỏ lại vương vãi cả ở giữa lộ lẫn hai bên lề.

Chúng tôi gặp đồn Ai Cập cuối cùng, cách El Arish 4 dặm. Cũng như Jeradi, đồn này dưới quyền chỉ huy của tiểu đoàn 11, thuộc lữ đoàn 4 bộ binh Ai Cập. Lực lượng phòng thủ có hai đại đội bộ binh, súng chống chiến xa đặt hai bên xa lộ, ngoài ra, còn một pháo đội 8 khẩu đại bác 35 pounder.

Trời gần tối, mà đoàn xe của lữ đoàn lại tản mát quá, khó lòng tập trung lại để dàn quân, mở cuộc tấn công, trước khi màn đêm buông xuống. Tinh thần binh lính cũng đã uể oải.

Kể ra, cũng không có gì đáng ngại. Có điều việc

công đồn và tiến vào El Arish phải rời lại sáng mai. Đêm nay, phải cho nhân viên bảo trì xe cộ, thiết giáp, đồ thêm nhiên liệu, và nghỉ ngơi chút đỉnh.

Trời đêm lạnh, bù lại cái nóng nực và bụi bặm của suốt một ngày di chuyển. Chúng tôi kiếm được một cái chuồng súc vật cũ, nền đầy cây cỏ mọc, liền lấy đó là làm nơi nghỉ qua đêm. Tôi đọc, và trả lời tất cả các công điện gửi đến. Tôi nhắc lại lệnh sáng mai (2-11) bắt đầu cho lữ đoàn 9 di chuyển về Sharm e Sheikh, và lữ đoàn 11 hành quân chiếm giải Gaza. Chúng tôi sắp bước qua giai đoạn cuối cùng của chiến dịch.

Bữa ăn tối với những món ăn quen thuộc: thịt hộp nướng không trời, và những hộp nước cam chua loét. Tình trạng đó, như thường lệ, lại được cả phê đen nóng cứu vãn, và sau đó, thế giới lại như đơm màu hồng. Khi vừa cuộn mình trong chăn, thiu thiu ngủ, quân Ai Cập lại pháo kích. Tiếng nổ chưa chắc đã phá nổi giấc ngủ, nếu những trái phá không tung cát, sỏi vào mặt mũi, khiến chúng tôi phải chạy vội đến gò đất để núp.

06g00 sáng hôm sau, chúng tôi vào El Arish không gặp sức kháng cự nào. Các đơn vị Ai Cập đã rút lui hết trong đêm vừa qua.

Có lẽ quân địch chỉ mới rút cách đây vài giờ. Nếu biết vậy, chúng tôi đã cố tiến vào thành phố hồi đêm, rồi qua cửa tây El Arish, chặn đường về kênh Suez, thì chúng tôi có hy vọng bắt được cả đoàn xe, khí giới, và tù binh thuộc sư đoàn 3 Ai Cập, lúc đó đang

Tất nhiên chúng tôi, không ai rõ định rút lui lúc nào. Theo lời khai của tù binh, thì bộ tổng tham mưu Ai Cập đã ra lệnh cho lực lượng ở Sinai phải rút qua tây ngạn kênh Suez từ trưa ngày 1-11. Lệnh rút lui được các đơn vị Ai Cập thi hành quá sốt sắng. Thực vậy, cả sư đoàn 3 ở El Arish, và lữ đoàn 1 thiết giáp, đều cho bắt đầu rút lui, trước khi có lệnh của bộ TTM. Bộ tư lệnh sư đoàn ở El Arish gửi lệnh rút lui cho lữ đoàn 5 ở Rafah từ đêm 31-10, rạng ngày 1-11, nhưng lữ đoàn lúc đó đang bị tấn công nặng, không phá nổi vòng vây, chỉ còn mỗi cách rút lui là chạy tán loạn.

Lữ đoàn 1 thiết giáp lại rút sớm hơn nữa. Sáng ngày 31-10, họ nhận được lệnh bộ TTM Ai Cập phải xả hết tốc lực, chạy về ngã tư Jebel Livni để đương đầu với các đơn vị thiết giáp Do Thái (lữ đoàn 7) và trợ lực việc phòng thủ Um Katef. Theo một sĩ quan thiết giáp Ai Cập bị bắt, thì viên tư lệnh lữ đoàn thiết giáp Ai Cập xin phi cơ bao vùng, nhưng không được; không những ông ta không tiến theo lệnh trên, mà còn tự ra lệnh cho lữ đoàn rút khỏi Sinai.

Như vậy, nếu chúng tôi có chiếm El Arish hồi đêm, chưa chắc đã chặn được đa số lực lượng Ai Cập rút khỏi thành phố này.

Trong cuộc rút lui khỏi El Arish, một phần nhỏ có tổ chức đang hoảng, nhưng đa số còn lại, chỉ là một cuộc tháo chạy vô trật tự. Lúc xâm tới, có hai chuyến xe lửa từ Ai Cập tới, nhưng chỉ chở được một phần lực lượng. Con đường nhỏ hẹp từ El Arish đến Kantara đông nghẹt các loại xe, cũng chưa đủ dùng.

Do đó, đường xe lửa và đường cái chỉ dành riêng cho sĩ quan ; các cấp khác phải đi bộ. Nhưng những người đi bộ lại may mắn, vì không quân chỉ chú ý đến xe cộ di chuyển trên đường, chứ không làm phiền đến các toán di chuyển qua những đụn cát.

Bọn lính này, bị sĩ quan bỏ rơi, liền trút bỏ tất cả những gì mang trên người làm vướng víu cuộc di chuyển : vũ khí, túi quân trang, quân phục, cả đến đôi giày cao cổ nhà binh nặng nề cũng vất đi nốt. Họ nhập lại thành từng toán một, từ từ đi về phía tây. Khát, uống nước giếng ; đói, ăn trái chà là. Những đồn điền chà là dài hàng dặm dọc theo bờ biển đang mùa trái, chỉ cần ném một viên đá vào một chùm chín là có thể lượm được cả vốc tay. Từ trên không nhìn xuống, thấy những toán lính này giống như một đoàn người hành hương dài vô tận, những chiếc áo trắng của họ in rõ trên nền cát vàng.

El Arish không bị phá hoại gì trong cuộc rút lui này. Có mấy kho quân sự bị đốt, nhưng chỉ là một phần không đáng kể trong số quân dụng khổng lồ mà địch bỏ lại. Có lẽ khi lệnh rút lui vừa ban ra, thì ai nấy cũng chỉ lo chạy leo lên đoàn xe sắp rời thành phố. Bệnh viện ra một cảnh tượng rừng rợn. Trên bàn mổ, có xác một lính Ai Cập vừa bị cưa mất một chân. Tên này bị bỏ lại, giữa lúc đang chịu giải phẫu, không có bác sĩ hay y tá băng bó cho, nên chết vì mất máu. Các thương binh tại đây, một ít nằm lại trong phòng, nhưng đa số chạy ra nấp ngoài sân, ngoài vườn. Họ kể lại rằng, khi các y tá biết có

xe hồng thập tự đang chờ, họ liền bỏ tất cả công việc đang làm, chạy vội lên xe, rồi biến mất. Không còn một y tá nào ở lại săn sóc các thương binh đang trong tình trạng nguy ngập — trong đêm qua, có đến 18 người tắt thở.

Con đường từ El Arish đi Antara tràn ngập xe cộ, một ít còn chạy được, nhiều chiếc bị xoay ngang hay lật ngửa. Nguyên nhân không phải vì kế hoạch cản đường, mà vì cuộc chạy tán loạn đó sinh ra nạn kẹt xe đường, rồi những xe vận tải hạng nặng, bán xích xa, xe chở thiết giáp v.v... ủi những xe nhỏ ra ngoài lề để lấy lối chạy.

Con đường phía nam chạy về phi trường, và Abu Ageila cũng la liệt những quân xa bất động. Nhưng những chiếc xe này là do không quân của chúng tôi đánh bồi thêm bằng phi đạn và đại bác lên đoàn xe rút lui.

Lữ đoàn 27 thiết giáp không nán lâu trong thành phố. Thành phần tác chiến đi chiếm sân bay và kiểm soát con đường đi Abu Ageila, phần còn lại vội truy kích địch về phía kênh Suez. Vấn đề dân sự ở El Arish được trao lại cho bộ tư lệnh quân khu nam ; bộ tư lệnh sẽ đề cử một tổng trấn để điều hòa trật tự đời sống nhân dân nơi đây. Khi vừa vào thành phố, chúng tôi thấy hình ảnh nổi bật nhất là những lá cờ trắng bay phấp phới trên nóc nhà, ngoài hàng rào ; và một phái đoàn đang chờ đón chúng tôi trước cửa tòa thị chính, bày tỏ lòng trung thành, và tinh thần sẵn sàng hợp tác của họ với chúng tôi.

Công viên thành phố vắng lặng lúc chúng tôi đến ; chỉ một giờ sau đã đông đúc náo nhjet. Thành phần công dịch và yểm trợ của lữ đoàn 27 từ bộ tư lệnh quân khu Nam tới, liền bắt tay vào việc giữ trật tự, và kiểm soát các doanh trại quân sự trong thành phố. Có nhiều chàng lính nhận ra tôi, đến xin chụp hình, xin chữ ký lên bản đồ quân sự, sổ công tác, bằng cá nhân, hay bao thuốc lá. Một trung sĩ quân khu có óc lập dị, thấy một bức hình Abdul Nasser màu sắc lòe loẹt, treo trong một tiệm hớt tóc, liền vác đến xin tôi ký vào. Hắn nói, chữ ký này không những là một tài liệu đặc biệt, xét về địa điểm, mà cả về thời gian : hôm nay, 2-11, ngày công bố tuyên ngôn lập quốc Balfour (1).

Không phải tất cả lính Ai Cập đều rời El Arish hết, cho nên khi nghe tin chúng tôi vừa lập một trại tù binh thì họ đổ xô về đây trình diện. Dĩ nhiên không phải họ ra trình diện hết. Một số vẫn còn giữ vũ khí lẩn trốn trong thành phố. Có lần, chúng tôi đang đứng trong một tòa nhà, gần chiếc cửa sổ mở ra đường phố, bị một tên bắn sẻ nắp ngoài hàng rào bắn vào. Hắn bắn một tràng liên thanh, làm một nhân viên truyền tin trúng đạn, ngã xuống, chết ngay cạnh tôi.

Lúc 11g00, tôi lên chiếc quan sát cơ Piper, bay từ phi trường El Arish về bộ TTM. Tôi bảo viên phi

(1) Tuyên ngôn của chính phủ Anh, công bố năm 1917, cho dân Do Thái lập quốc tại vùng Palestine.

công lượn thấp quanh thành phố một vòng, nhưng lại phải lên cao ngay, để tránh khỏi tầm đạn súng trường và đại liên đang từ dưới bắn lên. Trên các đụn cát phía đông, phía tây, phía nam, đâu cũng có lính Ai Cập ; họ đi lẻ tẻ, hay thành từng nhóm, núp vào những bụi cây, những chuồng thú vật dưới đất. Dù bay rất cao, tôi vẫn nhìn thấy diêm mà tôi đang tìm kiếm : Lữ đoàn 27 thiết giáp. Đoàn xe đang tiến về phía tây, không gặp trở ngại nào. Thế là chúng tôi đã vào El Arish được 5 tiếng đồng hồ. Lữ đoàn đang dẹp các chướng ngại vật để lấy lối đi. Những chiếc xe tiên phong đã cách thành phố hàng chục cây số, và đoàn xe như đang di chuyển giữa một đại lộ bằng khói và thép. Trận đánh tại trục phía bắc Rafah — El Arish — Kantara như vậy là kết thúc.

Tôi nhớ lại xấp tài liệu mà sĩ quan quân báo vừa trình tôi hồi sáng, trong đó có «chỉ thị của tư lệnh sư đoàn 3» gửi cho các đơn vị trực thuộc khu Bắc Sinai. Chỉ thị đó như sau :

CHỈ THỊ CỦA TƯ LỆNH

SƯ ĐOÀN 3 BỘ BINH

Ngày 15 tháng Hai 1956

Gửi : — Tiểu khu trưởng tiểu khu Palestine.

— Tư lệnh lữ đoàn 5 bộ binh tăng phái.

Sau đây là bản tóm lược các chỉ thị của sư đoàn

3 đã gửi cho các đơn vị trưởng, và sĩ quan, theo ngày tháng dưới đây :

El Arish : 1-2-1956 Rafah : 3-2-1956
Khan Yunis : 4-2-1956 Gaza : 4-2-1956

Yêu cầu các nơi nhận cho toàn thể sĩ quan thi hành chỉ thị này, và không được phổ biến chỉ thị bằng giấy tờ xuống dưới cấp tiểu đoàn trưởng, hay đơn vị trưởng tương đương.

1 — HUẤN THỊ

Mỗi đơn vị trưởng phải chuẩn bị cho cá nhân mình, cũng như bộ chỉ huy, sẵn sàng tham dự 1 chiến dịch chống do Thái không-thể-tránh-được, để hoàn thành mục đích cao cả của chúng ta là tiêu diệt Do Thái thật nhanh chóng, bằng một trận đánh thật ác liệt và tàn bạo.

2— THÀNH TÍN :

(a) Thành tín là yếu tố quan trọng trong sứ mạng của chúng ta. Không có thành tín, chắc chắn chúng ta sẽ không đạt được thắng lợi.

(b) Trong khi chiến đấu, quân sĩ các cấp biểu lộ lòng thành tín bằng thái độ tấn kích nhanh chóng.

(c) Sự thành tín gồm những yếu tố sau :

(i) Chiến đấu dẻo dai, với một thái độ mãnh liệt nhất;

(ii) Tự tin tài lãnh đạo của mình, để tạo niềm tin của binh sĩ vào cấp chỉ huy. Giữ gìn kỷ luật nghiêm minh, tránh gây mâu thuẫn giữa binh sĩ và sĩ quan.

(iii) Hành vi nghiêm túc, thực tế...

Chúng tôi vòng về đông, và bay về hướng Do Thái dưới là thung lũng El Arish quanh co. Chỉ tại giải đất thấp này là có trồng trọt hoa màu ; phần còn lại, hoàn toàn hoang vu. Sát biên giới Do Thái là một bộ lạc Bedouin. Chúng tôi bay xuyên qua một làn khói từ một mái bếp nào đó phía dưới xông lên. Mùi cây đổ từng cháy khét lẹt xuyên vào phòng lái phi cơ, và trong khoảnh khắc, tôi được đưa vào vùng kỷ niệm, với những đốm lửa trại, ở một chân trời khác.

Hôm qua và hôm kia, trong lúc lữ đoàn 27 thiết giáp hoạt động trên trục phía Bắc, thì lữ đoàn 7 thiết giáp cũng hoàn thành việc chiếm trục trung ương Kusseima — Jebel Livni — Ismailia. Sự khuất phục được trục này còn đánh tan được mưu toan của bộ TTM Ai Cập định đưa lữ đoàn 1 thiết giáp của họ ra nghênh chiến.

Lữ đoàn 1 thiết giáp là lực lượng lưu động mạnh nhất của Ai Cập ở Sinai. Lữ đoàn được tổ chức như một đơn vị biệt lập, có đầy đủ lương thực, trang cụ, các đơn vị công dịch, có thể hoạt động mà không cần liên lạc với căn cứ ở Ai Cập để nhận các loại hàng tiếp tế thông thường. Tại căn cứ của lữ đoàn tại Bir

Selim, trong vùng Sinai, có dự trữ rất nhiều nhiên liệu, đạn dược, và cơ phận thay thế. Một sĩ quan thiết giáp Ai Cập bị bắt khai rằng, ngày 31-10, tư lệnh lữ đoàn nhận được lệnh của bộ TTM phải di chuyển về phía đông ngay, để yểm trợ cho Um Katar, đồng thời, cho một đơn vị thiết giáp tấn công đạo quân nhảy dù Do Thái tại Mitla. Các đơn vị thuộc lữ đoàn có di chuyển thực, nhưng bị không quân Do Thái bám theo oanh kích mãi, thành ra không tới nổi mục tiêu. Viên tư lệnh lữ đoàn xin phi cơ bao vùng; khi biết đơn xin không được thỏa mãn, ông liền quyết định cho lữ đoàn quay về Ai Cập, và không mở được cuộc tấn công nào vào các đơn vị Do Thái.

Giữa lữ đoàn này và lực lượng Do Thái, có xảy ra một cuộc chạm súng, lúc lữ đoàn bắt đầu lui quân. Cuộc chạm trán đó xảy ra lúc 06g00 sáng ngày 1-11, tức hai ngày trước đây, khi một thiết đoàn kỵ binh của chúng tôi đến vùng phụ cận Bir Rud Selim, cách Jebel Livni 25 dặm về phía tây, thì bị đơn vị hậu tập của lữ đoàn Ai Cập bắn. Chiến xa Do Thái bắn trả, và hạ 3 chiến xa T — 34. Bộ binh cơ động địch nhảy xuống xe, và lần nhanh vào các đụn cát, trong khi những chiếc thiết giáp còn lại vội xả hết tốc lực chạy về hướng tây. Nửa tiếng sau, lúc 06g30, quân Do Thái tiến vào căn cứ thiết giáp Bir Rud Selim, thấy còn một số sĩ quan, và lính Ai Cập, có người bị thương, có người còn khỏe mạnh, không rõ tại sao họ không chạy theo đơn vị.

Thiết đoàn Do Thái lên đường truy kích địch. Mới

tiến được mấy dặm về phía tây, thiết đoàn bị pháo binh và chiến xa địch bắn dữ dội. Cuộc giao tranh kéo dài một tiếng đồng hồ, sau đó, đơn vị hạn thấy không thể tiếp tục truy kích được, vì thiết giáp đã gần cạn xăng, và có 2 trong số 9 chiến xa bị trúng đạn, không sử dụng được nữa. Thiết đoàn đành quay về Bir Rud Selim để săn sóc thương binh và tiếp tế nhiên liệu (kho nhiên liệu trong trại này có rất nhiều xăng thiết giáp). Bấy giờ đã gần hết ngày, và không thể đuổi theo thiết giáp Ai Cập trong đêm tối được.

Trong suốt ngày 2-11, ngoại trừ chiếc chiến xa Ai Cập đang đơn độc chạy giữa lộ, và bị bắn hạ ngay, thì không còn thấy đơn vị thiết giáp Ai Cập nào khác. Trại Bir Gafgafa, và vùng lân cận phía tây đều trống trơn. Dọc đường, chỗ nào cũng có xe, súng chống chiến xa, trang cụ cá nhân của địch bỏ lại. Đơn vị Do Thái cũng gặp mấy toán lính Ai Cập đang chạy trốn, nhưng không tìm ra dấu vết của lữ đoàn 1 thiết giáp. Mãi đến 16g00, khi đơn vị này tới Katib el Sabha (cách kênh Suez độ 30 dặm) mới gặp đuôi đoàn quân Ai Cập. Đó là một chi đoàn chiến xa T — 37, xe núp dưới hố bên lề đường để chặn lực lượng truy kích. Đặt xe ở chỗ trống như vậy, thì tầm quan sát bị giới hạn, cho nên các xe jeep thám thính của chúng tôi đến cách họ 300 thước mà chưa bị lộ. Một chiếc jeep vừa mở khẩu bazooka nhắm vào chiếc chiến xa gần nhất, thì bị một chiến xa Ai Cập khác nhìn thấy, liền xoay pháo tháp, hướng đại bác về phía chiếc xe jeep. Toán thám thính trên chỉ còn cách bó tay chờ chết.

May lúc đó, nhân viên xa đội trên một chiến xa sherman của chúng tôi nhìn thấy cảnh này, vội khạc một trái đạn vào chiến xa Ai Cập kịp thời. Khẩu bazooka của toán thám thính vừa được cứu mạng, giờ đây đã sẵn sàng, liền bóp cò, và trái hỏa tiễn trúng chiến xa địch. Những kẻ sống sót trên hai chiến xa địch nhảy xuống chạy trốn. Chiếc thứ ba tuy chưa hề gì, nhân viên cũng bỏ chạy luôn, và chiếc chiến xa đó rơi vào tay chúng tôi.

Đó là lần chạm trán cuối cùng với thiết giáp Ai Cập. Đêm xuống, cuộc truy kích cũng lui dần, đến lúc đoàn thám thính Do Thái đến điểm tận cùng của cuộc hành trình ở cách kênh Suez 10 dặm, thì lữ đoàn 1 thiết giáp Ai Cập đã qua bên kia bờ kênh Suez cả. Thiết đoàn kỵ binh của chúng tôi bị 1 chết, 10 bị thương, hư 1 chiến xa và một bán xích xa. Nhưng phần lớn thiệt hại của thiết đoàn là do trận đánh vào Um Shihan, chứ không phải vì truy kích thiết giáp Ai Cập. Tồn thất lữ đoàn thiết giáp địch là 30 chiến xa T-34 (8 chiếc do thiết đoàn kỵ binh hạ; phần còn lại do không quân); 5 khẩu đại bác cơ động SU-100; và khoảng 40 chiếc thiết vận xa, phần lớn do phi cơ oanh kích.

Khi nhận bằng báo cáo chính thức về tồn thất của thiết giáp địch, tôi cảm thông được nỗi thất vọng của nhân viên thuộc hạ. Giữa báo cáo trận đánh đầy nhiệt tình tuổi trẻ với con số thống kê vô tình thường có sự sai biệt. Diễn hình là cuộc không tập vào lữ đoàn 1 Ai Cập gần Bir Gafgafa ngày 31-10. Sau đây là báo

cáo của trung úy Z. K. :

Chúng tôi nhận thấy đoàn thiết giáp ở giữa lộ. Cảnh tượng rất là sôi nổi. Hết xe nọ đến xe kia đua nhau bốc cháy. Thoạt tiên, chúng tôi tấn công như một cuộc thực tập thời bình, đến lúc những trái đạn nổ xung quanh chúng tôi, trận đánh mới trở nên khẩn trương. Kính chắn gió trên phi cơ của đại úy G. và trung úy P. bị dầu phủ kín, hai người nhắm mắt nhào xuống bất cứ mục tiêu nào, làm những máy bay còn lại phải trám vào chỗ trống...

G. và tôi cũng đến tấn công một đám chiến xa. Tôi bỗng thấy những trái đạn 40 ly phòng không nổ rất gần mình. Tôi định ngay được vị trí súng, liền đâm xuống đó. Nhân viên khẩu đội cố xoay nòng súng hướng về tôi, nhưng khi thấy quá trễ, họ liền nhảy khỏi ụ, và bỏ lộn ngổm trên mặt đất. Tôi dùng đại liên 50 xả xuống đám này. Lúc tôi bắn vào chiếc xe chở đạn, xe phát nổ, suýt gây tai nạn. Tiếng nổ thổi máy bay của tôi lên đường bay một chiếc khác, làm hai chiếc suýt đụng nhau. Chỉ còn một chiếc còn đạn, nên trung úy S. ở lại trút cho hết, còn năm chiếc kia bay về trước.

Viên phi đoàn trưởng viết tay thêm vào bản báo cáo: « Tôi xin nói rõ rằng, dù phần diễn tả rất hấp dẫn, thiệt hại địch được ghi nhận chỉ có hai chiến xa và hai xe vận tải. »

Sáng nay, chúng tôi chiếm xong giải Gaza. Các đơn vị Ai Cập không chống cự mạnh mẽ cho lắm. Sau những trận thua ở Rafah và El Arish, tinh thần của họ làm sao lên cao được? Họ cũng chẳng còn lòng dạ nào nghĩ đến việc tổ chức phòng thủ nữa. Lực lượng ở Gaza phân tán thành từng đơn vị nhỏ, đóng ở hàng chục đồn lẻ, đồn nhỏ không trợ giúp được đồn kia, và không chiếc nào đương đầu nổi một cuộc tấn công bằng chiến xa và bán xích xa. Đối với toàn bộ chiến dịch, thì trận này không có tính cách quyết định. Giải đất duyên hải dài 25 dặm, và rộng trung bình 6 dặm này không thể tồn tại, khi mà Rafah và El Arish đã mất, và sư đoàn 8 Palestine ở đây không đủ khả năng hoạt động ngoài giải đất này. Thực vậy, quân số trên 10 000 của sư đoàn (kể cả lữ đoàn 87 Palestine ở Rafah) chỉ quen đóng đồn bót. Những tổ chức như lữ đoàn, đại đội chỉ lập ra cho có hình thức, chứ không thể đưa đi hành quân như các đơn vị quân đội khác được.

Giá trị của việc kiểm soát Gaza là giải phóng vùng này khỏi tay Ai Cập. Sau cuộc chiến tranh giành độc lập năm 1948, Gaza được trao cho Ai Cập, và họ dùng nơi đây làm một đầu cầu bên kia sa mạc Sinai để tấn công Do Thái, thời bình thì dùng làm căn cứ cho các tổ chức khủng bố và phá hoại. Không như chính phủ Jordan, sát nhập tây ngạn sông Jordan vào lãnh thổ Jordan, và cho dân Palestine nhập tịch, chính phủ Ai Cập muốn tách rời giải Gaza khỏi nước Ai Cập. Một phần chắc vì chính sách của họ là coi 'những người

Palestine mất đất' là một thực thể chính trị, và cần phải phục hồi nền độc lập cho họ; song lý do quan trọng hơn là giải Gaza hiện chứa trên 200 000 di dân Ả Rập, mà Ai Cập không muốn, và không thể chấp nhận cũng như trợ giúp về kinh tế cho họ được. (Cả ông Ben Gurion cũng cảm thấy không thể chấp nhận sát nhập Gaza vào Do Thái — nếu có đề nghị này — vì số di dân quá đông). Không ai đoán được tương lai Gaza sẽ ra sao, nhưng Do Thái thì hiện đang tìm cách chấm dứt sự lợi dụng vùng này của Ai Cập để mưu đồ xâm lược.

Hệ thống phòng thủ giải Gaza của Ai Cập chia làm hai khu: khu Bắc và khu Nam. Khu Bắc gồm thành phố Gaza và các đồn bảo vệ xung quanh được trao cho lữ đoàn vệ quốc quân Ai Cập. Lữ đoàn này gồm 14 «tiểu đoàn», quân số 3.500 người, đóng rải rác nhiều đồn cỡ đại đội, dọc theo biên giới Do Thái, và các đồn ở gần sát nhau. Ngoài ra, lữ đoàn còn được tăng phái một pháo đội súng cối 8 khẩu 120 ly, và hai trung đội cơ động biên phòng. Pháo đội súng cối bị phân tán thành từng cặp hai khẩu, và chia cho các tiền đồn, còn các trung đội cơ động biên phòng được giữ lại làm trừ bị.

Trung tâm khu Nam là thị trấn Khan Yunis. Khu này do lữ đoàn 86 Palestine phòng thủ (Các cấp dưới của lữ đoàn này là người Palestine, nhưng cấp chỉ huy là các sĩ quan nhà nghề Ai Cập), dựa vào ba điểm tựa, do các tiểu đoàn 11, 34, và 44 đóng, pháo đội súng cối 120 ly ở giữa yểm trợ cả ba điểm tựa này.

Việc đánh chiếm giải Gaza do lữ đoàn 11 bộ binh Do Thái phụ trách. Lữ đoàn gồm hai tiểu đoàn bộ binh, và một cánh thiết giáp thuộc lữ đoàn 27 thiết giáp tăng phái. Cánh thiết giáp gồm một chi đoàn chiến xa hạng nhẹ (Sherman), và một chi đoàn thiết kỵ đi trên bán xích xa, nhưng trong số 13 chiến xa, chỉ có 6 chiếc còn dùng được.

Cuộc tấn công khai diễn lúc 06g00 ngày 2-11. Cuộc tấn công dự trù chọc thủng phòng tuyến địch ở nhóm đồn số 122, 123 và 125, cách Tel ali Muntar, một cao điểm kiểm soát được tất cả các cuộc tiến sát vào thành phố, 2 dặm về phía nam. Đó là con đường mà bất cứ đạo quân nào xưa nay muốn chiếm Gaza đều phải dùng. Theo truyền thuyết thì Tel ali Muntar là ngọn đồi mà Samson đã gắn các « cánh cổng của thành phố Gaza » ; và dưới chân ngọn đồi này là nơi mà quân đội Anh do Sir Archibald Murray chỉ huy đã bị thiệt khoảng 10 ngàn người hồi đầu đệ nhất thế chiến, trong hai trận tấn công vào Gaza hồi đó, do Thổ Nhĩ Kỳ giữ, và đều thất bại (Murry lúc đó ngồi trên một toa xe lửa ở El Arish, cách đây 60 dặm.)

Khi đoàn chiến xa và bán xích xa đánh thủng đồn số 122, và mặc dầu bị mấy đồn lân cận, nhất là đồn trên đỉnh núi Ali Muntar bắn dữ dội, họ vẫn xông thẳng vào công trường chính của thành phố Gaza. Sau ít phút bắn qua lại, cánh thiết giáp tiến về phía bắc, chiếm tất cả các đồn bót địch trên xa lộ cho tới làng Bet Hanun ở cực bắc giải Gaza. Đồng thời, tiểu đoàn bộ binh theo chân đoàn thiết giáp vào Gaza thanh

toàn các ổ kháng cự của địch còn lại trong thành phố. Đến trưa thì tiếng súng ngưng hẳn, trách nhiệm điều khiển thành phố Gaza được trao cho vị tổng trấn Do Thái, còn lực lượng cảnh sát thì lấy từ các đơn vị chiến đấu qua.

Cuộc tiến về khu Khan Yunis ở phía nam của đoàn thiết giáp phải tạm ngưng, vì cần tu bổ chiến xa, và nhất là phải lấy thêm đạn — nguyên buổi sáng hôm nay đã tiêu thụ hết 80.000 viên. Việc dẹp các đồn ở phía nam khu Gaza (khu Bắc) không có gì khó khăn. Một trung tá Ai Cập ngồi trên xe jeep với sĩ quan hành quân của lữ đoàn 11 — chiếc xe Jeep đó của phái đoàn LHQ giao dịch với quân tị nạn Ả Rập — ra lệnh cho lính Ai Cập còn chống cự buông súng.

Song khu Nam (do lữ đoàn 86 Palestine giữ) không chịu hàng. Tảng sáng ngày 3-11, cánh thiết giáp tới gần Khan Yunis, thì gặp hỏa lực đại liên và súng chống chiến xa. Một bán xích xa trúng đạn chống chiến xa, và một chiến xa cán phải mìn. Đến lúc chiến xa của chúng tôi đã bắn được vài chục trái, bộ binh mới xung phong lên và chọc thủng được hệ thống phòng thủ Ai Cập. Đoàn thiết giáp xông lên, theo sau có tiểu đoàn bộ binh thứ hai vào thẳng trung tâm phòng thủ của địch. Sau đó, cuộc chống cự tan hẳn.

Các cuộc giao tranh để quét sạch các đồn bót còn lại trong khu này kéo dài suốt buổi sáng. Mãi đến 13g30, mới chiếm xong đồn Ai Cập cuối cùng ở giải Gaza, và lữ đoàn 11 bắt tay được với lữ đoàn 7 ở Rafah.

Tồn thất của lữ đoàn 11 là 11 chết, 65 bị thương. Có hai chiến xa và một bán xích xa bị trúng đạn, nhưng đều sửa chữa và sử dụng lại được ngay.

Hai bản hàng thư của giới chức chỉ huy quân sự và dân sự ở giải Gaza gửi cho chúng tôi được chấp nhận. Hai bức hàng thư đó như sau :

HÀNG THƯ CỦA THỦ HIẾN GIẢI GAZA.

Tôi, chuẩn tướng Mahmed Fuade Dagawi, thủ hiến giải Gaza, nhân danh bộ trưởng bộ chiến tranh, yêu cầu đại tá Asaf Simhoni, tư lệnh quân đội Do Thái chấp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của tôi, cùng toàn thể công chức và nhân dân tại giải Gaza.

Đính kèm bản văn bằng tiếng Hy bá Lai.

Ký tên	14g20, ngày 2-11-1956.
Chuẩn tướng Mahmed	chấp nhận — Ký tên
Fuad e Dagwi	Tư lệnh quân khu Nam.
Thủ hiến giải Gaza	Đại tá Asaf Simhoni.
nhân danh bộ trưởng	
bộ chiến tranh.	

HÀNG THƯ CỦA TƯ LỆNH QUÂN LỰC AI CẬP TẠI TIỂU KHU GAZA.

Tôi, đại tá Gamal Adin Ali, tư lệnh quân lực Ai Cập tại khu thành phố Gaza, yêu cầu đại tá Asaf Sim-

honi, tư lệnh quân đội Do Thái, chấp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của toàn thể quân đội thuộc lực lượng chính quy, không chính quy, cũng như chỉ nguyện quân, dưới quyền chỉ huy của tôi tại khu thành phố Gaza và vùng phụ cận.

(Ký tên)

2-11-1956.

Đại diện tư lệnh quân khu Nam, chúng tôi chấp nhận sự đầu hàng này.

Đại tá Mishaël Shaham

Đại tá Aharon Doron

Việc chiếm miền bắc Sinai đã hoàn tất. Bây giờ, các đơn vị của chúng tôi phải đến Suez : quân nhảy dù trên trục phía nam, qua ngã Mitla ; Lữ đoàn 7 thiết giáp theo trục trung ương, qua Jebel Livni ; và lữ đoàn 27 thiết giáp theo trục bắc, qua El Arish. Bây giờ, ta có thể lái xe từ Tel Aviv đến kênh Suez bằng 3 đường : xa lộ Gaza Kantara ; đường Beersheba — Ismailia ; và đường từ Kuntilla đến hải cảng Tewfik, đường xấu, khó đi hơn.

Hôm nay, chính phủ Anh và Pháp chuyển đến ông Hammarskjold văn thư phúc đáp quyết nghị ngày 1.11 (ngưng bắn tức khắc.) Cũng như chúng tôi, họ nói « đồng ý », nhưng...

1— Do Thái và Ai Cập phải bằng lòng cho lực lượng khẩn cấp LHQ vào để bảo đảm nền hòa bình.

2— LHQ phải cam kết rằng đạo quân đó sẽ ở lại vùng này cho đến bao giờ tìm được một sự dàn xếp vĩnh viễn cho Ai Cập và Do thái, và giải pháp hợp lý cho tình trạng kênh Suez.

3— Ai Cập phải đồng ý cho quân Anh và Pháp vào đóng trong vùng kênh Suez ngay. Các đội quân này sẽ ở lại cho đến bao giờ lực lượng khẩn cấp LHQ tổ chức xong, và đủ khả năng đến thay thế.

Trong khoản ba này, ân ý của Anh — Pháp là định đổ quân lên khu vực kênh Suez. Cái yếu của họ là lực lượng đổ bộ vẫn còn ở trên tàu chạy khoảng giữa đảo Malte và Chypre, không thể đổ bộ lên bờ biển Ai Cập trước ngày 6. Trước ngày đó Anh — Pháp chỉ có thể gây áp lực với họ bằng lời nói suông mà thôi.

Ông Ben Gurion nghĩ rằng Anh và Pháp không chịu nổi sự ép buộc của Hoa Kỳ. Ông rất mong họ thực hiện được kế hoạch đổ bộ, để Do Thái khỏi phải đơn độc hứng chịu mọi áp lực chính trị, bắt phải rút quân (nhất là của Hoa Kỳ và Liên Xô). Mặt khác, ông không muốn để Do Thái dính dáng đến vấn đề Suez. Trong buổi họp hôm nay, ông cẩn thận nhắc lại lệnh không cho các đơn vị tiến đến gần kênh Suez hơn nữa. «Chưa dính vào vấn đề Suez cũng đủ khó khăn cho chúng ta rồi», ông nói, «tôi thấy tiếp tay với một việc bị cả thế giới phản đối không có lợi gì cả. Chúng ta chỉ nên bàn đến vấn đề Sinai, đừng đụng chạm đến Suez, đừng để bị toa tàu đó lôi cuốn theo».

Lúc 21g00 đêm qua, đại diện tùy viên quân sự Pháp đến gặp tôi gấp. Ông cho biết bộ tư lệnh Pháp trong cuộc hành quân hỗn hợp Anh — Pháp cảm thấy sẽ thất bại, vì người Anh không chịu cho đổ bộ sớm hơn. Ngày N của cuộc đổ bộ dự định là ngày 6-11, nhưng đại hội đồng LHQ tái nhóm ngày 5 để cứu xét vấn đề ngưng bắn tức khắc, và họ sẽ bắt buộc phải tuân theo. Do đó, họ muốn đổ bộ trước 2 ngày, và đang nghiên cứu xem có thể dùng lực lượng cơ hữu, nghĩa là không có quân Anh, đổ bộ được không.

Kế hoạch hành động đơn độc của Pháp là đổ quân xuống nam Port Said sáng sớm ngày 4-11, rồi chiếm hải cảng này. Họ muốn yêu cầu chúng tôi trừa đó chiếm đông Kantara, từ phía đông bãi đáp dự trừ của quân nhảy dù Pháp. Tiến vào Kantara, chúng tôi có thể bảo vệ cạnh sườn cho cuộc nhảy dù, và tạo áp lực mạnh mẽ vào quân Ai Cập đóng trong vùng. Đại diện Pháp nói thêm, ông biết các cấp chỉ huy của chúng tôi đều thích hoạt động về đêm hơn. Nếu không thể thay đổi được thì quân Pháp có thể chiến đấu đơn độc ban ngày, nhưng đêm đó sẽ có chúng tôi tiếp tay.

Tôi trả lời rằng, dĩ nhiên, tôi phải đem đề nghị này tham khảo ý kiến với ông bộ trưởng quốc phòng. nhưng trên phương diện quân sự, tôi hoàn toàn đồng ý với đề nghị trên. Chúng tôi có thể lập kế hoạch chiếm Kantara buổi trưa, ban đêm, hay buổi sáng.

bất cứ lúc nào để giúp được họ tối đa. Tôi còn khuyên Pháp, và cả Anh nữa, nếu họ tham gia — nên dùng xa lộ El Arish — Kantara, hay bất cứ trục lộ nào hiện đang nằm trong tay chúng tôi, để chuyển quân vào kênh Suez.

Dĩ nhiên là việc này không nằm trong thẩm quyền của đại diện tùy viên quân sự Pháp, và ông ta cũng khó biết là mình đã được biểu một quả trứng của Colombus, hay chỉ là một không tưởng. Về phương diện quân sự, nếu Pháp muốn sử dụng những con đường hiện do chúng tôi kiểm soát, chắc sẽ chiếm được các vị trí quan trọng trong khu vực Suez một cách dễ dàng. Họ có thể đến các hải cảng Said, Kantara, Ismailia, và Suez bằng xe thiết giáp, và làm chủ tất cả, hay một phần khu vực này trước khi đại hội đồng LHQ nhóm họp.

Chúng tôi duyệt lại mấy khoản liên hệ đến lời khuyên của tôi, rồi vị đại diện Pháp vội từ giả ra về để báo cáo lại với cấp chỉ huy những điều tôi vừa nói. Ông hứa sẽ thông báo kết quả cho tôi hay nội trong đêm nay.

Tôi qua thăm ông Ben Gurion, thấy ông đang nghỉ, có vẻ dễ chịu. Trong câu chuyện ông có thúc dục tôi mau chiếm Sharm e Sheikh đến 5, 6 lần, nhưng không tỏ ra khẩn trương lắm. Về yêu cầu của Pháp, ông đồng ý ngay. Nhắc đến Kantara, ông lại nhớ đến những kỷ niệm hồi đầu đệ nhất thế chiến, lúc đó, ông được tham dự cuộc họp của các tiểu đoàn trưởng Do Thái. Ông còn nhớ rõ, 40 năm về trước,

thuyết trình viên nào, thuộc phong trào « công nhân trẻ » và « công nhân Zion » (1) đã nói những gì.

Tôi trở về bộ TTM và xác nhận lại với người Pháp về sự đồng ý của tôi. Riêng tôi lại cho rằng kế hoạch của họ chưa chắc đã được thực hiện, vì tình hình quá phức tạp, cuộc hành quân « Muskeleer » của liên quân Anh Pháp chú trọng đến các yếu tố chính trị hơn là quân sự. Về quân sự, họ thừa sức áp đảo quân Ai Cập, và chiếm khu vực kênh Suez : nhưng về chính trị, họ gặp phải sức chống đối của Hoa Kỳ, Liên Xô, và nhất là dư luận ngay trong nước Anh. Tôi không tin rằng đại diện Pháp thuyết phục được sự hợp tác của người Anh. Hơn nữa, cái cớ để mở cuộc hành quân này có nêu trong tối hậu thư gửi cho Ai Cập và Do Thái là tái lập trật tự cho khu vực kênh, ngăn cuộc chiến tranh Do Thái — Ai Cập, và yêu cầu cả hai phe không được chuyển quân đến gần kênh ; bây giờ, làm sao họ có thể bỗng nhiên cho chúng tôi chiếm đóng Kantara ở ngay trên bờ kênh Suez được. Họ hợp tác về mặt quân sự với chúng tôi thế nào được, trong khi họ giải thích với cả thế giới rằng cuộc hành quân của họ nhằm chặn bước tiến của chúng tôi đến kênh Suez ?

Vài giờ sau, tôi không ngạc nhiên, khi thấy người Pháp xin hủy bỏ lời yêu cầu của họ, vì họ không thể

(1) Tên ngọn đồi ở Jérusalem, trên đó là cung điện của vua David và kẻ tiếp.

hoạt động, nếu không có Anh, mà Anh thì không chịu bỏ « kế hoạch 100 chiến hạm » — danh từ LHQ báng của các sĩ quan Pháp đặt tên cho kế hoạch xử dụng nguyên cả hạm đội của Anh — và nhất định không chịu liên lạc, hay hợp tác về quân sự với Do Thái. Theo các tư lệnh Anh, thì quân Do Thái tiến gần kênh Suez một cách bất hợp pháp, và quân đội Anh có nhiệm vụ chặn lại nếu họ đến cách kênh dưới 10 dặm.

Những lời nói đó không phải chỉ là quan niệm của người Anh, mà còn phát hiện qua thái độ của họ nữa. Sáng nay, một phi cơ Anh bị bắn rơi trên không phận Antara, viên phi công cố lượn ra ngoài, và đáp xuống cách toán thiết giáp nằm đường này vài dặm, Toán thiết giáp thấy vậy, liền chạy đến, định giúp đỡ, nhưng viên phi cơ Anh dùng súng liên thanh bắn xuống mặt đường, trước đầu các xe thiết giáp. Thấy vậy, cánh thiết giáp của chúng tôi quay đầu trở lại. Một lúc sau, máy bay trực thăng của Anh đến chở viên phi công đó đi.

Tôi rất lấy làm tiếc rằng liên quân Anh — Pháp không chịu tiến vào khu vực kênh trước ngày ấn định. Theo điện tín của đại diện Do Thái tại LHQ gửi về thì làn sóng phản đối việc dùng vũ lực can thiệp vào cuộc khủng hoảng Suez càng ngày càng gia tăng. Tôi chỉ còn hy vọng rằng đến ngày 6-11, khi Anh Pháp bắt đầu đổ bộ, thì chiến dịch của chúng tôi cũng đã hoàn tất.

Vừa từ El Arish về, tôi qua thăm ông Ben Gurion ngay và thấy ông đã bình phục, và có vẻ khỏe khoắn. Ông hỏi tôi về các trận đánh ở Rafah, El Arish, và tình hình trên các mặt trận khác. Ông muốn được lần lượt gặp các tư lệnh không quân, quân khu Nam, thiết giáp, và nhảy dù, để trực tiếp nghe họ báo cáo về các trận đánh mà đơn vị của họ đã tham dự.

Tôi xin chỉ thị của ông Ben Gurion về mấy việc. Tướng Burns, đứng đầu tổ chức kiểm soát đình chiến LHQ yêu cầu cho các quan sát viên LHQ trở lại giải Gaza. Ông ra lệnh từ chối lời yêu cầu đó. Chúng tôi sẽ để các toán LHQ liên lạc với các trại di dân Ả Rập ở lại, nhưng không nhận quan sát viên kiểm soát đình chiến. Ông tiếp : « Giữa Do Thái và Ai Cập hiện không có đình chiến, Quân ta đang ở Sinai thì kiểm soát cái gì » ? Tôi hỏi thêm rằng quân chúng ta có hy vọng ở lại Sinai không, thì ông đáp cò, nhưng không chắc. « Chúng ta sẽ không giữ Sinai cương quyết như đã giữ Jerusalem. » ông nói. Về khuyến cáo nên cho tản cư di dân Ả Rập ở Gaza qua các nước Ả Rập chung quanh — đây không phải lời khuyên thực hiện của tôi, mà tôi cũng chưa bao giờ nghĩ rằng có thể được việc cho di dân Ả Rập ở Gaza tản cư qua các nước Ả Rập láng giềng — ông Ben Gurion bác bỏ hoàn toàn. Thực ra, Gaza không đủ chỗ định cư cho di dân, mà nên cho họ lập nghiệp ở Lebanon, Syria, và Jordan ; nhưng kế hoạch đó, trước hết phải được các nước kể trên chấp thuận đã.

Tôi hỏi, tàu chiến Anh hiện đang tuần tiểu gần

Sharm e Sheikh, ông có nghĩ rằng liệu họ có thể pháo kích vào quân Do Thái không. Ông trả lời: «Nước Anh thì tôi không rõ, nhưng bộ ngoại giao Anh thì có thể lắm.»

Trước khi rời khỏi căn phòng, tôi còn nghe tiếng ông Ben Gurion trách nhẹ một viên chức vào kẻ cho ông nghe những chuyện bên lề đại hội đồng LHQ: «Việc gì mà sợ quá vậy? Bao lâu, họ còn ngồi tại Nừu Ước, và chúng ta còn ở Sinai, thì tình thế vẫn chưa có gì là đen tối cả».

Nhiệm vụ còn lại là chiếm Sharm e Sheikh, Lữ đoàn 9 được trao phó nhiệm vụ này, đã lên đường đi theo bờ tây vịnh Akaba lúc 05g00 ngày 2-11. Khoảng cách từ vùng tập trung đến Sharm e Sheikh dài hơn 250 dặm (60 dặm trong lãnh thổ Do Thái). Trong ngày đầu, tức ngày hôm kia, lữ đoàn di chuyển được 90 dặm. Đoạn đường này rất khó đi, vì toàn đường dốc lên và cát mềm.

Ngoài vấn đề di chuyển chậm chạp và khó khăn, chúng tôi còn phân vân, không biết nên dùng loại nào để yểm trợ cho lữ đoàn này, khi tác chiến. Từ trước đến giờ, chúng tôi toàn dùng thiết giáp và không quân, nhưng lữ đoàn 9 không được tăng phái thiết giáp. Các chiến xa hạng nhẹ thì hải quân chưa chở tới nơi; mà hoạt động của không quân trên vùng này rất bị giới hạn, vì xa quá, từ căn cứ đến nơi phải bay mất từ 5 đến 7 phút.

Chúng tôi không rõ cuộc kháng cự của Ai Cập ở Sharm e Sheikh sẽ tới mức nào, nhưng hiện giờ họ

bị dồn vào bước đường cùng vô phương tiến thoái thì chắc phải liều chết chiến đấu. Tôi rất tiếc đã ra lệnh cho hải quân đánh đắm nhiều tàu Ai Cập định đến chỗ quân của họ qua Saudi Arabia. Bắt thêm hàng ngàn tù binh Ai Cập — tôi cũng có ích gì đâu? Nếu lữ đoàn 9 đến tiếp thủ được một Sharm e Sheikh bỏ trống, tôi lại thắng hơn. Mục đích của chúng tôi là kiểm soát eo biển Tiran, chứ không phải tranh hơn thua về quân sự với Ai Cập.

Tôi cho rằng tốt hơn hết, nên tăng cường lực lượng tấn công Sharm e Sheikh. Các đơn vị nhảy dù sẽ từ nam đánh lên, và lữ đoàn 9 từ bắc đánh xuống. Do đó, lữ đoàn Dù được lệnh (Kadesh 6) trao trách nhiệm kiểm soát trục lộ Mitla — Nakhl lại cho lữ đoàn 4 bộ binh lúc đó đang đóng ở Kusseima, và bắt đầu di chuyển về hướng nam. Theo kế hoạch đêm qua, 2-11, Tiểu đoàn Dù rời đài kỷ niệm Parker, di chuyển bằng xe theo con đường Ras Sudar — Abu Zenima, dọc theo bờ phía đông vịnh Suez. Đồng thời, một bộ phận thuộc tiểu đoàn Dù khác sẽ nhảy dù xuống chiếm phi trường Tor; khi chiếm xong, sẽ chở một tiểu đoàn bộ binh nữa đến. Chúng tôi hy vọng đánh được cú bất ngờ, và chiếm Tor, trước khi các đơn vị Ai Cập ở đây được tăng cường.

Đường xá 30 dặm từ đài kỷ niệm Parker đến Ras Sudar rất khó khăn, nhưng 150 dặm từ Ras Sudar đến Tor là đường nhựa. Do đó, chắc lữ đoàn dù sẽ đến Sharm e Sheikh cùng lúc, hoặc có khi đến trước cả lữ đoàn 9 là khác. Hôm qua, tôi định bay đến để nói

chuyện với tư lệnh lữ đoàn 9 càng sớm càng hay. Nếu mọi việc tiến hành theo đúng kế hoạch, và chiếm được Tor đêm nay, tôi sẽ đến gặp nhảy dù tại đó. Áp lực bắt ngưng bắn càng ngày càng nặng, kéo dài cuộc chiến đấu chừng nào, thì tình hình chính trị gặp nhiều khó khăn chừng ấy. Phải làm thế nào hoàn tất chiến dịch càng tốt, tôi phải gặp các cấp chỉ huy bảo cho họ biết như vậy, và đôn đốc họ thi hành mệnh lệnh theo chiều hướng đó.

Lúc nửa đêm, tôi triệu một phiên họp bộ TTM. Từ buổi họp trước, thảo luận về vấn đề mở chiến dịch, đến hôm nay, chưa đầy một tuần lễ, nhưng trong suốt buổi họp này, chúng tôi đã bàn đến những công việc liên quan đến sự chấm dứt chiến dịch.

Trong hai hay ba ngày nữa, chúng tôi sẽ cho quân trừ bị giải ngũ. Việc kiểm soát khu vực Sinai vừa chiếm được sẽ trao cho thiết giáp, không quân, và các đơn vị cơ động hạng nhẹ phụ trách.

Một việc khác cũng cần phải làm gấp là thu góp chiến lợi phẩm. Các đơn vị Ai Cập rút lui bỏ lại rất nhiều vũ khí trong các đồn bót, doanh trại, hay đường lui quân, Bán đảo Sinai hiện có rất nhiều dân Bedoun và lính Ai cập trốn tránh. Quân Do Thái đã hai lần bắt được người Bedoun dẫn đoàn lạc đà chở đầy súng đạn. Chúng tôi phải cố tập trung súng đạn lại, và chất trong các doanh trại có canh gác đang hoang.

Tổng số tổn thất của chúng tôi đến nay là trên 100 người chết, gần 700 bị thương — kể cả những trường hợp ốm đau và tai nạn lưu thông. Tổn thất

phía Ai Cập chưa rõ. Các đơn vị của chúng tôi không đếm xác địch, mà cũng chẳng báo cáo gì cả. Tù binh khoảng 5,6 ngàn, dù chúng tôi không muốn bắt họ. Chúng tôi chưa biết sẽ đối xử với họ ra sao, cho họ ở đâu. Tổng quản trị bảo đảm với tôi rằng binh sĩ đối xử với tù binh rất tốt, và họ chỉ có mỗi cách để trả thù: bắt tù binh ăn lương khô của quân đội Do Thái.

Sáng nay, tôi lên máy bay dakota để đến gặp lữ đoàn 9 và nhảy dù. Chúng tôi bay thấp để tránh con mắt cú vọ của các chiến đấu cơ địch, và cũng để tôi nhận rõ địa thế. Tôi thấy đoàn xe của lữ đoàn 9 gần Dahad, cách Eilat 90 dặm về phía nam, và Sharm e Sheikh 45 dặm về phía bắc. Tôi liên lạc với tư lệnh lữ đoàn bằng máy vô tuyến. Dahad đã bị đại đội trinh sát lữ đoàn chiếm sáng nay, sau một cuộc đụng độ nhỏ với đơn vị Bedouin, thuộc tiểu đoàn cơ động biên phòng Ai Cập. Chúng tôi bị 3 chết, 3 bị thương. Đoàn xe đang chờ nhiên liệu do tàu hải quân từ Eilat chở đến. Trong khi đó, toán tiên phong vẫn tiến nhanh về nam. Một lần nữa, tôi lại hối tư lệnh lữ đoàn phải mau chiếm Sharm e Sheikh. Tôi chắc ông ta sẽ gắng hết sức, nhưng tôi vẫn chưa hết băn khoăn. Đường xá khó đi hơn chúng tôi tưởng nhiều, và không ai đoán được đoàn xe sẽ bị kẹt lúc nào. Hơn nữa, lữ đoàn đã đụng độ với quân đội Ai Cập, thì vị tư lệnh ở Sharm e Shiekh chắc đã được thông báo về cuộc

tiến quân này, và thế nào ông ta cũng tìm cách chen lối đi của lũ đoàn. Từ trên không nhìn xuống, tôi thấy tình thế cũng không dễ dàng gì hơn. Đoàn xe khó lòng vượt qua con đường nhỏ hẹp trong thung lũng ; hay xa hơn một lúc về phía nam, thì một bên là núi, một bên là biển. Quân Ai Cập có đủ vũ khí thích hợp cho việc án ngữ đó : Mìn, pháo binh, súng chống chiến xa và xe Bren, loại xe có thể di chuyển trên bãi cát.

Chúng tôi không thể thay đổi tình trạng của lũ đoàn 9 được. Chỉ còn cách tăng cường tối đa không trợ trong khả năng của chúng tôi, và làm thế nào thực hiện được cuộc tấn công của lũ đoàn dù từ phía nam vào Sharm e Sheikh, cùng lúc với cuộc tấn công của lũ đoàn này.

Từ Dahab, chúng tôi bay qua những dãy núi cao ở giữa Sinai, và đáp xuống Tor, nằm trên vịnh Suez. Địa thế miền nam khác hẳn miền bắc. Núi non vùng trung tâm cao trên 6.500 bộ (1.500m), từ trên máy bay nhìn xuống thấy như những khối hình nón khổng lồ nằm san sát phía dưới. Chỉ dọc theo bờ biển bao quanh mũi tam giác của bán đảo ở miền nam là thỉnh thoảng có một bãi cát, hay một khu đất hẹp là được bằng phẳng.

Đêm qua, hai đại đội dù chiếm Tor. Họ nhảy giữa lúc trời đang nổi gió lớn, thành thử có mấy người bị thương. Trong đó, vị tiểu đoàn trưởng bị gãy xương mắt cá, phải đưa điều trị ngay. Sau khi lính nhảy dù chiếm được phi trường, nhân viên không

quân đi theo đơn vị nhảy dù sửa lại đường bay, và cầu không vận nối liền với Do Thái hoạt động ngay. Trong đêm, máy bay Dakota và Nord của chúng tôi đã bay 23 phi xuất, một chiếc Constellation của hãng hàng không Do Thái cũng tham gia hoạt động, và bay được hai chuyến. Các chuyến bay này đã vận chuyển được một tiểu đoàn bộ binh với đầy đủ đồ trang bị, và vũ khí, đạn dược chưa kịp mang theo của nhảy dù.

Tôi phác qua tình hình cho các đại đội trưởng biết, và ra lệnh cho tiến về các tiền đồn của Sharm e Sheikh trước khi trời tối, Dĩ nhiên họ không thể tự lực chiếm mục tiêu được, nhưng sự di chuyển của họ khiến tiểu đoàn dù tại Mitla phải đi mau ; và làm cho quân Ai Cập ở Sharm e Sheikh biết họ bị tấn công cả hai mặt. Như vậy, cuộc chiến đấu của lũ đoàn 9 sẽ dễ dàng hơn.

Vì gió lớn, nên nhiều chiếc jeep thả dù xuống bị hư. Lính nhảy dù tìm cách sửa lại được mấy chiếc. Họ cũng nhờ vị tiểu đoàn trưởng bộ binh lúc này được cử làm tổng trấn thành Tor, cho đi lục soát và trưng dụng được một số xe vận tải hạng nhẹ, và xe jeep dân sự trong thành phố, và vùng phụ cận.

Tôi thấy các sĩ quan nhảy dù có vẻ không hăng hái ra trận mấy. Những lúc khác, chắc họ đã xin tôi cho tiến và tấn công. Đàng này, tôi đã ra lệnh, mà vẫn chưa thấy ai rục rịch. Có lẽ vì không có mặt tiểu đoàn trưởng, hoặc vì thiếu tự tin, vì phương tiện xe cộ nghèo nàn, và vì cuộc hành quân chiếm thành Tor quá vội vàng. Không những lệnh tấn công Tor ra ngay

trong ngày hành động, nên quân nhảy dù đi hành quân chưa kịp chuẩn bị chu đáo, và nghiên cứu địa thế kỹ lưỡng, mà theo lệnh sơ khởi, chỉ một đại đội nhảy xuống Tor mà thôi, còn đại đội kia xuống vùng phụ cận Sharm e Sheikh. Các bản báo cáo về tình hình Sharm e Sheikh không được phù hợp với nhau. Thoạt tiên, chúng tôi được báo cáo là địch đã rút lui hết, đồn hoàn toàn trống không; sau đó, các phi công, sau một phi xuất, về báo cáo thấy rất đông quân Ai Cập, và gặp hỏa lực phòng không rất mạnh. Do tin sau cùng đó, tôi phải đổi kế hoạch hành quân. Đại đội dù thứ hai, lúc đó đang trên đường đến Sharm e Sheikh, thì được một phần lực cơ Meteor do chúng tôi phái đến chặn lại, và liên lạc cho thả đại đội này xuống Tor, thay vì Sharm e Sheikh.

Dù sao, cho cả 2 đại đội nhảy tập trung một chỗ vẫn tốt hơn, và chiều nay, khi thành phần còn lại của tiểu đoàn dù tới, họ sẽ hợp thành một lực lượng đáng kể.

Nói chuyện với nhảy dù xong, tôi quay sang thảo luận với vị tiểu đoàn trưởng bộ binh về các vấn đề dân sự. Tor là một trạm nằm giữa con đường hành hương Mecca, có một hải cảng, với một bến tàu nhỏ, khoảng 40 khu xóm, một bệnh viện cùi, và một khách sạn tồi tàn, đồ nát. Dân cư sống bằng nghề chài lưới và trồng chà là. Nơi đây thường có một toán lính nhỏ đóng giữ, nhưng có lẽ họ đã bỏ chạy hết, khi thấy lính Do Thái đến. Tôi ra lệnh cho vị tiểu đoàn trưởng bãi bỏ lệnh thiết quân luật do nhảy dù ban hành hồi đêm, và

giúp cho dân chúng trở lại đời sống bình thường càng sớm càng tốt: cho họ được ra vườn làm lung, và đánh cá gần bờ biển. Kế đó, tôi tiếp phái đoàn tu sĩ chính thống giáo Hy Lạp. Ở đây, có độ 70 gia đình theo đạo Cơ Đốc, và họ buôn bán thực phẩm từ Ai Cập đến tu viện thánh Catherine. Hiện tại, họ chưa cần gì, nhưng trong tương lai, chúng tôi sẽ gặp khó khăn trong việc đi lấy hàng của họ.

Tôi muốn đi thăm đồng áng dưới chân núi, nhưng không đủ thì giờ. Hẹn để lại kỳ thăm viếng tới. Trưa đó, trên đường về, tôi ghé xuống mấy chỗ. Trạm đầu tiên là Mitla. Tại đây, tôi gặp tư lệnh lữ đoàn dù, giải thích cho ông rõ tình hình Sharm e Sheikh, và thuật lại cuộc hội kiến giữa tôi và các đại đội trưởng dù ở Tor. Ông hứa sẽ giải quyết vấn đề này, và tin rằng khi tiểu đoàn của ông tới Tor — tiểu đoàn này đã rời Mitla từ đêm qua — cánh nhảy dù đó sẽ được củng cố, và sẵn sàng mở cuộc tấn công ngay. Tôi yêu cầu ông kiểm soát binh sĩ thuộc hạ, không cho đụng chạm đến tài sản của các công ty ngoại quốc tại vùng Ras Sudar, như các cơ sở khai thác dầu hỏa, mỏ mangan của Anh, của Ý Đại Lợi v.v. Chúng tôi đã gặp quá nhiều khó khăn rồi, không nên rắc thêm rắc rối vì những vấn đề vặt vặt.

Rời Mitla, tôi bay về hướng đông. Tôi tìm lại phong cảnh quen thuộc miền trung bộ Sinai, với những đụn cát thoải thoải, những giải cát vàng nằm giữa những đồi đá vôi. Tôi gặp tư lệnh lữ đoàn 7 thiết giáp tại phi đạo Bir Hama. Trong chiến dịch, lữ đoàn

này đã chiến đấu dẻo dai, và chiếm được nhiều mục tiêu nhất. Bây giờ, lũ đoàn đang giữ trục lộ trung ương, và đợi tiểu đoàn bộ binh đến thay thế. Các chiến xa, hán xích xa cần được bảo trì đúng mức, và lính tráng cũng cần phải nghỉ ngơi nữa.

Trạm ngừng kế tiếp, và cũng là trạm chốt, là El Arish. Tư lệnh cánh quân ở đây báo cáo tình hình và hiện trạng các đơn vị thuộc hạ, các biện pháp để phục hồi sinh hoạt bình thường cho thành phố, việc thiết lập trại tù binh, cách xử dụng các quân dụng do quân Ai Cập bỏ lại tại đây, tại Abu Ageila và tại Rafah. Khu vực có nhiều rắc rối này cần phải đặt vào những bàn tay có nhiều khả năng như vậy mới được. Tôi giải quyết những vấn đề di dân ở Gaza, ngăn ngừa nạn trộm cướp, và giữ gìn những trang cụ quý giá của Ai Cập bỏ lại, cũng quan trọng không kém tài đánh trận.

Dù khá muộn, tôi cũng đi kinh lý mấy đồn điền chà là. Có thể gọi đây là rừng chà là của El Arish, với những tàn lá xum xuê, bao phủ cả một giải đất hẹp dọc theo bờ biển, chạy về hướng tây, dài đến 5, 7 dặm. Nông gia Ả Rập đào những hố sâu từ 3 đến 5 mét để trồng những nhánh chiết, như vậy, rễ cây mới ăn tới các mạch nước ở sâu dưới đất. Sau nhiều năm tháng, cây lớn lên, hố dần dần bị cát lấp đầy, những rễ tiếp tục hút nước lên cung cấp đầy đủ cho cây. Tôi chưa từng thấy đồn chà là ở đâu tốt như vậy, kể cả bình nguyên Araba, gần biển chết, miền bờ biển Galilee, hay thung lũng Beth She'an.

Tôi về đến bộ TTM lúc 19g00. Cuộc thăm viếng này cũng chưa làm tôi bớt lo ngại về công tác chính hiện tại; chiếm Sharm e Sheikh.

Ngày 4 tháng Mười Một 1956.

Họp tại bộ TTM lúc 08g00. Sau bài diễn văn của ông Eden đêm qua, chúng tôi có thể hy vọng là ngày kia, liên quân Anh Pháp sẽ đổ bộ lên Port Said. Quân Do Thái sẽ chiếm Sharm e Sheikh hôm nay, chậm nhất là ngày mai, và chiến dịch Sinai coi như hoàn tất. Tại các quốc gia Ả Rập xung quanh (trừ Ai Cập), không ghi nhận được dấu hiệu nào cho thấy sẽ có hoạt động quân sự. Tại Jordan, cuộc khủng hoảng nội bộ vẫn gia tăng, và vua Jordan đã cách chức tổng tham mưu trưởng của Ali Abu Nawar, và cử Al Hiari lên thay thế.

Trong tình thế hiện tại, việc cho lính trừ bị giải ngũ mau lẹ, xét ra không có gì trở ngại. Nền kinh tế đang cần bàn tay họ. Do đó, chúng tôi quyết định cho ba lũ đoàn bộ binh giải ngũ vào cuối tuần này, mỗi quân khu một lũ đoàn (các quân khu nam, trung, bắc), cùng nhiều đơn vị yểm trợ (pháo binh, công binh) và công dịch khác. Nhà nước Do Thái sẽ còn nhiều dịp động viên lính trừ bị, nhưng phải đoán chắc rằng việc động viên này chỉ thi hành trong trường hợp khẩn cấp và thời gian cần thiết tối thiểu, sau đó, nếu tình thế cho phép, phải trả họ về với gia đình, với công việc thường nhật ngay.

Buổi chiều, tôi lái xe đến giải Gaza. Tại biên giới, một chiếc cầu Bailey (cầu sắt công binh) đã được bắc qua giồng suối mùa Hasi, và qua khỏi cầu này là chúng tôi đã đặt chân trên xa lộ Gaza — Tel Aviv cũ. Con đường đã 8 năm nay không hề được tu sửa, giờ đây, các công nhân đang vội vàng tráng nhựa lại. Đường hỏa xa song song với đường này cũng vậy. Không hiểu nhà cầm quyền Ai Cập, hay dân địa phương đã gõ mất 4 dặm rưỡi đường rầy và tà vẹt, nhưng việc sửa chữa cũng không tốn nhiều thì giờ cho lắm. Tuần lễ tới là xe lửa có thể chạy suốt từ El Arish qua Rafah, Gaza, đến Tel Aviv, Jerusalem và Haifa. Con đường này rất quan trọng, vì mùa chanh sắp tới. Tại giải Gaza có rất nhiều vườn cam, chanh, và ta sẽ phải chở khoảng 300.000 giỏ chanh sang Âu Châu qua ngã hải cảng Haifa.

Đất hai bên lộ được chia thành từng thửa nhỏ, trồng rau cỏ, trái cây, săn sóc tỉ mỉ, và không một tấc đất bỏ hoang, cho nên ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy mật độ dân cư ở đây cao nhất thế giới. Trên một diện tích rộng 330.000 dunam (1), quá nửa là những đụn cát, mà có đến 100.000 dân đã định cư, và 180.000 di dân — như vậy, gần 2 người sống trên 1 dunam canh tác được.

Lệnh thiết quân luật tại Gaza từ hai ngày nay vẫn còn hiệu lực. Chiếc chiến xa trúng đạn bazooka trong

(1) Sào Ai Cập, bằng độ 25 m². 4 dunam = 1 sào tây (acre).

lúc xung phong vẫn còn nằm giữa công viên trung ương, trông như một đài kỷ niệm. Linh tráng đi rải mùi hôi hám trên khắp nẻo đường phố, vì cả tuần nay, họ chưa được tắm giặt, trông thật khó coi. Trận đánh đã chấm dứt, vậy cần phải cho dân chúng Gaza trở lại đời sống bình thường. Không có một dấu hiệu nhỏ nào chứng tỏ họ sẽ nổi loạn. Quân đội của họ còn không muốn chiến đấu, nói gì dân chúng.

Chúng tôi đi lang thang trong thành phố mất một tiếng đồng hồ, ngoài một ít biệt thự đẹp, có vườn hoa, phần nhà cửa còn lại đều tồi tàn, trên bờ biển có mấy chiếc thuyền câu và một dàn đại bác, tất cả đều bị quân Ai Cập phá hủy trước khi rút lui. Các đường phố cho ta thấy rõ suốt 8 năm qua, không nhà cầm quyền nào nghĩ đến việc mở mang thành phố. Gaza bây giờ không còn là một Gaza của vùng đất hứa mà xưa kia đã lôi cuốn Samson rời vùng đồi núi Jerusalem đến dừng chân nơi đây.

Tổng hành dinh của tổng trấn đặt tại ty cảnh sát. Tại đây cũng chưa được quét dọn sạch sẽ, và thu xếp cho có thứ tự. Tủ bàn ngả nghiêng, ngăn kéo mở tung, giấy tờ ngấp nèn nhá. Tôi không hiểu sự phá phách này là do lính Ai Cập, hay lính Do Thái gây nên.

Chúng tôi kéo mấy chiếc ghế bành cổ Ả Rập, có bọc nhung, nhưng đã phai màu, vào một căn phòng. và ngồi xuống duyệt lại các vấn đề. Vấn đề quan trọng nhất liên quan đến 180.000 di dân Ả Rập. Khoảng 95.000 người đã được định cư trong 8 trại tại giải

Gaza, phần còn lại sống chung với dân địa phương. Cho đến nay, vấn đề sức khỏe, thực phẩm và giáo dục của nhóm dân này vẫn do cơ quan cứu trợ LHQ đảm trách. Chúng tôi sẽ cố dàn xếp để cơ quan này tiếp tục công việc trên. Họ có đầy đủ nhân viên người ngoại quốc và địa phương, trung bình cứ một nhân viên phục vụ 3.000 di dân, và kho lương thực còn đủ dùng, trong khi chờ đợi chuyển tàu tiếp tế sắp tới. Dĩ nhiên có nhiều khó khăn được nêu lên : Tình trạng các nhân viên của LHQ (có cả dân Ả Rập địa phương, Li-băng, và nhiều nước khác) ; con đường để nhận tiếp tế trong tương lai (cho đến nay, họ vẫn nhận qua ngã Ai Cập) ; loại tiền tệ nào sẽ được lưu hành; và vô số vấn đề khác mà chúng tôi bắt buộc phải tìm giải pháp. Trong lúc này, phải làm sao để vấn đề săn sóc di dân phải được tiếp tục như thường. Đây là một vấn đề nhân đạo : 180.000 người cần cứu trợ — một vấn đề kinh tế quá nặng nề, Do Thái không thể nào đảm đương nổi. Cơ quan cứu trợ LHQ vẫn chưa tỏ ý định từ bỏ nhiệm vụ của họ, và công việc cứu trợ vẫn được tiến hành. Chỉ trong ngày đầu là có lộn xộn, vì đám di dân phá kho thực phẩm và quần áo của cơ quan, nhưng thiệt hại không nặng lắm.

Dân cư tại giải này, đa số là thị dân. Riêng thành phố Gaza đã có 60.000 dân địa phương, và hai trại với 50.000 di dân.

Ai Cập coi Gaza như một thuộc địa của mình. Việc cai trị nằm trong tay bộ chiến tranh và bộ hải quân, hai bộ này cũng tương tự như bộ thuộc địa của Anh

vậy. Trên thực tế, thái độ của Ai Cập cũng không khác người Anh. Về hành chánh, các công chức cao cấp toàn người Ai Cập, dưới quyền là những công chức người Pelastine. Đối với dân địa phương, Ai Cập cũng rập theo khuôn mẫu người Anh. Họ trao quyền kiểm soát kinh tế vào tay giai cấp thân hào, khiến lớp này trở nên giàu có, nhờ trả lương cho công nhân rất thấp : mỗi công nhân chỉ được từ 7 đến 10 đồng Ai Cập một ngày. Sự kiện này càng đào sâu hố cách biệt giữa giai cấp bị trị và những di dân cùng khổ, với lớp địa chủ, thương gia, và công chức giàu có. Những tay cự phú này tập trung vào một khu ngoại ô gần khu hành chánh, với những biệt thự xinh đẹp, giữa những đụn cát, cách xa hẳn các khu vực khác trong thành phố. Biệt thự đẹp nhất, dĩ nhiên là của vị thống đốc Ai Cập, mặc dù lúc tôi nhìn, nó không còn trong tình trạng nguyên vẹn, vì các di dân đã lợi dụng lúc giao thời, xông vào phá phách cửa nẻo, và lấy hết đồ đạc.

Thị trưởng do Ai Cập chỉ định, tất nhiên phải chọn người thân với họ : Munir el Ra'is là cựu công chức cao cấp của thành phố. Vị tổng trấn của chúng tôi muốn cử một nhân sĩ Gaza khác là Rushdi el Shawa lên thay thế. Ông sau này là một người cương trực và được lòng dân. Các nhân sĩ địa phương hợp tác với chúng tôi không chút ngần ngại. Trái lại, ngay khi vừa chiếm được, đa số đã đến gặp đại diện Do Thái để xin việc. Có kẻ nào khôn ngoan, muốn chúng tôi giả bộ bắt giam họ ít ngày, để được khoác nhãn hiệu ái quốc (dĩ nhiên chúng tôi không giam lâu lắm gì,

4, 5 ngày là đủ.)

Sự sẵn sàng hợp tác của dân địa phương làm công việc của chúng tôi dễ dàng đi nhiều. Cho đến nay, mới có một lần xảy ra chuyện lính Do Thái bị đạn từ một căn nhà người Ai Cập bắn ra (bọn quyết tử núp trong đó). Trong ngày chiếm đóng đầu tiên, tòa thị chính đã được kêu gọi tiếp tục điều hành công việc, tự đảm đương lấy vấn đề tiếp tế điện, nước, và vệ sinh công cộng. Họ cũng được trao nhiệm vụ chôn cất tử thi lính Ai Cập và Palestine chết trong thành phố, hay tại các đồn biên giới.

Vấn đề rắc rối nhất hiện nay là vây bắt lính Ai Cập còn ẩn nấp trong thành phố, và thu lượm vũ khí địch. Súng lớn thì không có gì khó khăn, vì vẫn còn tại vị trí, nhưng súng nhỏ thì đã mất khá nhiều. Hơn nữa, mấy ngày trước lúc xảy ra trận đánh, nhà cầm quyền Ai Cập đã phát cho dân chúng một số lớn súng trường và tiểu liên, hy vọng họ sẽ cùng chống lại chúng tôi. Ngay khi chiếm xong, tổng trấn Do Thái đã ra lệnh cho tất cả dân chúng phải mang nộp vũ khí ngay. Đến lúc này mới có khoảng 1.000 người mang nộp. Chắc còn nhiều người vẫn còn giữ súng. Chúng tôi được biết, súng đạn rất được giá tại Jordan, và hàng đêm, bọn buôn lậu, và dân Bedouin vẫn tải súng sang núi Hebron (Khoảng cách từ giải Gaza đến Jordan thay đổi từ 20 đến 30 dặm).

Ngay dưới thời bảo hộ Anh, việc truy tìm bọn buôn lậu vũ khí đã tỏ ra vô hiệu quả, bây giờ, chúng tôi dùng lại những phương pháp của người Anh trước

kia, thì kết quả thu lượm được, chắc vẫn như cũ.

Về lính Ai Cập, nhiều tên, đa số là sĩ quan, lẫn mò, đi dọc theo bờ biển tìm về Ai Cập. Phần còn lại, trà trộn vào dân chúng ở Gaza, Khan Yunis, Rafah, hay vào các làng, xóm. Họ không chịu kiểm thường phục mặc vào, sau khi đã trút bỏ bộ quân phục, mà mặc áo thun, quần lót, có người mặc cả bộ đồ ngủ sọc, đi lang thang khắp nơi. Thêm vào đó, còn bọn quyết tử, cộng tác viên của phòng quân báo Ai Cập và mấy trăm tội nhân, mà nhà cầm quyền Ai Cập đã mở cửa khám đường thả ra, lúc chúng tôi vừa ập đến.

Việc cuối cùng chúng tôi phải giải quyết là việc cướp phá, do chính người Do Thái chủ động (cả dân lẫn lính). Thoạt tiên, họ phá cửa vào nhà hàng lục soát xem có tên địch nào còn ẩn nấp trong đó không; nhưng sau đó, nhóm lính, và cả thường dân cư ngụ quanh vùng nữa, liền đụng chạm đến tài sản, vì lý do thiết quân luật, nên không ai coi giữ. Quân cảnh biết tình trạng đó, đã chặn đứng lại, nhưng cửa của cửa người Ả Rập đã mất khá nhiều, và việc này làm chúng tôi rất lấy làm xấu hổ.

Lệnh giới nghiêm được giải tỏa khoảng quá trưa, lúc ấy, tôi sắp sửa ra về. Ai nấy đồ xô ra khỏi nhà, đi thăm họ hàng thân thích, mua bán, nhưng đa số chỉ muốn ra khỏi nhà để nhìn phố xá. Lúc đầu, họ rút rè như gà phải cáo, mắt ngó lảo liên, đầu cúi thấp, không dám nói to. Nhưng chỉ ít phút sau, giọng nói thì thào đó biến thành những tiếng cười đùa, la hét huyên náo và cả thành phố bỗng sống động lên. Chỉ còn thiếu

những đóng dưa hấu khổng lồ, ngọt lịm nổi tiếng của Gaza (ngoài số lượng lớn đã tiêu thụ, hàng năm, giải Gaza còn xuất cảng độ 5.000 tấn dưa hấu sang các nước Ả Rập).

Rời thành phố, tôi chạy lên đồi Tell Ali Muntar. Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào xưa nay, đoạn đường đỉnh này vẫn được coi như cửa ngõ của Gaza, Đứng trên đỉnh, ta mới thấy rõ đồi này hoàn toàn kiểm soát mặt đông của bình nguyên. (Phía tây Gaza có biển bảo vệ. Bắc và nam là những đụn cát). Quân Ai Cập xây công sự, làm ụ súng đại bác, đại liên trên này; các vị trí còn có giao thông hào liên lạc với nhau. Tôi cẩn thận không đi gần hàng rào, sợ còn mình chưa kịp gỡ ngòi nổ. Tôi chỉ đứng quan sát đất trong giao thông hào do lính Ai Cập đào — và không thất vọng — trong một chiếc hào ở sườn phía bắc đồi Ali Muntar, tôi thấy một vật hình dạng giống như xương người. Đào sâu thêm một chút, tôi khai quật được một ngôi mộ của người Canaan (1) khoảng 1.300 năm trước tây lịch. Tôi tìm thấy một cái bình và một chiếc đĩa đựng thức ăn cùng người chết. Những vật dùng để chôn cất này mang nhiều đặc tính của thời đại đó. Vành đĩa cong vào phía trong; chiếc bình hình nón chóp, đáy tròn, có quai. Tôi hura phải đất cát bám quanh bình vôi, vì việc này phải làm thật

(1) Canaan : Vùng đất hứa của người Do Thái khi xưa. Đại khái là vùng Palestine hiện nay.

cẩn thận mới được. Người ta thường tìm thấy trong đây những chiếc bình thế này, một chiếc chai, hay lọ nhỏ, để đựng rượu, hay dầu từ một thùng lớn hơn qua.

Trong 6 ngày chiến đấu vừa qua, tôi đã gặp và nói chuyện với tất cả các tư lệnh lữ đoàn, trừ tư lệnh lữ đoàn 1. Tất nhiên, tôi phải khen ông ta. Ông rất xứng đáng được khen, vì lữ đoàn 1 đã giữ vai trò chính trong cuộc tấn công vào Rafah, mà Rafah là cứ điểm quan trọng số một của trục lộ bắc. Tôi muốn, và sẽ trực tiếp gặp để khen thưởng ông, nhưng bây giờ, tôi cần phải gửi cho ông mấy chữ :

Thân gửi B.

Tôi rất tiếc là đã không có dịp gặp anh trong 4 ngày sau cùng của cuộc chiến đấu này. Tôi vừa đến viếng El Arish xong, và vẫn không gặp anh được. Tôi chắc anh đang đi với hàng tiền đạo của lữ đoàn. Tôi chỉ ước ao hai điều : thứ nhất, để xem anh có được khoẻ mạnh trong những ngày vừa qua không, thứ đến để bắt tay anh với tư cách vừa một là người bạn đồng đội, vừa là một người ái mộ sự hoạt động của lữ đoàn của anh.

Bao giờ về Tel Aviv, mong anh đến thăm tôi. Nếu không, tôi sẽ cố gặp lại anh tại El Arish.

Chào anh

Chúng tôi vừa nhận được nhiều nguồn tin tình báo của Anh, Ai Cập, và báo cáo của các phi công

Do Thái về các cuộc đụng độ giữa chiến hạm Anh, Ai Cập, và chiến đấu cơ Do Thái.

Đầu đuôi câu chuyện là do chiếc trung hạm Domiat của Ai Cập có nhiệm vụ chở một đơn vị quân đội từ kênh Suez đi tăng cường cho Sharm e Sheikh. Không quân Do Thái đã sẵn sàng đối phó với chiến hạm này, nhưng một hạm đội Anh đang tuần tiễu ở phía nam đã đến vịnh Suez trước, và đánh đắm chiếc Domiat đêm 1-11.

Hạm đội Anh với những người còn sống sót của chiếc trung hạm, rồi tiếp tục tuần phòng trong khu vực ấy. Chiều ngày 3-11, các chiến hạm của họ xuất hiện tại eo biển Tiran, gần Sharm e Sheikh. Đùng lúc ấy hai phi tuần, mỗi phi tuần 4 chiếc phản lực cơ Mystere của không quân Do Thái cất cánh, để đi oanh kích một chiếc tàu Ai Cập quan sát thấy ở gần Ras Natrani, cách Sharm e Sheikh 9 dặm về phía bắc. 4 Chiếc Mystere đầu tấn công mục tiêu, và chắc chiếc tàu đó làm bằng gỗ xấu, nên bị chẻ làm 2 mảnh, và chìm mất. Khi hết nhiệm vụ, máy bay trở về căn cứ, các phi công lại thấy một chiến hạm lớn chạy gần bờ. Họ không đến gần chiến hạm đó được, vì nhiên liệu sắp cạn, nhưng báo tin cho phi tuần bạn bay sau. Khi 4 chiếc này đến, thì thấy một đường bọt trắng nổi trên mặt biển, chứng tỏ chiếc tàu đó đã chuyển hướng, và đang chạy khỏi Sharm e Sheikh. Viên phi tuần trưởng hôm đó quả thực đã thi hành nhiệm vụ hết sức anh dũng, bất chấp hỏa lực mạnh mẽ từ dưới tàu bắn lên, anh

vẫn chục đầu phi cơ xuống, và với một cái nhún nút nhẹ, anh phóng cả 38 phi đạn xuống chiến hạm. Cả chiếc Mystere kia cũng thế. Chiếc tàu bị đuổi đánh đó là chiếc trung hạm Crane Anh. Chiến hạm tuy bị trúng đạn, nhưng không nặng, vì phi đạn không thuộc loại chống chiến xa. Các máy bay cũng bay trở về vô sự, dù chiếc trung hạm Crane bắn lên rất dữ dội.

Một vụ ngộ nhận khác cũng xảy ra ngay trên vùng này vào ngày hôm sau, khiến một chiếc Mystere bị hạ. Trong phòng tình báo, người ta ghép hai vụ này làm một. Thực ra, hai vụ này không liên can gì với nhau cả. Chiếc Mystere bị hạ là một sự kiện riêng biệt. Trưa hôm kia, 2-11, một phi tuần 4 chiếc Mystere cất cánh để đi tấn công các mục tiêu dưới đất ở Ras Natrani và Sharm e Sheikh. Họ bay thấp, nên có hai chiếc trúng đạn phòng không Ai Cập. Một chiếc lết về đến căn cứ, nhưng chiếc kia bị bốc cháy, và phi công là thiếu tá Benny Peled nhảy được ra ngoài. Chiếc phi cơ bay thêm mấy giây nữa, rồi phát nổ, vỡ tan. Benny bị gió thổi tạt về phía doanh trại Ai Cập, và nhảy xuống một nơi cách hàng rào phòng thủ địch đội 1 dặm rưỡi. Vì đất cứng, ông bị lợi đầu gối. Dù đau ghê gớm, ông vẫn cố bò khoảng 2 dặm, qua khỏi dãy núi ở phía tây, với hy vọng mong manh được thoát khỏi tay địch. Lính Ai Cập đi tìm viên phi công vừa nhảy khỏi chiếc Mystere bốc cháy, đuổi theo chiếc dù không, lúc đó bị gió thổi ngược chiều với hướng lần trốn của ông. Nhờ vậy Benny, tới được một ngọn đồi

dưới chân dãy núi. Khi lên đến đỉnh đồi, ông ngạc nhiên thấy mình chỉ cách một chòi canh độ 200 thước; ngồi cạnh chòi canh là 2 chàng lính Ai Cập, nhưng lúc ấy đã kiệt sức, ông đành nằm tại chỗ. Một lúc sau, một chiếc máy bay Piper đến, bay vòng trên chiếc Mystere bị cháy. Benny lấy dây dù ra hiệu, nhưng phi công chiếc Piper không nhìn thấy, lái máy bay đi mất. Lúc 17g00, tức hai giờ sau, chiếc Piper quay lại, lần này, máy bay mở vòng tìm kiếm rộng đến sát núi, và nhìn thấy Peled vậy. Để chắc ăn, hãm tắt động cơ, rà thấp xuống, rồi hỏi lớn: « Phải Benny đó không? » Khi thấy người dưới đất gật đầu, hần liền đáp xuống bãi biển. Lúc ngừng lại, máy bay chỉ còn cách trại Ai Cập có 500 thước. Hần học tốc chạy về phía Benny, trong khi Benny cũng đang lết về phía hần. Phi công và quan sát viên đi theo kéo Benny lên phi cơ, rồi vội rời vùng ác địa, với « chiến lợi phẩm » của mình.

Điều đáng chú ý là hai chàng lính Ai Cập vẫn ngồi ở chiếc chòi canh gần đấy. Suốt thời gian ra hiệu, vậy nhận nhau, đáp xuống, bò, lên máy bay, và cất cách khá lâu sau đó, hai chàng này chỉ chống súng, chăm chú theo dõi những sự kiện xảy ra một cách thụ động.

Từ lúc khởi chiến đến bây giờ, chiếc Mystere của thiếu tá Peled là chiếc phản lực duy nhất bị hạ. Chúng tôi còn bị mất 9 chiếc khác, toàn là máy bay có cánh quạt: 7 chiếc Mustang, và hai chiếc Harvard. Đặc biệt là tất cả máy bay bị hạ đều do hỏa lực phòng

không địch từ dưới đất bắn lên, không chiếc nào bị hạ trong các trận không chiến; và 7 trong số 10 chiếc đó bị hạ trong hai ngày 30 và 31-10, những ngày trước cuộc hành quân của Anh — Pháp. Vị tư lệnh lục quân Ai Cập có quyền trách không quân đã không lo bảo vệ cho bộ binh, khiến họ phải lo cả việc chống lại các phi cơ Do Thái.

Các máy bay có cánh quạt của Do Thái bị hạ nhiều vì họ hay quá nhiều phi xuất, và xuống rất thấp khi tấn công mục tiêu dưới đất. Một lý do nữa là phi công điều khiển loại máy bay này đều còn trẻ, thiếu kinh nghiệm, cho phi cơ xuống thấp trước khi cần thiết, do đó, các pháo thủ phòng không Ai Cập dễ lấy được đường ngắm chính xác.

Về phi công, trừ phi đoàn Piper ra, có 6 bị thương, và 2 chết. Một phi công bị thương bị Ai Cập bắt, 5 người còn lại về được căn cứ — 3 người bằng chính máy bay của họ, và hai người kia được máy bay cứu cấp chở từ miền đất địch về.

Kỷ lục về khoảng cách xa nhất của một cuộc đào thoát là của đại úy Paz. Anh chàng này đi bộ mất gần 30 tiếng đồng hồ mới tới tuyến bạn. Ngày 31-10, trong lúc anh cùng 3 phi công Mustang khác tấn công đoàn thiết giáp Ai Cập gần Bır Gafgafa, thì máy bay của anh trúng đạn phòng không. Khi thấy áp lực dầu chỉ gần số không, và khói đen từ máy bốc ra, anh cho máy bay lên cao 1.300 bộ, chọn một giải đất bằng phẳng, tắt động cơ đi, rồi đáp xuống bằng bụng máy bay. Trường hợp khác, chắc anh đã nhảy dù ra khỏi

phi cơ, nhưng lần này, anh sợ dù sẽ làm lính Ai Cập ở gần đó chú ý, và chắc sẽ bị bắn trước khi anh đặt chân xuống tới mặt đất.

Máy bay vừa ngừng, Paz liền nhảy xuống, và núp vào các bụi cây ở con suối mùa kế cận. Khi thấy mình không bị đuổi theo, anh liền nhận định tình hình, và quyết định đi bộ về phía Bir Hassna, với hy vọng gặp một đơn vị Do Thái tại đây... Anh đi suốt đêm, gần sáng đã tới gần Hassna. Để được an toàn, anh đành ẩn sau một ngọn đồi gần đó, đợi trời sáng, nhưng đến lúc trời vừa sáng, anh lết về phía một doanh trại, và rất đỗi ngạc nhiên, thấy lính Ai Cập đầy trong đó. Tuy không việc gì, nhưng lại phải mất công lợi bộ tìm về Do Thái. Trong đêm thứ hai, anh đổi hướng, đi về phía đông bắc để tới Jebel Livni, thay vì hướng đông nam, và lần này, sau một đêm đi bộ cực nhọc, tới đích, và được các bạn đồng đội đón tiếp nồng nhiệt.

Nhu cầu chính cho một cuộc hành trình trong sa mạc vẫn là nước. Như các phi công khác, Paz mang theo bên người một bình nước nhỏ đựng được 200gr — độ hai ly đầy — và một gói kẹo. Sau khi rời máy bay được 2 giờ, anh đã dùng hết nước vì khởi đầu cuộc hành trình, anh đã phải leo lên một ngọn đồi cao 1.000 bộ để tránh Jebel Yalek, và khi lên đến đỉnh, anh khát đến nỗi thà uống cho thỏa thích rồi hết, còn hơn là lâu lâu mới hợp một ngụm mà vẫn không đã khát. Để tránh sức nóng, và sự nguy hiểm, nếu gặp dân Bedouin, hay

lính Ai Cập, Paz quyết định không đi ban ngày. Anh ẩn vào giữa những tảng đá, đào một hố cát, và nằm xuống đó, chờ tắt bóng mặt trời.

Anh thoát khỏi cơn khát nhờ ngậm kẹo. Lúc về đến nơi, anh không ngót ca tụng những viên kẹo này — kể cả những mảnh dính vào giấy gói cũng đáng quý! anh nói. Anh chia số kẹo đó thành hai khẩu phần, và nhai thêm lá cây tươi mọc trên các suối mùa. Lá cây đắng như mật, nhưng lại có nhiều nước, và ăn cùng với kẹo, kể ra cũng được.

Paz còn nhận thấy trên những bụi cây đầy bụi bặm, ban đêm sương xuống nhiều, thấm ướt và viên bụi lại thành những hạt li ti. Tất nhiên ta không thể uống hay ngậm được, nhưng có thể dùng thứ nước bùn sền sệt này thoa lên tay, cổ, trán... Khi đại úy Paz về tới đích, anh vẫn còn bốn viên kẹo. Anh dự tính nếu không gặp lính Do Thái ở Jebel Livni, anh sẽ đi bộ về Kusseima. Với bốn viên còn lại, dù phải chia thành những phần nhỏ hơn, nhưng với thứ nước đắng của lá cây, thứ nước để thoa bằng sương trộn lẫn với bùn, anh tin là còn đủ sức đi bộ được một hay hai đêm nữa.

Ngày 6 tháng Mười Một 1956.

Trong vòng 48 giờ sau cùng này, cả ba chiến dịch cùng lên đến cực điểm: chiến dịch quân sự (Kadesh); cuộc vận động quốc tế; và hoạt động của Anh —

Pháp.

Đại hội đồng LHQ tái nhóm tại Nữ Ớc ngày 3-11, và ông tổng thư ký Hammarskjold tuyên bố rằng Anh, Pháp, và Do Thái đã trả lời không chấp nhận lui quân và ngưng bắn theo yêu cầu của đại hội đồng hôm trước. Mặt khác, ông tiếp, chính phủ Ai Cập đã tuyên bố chấp nhận, và sắp sửa ban lệnh ngưng bắn cho quân đội của họ.

Liên xô cùng các nước chư hầu, và khối Á—Phi đòi hỏi ba nước xâm lăng (Anh, Pháp, Do Thái) phải thi hành đúng quyết nghị của đại hội đồng. Đại diện Mỹ, ông Henry Cabot Lodge đề nghị thành lập hai ủy ban quốc tế, một ủy ban lo tìm giải pháp cho cuộc tranh chấp Ai Cập — Do Thái, và ủy ban kia giải quyết vấn đề kênh Suez. Nhưng đề nghị thứ ba do ngoại trưởng Gia Nã Đại Lester Pearson nêu lên, và được ông Hammarskjold ủng hộ đã được chấp thuận. Theo đề nghị này, một lực lượng quân sự quốc tế đã được thành lập để bảo đảm việc tuân hành quyết nghị của LHQ. Bản quyết nghị của Pearson viết :

Để có thể thi hành quyết nghị đã được chấp thuận ngày 2-11-1956, (A/3256) đại hội đồng yêu cầu tổng thư ký LHQ đệ trình trong vòng 48 giờ, kế hoạch thành lập một lực lượng khẩn cấp LHQ, với sự đồng ý của các nước liên hệ, để kiểm soát cuộc ngưng bắn phù hợp với những điều khoản đã nêu trong bản quyết nghị.

Anh và Pháp trước đã đòi đặt kênh Suez dưới

sự giám sát của quốc tế, nên không phản đối mạnh đề nghị của Gia Nã Đại, và đã cùng với Do Thái bỏ phiếu thuận. Ai Cập trong tình trạng trên búa dưới đe, cũng bỏ phiếu thuận. Khối Liên Xô, Tân Tây Lan, và Nam Phi cũng vậy. Do đó, quyết nghị được chấp thuận với không phiếu chống, và 16 phiếu thuận. Tuy chấp thuận quyết nghị này, nhưng Ấn Độ vẫn đưa thêm đề nghị lập lại lời yêu cầu các phe tham chiến lập tức ngưng bắn và rút quân, theo đúng nghị quyết ngày 2-11 của LHQ, và cũng được chấp thuận.

Cuối phiên họp, lúc đã bắt đầu qua ngày 4-11, hội đồng lại ép Anh, Pháp và Do Thái chấp nhận quyết nghị của LHQ. Đại diện Do Thái được yêu cầu lên phát biểu, ông nói : « Do Thái đồng ý ngưng bắn tức khắc, nếu Ai Cập cũng đồng ý như vậy. » Đại diện Do Thái nói vậy, vì biết chắc, khi câu trả lời của Ai Cập đến nơi, thì chúng tôi đã chiếm xong Sharm e Sheikh rồi, hoặc giả lệnh ngưng bắn có thi hành trễ vài giờ cũng không đến nỗi nào. Điều cần nhất là trên nguyên tắc, chúng tôi đã tuyên bố sẵn sàng chấp hành quyết nghị của Liên Hiệp Quốc.

Các chính phủ Anh và Pháp giật nảy mình, khi nghe ý kiến của đại diện Do Thái. Dù sao, cũng phải lập lại rằng cuộc chuyển quân của họ vào kênh Suez không liên quan gì đến tình trạng chiến tranh giữa Ai Cập và Do Thái. Nay nếu hai nước đó muốn đình chiến, thì đó là việc riêng của họ, không liên quan gì đến Anh và Pháp cả. Nhưng nếu có ngưng bắn trong tình trạng này thực, thì địa vị của thủ tướng Anh sẽ

bị lung lay. Dư luận trong nước chống lại cuộc chiến tranh này càng ngày càng gia tăng, và trong các cuộc biểu tình, dân chúng đã trưng khẩu hiệu : « Eden, hãy từ chức đi. » Do đó, chính phủ Anh yêu cầu Pháp dùng ảnh hưởng của mình, cố thuyết phục Do Thái rút lại lời tuyên bố ngưng bắn trên. Với tư cách nước bạn, Pháp giải thích, nếu chúng tôi không làm theo lời yêu cầu của Anh, ông Eden bắt buộc sẽ phải hủy bỏ hoàn toàn kế hoạch quân sự ở Suez.

Sau khi cân nhắc, ông Ben Gurion thuận sẽ làm theo lời yêu cầu khẩn khoản của Pháp, và trưa ngày 4-11, đại diện Do Thái tại LHQ đã lưu ý ông Hammarskjold rằng lời tuyên bố của ông tại đại hội đồng đã bị hiểu lầm. Thực ra, ông chỉ chấp nhận một cuộc ngưng bắn trên các trận tuyến hiện tại. Do Thái chỉ thi hành đúng theo quyết nghị của đại hội đồng LHQ: với điều kiện được trả lời thỏa mãn 5 câu hỏi sau đây.

1— Sự đồng ý ngưng bắn của chính phủ Ai Cập có rõ rệt, và hoàn toàn không có ẩn ý không?

2— Liệu Ai Cập còn giữ lập trường mà họ đã từng tuyên bố, và theo đuổi trong bao năm nay là Ai Cập đang ở trong tình trạng chiến tranh với Do Thái không?

3— Liệu Ai Cập có chịu cùng Do Thái ngồi ngay vào bàn hội nghị kiến tạo nền hòa bình giữa hai xứ, theo như bản kỷ yếu của chính phủ Do Thái đã gửi cho ông tổng thư ký LHQ ngày 4-11 không?

4— Ai Cập có đồng ý ngưng mọi sự đe dọa

kinh tế Do Thái, và mở cửa cho tàu bè Do Thái qua lại trên Kênh Suez không?

5— Ai Cập có chịu triệu hồi bọn quyết tử quân dưới quyền chỉ huy của mình, hiện đang ở các xứ Ả Rập khác về không?

Tuy làm theo lời yêu cầu của chính phủ Pháp, nhưng ông Ben Gurion vẫn bức mình. Nếu Anh và Pháp muốn khai thác tình trạng chiến tranh giữa Ai Cập và Do Thái, thì quân đội Ai Cập và Do Thái đã đánh nhau suốt sáu ngày, từ 29-10 đến 4-11, ở sát nách đông ngạn kênh Suez. Nhưng trong suốt thời gian đó, quân Anh chỉ lo chuẩn bị thật tỉ mỉ cho cuộc hành quân « musketeer » mà không nghĩ rằng họ có thể bỏ lỡ dịp tốt. Đến lúc LHQ kêu gọi ngưng bắn, thì Anh lại yêu cầu Do Thái đừng chấp nhận, để cứu vãn địa vị chính trị đang lung lay của mình. Do Thái đã phải cố gắng hết sức để chấm dứt chiến dịch, trước khi sự chống đối của mình với quyết nghị của LHQ trở nên trầm trọng, và đã thấy có kết quả. Dĩ nhiên, Do Thái không có cách nào khác hơn là từ chối yêu sách phải rút quân về sau ranh giới đình chiến; nhưng ít ra, cũng chấp nhận được lời yêu cầu thứ hai là ngưng bắn. Bây giờ, Do Thái phải chịu thêm gánh nặng một cách không cần thiết là từ chối yêu sách mà đáng lẽ, mình nên nhận.

Lý do thúc đẩy ông Ben Gurion đồng ý, không phải chỉ vì muốn làm vừa lòng Pháp, một nước bạn rất tốt của Do Thái, mà còn vì ông không muốn để Do Thái phải một mình mang tiếng xâm lăng, phá hoại

hòa bình, bất chấp quyết nghị của LHQ. Tốt hơn hết là nên để Anh và Pháp cùng đứng chung với mình trên mặt trận này.

Song câu chuyện đến đây vẫn chưa kết thúc. Người Pháp cảm thấy thời cơ đã đến, nếu muốn đổ bộ lên Ai Cập thì phải hành động ngay. Do đó, bộ trưởng quốc phòng Pháp, ông Bourges Maunoury, và ngoại trưởng Christian Pineau đã bay qua Anh, lần này không biết là lần thứ bao nhiêu, để thúc Anh đổ bộ trước ngày ấn định. Lần này, có lẽ người Anh cũng thấy thời cơ đã đến thực, nhưng họ phải tìm một công thức để biện chính cho hành động của họ trước công luận thế giới. Công thức được cả Anh lẫn Pháp đồng ý, nhưng lại phát lòng Do Thái.

Trong bản văn phúc đáp quyết nghị ngày 4-11 của đại hội đồng LHQ của Anh và Pháp, có những câu sau đây : «Cả hai chính phủ cùng tin rằng cần phải đặt một lực lượng đứng giữa Ai Cập và Do Thái để tránh các cuộc đổ máu liên tiếp xảy ra giữa hai nước này ; để bảo đảm cuộc lui quân mau lẹ của Do Thái ; xử dụng mọi biện pháp cần thiết để tháo gỡ các chương ngại vật hầu tái lập lưu thông trên kênh Suez ; và để tìm kiếm một giải pháp cho các vấn đề rắc rối trong vùng đó». Câu đề cập đến việc lui quân của Do Thái là do chính phủ Anh đòi thêm vào, và Pháp đã bằng lòng, vì chỉ cốt sao cho Anh chịu thực hiện cuộc đổ bộ.

Ông Ben Gurion không ngạc nhiên về thái độ giả nhân giả nghĩa của Anh, nhưng lấy làm buồn vì Pháp

lại có thể đồng ý với bản văn ấy, như vậy, không khác gì tố cáo Do Thái là kẻ xâm lăng trước thế giới và Anh Pháp hành động chỉ để bắt buộc Do Thái phải rút quân về nước mà thôi. Vậy mà chỉ trước đó vài giờ, Do Thái đã phải rút lại sự chấp nhận ngưng bắn, thể theo lời yêu cầu khẩn khoản của họ, để giúp họ vượt khỏi những nỗi khó khăn. Ông Ben Gurion đã gửi một điện văn với lời lẽ chua chát sau đây cho vị đại diện Do Thái tại Ba Lê, để ông này lưu ý chính phủ Pháp :

«Tôi rất đổi kinh ngạc khi tiếp được điện văn của hai chính phủ Anh—Pháp trả lời ông Hammarskjold. Họ không có quyền tuyên bố như vậy, và tôi lấy làm lạ là tại sao các bạn Pháp của ta lại có thể chấp nhận đề nghị đó. Nếu họ lấy lý do cuộc đổ bộ vào kênh Suez là để bảo vệ cho kênh khỏi bị Do Thái chiếm tức là họ đã có một hành vi thiếu thân thiện với chúng ta. Chúng ta phải yêu cầu họ đừng làm như vậy để tránh tổn hại đến tình thân hữu giữa hai nước.»

Trong lúc này, thủ tướng Pháp chỉ có thể chỉ thị cho đại diện Pháp tại LHQ giải thích rằng việc rút quân của Do Thái mà bản điện văn phúc đáp của Anh và Pháp đã đề cập đến, là Do Thái phải rút quân khỏi khu vực kênh Suez. Lời giải thích đó cũng không làm Do Thái thỏa mãn. Anh Pháp như kẻ chìm xuống tuy chụp được cánh bèo này, nhưng chưa chắc họ đã

thoát chết đuối.

Rút cục, sau bao ngày ấp ủ, bình minh hôm kia, 5-11, hai chú gà con phá vỏ nhảy ra. Một tiểu đoàn dù Pháp nhảy xuống cây cầu nối liền Port Said với đất liền, và một tiểu đoàn dù Anh chiếm phi trường Gamil tại Port Said.

Nhưng đồng thời, một sự kiện khác cũng xảy ra. Liên Xô lúc đầu chỉ hoạt động lấy lệ, có lẽ vì tình hình bất ổn tại Hung Gia Lợi. Bây giờ, họ thấy đã đến lúc làm mạnh, và đêm 5-11 vừa qua, thủ tướng Nga, thống chế Bulganin gửi văn thư cho Anh, Pháp, và Do Thái với lời lẽ đầy đe dọa. Bức thư gửi Do Thái viết :

«Thưa Thủ Tướng.

«Chính phủ Liên Xô đã long trọng lên án cuộc xâm lăng vô trang của Do Thái, cũng như của Anh và Pháp vào Ai Cập là công khai vi phạm hiến chương và các nguyên tắc LHQ. Trong phiên họp khẩn cấp của đại hội đồng, đại đa số các quốc gia trên thế giới cũng đã kết tội hành vi xâm phạm lãnh thổ nước cộng hòa Ai Cập, và kêu gọi các chính phủ Do Thái, Anh và Pháp lập tức chấm dứt các cuộc hành quân, và rút quân khỏi lãnh thổ Ai Cập.»

«Toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới vô cùng phẫn nộ trước tội ác của kẻ xâm lăng, đã xâm phạm sự toàn vẹn, chủ quyền, cũng như nền độc lập của nước cộng hòa Ai Cập.»

«Bất chấp những sự kiện kể trên, chính phủ

Do Thái vẫn liều lĩnh làm tay sai cho bọn đế quốc, coi thường cuộc chiến đấu chống thực dân, giành tự do, độc lập của nhân dân phương đông và toàn thể những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới.»

«Những hành động trên của Do Thái, chứng tỏ những lời tuyên bố rằng Do Thái yêu chuộng hòa bình, rằng nguyện vọng của Do Thái là được chung sống hòa bình với các nước Ả Rập láng giềng chỉ là những lời giả dối. Những lời tuyên bố đó chỉ nhằm mục đích ru ngủ các dân tộc khác, để rảnh tay chuẩn bị một cuộc tấn công bất chính vào các nước láng giềng, theo lệnh bọn đầu sỏ nước ngoài.»

«Chính phủ Do Thái đã đem nền hòa bình và số phận nhân dân nước mình ra làm trò chơi một cách vô trách nhiệm và đầy tội lỗi, làm cho các dân tộc phương đông thù ghét Do Thái, như vậy, người ta sẽ phải đặt câu hỏi rằng liệu quốc gia Do Thái có thể tồn tại trong tương lai hay không? Để bảo vệ nền hòa bình tại Trung Đông, chính phủ Liên Xô sẽ ra tay trừng phạt quân xâm lược, chấm dứt chiến tranh.»

Chúng tôi khuyến cáo chính phủ Do Thái hãy suy xét, và cho ngưng ngay các hành vi quân sự chống đối Ai Cập của mình, trước khi mọi việc trở nên quá trễ. Chúng tôi kêu gọi các bạn, các nghị sĩ, các công nhân, cùng toàn thể nhân dân Do Thái : hãy ngưng xâm lăng, hãy ngưng chém

giết, hãy rút quân khỏi lãnh thổ Ai Cập.

Trong tình thế hiện tại, chính phủ Liên Xô quyết định triệu hồi đại sứ Nga tại Tel Aviv về Mạc tư Khoa ngay: Chúng tôi hy vọng chính phủ Do Thái sẽ hiểu rõ, và lưu ý đến bản cáo tri này».

N. Bulganin

Ông Ben Gurion không giấu nổi quan tâm của ông đối với lập trường Xô Viết, ông cũng không làm ngơ trước ý nghĩa cứng rắn của bản văn ấy. Nhưng ông không kinh hoàng đến nỗi run lên cầm cập. Trái lại, tối hậu thư càng thúc đẩy ông tranh đấu mạnh mẽ. Điều làm ông nổi giận là sự khác biệt giữa các văn thư gửi cho Anh, Pháp và Do Thái. Bản gửi đến chúng tôi chứa đầy lời lẽ miệt thị, và đe dọa đến sự tồn vong của quốc gia Do Thái. Trong bản gửi cho Anh và Pháp, cũng có những lời đe dọa xử dụng đến quân đội và dùng hỏa tiễn oanh tạc, nhưng chỉ nói vu vơ, không đe dọa đến tình trạng độc lập chính trị của họ, mà cũng không có thái độ ngạo mạn thô bỉ như trong tối hậu thư gửi Do Thái.

Sự bình tĩnh phân tích tình hình mới của ông Ben Gurion làm tôi cảm thấy khoan khoái. Tôi nghĩ, nếu người khác ngồi vào địa vị của ông Ben Gurion trong tình thế hiện tại, chắc họ phải hoảng sợ khủng khiếp lắm.

Có lẽ vì tình hình bất ổn ở Hung Gia Lợi, nên bản điện văn đe dọa của Liên Xô mãi đến ngày 5-11

mới tới tay chúng tôi, lúc ấy, phát súng cuối cùng của cuộc hành quân 'Kadesh' đã nổ trước đó 12 tiếng đồng hồ. Nếu điện văn này đến tay Anh, Pháp và Do Thái trước ngày 29-10, thì không hiểu chiến dịch Sinai có được thực hiện hay không.

CHƯƠNG TÁM
SHARM E SHEIKH

Ngày 6 tháng Mười Một 1956

TRONG NGÀY 4 THÁNG MƯỜI MỘT, VÀ ĐÊM ĐÓ, chúng tôi nhận được các báo cáo của Lữ Đoàn 9 về các diễn tiến của cuộc đánh chiếm Sharm e Sheikh. Cả hai lần, chúng tôi được tin quân bạn đã chiếm xong nơi đó, rồi sau lại được tin cải chính, và nơi địch di tản chỉ là Ras Natsrani, và quân lực Ai Cập hiện đang tập trung tại Sharm e Sheikh. Một cấp chỉ huy già đời trong quân đội như tôi cũng nóng ruột. Tôi phải giải quyết bằng cách sáng hôm sau — tức ngày hôm qua — đáp máy bay Dakota tới Tor, rồi từ đó, bay bằng máy bay quan sát tới Lữ đoàn 9, để biết chắc rằng cuộc tấn công vào Sharm e Sheikh phải được

thực hiện trong ngày. Nếu không có tôi tại đó, lệnh tấn công chắc chắn vẫn được thi hành như thường, nhưng tôi không muốn cứ phải canh cánh trong lòng. Giờ đây, tiểu đoàn nhảy dù đã có mặt tại Tor, cách Sharm e Sheikh không đầy sáu mươi lăm dặm về phía Tây, và toàn bộ Lữ Đoàn 9 đã vượt qua Ras Natsrani, và đã có những trận đụng độ đầu tiên với các tiền đồn cực Bắc của Sharm e Sheikh. Vậy là chúng tôi đã có thể tức khắc mở cuộc tấn công, và tiến chiếm cơ cấu phòng thủ ở miền cực Nam này rồi.

Tôi ra đi từ sáng sớm tinh mơ, và sau hai giờ bay, phi cơ đáp xuống thành Tor. Theo chương trình đã định, tại đó phải có một chiếc quan sát cơ đợi tôi sẵn, để đưa tôi tới Lữ Đoàn 9, nhưng chiếc đó vẫn chưa tới. Lẽ ra, tôi có thể phải tay, khoái tri, hưởng ít giây phút tã tã do sự điều hành trực trặc thông thường trong quân đội, nhưng khi đó, đầu óc tôi chỉ nghĩ tới một việc duy nhất : Chiếm Sharm e Sheikh.

Tiểu đoàn nhảy dù không còn tại đây nữa. Họ đã xuất phát (từ lúc 03g30, trước bình minh) từ Tor để tiến chiếm các mục tiêu tại mặt Nam của Sharm e Sheikh, mặt được các dãy núi phía Tây và phía Nam che chở.

Sau một giờ mất công chờ đợi, tôi quyết định không ở lại chờ máy bay quan sát nữa, bỏ chương trình bay sang Lữ Đoàn 9, và dùng xe đuổi theo tiểu đoàn Dù. Tiểu đoàn này quân số đầy đủ, gồm có bốn đại đội. Một đại đội di chuyển trên bán xích xa, còn ba đại đội kia trên xe vận tải. Đó mà đơn vị tinh nhuệ,

thiện chiến nhất của chúng tôi. Do đó, tôi đã định, nếu Lữ Đoàn 9 không chiếm nổi Sharm e Sheikh, tôi sẽ ra lệnh cho đơn vị này tự lực tấn công và tiến chiếm địa điểm nói trên.

Vị phụ tá Hành Quân của tôi đi lo thu xếp phương tiện di chuyển và hộ tống, trong khi tôi ngồi đợi ở phi trường. Một giờ sau, ông ta trở lại với ba chiếc xe và dăm bảy tên lính của tiểu đoàn trừ bị phụ trách việc phòng thủ thành Tor. Chúng tôi lên xe — gồm một chiếc xe chỉ huy và hai chiếc kia trông chẳng khác gì xe vận tải dân sự — và lên đường.

Đường tuy tốt nhưng xe quá tồi nên không dám chạy nhanh. Trên đoạn đầu của cuộc hành trình, chúng tôi không gặp bóng người. Con đường nhựa trải dài trước mặt, bên phải là làn nước biếc của vịnh Suez và bên trái, qua khỏi bãi cát là rừng núi cao ngất. Nhưng đi được độ ba chục dặm, khoảng nửa đường, chúng tôi bắt đầu gặp lính Ai Cập, đi riêng rẽ từng người, hoặc đi thành từng nhóm, từ phía Sharm e Sheikh tới. Đám lính này (thuộc Tiểu Đoàn Vệ Binh Quốc Gia) trốn khỏi các vị trí phòng thủ từ đêm hôm qua. Chúng tôi còn gặp một số người chết và bị thương nằm rải rác suốt dọc đường, nạn nhân của những cuộc đụng độ với đơn vị nhảy dù mới đi qua vài giờ trước đây. Càng tới gần Sharm e Sheikh, chúng tôi càng gặp nhiều lính Ai Cập hơn. Tôi ra lệnh cho toán hộ tống nếu có bị bắn một vài phát lẻ tẻ cũng không được bắn lại. Điều tôi ngại nhất là gây đụng độ lẻ tẻ với bọn lính Ai Cập đào ngũ, làm mắc kẹt giữa

đường Tor — Sharm e Sheikh.

Tôi bỏ phòng tài xế — vì ngồi trong đó, tôi không thể biết tình hình hai bên vệ đường — và trèo lên thùng trống trái đằng sau, để nhìn rõ toàn cảnh. Lẽ tất nhiên, ai cần nổi các toán lính Ai Cập nấp sau mấy bụi cây, mô đất, xả súng liên thanh bắn ra. Song không việc gì xảy ra cả.

Quang cảnh lúc bấy giờ, tuy giữa trưa, nhưng không khác gì trong cơn ác mộng. Dưới cái nắng tróc da sa mạc, ta có thể nhìn rõ hơi nóng hừng hực từ con đường nhựa mềm nhão bốc lên. Binh sĩ Ai Cập trong quân phục bằng vải kaki vàng lẫn trong màu cát, và chỉ thấy bọn chúng nhảy vọt những bước cuối cùng giữa mấy gò, đụn. Chắc chắn họ biết chúng tôi là Do Thái, song họ không nổ súng, mà cũng chẳng thêm ần nấp. Họ để yên cho chúng tôi chạy qua, với nét mặt bơ phờ, kiệt sức. Những tên bị thương vất vả lết thân hình với cái chân còn lại. Nhiều tên nằm chinh ỉnh ngay giữa lộ, không thêm lết qua lề, khiến chúng tôi phải vòng xe tránh.

Tôi cứ nghĩ, nếu chẳng may gặp trở ngại bất thần, chúng tôi bị chặn lại thì đúng là tới số, vì nhân số ít quá, lại lộ liễu, nên cứ tay không, bọn chúng xông lại cũng dư sức xé xác phân thây chúng tôi tan tành thành muôn mảnh. Tôi biết rằng chúng tôi có tới được Sharm e Sheikh hay không, không phải vì một phát đạn bị bắn, hay một chút ngưng nghỉ dọc đường, mà phải làm thế nào mau lẹ qua mặt các nhóm lính Ai Cập đào ngũ, khiến cho tới khi bọn chúng kịp nhận ra

thì chúng tôi đã ra ngoài tầm đạn của chúng rồi.

Cuối cùng, chúng tôi thở phào nhẹ nhõm khi đường quẹo về phía dãy đồi. Từ xa, chúng tôi đã nhìn thấy đoàn xe vận tải và bán xích xa của Tiểu Đoàn Dù.

Viên đại đội trưởng phụ trách việc bảo vệ con đường vừa chiếm, được này kẻ rằng, Tiểu Đoàn của anh chiếm xong đoạn đường phía Nam Sharm e Sheikh lúc 05g00. Lúc 06g30, một quan sát cơ từ Lữ Đoàn 9 bay tới, yêu cầu Tiểu Đoàn tiến đến một vị trí cách cứ điểm Sharm e Sheikh độ hai ngàn mã. Ông tiểu đoàn trưởng quyết định cho chọc thủng cứ điểm đó. Tiểu Đoàn tiến quân theo đội hình bán xích xa dẫn đầu, các đại đội cơ động theo sau. Dịch chống cự không lấy gì làm dữ dội cho lắm, hơn nữa, không quân bạn đã cận yểm rất mạnh mẽ và hiệu quả, nên lúc 09g30, ông Tiểu Đoàn Trưởng ngồi trên bán xích xa đầu tiên đã tràn vào cổng cứ điểm. Trong khi đó tuyến phòng thủ phía bên kia của cứ điểm đã hoàn toàn lọt vào tay các đơn vị của Lữ Đoàn 9.

Sau khi nghe xong báo cáo dọc đường, chúng tôi nhấn ga phóng nhanh tới căn cứ của Ai Cập. Một quang cảnh vui vẻ của cuộc hành quân phối hợp liên binh chào đón chúng tôi. Hải cảng Sharm e Sheikh nằm tại mỏm cực Nam bán đảo Sinai, điểm gặp gỡ giữa kênh đào Suez, vịnh Akaba và Hồng Hải đẹp chưa từng thấy : Giải nước sâu trong xanh (tù binh Ai Cập khuyên chúng tôi không nên tắm, vì có nhiều cá mập) được dãy núi đá tổ ong bao quanh. Cả đến nhà cửa

trên bờ, mái giáo đường Hồi giáo trắng tinh với chiếc tháp chuông cao ngất, cũng điểm tô thêm cho phong cảnh thần tiên giữa miền núi non hùng vĩ.

Tuy nhiên, mặt đất vẫn còn đầy vết tích của trận đánh vừa qua. Khói từ mấy đống bom, kho vựa, mới bị không lực oanh tạc vài giờ trước đây vẫn bốc lên. Vô số xe gắn súng liên thanh Bren của Ai Cập, chiếc đã hư, chiếc còn xử dụng được, nằm rải rác lung tung trong hải cảng. Các đơn vị của Lữ Đoàn 9 đã có thể vượt tuyến bao vây, vũ khí trong tư thế sẵn sàng nhả đạn, xông vào căn quét toàn khu vực và tập trung tù binh lại.

Sứ mạng nhiều tham vọng nhất của cuộc hành quân «Kadesh» được trao phó cho Lữ Đoàn 9. Trong cả giai đoạn thứ nhất di hành 185 dặm trên một đoạn không đường xá trên đất địch — và giai đoạn hai — xung phong vào căn cứ địch với lực lượng hai Tiểu Đoàn phòng thủ được tăng cường và tổ chức để có thể chịu đựng được sự bao vây lâu dài — Lữ Đoàn đều có thể bị tổn thất nặng nề, hoặc thất bại chua cay.

Đoàn công voa Lữ Đoàn độ hai trăm xe, chở gần 1.800 người: hai tiểu đoàn bộ binh, một pháo đội, một tiểu đoàn súng cối nặng, một đơn vị thám thính, một đội phòng không, một đơn vị công binh, cơ xưởng và các toán phụ dịch. Lữ đoàn phải tự túc, đem theo đủ mọi loại tiếp liệu. Thực phẩm đủ ăn trong năm ngày;

nhiên liệu đủ chạy 375 dặm; và nước chở trong mười tám chiếc xe bồn, đủ cung cấp cho mỗi ngày 5 lít cho mỗi đầu người, và bốn lít mỗi chiếc xe trong năm ngày. Không có cách nào gửi quân tiếp viện đến cho Lữ đoàn này trong lúc di chuyển, cũng như khi dừng độ. Do đó, các lực lượng viễn chinh của Lữ Đoàn 9 phải tự xoay xở cách nào để hoàn thành sứ mạng. Nếu chiếm được Sharm e Sheikh, mục tiêu của Lữ Đoàn, đại đơn vị này sẽ được xử dụng một hải cảng, một phi trường, và một con đường về Do Thái. Nếu bị chặn trên đường Nam tiến, hay cuộc tấn công thất bại, cánh quân này sẽ bị nghiền tan, vì không mong gì trở về Do Thái bằng con đường mòn cũ, vì không những họ thiếu nước uống, nhiên liệu, cơ phận thay thế, mà nhiều đoạn đường dài trên lộ trình này chỉ có thể di chuyển từ Bắc xuống Nam, chứ không thể nào đi ngược lại được, (vì các sườn dốc miền sa mạc chỉ đi xuống được mà thôi).

Đứng trên quan điểm chính trị, việc chiếm giữ eo biển Tiran có tầm quan trọng hết sức lớn lao. Đứng ra, đó là mục tiêu số một của chiến dịch. Giả dụ nếu khi cuộc chiến đấu chấm dứt, chúng tôi chiếm trọn bán đảo Sinai, nhưng không chiếm được Sharm e Sheikh, thì sự phong tỏa của Ai Cập không cho tàu bè Do Thái chạy qua vịnh Akaba vẫn tiếp tục không có gì thay đổi, như vậy, có thể nói, chiến dịch của chúng tôi bị thất bại.

Thời gian là yếu tố sinh tử. Nếu một khi các cường quốc Anh và Pháp buộc lòng phải chấp nhận

sự tài phán mà ngưng các hoạt động quân sự lại, thì không rõ Do Thái còn có thể tiếp tục chiến đấu, vì phạm quyết nghị của đại hội đồng Liên Hiệp Quốc được không. Đó không phải là điều lo xa vô căn cứ nếu lực lượng Ai Cập tại Sharm e Sheikh tại eo biển Tiran chặn đứng được Lữ Đoàn 9 đang lúc di chuyển cầm cự được vài ngày, khiến đại đơn vị này phải tấn công trong sự đói khát, thì chắc chắn tình hình chính trị được đẩy đến chỗ buộc lòng Do Thái cho ngưng cuộc chiến đấu trước khi chiếm xong Sharm e Sheikh.

Bộ Tổng Tham Mưu không lúc nào không chú tâm đến tầm quan trọng đặc biệt của Sharm e Sheikh, cùng với những khó khăn rắc rối về quân sự và chính trị, nên mới phải cho một đơn vị Dù từ mitla di chuyển qua ngã Tor để tới Sharm e Sheikh. Tuy quan niệm cho mở thêm một cánh quân khác hoạt động độc lập với cuộc tiến quân của Lữ Đoàn 9 này đối với Bộ Tổng Tham Mưu rất là hợp lý, song đối với Lữ Đoàn thì không ăn thua gì, vì quân Dù chỉ giúp đỡ Lữ Đoàn trong ngày chót của cuộc tiến quân, khi mà cuộc tấn công vào Sharm e Sheikh đã lên đến tột điểm.

Lữ đoàn tấn công vào cứ điểm trên vào ngày 5 tháng mười một, thay vì ngày 3 tháng mười một theo như kế hoạch đã định lúc đầu. Có tới hai lý do đưa đến sự chậm trễ nêu trên. Trước hết, vì liên quân Anh Pháp hoãn cuộc không tập xuống các phi trường Ai Cập, nên Lữ Đoàn 9 phải xuất phát trễ mất một ngày. Thứ đến, lộ trình con đường di chuyển của Lữ

Đoàn xấu quá mức tưởng tượng, do đó, nhịp độ di chuyển chậm hơn mức dự trù.

Đoạn đường đầu tiên, từ Ras en Nakeb tới ốc đảo Ain Furtaga là đoạn dễ đi nhất. Đoàn công voa di chuyển trên đoạn này với tốc độ trung bình bảy dặm rưỡi một giờ, do đó, tới 13g00 ngày 2 tháng mười một, lữ đoàn đi được quãng đường dài sáu mươi hai dặm. Cuộc di chuyển đoạn đường này không có chuyện gì rắc rối; ngoại trừ chiếc xe của một toán tuần tiễu Ai Cập bỏ lại ngày hôm qua, khi chạm trán với đơn vị thám thính bắn ra, thì không còn một dấu vết của quân đội Ai Cập nào khác nữa.

Nhưng đoạn đường từ ngay sau khi rời khỏi Ain Furtaga là đoạn gay go nhất. Chín dặm kế tiếp phải lên dốc (một trong vài quãng phải lên dốc trên đường Bắc-Nam), đường đi qua một lớp cát dày nên ngoại trừ bán xích xa ra thì không một loại xe nào khác có thể vượt qua nổi. Loại khó di chuyển nhất là dã pháo 25 pounders (đại bác 88 ly của Anh), bị lún xuống cát đến trục ngang. Dù được các xe khác phụ lực, các bánh xe cũng phải xi hơi để bằm được xuống đất nhiều hơn. Từ Ain Furtaga tới đường đỉnh, tốc lực trung bình của đoàn công voa là hai dặm rưỡi một giờ, ấy là nhờ cả sức người lẫn sức xe bán xích hết sức vừa đẩy vừa kéo mới được như vậy. Lữ Đoàn tới đường đỉnh lúc hai giờ sáng — sau đường đỉnh này, hầu hết là đường xuống dốc cả. Có tám chiếc xe bị sa lầy trong cát, và không thể kéo lên nhanh chóng được, đành phải tháo gỡ tất cả những gì có thể tháo

ra được, rồi bỏ xác xe lại. Quân sĩ ai nấy đều mệt nhỏi.

Vẫn còn năm dặm trong đoạn đường kế tiếp phải đi trên cát nữa, nhưng lúc này đã vượt qua đường đỉnh, xe xuống dốc thoải thoải, nên sự di chuyển có phần dễ dàng hơn. Họ đi được ba chục dặm đường kế đó trong vòng năm tiếng đồng hồ, và tới Dahab — một ốc đảo lớn nhất trên vịnh Akaba — trước trưa ngày 3 tháng mười một.

Đơn vị Ai Cập phòng thủ ốc đảo Dahab là toán quân địch đầu tiên đụng độ với Lữ Đoàn. Địch khoảng mười tên lính cưỡi lạc đà có máy vô tuyến liên lạc, ở lều vải cạnh bờ biển, và có nhiệm vụ tuần tiễu và báo cáo mọi sự khám phá thấy về bộ chỉ huy đặt tại Sharm e Sheikh. (Những đơn vị tương tự, mỗi đơn vị mười hai người, cũng đóng tại đảo Tiran Samapir và hai đảo Teba Boasit, nằm giữa Eilat và Dahab trong vịnh). Khi đơn vị thám thính của Lữ Đoàn vừa tới nơi (tới sớm hơn bộ phận chủ lực,) biệt đội Ai Cập liền bỏ chạy tán loạn. Một nhóm gồm ba tên nấp vào bụi cây vệ đường. Khi đoàn thám thính xa bắt đầu lục soát, thì một tên trung sĩ người Sudan trong nhóm địch trên nòng súng; gây cho bạn một chết, một bị thương. Y chưa kịp bắn tới phát thứ ba thì chiếc thám thính xa khác đã nhìn thấy nòng súng của y lấp ló ngoài bụi cây, và khóa miệng y bằng một tràng tiểu liên Uzi.

Bảy tên còn lại núp trong lều. Tại đây, binh sĩ của chúng tôi cũng phạm lỗi lầm là không chịu khai hỏa trước. Khi chạm địch thì đã bị chúng thấy cho

một trái lựu đạn, khiến quân ta bị hài tử thương, một bị thương. Bọn lính Ai Cập chạy, nhưng bị đại liên hạ tại chỗ ngay.

Lữ đoàn được nghỉ chuyển đầu tiên khá lâu tại Dahab. Binh sĩ có thì giờ tắm rửa dưới các suối ngòi đầy nước, và nghỉ ngơi dưới bóng mát cây chà là. Xe cộ cũng cần được tu bổ lại, và tái tiếp tế nhiên liệu. Chiều hôm đó, theo đúng chương trình, hai chiếc tàu đổ bộ của Hải Quân chở nhiên liệu tới. Lúc ấy mới biết đoạn đường gai góc ấy đã tiêu thụ nhiều xăng nhớt hơn con số đã ấn định rất xa.

Lữ Đoàn lên đường để thanh toán giai đoạn ba của lộ trình lúc 18g00 ngày 3 tháng mười một, và tới Wadi Kid, điểm dừng chân kế tiếp, vào lúc 02g00. Đó là đoạn «đường mòn hươu nai» đi trên triền núi, bề ngang dưới hai mã, nhiều nơi còn hẹp hơn nữa, và lắm chỗ lầy lội. Di chuyển trên đoạn đường này chỉ có mỗi việc là mở rộng đường, và giật mình phá mấy tảng đá chặn lối đi. Công binh xử dụng chất nổ, và phần binh lính còn lại thuộc loại lính cơ động, giờ đây không còn phải lo kéo, đẩy mấy chiếc xe nằm bất động trong cát nữa, nhưng lại phải khiêng mấy tảng đá vừa bị mình giật sập dẹp ra chỗ khác, và san lối đi cho bằng phẳng.

Có lẽ quân Ai Cập cũng biết việc di chuyển qua đoạn đường nhỏ hẹp trong thung lũng kia là một việc cực kỳ khó khăn, nên khi đơn vị thám thính — luôn luôn đi trước đoàn công vơ vài tiếng đồng hồ — chỉ còn độ hơn một dặm nữa thì qua khỏi thung lũng,

liền bị lọt ổ phục kích địch. Chiếc xe jeep mở đường: vừa cán trúng mìn, thì đại liên, ba đô ca và lựu đạn địch phóng ra như mưa. Đơn vị bạn bắn trả, rồi tháo lui bỏ luôn chiếc xe bị nạn ở lại. Lúc bấy giờ đã 20g00, và trong màn đêm giữa thung lũng, họ không nhìn thấy gì cả. Tất nhiên họ không thể thấy được chỗ chôn mìn, và vị trí quân Ai Cập ở đâu cả.

Trời vừa hừng sáng (ngày 4 tháng mười một), đoàn xe thám thính trở lại nút chặn, trên đầu, một quan sát cơ dẫn lộ. Viên phi công báo cáo không thấy một bóng người, và có lẽ địch đã rút lui. Anh ta nhận xét đúng lắm. Ngoài một vũng máu lớn chắc là của một binh sĩ Ai Cập bị thương trong trận đụng độ hồi đêm — thì không còn dấu vết nào khác của địch quân, chiếc xe jeep vẫn còn nằm y nguyên tại chỗ đụng mìn cũ, và phía sườn đồi bên kia, ta có thể nhìn thấy rõ đồn binh (cơ trung đội) của Ai Cập bỏ ngổ. Dọc theo thung lũng, lực lượng bạn còn tìm được vô số mìn chống xe chôn dưới đất. Ngoài ra, còn tìm thấy cả đồng mìn khác. Có lẽ vì lính Ai Cập không đủ thì giờ chôn. Địa điểm chôn mìn được ghi dấu, và phải làm đường cho xe chạy tránh các điểm đó. Tới 09g00 ngày 4 tháng mười một, Lữ Đoàn tiến quân trên chặng chót của lộ trình, chỉ còn phải di chuyển thêm hai mươi lăm dặm đường nữa là xong. Lữ Đoàn kết thúc cuộc hành trình lúc 11g45, các cứ điểm Ras Natsrani và Sharm e Sherkh của Ai Cập đã hiện ra trước mắt. Quân sĩ đã phải đi mất ba ngày và hai đêm mới tới mục tiêu. Giờ đây, họ đang ở giai đoạn quan trọng nhất

của cuộc trường chinh: trận đánh chiếm eo biển Tiran.

Lữ Đoàn từ hướng Eilat di chuyển tới là cả một sự ngạc nhiên cho bộ chỉ huy Ai Cập. Trong kế hoạch phòng thủ eo biển này, bộ Tổng Tham mưu Ai Cập đã dự trù là không một lực lượng công hãm nào của Do Thái có thể do đường này tiến tới được. Khi đơn vị canh phòng Ai Cập đóng trên đảo Boasit, cách Eilat bốn chục dặm về phía Nam, báo cáo về Sharm e Sheikh rằng một lữ đoàn Do Thái đang tiến dọc theo bờ vịnh về phía Nam, thì viên chỉ huy trưởng cho rằng tin tức có vẻ phóng đại, vì theo ông, chỉ những đơn vị rất nhỏ mới có thể tiến qua nổi chặng đường này. Về sau, lúc nhận được báo cáo từ Dahab gọi về, hẳn đã thấy có lẽ hấn lắm, và sự sai lầm của hẳn được xác nhận hoàn toàn vào trưa ngày 4 tháng mười một, khi chính mắt hẳn nhìn rõ cảnh hai trăm xe Do Thái đang tiến sát Ras Natsrani.

Song le sự bất ngờ đó hầu như không tạo được chút lợi thế chiến thuật nào cho Lữ Đoàn 9 cả, vì tuy rằng bộ tư lệnh Ai Cập không dự trù sẽ có một cuộc tấn công lớn tới cỡ đó của lực quân, nhưng họ lại cho rằng Do Thái có thể đánh chiếm eo biển Tiran bằng đường biển, hoặc đường hàng không. Theo kế hoạch đó, các cứ điểm Ras Natsrani và Sharm e Sheikh được tổ chức bố phòng tứ phía, để có thể chống trả mọi cuộc tấn công bất cứ từ đâu đến, và đặc biệt là từ bình nguyên phía Bắc, nơi rất thuận tiện cho quân nhảy dù đáp xuống.

Do đó, mặt Bắc Sharm e Sheikh của Lữ Đoàn 9

không phải là mặt trống trải và thiếu chuẩn bị. Trái lại, nó được bố phòng chu đáo, và khách quan mà nhận xét, thì cuộc tấn công của đoàn quân nhảy dù từ trên trời rơi xuống theo như tư lệnh quân Ai Cập nghĩ hoặc của một lữ đoàn bộ binh phải lặn lội vượt qua 185 dặm đường trên đất địch — đoạn đường mà người Ai Cập cho rằng không tài nào băng qua nổi — thì có gì khác đâu ?

Lữ đoàn 9 có lợi điểm hơn quân nhảy dù là họ có xe bọc sắt cơ hữu. Đối với phương tiện không quân eo hẹp của Do Thái, thì lực lượng nhảy dù không thể mang theo xe thiết giáp như bộ binh được, và các bản xích xa, một loại thiết giáp hạng nhẹ đã góp phần quyết định cho cuộc chọc thủng phòng tuyến Ai Cập của lữ đoàn. (Bốn chiếc chiến xa mà tàu đổ bộ Hải quân có nhiệm vụ phải chở tới cho Lữ Đoàn 9, khi tới nơi thì Sharm e Sheikh đã hạ xong rồi.)

Về cả hai phương diện; địa hình địa vật và bề dài, lộ trình của Lữ Đoàn là một mục tiêu lý tưởng để địch quân án ngữ phục kích hoặc quấy rối. Tôi tin rằng Lữ Đoàn có khả năng vượt qua những trận ác chiến mà họ có thể gặp dọc đường đó, song chắc chắn họ cũng bị tiêu hao, mòn mỏi, và do đó, cuộc tấn công vào Sharm e Sheikh của Lữ Đoàn sẽ bị trễ đi phần nào chăng.

Chiến cụ thích hợp nhất để quấy rối đoàn công voa dài và phức tạp như đoàn công voa của Lữ Đoàn 9. Tất nhiên không gì hơn máy bay, nhưng sau khi liên quân Anh — Pháp bắt tay vào trận đánh thì bầu trời

không còn tùy thuộc vào Ai Cập nữa. Nhưng Lữ Đoàn vẫn còn có thể bị kẹt lại dọc đường bằng cách khác. Địch không cần phải áp dụng đúng chiến thuật vừa đánh vừa chạy kỳ khu rắc rối của Lawrence trên đường hỏa xa Hejaz, mà chỉ cần đặt các ổ phục kích dọc theo đường, bắn xuống đoàn xe chạy chậm ; Địch cũng có thể gài mìn suốt đoạn đường cát phủ, hay sập các sườn đá xuống lấp kín mấy con đèo nhỏ hẹp, hoặc lấp đường bằng nhiều cách khác nữa.

Tuy nhiên, các hoạt động đó có thể thực hiện nổi hay không, lại tùy thuộc ở tình báo có được các tin tức liên quan đến việc Lữ đoàn xử dụng con đường mòn này trước không, và phải có sẵn trong tay các đơn vị đã được huấn luyện Du kích chiến. Tư lệnh quân Ai Cập tại Sharm e Sheikh không nhận được tin tình báo, mà cũng chẳng có sẵn đơn vị thích hợp, nên tuy ông ta có cử một trung đội tới án ngữ tại Wadi Kid cũng chả làm nên trò trống gì.

Tư lệnh Ai Cập cho lệnh rút khỏi Ras Natsrani, và tập trung hết lực lượng vào trong phạm vi Sharm e Sheikh có phần nào hợp lý. Với ngàn ấy đơn vị dưới quyền, ông ta cho rằng không thể nào giữ nổi cả hai cứ điểm, do đó, phải hy sinh bỏ một. Vị trí Ras Natsrani có ưu điểm ở chỗ đồn bót kiên cố, và lực lượng phòng không mạnh hơn Sharm e Sheikh nhiều, nhưng ngược lại, Sharm e Sheikh có hải cảng và phi trường. Các cơ sở này nào phải chỉ có giá trị trên phương diện quân sự không thôi đâu. Tư lệnh Ai Cập chắc nghĩ rằng nếu để lọt vào tay chúng tôi, chúng tôi sẽ

xử dụng ngay, nhưng điểm khiến ông đi đến quyết định dứt khoát, là chính ông ta cũng muốn dùng các cơ sở đó để lui quân về Ai Cập hoặc sang Saudi Arabia.

Lệnh rút lui đã tới Sharm e Sharkh ngày 1 tháng mười một, nghĩa là kể từ khi bộ Tổng Tham Mưu Ai Cập ra lệnh cho tất cả quân lực ở Sinai phải rút về Ai Cập hết, song viên tư lệnh Ai Cập tại địa phương không tìm ra phương tiện chuyển quân. Do sự khuyến cáo của ông ta, bộ Tổng Tư lệnh tại thủ đô Cairo thay đổi kế hoạch, ra lệnh cho ông ta phải ở lại phòng thủ, chờ đơn vị vận tải tới chở quân đi. Nhưng vì quân lực của chúng tôi tiến nhanh quá, nên không ai tới đón họ kịp. Tor bị chiếm ngày 2 tháng mười một, chặn mất con đường bộ từ eo biển Tiran về Ai Cập, còn đường biển thì chỉ có hai chiếc thuyền buồm cố vào được Sharm e Sherkh và chở về Ai Cập được một ít thường dân và người bị thương. (Trong số đó, có đại úy phi công thương binh Atkes của Do Thái bị hạ và bị bắt tại Ras Natsrani ngày 2 tháng mười một.)

Theo như kế hoạch phòng thủ thì Sharm e Sheikh được tổ chức để có chịu đựng bao vây được lâu dài, chứ không được tăng cường đủ mạnh để phản công. Các kho nước uống thực phẩm, nhiên liệu, đạn được đều đào sâu dưới đất, và dự trữ một số lượng đủ dùng trong nhiều tháng. Ngoài ra, họ còn kiến tạo được một hải cảng sâu, một sân bay, một nhà máy phát điện và tất cả những cơ sở, tiện nghi mà một đồn lẻ loi cần đến. Nhưng về phương diện chiến đấu phòng thủ thì tương đối ít được chú trọng hơn. Hào hố, bãi mìn,

hàng rào và các tiền đồn chế ngự những con đường tiến sát tới khu vực này đều không chịu đựng nổi một cuộc tấn công quyết định. Sự phòng thủ của quân Ai Cập ở cả hai mặt Nam để chống trận tấn công từ phía Thành Tor, và Bắc từ cảng Eilat tới, đều không đạt được mức độ mong muốn. Rõ ràng là họ chỉ chuẩn bị kỹ càng cho Sharm e Sheikh về phương tiện sinh hoạt thường nhật hơn là trận đánh khốc liệt quyết định. Trong tư tưởng của họ chỉ thấy toàn những khâu phần thịt và bột mì thay vì số lượng mìn và trọng lượng dây kẽm gai.

Lữ Đoàn 9 đi qua cứ điểm Ras Natsrani bỏ ngõ, không ngừng, cứ thế tiến thẳng tới dãy đồi Tzafrat el At, cách Sharm e Sheikh khoảng ba dặm về phía Bắc, không gặp một sức chống cự nào cả. Quân Ai Cập đã rút khỏi Ras Natsrani đêm hôm trước, vì dự đoán ngoài trận đánh của Lữ Đoàn đã tiến khỏi Dahad và đang từ mạn Bắc tiến đến, họ còn có thể bị đơn vị nhảy dù vừa nhảy xuống Tor tấn công từ phía Nam lên. Dựa trên nguồn tin đó, viên tư lệnh Ai Cập đã quyết định cho tập trung toàn bộ lực lượng vào Sharm e Sheikh, vì cho rằng không thể vừa giữ được Ras Natsrani, mà vừa chống nổi trận tấn công gọng kìm của hai cánh quân từ Nam đánh lên, từ Bắc đánh xuống này nổi.

Trước khi rút lui khỏi Ras Natsrani, quân Ai Cập phá hủy các đại bác duyên phòng của họ, gồm hai khẩu đại bác 6 inch và bốn khẩu 3 inch nòng dài (đại bác 152 ly và 76 ly nòng dài). Đó là những khẩu đại bác kiểm soát eo biển nằm giữa bờ biển và đảo Tiran,

và ngăn cản tàu bè Do Thái vào hải cảng Eilat.

Việc đánh chiếm vị trí đầu tiên của quân Ai Cập trên dãy Tzafrat el At không có gì khó khăn. Phi cơ (Mustang) hướng dẫn cuộc tấn công dưới đất bằng hỏa tiễn và súng liên thanh, và khi thành phần tiên phong của đơn vị thám thính xung phong vào thì thấy đồn trại trống trơn. Linh Ai Cập bỏ cả vũ khí lại—dăm khẩu liên thanh và súng phòng không.

Những nỗ lực truy kích và tấn công vào « thành phố » của đơn vị này thất bại. (Binh sĩ Lữ Đoàn đều gọi Sharm e Sheikh là một thành phố, vì họ đều tâm niệm rằng bên kia những dốc đứng cần cỗi, chắc phải có nhiều thứ hấp dẫn khác hơn là kềm gai và u đại liên chứ !). Hỏa lực từ các đồn trên mấy đường đỉnh lân cận bắn vào họ vô cùng nặng nề, lại thiếu sự yểm trợ của không lực — vì cát bụi tung lên gần sát máy bay, đành phải quay về căn cứ — Nếu có tiến, chắc chắn sẽ phải gánh chịu tổn thất nặng nề. Do đó, chỉ đội thám thính quyết định ngưng hoạt động và rút lui ngay. Trên đường về, họ gom lính Ai Cập đào tàu lại. Đó là những tù binh đầu tiên tại vị trí này, và anh sĩ quan quân báo Lữ Đoàn mở rộng cánh tay chào đón họ.

Ông Tư Lệnh Lữ Đoàn giờ đây phải lựa chọn một trong hai quyết định : Mở cuộc tấn công vào Sharm e Sheikh ngay đêm nay, hay rời lại sáng mai. Những người không chịu để trì hoãn, ủng hộ cuộc dạ chiến đưa ra lý luận quân Ai Cập sẽ lợi dụng mỗi giờ khắc trôi qua để cải thiện hệ thống phòng thủ. Đơn

vị vừa rút lui khỏi Ras Natsrani vừa tới Sharm e Sheikh đêm qua, và chắc là sự dàn quân chưa được đáng hoàng. Ngoài ra, cuộc tiến quân của lữ đoàn, việc hạ tiền đồn Tzafrat el At cũng như các cuộc không kích đang khiến bộ đội Ai Cập mất tinh thần, do đó, ta cần phải kịp thời khai thác trước khi họ khôi phục lại được.

Lý do chính chống lại đề nghị trên là cuộc hành quân đêm chắc chắn sẽ thiếu không yểm, và nếu đợi đến sáng hôm sau, trận đánh sẽ được máy bay trợ giúp.

Quyết định cuối cùng là cho mở trận tấn công ngay trong đêm nay, không trì hoãn nữa. Lữ Đoàn đi đến quyết định trên, có lẽ do đấng sĩ quan cao cấp của đại đơn vị này vốn là sĩ quan trừ bị, đã có nhiều kinh nghiệm chiến đấu trong cuộc chiến tranh giành độc lập hồi 1948. Lúc đó, quân đội chiến đấu làm gì đã có không yểm, và phần lớn các trận đánh đều mở về đêm.

Cuộc xung phong cấp tiểu đoàn diễn ra liền ngay sau nửa đêm. Mục tiêu là một vị trí do hai đại đội phòng thủ ở mặt Tây Sharm e Sheikh. Hai lần, đại đội D tiến sát hàng rào quanh vị trí Ai Cập, nhưng không mở được lối đi xuyên qua bãi mìn. Họ bị bất lợi về địa thế, và đại liên từ trong bị tấn công cũng như mấy đồn kế cận bắn tới như mưa. Chỉ trong một thời gian ngắn, đại đội có tới mười bốn thương vong, trong số đó, có tới sáu trung đội trưởng. Đại đội A di chuyển song song với đại đội D cũng bị tổn thất : một chết, năm bị thương trong đó có vị tiểu đoàn

trưởng.

Lệnh rút lui được ban ra lúc 04g20. Gặp miền đất pha sỏi đá nên không thể đào hầm cố thủ được, do đó, phải lợi dụng vài giờ tối còn lại để rút khỏi tầm súng địch. Các bán xích xa thu lượm những kẻ thương vong, rồi tiểu đoàn rút về căn cứ cách Sharm e Sheikh hai dặm về phía Bắc.

Lúc 05g30, trời vừa hừng sáng, cuộc tấn công lại tái diễn, lần này, được sự yểm trợ chính xác của súng cối nặng (120 ly) và có cả không quân tham dự. Dẫn đầu là chi đội bán xích xa và chi đội thám thính, thành phần bộ binh theo sau. Trận đánh quyết liệt trong vòng ba mươi phút, sau đó, phân đội xe jeep của đơn vị thám thính, được hỏa lực của các bán xích xa che chở xông thẳng vào vị trí Ai Cập, và địch quân bắt đầu bỏ chạy tán loạn. Thực ra, cuộc xung phong ban sáng này chỉ là một sự thâu hoạch kết quả của trận đánh hồi đêm, vì khi đó, hệ thống phòng thủ của địch cũng đã sụp đổ rồi, quân Ai Cập cũng nhấp nhòm sửa soạn bỏ chạy thì tiểu đoàn rút lui, thành ra họ được hoàn hồn và nằm lại. Cuộc tấn công tái diễn lần này với lực lượng mạnh mẽ hơn nhiều, nên địch không thể chống cự nổi lâu hơn.

Cuộc hành quân cõn nặng, có phi cơ oanh kích, rồi tiếp đến là cuộc xung phong của bán xích xa và xe jeep xông vào đường xương sống của cứ điểm Sharm e Sheikh, và lần lượt, các vị trí chiến đấu có giá trị chế ngự toàn khu vực của mặt Tây, đều bị hạ. Đồng

thời, một tiểu đoàn thứ hai, tiến song song với bán xích xa và đội xe jeep, quét sạch các đồn bót địch ở mặt phía Đông. Có một vị trí chiến đấu địch gần hải cảng là chống cự mãnh liệt. Họ dùng đại liên và ba lô ca bắn xả vào bất cứ ai toan tiến sát, nhưng rồi vị trí đó cũng bị một trái ba lô ca xuyên qua lỗ châu mai làm câm họng. Lúc 09g30, tiền đồn chốt của Ai Cập ở Sinai — Sharm e Sheikh — đầu hàng.

Tổn thất của Lữ Đoàn là mười chết (kể cả ba tại Dahab), và ba mươi hai bị thương (năm tại Dahab). Quân Ai Cập bị tử thương khoảng một trăm, và ba mươi mốt người bị thương. Có tới 864 người bị bắt làm tù binh, trong số, có bốn mươi hai sĩ quan các cấp, kể cả viên tư lệnh và tư lệnh phó lực lượng Ai Cập tại địa phương, cả hai đều mang cấp bậc trung tá.

Tuy các trận xung phong công hãm vào Sharm e Sheikh được các đơn vị thám thính và chi đội bán xích xa thực hiện từ lúc nửa đêm tới lúc 09g30, song thành phần quyết định khiến hệ thống bố phòng địch phải sụp đổ nhanh chóng lại là không lực. Quân Ai Cập không có loại vũ khí có hiệu quả, mà cũng không đủ tinh thần để đương đầu với các cuộc không tập.

Tôi không rõ các sĩ quan Ai Cập có sát cánh chiến đấu và nêu gương cho binh sĩ thuộc hạ tại các vị trí chiến đấu không. Riêng vị tư lệnh, khi trận chiến đã kết thúc, ông ta tỏ vẻ sẵn lòng để bị bắt, cùng với khoảng nửa tá rương, xách, tất cả đều đã được thu xếp, gói ghém kỹ lưỡng.

Hôm qua, ngày 5 tháng mười một, sau buổi họp với các quân nhân thuộc lữ đoàn 9, và nghe họ tường trình sơ lược về hành trình các trận đánh, tôi vội quay về Tel Aviv, «Đế quốc» mới của chúng tôi—gồm Gaza, El Arish và trại tù binh (chúng tôi bắt được trên 4.000 tù binh Ai Cập, trong khi đó, họ nắm trong tay chưa đầy hai chục tù binh Do Thái) cũng có nhiều vấn đề cần phải được giải quyết gấp. Tình hình chính trị cũng trở nên trầm trọng hơn bao giờ hết. Hai nước Anh và Pháp đã hứa với ông Tổng thư ký liên Hiệp Quốc là sẽ tôn trọng lệnh ngưng bắn kể từ nửa đêm nay, và không có vẻ gì là họ sẽ có ý định đặt chân lên khu vực kênh đào chính thức cả (tức khu đất liền). Tôi thông cảm niềm thất vọng của họ. Tuy rằng chúng tôi ngưng bắn từ ngày hôm qua, song tôi rất lấy làm sung sướng là chỉ thực hiện cuộc ngưng bắn đó sau khi đạt được toàn bộ mục tiêu.

Sáng nay, tôi trở lại Sharm e Sheikh. Hồi 13g00, tại đây có cuộc duyệt binh của Lữ Đoàn 9 để đánh dấu kết thúc cuộc hành quân của Lữ Đoàn, đồng thời, cũng để ghi dấu kết thúc luôn chiến dịch Sinai. Thủ tướng Ben Gurion không thể đích thân tới được. Ông trao tôi một văn thư luân lưu để tuyên dương toàn thể sĩ quan và binh sĩ Lữ Đoàn. Đồng đủ các vị tư lệnh cao cấp trong quân lực Do Thái dự khán cuộc duyệt binh đó. Ngoài ra, địa điểm hành lễ còn đông thêm với

đoàn nhiếp ảnh viên, phóng viên báo chí. Buổi lễ ngắn ngủi và đơn giản. Khán đài làm bằng hai chiếc xe chỉ huy đầu thùng vào nhau. Bộ đội xếp hàng theo hình chữ U phía trước, mặt mũi râu ria, bộ đồ xông pha chiến trận vẫn còn mặc trên mình. Ông tư lệnh lữ đoàn phát biểu vài lời. Tôi đọc điện văn của Thủ tướng Ben Gurion và nhất lệnh nhân cuộc chinh phục bán đảo Sinai.

Tiếp đến là duyệt qua hàng quân, cờ thượng lên và... chiến dịch Sinai đã chấm dứt.

Hồi 16g00, chúng tôi đáp chiếc máy bay Dakota về Tel Aviv. Suốt dọc đường về, từ vịnh tới Eilat, tôi không làm cách nào rời mắt khỏi cửa sổ nổi. Máy bay bay thấp, và chúng tôi nhìn rõ bờ biển san hô viền quanh giải nước nông, trong vạt bên dưới. Tôi còn nhìn thấy rõ cả mỏ neo của một tàu đánh cá chìm, móc vào một tảng đá san hô ở gần Dahab.

Tới Eilat, trời đã sắp tối. Tôi bước lên phòng phi công, nhờ ánh sáng ngọn đèn trên bàn người Hiệu trưởng viên, đọc lướt qua những công điện vừa nhận được phút chót, để tối nay, tôi tích thân phải thuyết trình cho ông Ben Gurion nghe.

Tại trụ sở Liên Hiệp Quốc ở Nữ Ước, chúng tôi phải chịu đựng áp lực rất là nặng nề. Họ buộc chúng tôi phải rút lui, mà không bảo đảm cho sự tự do lưu thông của tàu bè Do Thái ra vào Hồng Hải, cũng như không chịu cam kết sẽ không để Sinai lại biến thành một căn cứ cho những kẻ xâm lăng Ai Cập xử dụng như cũ. Đêm qua, khi tường trình cùng ông

Ben Gurion, tôi lập lại rằng ta đã chiếm được Sharm e Sheikh, và chiến dịch Sinai đã chấm dứt. Ông ta nửa đùa, nửa thật, hỏi : «Nếu thế, tôi chắc ông chưa bằng lòng, đúng không ?»

Tôi không nói gì. Có lẽ ông ta cũng rõ là vấn đề lo ngại của tôi, không phải là kết liễu cuộc chiến đấu nhưng là liệu chúng tôi có đủ sức giữ vững lập trường của mình trong mặt trận chính trị vừa khai diễn này không.

CHƯƠNG CHÍN

KẾT TỪ

I

CUỐN «NHẬT KÝ» NÀY ĐƯỢC ĐƯA RA CÔNG BỐ sau chiến dịch chín năm rưỡi. Giờ đây, ta đã có thể tìm hiểu những hậu quả, ý nghĩa, cũng như ảnh hưởng của chiến dịch này.

Ta có thể nói thẳng ra rằng ba mục tiêu chính sau đây đã đạt được :

- Tàu bè Do Thái được tự do đi lại qua vịnh Aqaba.
- Chấm dứt sự khủng bố của quyết tử quân.
- Vô hiệu hóa sự đe dọa tấn công vào Do Thái của bộ tư lệnh liên quân Ai Cập — Syria — Jordan.

Song Do Thái không lợi dụng được các mục tiêu chiến tranh đó để thương thuyết trực tiếp với Ai Cập. Chiến dịch Sinai không chấm dứt bằng cách kẻ thua lẫn người được cùng ngồi chung trên bàn thương thuyết để ký hoà ước, mà là một cuộc dàn xếp tay ba, với sự hiện diện của ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc đứng ra làm trung gian giữa hai phe

Nhiệm vụ liên lạc (hay che đậy?) của ông ta không được hoàn toàn trung lập. Do quyền hạn được Liên Hiệp Quốc ủy nhiệm, và các cường quốc Nga, và Mỹ ủng hộ, ông tổng thư ký biến ra phe thứ ba (và cứ vấn đề nào liên quan đến Do Thái là chỉ còn có phe bên kia mà thôi) trong cuộc thương thuyết về các điều kiện chấm dứt chiến tranh.

Hơn nữa, Liên Hiệp Quốc dồn dập hoạt động quanh cuộc tranh luận Do Thái và Ai Cập, và can thiệp vào cuộc hành quân Suez của Anh và Pháp cuối cùng, biến từ một cơ quan sang chỗ chỉ còn lại là một lời kêu gọi suông các bên hãy làm thế nào để có một định chế chịu trách nhiệm trực tiếp để giải quyết cuộc tranh chấp. Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc lại phải giải quyết trong phiên họp ngày 4 tháng mười một 1956, yêu cầu ông Tổng Thư Ký đệ trình một kế hoạch thành lập một lực lượng quốc tế khẩn cấp để bảo đảm và giám sát cuộc ngưng bắn. Lực lượng đó thành hình, và tướng E.L.M. Burns được cử làm tư lệnh, và qua đầu năm 1957, bảy đơn vị bộ binh được đặt dưới quyền điều khiển của ông do các nước Ấn Độ, Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Colombia, Phần Lan, Nam Dương-

và Ba Tây, mỗi nước cung cấp một tiểu đoàn.

Qua lực lượng quốc tế đó — lực lượng khẩn cấp Liên Hiệp Quốc (United Nations Emergency Force viết tắt UNEF) — những điểm bất đồng giữa chính phủ Do Thái và ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc được chính thức giải quyết. Ông Tổng Thư Ký đòi quân đội Do Thái phải rút lui khỏi bán đảo Sinai vô điều kiện; còn chính phủ Do Thái lại đặt điều kiện rút quân là phải bảo đảm cho tàu bè của mình được tự do lưu thông qua Vịnh, và Ai Cập phải chấm dứt mọi hoạt động thù nghịch.

Bốn tháng rưỡi sau, ngày 16 tháng ba 1957, cuộc tranh chấp về Sinai đi tới kết thúc. Các đơn vị Do Thái rút về bên này biên giới nhưng quân Ai Cập không được tái chiếm các vị trí tại Sharm e Sheikh và giải Gaza, mà quyền kiểm soát các khu vừa di tản đó được trao lại cho lực lượng khẩn cấp Liên Hiệp Quốc (UNEF). Không hiểu Ai Cập có cho rằng việc chuyển giao quyền kiểm soát cho UNEF đó là vi phạm chủ quyền quốc gia của họ không (nhưng cho tới nay, chín năm đã trôi qua, các đơn vị UNEF vẫn còn đóng đó), song Ai Cập bằng lòng với cuộc dàn xếp đó, chấp nhận quyết định cho tàu bè Do Thái được tự do lưu thông, và chấm dứt hoạt động khủng bố chống Do Thái.

II

Sự quyết định ban lệnh cho quân đội Do Thái hành

động không được chuẩn bị đúng mức — trước hết, là để khỏi mất yếu tố bất ngờ — và nhu cầu tập thể chỉ đạo chiến dịch với nhịp độ nhanh cũng có nhưng công phạt của nó ngoài trận địa. « Chuẩn bị đúng mức » không hẳn là một giai đoạn, song thiếu nó sẽ gây ra không biết bao nhiêu là hiệu quả ngoại biên : Nhiều quân nhân trừ bị không trình diện kịp, vì thủ tục động viên cần nhiều thời gian hơn ; xe cộ chưa sẵn sàng ; quân dụng từ các kho không tới đơn vị kịp ; không kịp thực hiện các cuộc không thám và tuần thám ; chỉ định các cấp chỉ huy gấp quá, khiến họ không đủ thì giờ nghiên cứu tìm hiểu nhiệm vụ mới của họ. Tuy rằng sự thiếu « chuẩn bị đúng mức » đó bắt chúng tôi phải trả một giá đắt, nhưng nó cho chúng tôi nhiều hy vọng chiến thắng.

Cuộc hành quân còn bị lưới grom chính trị treo lủng lẳng bằng sợi tóc ngay trên đầu đe dọa. Công bố kế hoạch trước, hoặc kéo dài chiến dịch thêm vài ngày và Do Thái thế nào cũng bị áp lực của Mỹ, Nga, và bị đẩy đến tình thế vi phạm quyết nghị của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Nấn ná đợi chuẩn bị thật kỹ lưỡng, hoặc điều động chiến dịch theo đúng quy tắc hơn chút nữa thì số phận của quân đội Do Thái sẽ chẳng khác gì số phận của liên quân Anh Pháp. Ngay khi giai đoạn đầu của chiến dịch vừa xong thì thời cơ chính trị đã vượt mất; và trước khi khai diễn cuộc chinh phục kênh đào Suez, thì chính phủ của họ đã bước lòng bắt họ phải dừng bước.

Có lẽ các cường quốc hiện đại giả thiết rằng họ

có thể theo đuổi chiến cuộc cho tới khi toàn thắng, tự ý họ muốn ngừng lúc nào cũng được, và không một trở lực nào ngăn cản ý muốn đó của họ nội-Quốc gia Do Thái trong thời 1956 chưa được như vậy. Nỗi khó khăn thực sự của quân đội Do Thái tại bán đảo Sinai không phải là làm cách nào để đè bẹp quân Ai Cập, nhưng làm sao để hoạt động trong giới hạn chính trị hết sức khắt khe của nó.

Trên nguyên tắc, người ta có thể nói quân đội Do Thái hoàn thành được các mục tiêu tại Sinai không phải là bất chấp một sự rủi ro, nhưng chính là nhờ cân nhắc kỹ lưỡng những rủi ro đó. Một khi tất cả mọi việc đều phải hướng đến tình cách cấp thời thì rủi ro, trở ngại là những điều không thể tránh được, và có cấp thời thì toàn bộ giải pháp của quân đội Do Thái đã chấp thuận mới có thể đương đầu được với các khó khăn rắc rối do tình hình quân sự và chính trị gây nên. Giải pháp đó quả thật có nhiều phần liên lĩn, song đối với tình thế chính trị đương thời của Do Thái thì nếu không chịu liều còn nguy hiểm hơn.

Chiến dịch được mở màn bằng cuộc thả một tiểu đoàn Dù xuống đèo Mitla, và kiểm chế các cuộc không tập xuống các phi trường Ai Cập. Như vậy, đơn vị dù có lập đó gặp nhiều nguy cơ hơn, và chúng tôi mất cơ hội phá hủy phi cơ Ai Cập khi chúng còn đậu dưới đất. Nhưng nếu muốn tránh nguy cơ đó, và chấp nhận một cuộc khai chiến « cổ điển » bằng cách tấn công vào không lực Ai Cập, thì các mục đích của chiến dịch hầu như chắc chắn không đạt được, vì ngay đêm đó, Ai

Cập sẽ cầu cứu các tổ chức quốc tế, và Do Thái sẽ bị lên án là quân xâm lăng và bắt buộc phải rút lui ngay tức khắc.

Lệnh hành quân của chiến dịch Sinai chỉ định cho mỗi cánh một trục tiến quân riêng, để khỏi phải tùy thuộc vào sức tiến quân của cánh khác. Mục đích của kế hoạch này là làm thế nào để các cánh quân tiến được mau chóng nhất, tuy rằng như vậy sẽ khiến cánh đó bị sơ hở trước diện và trở nên cô lập.

Kế hoạch trên chắc chắn không thể thực hiện nổi, nếu không nhờ tinh thần cao và thiện chiến của các đơn vị. Từ anh binh nhì đến vị tướng lãnh đều thấm nhuần tinh thần đó, đến nỗi các thương binh trốn bệnh viện để ra chiến đấu cùng các bạn đồng đội, và nó thúc đẩy cấp chỉ huy của các thiết đoàn kỵ binh dẫn đầu hàng quân xông vào các vị trí phòng thủ kiên cố của địch.

Chính những binh sĩ và sĩ quan đó đã un đúc nên tinh thần chiến đấu của quân đội Do Thái trong chiến dịch Sinai. Nếu trong khung cảnh toàn bộ của chiến dịch lại có hình ảnh về những biến cố như một sĩ quan cấp tướng cho mở trận tấn công trước giờ ấn định, hoặc giả, một vị tư lệnh lữ đoàn cho hoãn cuộc xung phong (ông tử trận cuộc xung phong này) để chờ viện binh tới thì quá bất lợi. Sức mạnh nòng cốt của quân đội là tinh thần hăng say, quyết thắng của toàn thể quân sĩ, quyết vượt mọi khó khăn trở ngại, và biết rằng chính yếu tố đó định đoạt số phận của chiến dịch.

Nếu toàn thể quân đội Do Thái chưa thấm nhuần tinh thần đó, có lẽ họ sẽ ít phạm lỗi lầm hơn, song khó lòng đem lại chiến thắng toàn vẹn cho chiến dịch Sinai.

III

Chiến thắng quân sự tại Sinai, không những mang về mối lợi trực tiếp cho Do Thái — tàu bè được tự do chuyển dịch, ngưng khủng bố — mà còn nâng cao uy tín của Do Thái đối với các nước bạn cũng như thù. Quân đội Do Thái được coi như mạnh nhất vùng Trung Đông, và nước Do Thái có thể được chào đón như một quốc gia thân hữu và đồng minh. Các cường quốc bạn không còn coi Do Thái như một đứa bé không đủ sức tự lo thân. Ngoài ra, sự mua bán vũ khí cho quân lực Do Thái cũng hết phải lệ thuộc vào sự đồng ý tiên quyết của các đại cường : Hoa Kỳ, Anh và Pháp.

Sự thay đổi quan trọng nhất mà Do Thái đạt được lại nhắm vào các quốc gia Ả Rập láng giềng. Do Thái đã cương quyết cầm gươm bảo vệ quyền lợi của mình trên biển cả, cũng như sự an toàn của mình trên đất liền, và quân Do Thái có khả năng đánh bại quân lực Ai Cập. đã khiến các nhà lãnh đạo Ả Rập e ngại, không dám cho tái diễn các hành động thù nghịch trong nhiều năm kế tiếp sau này. Chiến dịch Sinai không phải là một cuộc chiến tranh để phòng ngừa trước, vì không dựa trên sự chẩn đoán bệnh trạng,

song chính là để chạy chữa cho một con bệnh đã nằm liệt giường : phá một lối thoát cho tàu bè Do Thái qua được sự phong tỏa ở biển Nam, và chấm dứt tai họa phá hoại khủng bố triền miên. Thực ra, nó còn có tác dụng khiến khối Ả Rập phải xét lại các tham vọng muốn hãm hại Do Thái của mình. Không phải tình cờ mà Tổng thống Gamal Abdul Nasser của Ai Cập phải đình hoãn cuộc tấn công Do Thái để chờ quân lực được tăng cường đầy đủ đã. Làm như vậy, không phải là ông không còn muốn tiêu diệt Do Thái nữa, song chẳng qua ông đã biết nể nang sức mạnh của quân đội Do Thái đó thôi.

PHỤ BẢN I

TÔI MẬT

Phòng hành quân/BTTM

Ngày 5 tháng Mười Một 1956-

« KADESH »

Kế hoạch hành quân số 1.

TÌNH HÌNH :

1— Xem phụ bản tình báo.

Ý ĐỊNH :

2— Các lực lượng của vệ binh Do Thái sẽ tiến chiếm miền Bắc bán đảo Sinai, thiết lập tuyến phòng thủ tại bờ phía đông kênh đào Suez, đồng thời, bảo vệ các khu vực khác của quốc gia.

PHƯƠNG PHÁP :

3— TỔNG QUÁT :

a) Việc chinh phục miền Bắc Sinai sẽ do bộ tư lệnh quân khu Nam phụ trách với một lực lượng gồm 6 lữ đoàn bộ binh, và ba lữ đoàn kỵ binh.

b) Các bộ tư lệnh quân khu Bắc và Trung sẽ đảm trách công tác phòng thủ của mình với lực lượng sau đây :

i. Bộ tư lệnh quân khu Bắc :

- hai lữ đoàn bộ binh cộng một tiểu đoàn.
- thêm hai tiểu đoàn khác nữa (quân trừ bị thâm niên).

- một tiểu đoàn biên phòng
- bộ chỉ huy thiết đoàn thiết kỵ.

ii. Bộ tư lệnh quân khu Trung :

- hai lữ đoàn bộ binh, cộng một tiểu đoàn
- thêm bốn tiểu đoàn khác nữa (quân trừ bị thâm niên).
- hai tiểu đoàn biên phòng.
- bộ chỉ huy thiết đoàn kỵ binh.

c) Lữ đoàn 202 bộ binh nhảy dù sẽ chiếm El Arish trong một cuộc hành quân nhảy dù.

d) Hai lữ đoàn dùng làm trừ bị của Bộ Tổng Tư Lệnh.

e) Các giai đoạn thi hành :

- i. Chiếm miền Bắc bán đảo Sinai, cho tới tuyến El Arish — Jebel Livni — Bir Hassna — Nakhl, và tiếp tục tiến quân (từ ngày N tới ngày N+1).
- ii. Tiến về phía kênh đào Suez, và phải giải tỏa xong giải Gaza (từ ngày N+1 tới N+3).
- iii. Chiếm eo biển Tiran.

PHỤ BẢN II

TỐI MẬT

Nơi nhận : Trưởng phòng
hành quân.

Ngày 25 tháng Mười 1956.

Trích yếu : Các huấn thị cho lệnh hành quân.

Ý ĐỊNH :

- 1 — Tạo nên một sự đe dọa về quân sự cho kênh đào Suez bằng cách chiếm các mục tiêu lân cận.
- 2 — Chiếm eo biển Tiran.
- 3 — Quạt ngã các cơ cấu quân lực Ai Cập tại Sinai.

PHƯƠNG PHÁP :

Tổng quát : Ngày N : Ngày thứ hai, 29-10-1956.
Giờ G : 17g00

Các giai đoạn thi hành :

GIẢI ĐOẠN 1.— Đêm ngày N (29/30 tháng 10) :

- a) Lực lượng dù chiếm ngã tư Suder el-Heitan (Mitla) trên trục Nakhl — Suez.
- b) Chiếm Nakhl.
- c) Chiếm Kuntilla và Ras en-Nakeb.
- d) Khai thông trục lộ Kusseima — Nakhl.
- e) Khai thông trục lộ Kuntilla — Nakhl.
- f) Khai thông trục lộ Ras en-Nakeb — Nakhl.
- g) Sẵn sàng phòng thủ tại các quân khu khác, kể từ bình minh ngày 30-10.
- h) Không lực và Hải Lực phải chuẩn bị sẵn sàng kể từ giờ G, để thi hành các đặc nhiệm sau đây :
 - Phòng thủ vùng trời Do Thái
 - Yểm trợ lục quân
 - Tấn công các phi trường Ai Cập.

GIẢI ĐOẠN 2.—Đêm ngày N+1 (30/31 tháng 10):

- a) Tiến quân theo trục Ras en-Nakeb — Sharm e Sheikh, với ý định chiếm Sharm e Sheikh.
- b) Chuẩn bị phản công vào khu vực Jordan.
- c) Chiếm Kusseima.
- d) Chuẩn bị phòng thủ tại biên giới Syria và Lebanon.

GIẢI ĐOẠN 3.—Đêm ngày N+2 (31.10/1.11) và tiếp theo :

- a) Chiếm eo biển Tiran.
- b) Chiếm Rafah, Abu Ageila, và El Arish.
- c) Thiết lập tuyến phòng thủ ở phía đông song song với kênh Suez, và cách kênh không dưới mười lăm cây số.
- d) Khai thông các trục lộ từ Suder el Heitan qua Bir Mor và Tor cho tới Sharm e Sheikh, và trục lộ từ Abu Zenima đi Dahab.

Trung tướng MOSHE DAYAN
Tổng Tham Mưu Trưởng

PHỤ BẢN III

Lệnh hành quân của Ai Cập tại Sinai (sát ngày khai diễn chiến dịch Sinai)

TỔNG QUÁT :

- a) Chỉ huy : Tướng Ali Ali Amer.

b) Nhiệm vụ :

- 1— Phòng thủ Sinai và giải Gaza, chống lại cuộc tấn công của Do Thái có thể xảy ra.
- 2— Phòng thủ khu vực kênh đào, chống lại sự xâm lăng của phía liên quân Anh — Pháp.

c) Lực lượng và đặc nhiệm :

- 1— Sư đoàn 2 bộ binh : phòng thủ khu vực kênh đào
- 2— Sư đoàn 3 bộ binh : phòng thủ Bắc và Trung bộ bán đảo Sinai.
- 3— Sư đoàn 8 Palestine : phòng thủ giải Gaza.
- 4— Tiểu đoàn 2 cơ động biên phòng : phòng thủ Nam bộ Sinai.
- 5— Lữ đoàn 1 Thiết kỵ : trừ bị.

SƯ ĐOÀN 3 BỘ BINH :

TỔNG QUÁT :

- a) Chỉ huy : Thiếu tướng Ab el Wahab Alkadi.
- b) Nhiệm vụ : phòng thủ Bắc và Trung bộ Sinai.
- c) Khu vực trách nhiệm : suốt theo ranh giới quốc tế, kể từ và gồm cả Rafah, cho tới và gồm cả Kusseima, và cứ điểm Um Katef — Abu Ageila.
- d) Phương pháp : Đặt căn cứ cố thủ cấp tiểu đoàn tại các tiểu khu Rafah—El Arish và Um Katef —Abu Ageila bằng quân trừ bị của sư đoàn, và chuẩn bị kế hoạch phản công trong trường hợp bị tấn công.

LỰC LƯỢNG ĐẶC NHIỆM.

A. TỔNG QUÁT :

- 1— Lữ đoàn 5 (tăng cường,) cộng chi đoàn chiến xa (Sherman) : phòng thủ khu vực Rafah.
- 2— Lữ đoàn 6 (tăng cường) : Phòng thủ tại các cứ điểm Um Katef — Abu Ageila.
- 3— Tiểu đoàn bộ binh tăng cường : phòng thủ El Arish.
- 4— Lữ đoàn trừ bị : Lãnh các nhiệm vụ phòng thủ tổng quát tại Abu Ageila và El Arish.
- 5— Thành phần trừ bị của sư đoàn : 2 chi đoàn chiến xa (Sherman) cộng một tiểu đoàn bộ binh.

B. TIỂU KHU RAFAH :

- 1— Chỉ huy : Đại tá Jafr el Majid, tư lệnh lữ đoàn 5 bộ binh.
- 2— Lực lượng : Lữ đoàn 5 bộ binh và các đơn vị tăng phái.
- 3— Đặc nhiệm :
 - a) Cung cấp nhân lực cho các đồn bót và doanh trại tại Rafah.
 - b) Hoạt động chống các cuộc hành quân nhảy dù hoặc đổ bộ của địch trong phạm vi phụ trách của Lữ Đoàn.
- 4— Ranh giới :

Đông : từ điểm đường mòn Danegor cắt tuyến định chiến tọa độ 2356/2396 tới tọa độ 2278/2492 trên bờ biển Địa Trung Hải, kể cả các điểm đó.

Tây : đường tung độ 216.

Bắc : Bờ biển Địa Trung Hải.

Nam : Suối mùa el Haridin.

C. TIỂU KHU ABU AGEILA — KUSSEIMA :

- 1— Chỉ huy : Thiếu tướng Sami Yam Boletz, tư lệnh lữ đoàn 6 bộ binh.
- 2— Lực lượng : Lữ đoàn 6 bộ binh và các đơn vị tăng cường.
- 3— Đặc nhiệm :
 - a) Báo động khi thấy quân Do Thái từ hướng Kusseima tiến đến, và chặn đứng lại bằng cách :
 - i. Đặt các đơn vị Vệ Quốc Quân tại Kusseima và vùng phụ cận.
 - ii. Cử các phần tử thuộc chi đoàn thám thính tới yểm trợ cho vệ Quốc Quân tại Kusseima, để thực hiện trì hoãn chiến tại Ras Matmo và Deika, và mở các cuộc hành quân phá hoại.
 - b) Cung cấp nhân lực cho cứ điểm Um Katef.
 - c) Triệt hạ lực lượng địch nào định tiến qua suối mùa Jemal.

d) Triệt hạ lực lượng địch nào nhảy dù xuống khu vực trách nhiệm của Lữ Đoàn.

4— Ranh giới :

Bắc : Suối mùa el Haridin và dọc theo suốt bề dài suối về phía Tây.

Nam : Jebel Haruf (25741550) — Jebel al Marafek (243153) — Jebel al-Sharif (219146) — Jebel Katima (173146) — Điểm 916 (162146) — Điểm 409 (135146) — Điểm 430 (803856) — cho tới đường tung độ 770.

Đông: Đường ranh giới chính trị.

Tây : Đường tung độ 770.

D. TIỂU KHU EL ARISH :

1— Chỉ huy : Trung tá Selim Makor Bashchara, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 11 bộ binh.

2— Lực Lượng : Tiểu đoàn 11 bộ binh và các đơn vị tăng phái.

3— Đặc nhiệm :

a) Phòng thủ El Arish.

b) Bảo vệ Sheikh Zuweid bằng một đại đội bộ binh tăng cường.

c) Tiêu diệt các lực lượng địch dưới đất, nhảy dù, hay đổ bộ.

4— Ranh giới :

Bắc : Bờ biển Địa Trung Hải,

Nam : Suối mùa Haridin.

Đông: Đường tung độ 216.

Tây : Đường tung độ 178.

E. THÀNH PHẦN TRƯ BỊ CỦA SU ĐOÀN :

1— Chỉ huy : Đại tá Saad el-Din Metuli, tư lệnh lữ đoàn 4 bộ binh.

2— Lực lượng : Tiểu đoàn 12 của lữ đoàn 4 cùng các đơn vị tăng phái.

3— Địa điểm : tại cứ điểm El Arish, hoặc tại bất cứ địa điểm nào khác, phù hợp với sự khai triển kế hoạch lúc bấy giờ.

4— Đặc nhiệm :

a) Tái chiếm Rafah và một số đồn bót khác trong khu vực này có thể đã bị rơi vào tay địch.

b) Nghênh chiến với toán quân địch nào định tấn công vào Rafah, với mục đích làm giảm áp lực cho Rafah.

c) Ngăn chặn không cho địch tiến về hướng Tây để sang El Arish.

d) Phòng thủ El Arish trong trường hợp nơi đây bị tấn công (phụ lực cho quân trú phòng).

e) Tái chiếm cứ điểm Um Katef.

f) Ngăn chặn không cho địch tiến về hướng Bắc để tới El Arish.

g) Hoạt động để chặn đứng, không cho lực lượng địch nào tiến về hướng Tây để tới Ismalia.

F. CÁC LỰC LƯỢNG ĐẶT DƯỚI QUYỀN CHỈ HUY CỦA SƯ ĐOÀN:

- 1— Tiểu đoàn 1 cơ động biên phòng (thiếu một đại đội)
- 2— Chi đoàn xe Jeep.
- 3— Tiểu đoàn 43 của Lữ đoàn 86 Palestine.
- 4— Tiểu đoàn vệ binh 247.
- 5— Tiểu đoàn 289 bộ binh (lính trừ bị)
- 6— Lữ Đoàn vệ quốc quân cộng một tiểu đoàn.
- 7— Tiểu đoàn 295 và 297 (lính trừ bị) thuộc lữ đoàn 9.

SƯ ĐOÀN 8 PALESTINE.

TỔNG QUÁT:

- a) Chỉ huy: Trung tướng Yussef Abdullah Agrudi.
- b) Nhiệm vụ: Phòng thủ Giải Gaza, chống lại cuộc tấn công của Do Thái.
- c) Phương pháp:
 - i. Tuyển đồn bắt dọc theo suốt ranh giới giữa Giải và Do Thái.
 - ii. Giành sẵn lực lượng trừ bị cỡ lữ đoàn để mở các trận phản công nhỏ.
- d) Lực lượng và Đặc nhiệm:
 - Lữ đoàn 26 Vệ Quốc Quân Ai Cập: phòng thủ tiểu khu Bắc của Giải (kề cả thành phố Gaza).
 - Lữ đoàn 86 Palestine: Phòng thủ Khan Yunis và vùng phụ cận.

— Lữ đoàn 87 Palestine: Tổ chức và đang thu huấn tại trại Rafah. Trong trường hợp chiến tranh xảy ra, sẽ được đặt dưới quyền chỉ huy của Lữ Đoàn 5 bộ binh.

BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG:

- a) Bộ tư lệnh sư đoàn 8 Palestine: Khan Yunis.
- b) Lữ đoàn 86 Palestine: vùng Khan Yunis; gồm có tiểu đoàn 11, tiểu đoàn 32, tiểu đoàn 44 (của lữ đoàn 87).
- c) Lữ đoàn 26 Vệ quốc Quân Ai Cập: Tiểu khu Bắc của giải; gồm những nhóm tiểu đoàn ở mạn Bắc và đơn vị được tổ chức tương đương ở mạn Nam của tiểu khu này (Lữ Đoàn vệ quốc quân không tổ chức theo một mẫu mực nào cả, mà chỉ tùy theo nhu cầu địa phương). Pháo đội 20 súng cối (cỡ 120 ly): rải rác ở mạn Bắc tiểu khu. Hai trung đội biên phòng: rải rác ở mạn Bắc tiểu khu.
- d) Lữ đoàn 87 Palestine: Đang tổ chức và huấn luyện tại trại Rafah.

LỰC LƯỢNG VÀ ĐẶC NHIỆM:

- a) Lữ đoàn 86 Palestine:
 - 1— Chỉ huy trưởng tiểu khu: Trung tá Lutfi el Burini.
 - 2— Nhiệm vụ: phòng thủ đến hết khu vực Khan Yunis
 - 3— Ranh giới:

Nam : tiếp giáp với ranh giới phía Đông của sư đoàn 3 của tiểu khu Rafah (từ tọa độ 235623.96 tới 22782492).

Tây : Bờ biển.

Đông : Tuyến ngưng bắn.

Bắc : Bắc của Khan Yunis cho tới điểm ngã tư quốc lộ (từ 090868 đến 050912).

4— Bố trí:

- i. Bộ tư lệnh lữ đoàn 86 Palestine : Khan Yunis.
- ii. Tiểu đoàn 32 phụ trách khu vực phòng thủ ở mặt phía Bắc và Đông Bắc Khan Yunis. Ba đại đội cung cấp nhân lực cho các vị trí phòng thủ cấp đại đội : một đại đội cung cấp người cho ba đồn cấp trung đội ở phía Bắc, tại điểm ngã tư quốc lộ ; đại đội thứ hai cấp người cho ba đồn ở phía Đông Bắc (khu đồi núi) ; Đại đội thứ ba giữ ba đồn ở mặt phía Đông. Đại đội thứ tư làm trừ bị, dưới quyền điều khiển của bộ chỉ huy tiểu đoàn, sẵn sàng đưa người đến tại các đồn bót của phòng tuyến thứ hai.
- iii. Tiểu đoàn 11 đóng ở mạn Nam và Đông Nam Khan Yunis, cũng rải quân ra đóng tại các đồn cấp trung đội. Một đại đội phụ trách các đồn phòng thủ xa lộ chạy tới Rafah.
- iv. Tiểu đoàn 44 : ba đại đội được giữ làm trừ bị. Đại đội thứ tư đóng đồn tại tọa độ 08100855, ở ven biển.
- v. Pháo đội súng cối nặng đóng tại 08600840.

b) Lữ đoàn 26 vệ quốc quân : tiểu khu Bắc của Giải.

1— Chỉ huy trưởng tiểu khu : Trung tá Gamal e-Din Ali.

2— Nhiệm vụ : Đề phòng giải, và chống lại các cuộc đột kích và xâm nhập của quân Do Thái.

3— Ranh giới.

Nam : Tiếp nối với ranh giới phía Bắc của lữ đoàn 86 Palestine, từ 090868 đến 050912.

Đông : Tuyến ngưng bắn.

Bắc : Ranh giới của giải Gaza.

Tây : Bờ biển.

BỐ TRÍ :

(Khu vực nằm giữa Dir el Balah và Bel Hanun bị ngọn suối mùa Gaza chia thành hai phần Bắc và Nam. Tài liệu của Ai Cập bảo là hai « tiểu đoàn » cung cấp nhân lực cho Bắc phần, nhưng thực ra, đó chỉ là một số đơn vị nhỏ; một « tiểu đoàn » nằm ở Nam phần làm trừ bị, và 250 người đóng trong một doanh trại bên bờ biển làm trừ bị của Lữ Đoàn. Một nhóm « tiểu đoàn » khác đóng ở miền Nam Dir el Balah. Một « tiểu đoàn » chịu trách nhiệm phòng thủ duyên hải).

Pháo đội 20 súng cối nặng được phân phối cho các đồn như sau : Trung đội 1 : Bắc Gaza ; Trung đội 2 : Nam Gaza ; Trung đội 3 : Bắc Khan Yunis.

Mỗi trung đội đóng tại một vị trí phòng thủ riêng biệt, dọc theo biên giới của Giải, và dùng để yểm trợ

lửa lực pháo binh cho Vệ Quốc Quân đóng tại các đồn biên giới.

Một trung đội pháo binh duyên phòng của tiểu đoàn 4 (hai khẩu đại bác 3 inch (76 ly) nòng dài, 2 đèn chiếu, đóng trên bờ biển).

Bốn khẩu 6 pounder chống chiến xa (đại bác cỡ 37 ly của Anh cũ).

Một biệt đội biên phòng tiền phòng trên các đụn cát mạn Bắc của Giải.

TIỂU ĐOÀN 2 CƠ ĐỘNG BIÊN PHÒNG (Tiểu khu Nam Sinai).

a) Lực lượng : Chịu trách nhiệm trực tiếp với bộ tư lệnh miền Đông.

Ba đại đội cơ động.

Một tiểu đoàn (khoảng 250 người) Vệ Quốc Quân Ai Cập.

b) Khu vực trách nhiệm : Các trục Kuntilla — Nakhl — Mitla và Ras en-Nakeb — Thamad — Nakhl, và khu vực phía Bắc, đến tận Bir Hassna. Ngoài ra, còn có bổn phận phải bảo vệ các cơ sở trên trục lộ Jebel Livni — Bir Gafgafa.

c) Đặc nhiệm :

i. Bảo vệ diện địa chống mọi xâm nhập của Do Thái, và canh chừng mặt phía Nam của Ai Cập (trong giả thuyết rằng Do Thái có thể có ý định điều binh chọc thủng mặt Nam của sư đoàn 3).

ii. Bảo động cho các lực lượng Ai Cập đóng ở Bắc bộ Sinai, trong trường hợp Do Thái xâm lăng (Để các lực lượng đó có thể ứng chiến kịp thời).

iii. Trì hoãn chiến trên các trục lộ Bắc bộ, trong trường hợp khẩn cấp, có thể tổ chức phòng thủ trong sân.

iv. Tuần phòng và bảo vệ các cơ sở quanh vùng Bir Gafgafa.

d) Bố trí :

i. Bộ chỉ huy tiểu đoàn đóng tại Nakhl (Nakhl là điểm quy tụ mấy đường mòn ở Nam bộ Sinai) cộng một đại đội cơ động và hai đại đội của tiểu đoàn vệ quốc quân, Nakhl cũng là căn cứ trữ liệu của tiểu đoàn.

ii. Vị trí phòng thủ bằng hào hố tại Thamad được cung cấp nhân lực bằng hai đại đội, một đại đội cơ động, và một đại đội vệ quốc. Đại đội cơ động chịu trách nhiệm khu vực Thamad — Ras en-Nakeb — Kuntilla, cử các lực lượng nhỏ đi đề báo động, và chống lại mưu toan, xâm nhập cũng như tiến sát của quân địch. Một đại đội thứ ba lo tuần phòng trục lộ Nakhl — Bir Hassna — Bir Gafgafa.

e) Lực lượng kế cận :

i. Tiểu khu Shlufa — Suez (kênh Suez) : Lữ đoàn 2 bộ binh : 5 tiểu đoàn, 2 pháo đội súng cối nặng,

các đơn vị biên phòng và vệ quốc quân Ai Cập, 1 trung đoàn phòng không nhẹ (có 54 khẩu), 1 pháo đội phòng không nặng, 2 trung đội pháo binh duyên phòng.

ii. Sư đoàn 3 ở Bắc bộ Sinai.

- f) Đặc nhiệm của chi khu Nakhl (chỉ huy trưởng : Trung tá Fuad Hakla Jerajes) : Phòng thủ khu vực, đặc biệt chú trọng đến việc phòng thủ phi đạo Nakhl, chống lại hành quân nhảy dù của địch.
- g) Đặc nhiệm của chi khu Thamad (chỉ huy trưởng : thiếu tá Mahmad Abd el Mejid Mari) :

i. Cử nhân viên đến các tổ báo động sơ khởi đặt tại các vị trí sau đây : Um Makrut, Jebel Um Haluf, ngõ vào suối mùa Jerafi, Kuntilla, Jebel el Risha, Ras en-Nakeb.

ii. Báo động sơ khởi các cuộc tấn công quan trọng của địch.

iii. Tri hoãn chiến để cầm chân địch trong khu vực phụ trách.

iv. Ngăn cản mọi sự tiến sát vào Thamad, và bảo vệ làng Thamad.

v. Hàng ngày phải mở các cuộc tuần tiễu từ Thamad ra tiếp xúc với các tổ báo động sơ khởi. Đơn vị đóng tại Um Makrut hàng ngày phải đi tuần dọc theo suối mùa Bida cho tới Bir Ma'ain, hoặc dọc theo suối mùa Lusan tới biên giới quốc tế.

VỊNH AKABA.

a) Lực lượng (khu vực Sharm e-Sheikh — Ras Natsrani) :

Tiểu đoàn 21 bộ binh.—Tiểu đoàn vệ quốc quân. Hai khẩu đại bác 6 inch nòng dài, duyên phòng (152 ly).

Bốn khẩu đại bác phòng không hạng nặng 3 inch nòng dài (76 ly).

Sáu khẩu đại bác phòng không nhẹ 30 ly nòng dài.

Một trung đội đại bác 57 ly chống chiến xa.

Các tiền đồn dọc theo bờ vịnh phía Tây.

Hai trung đội Biên phòng.

Chiến hạm hạng trung *Rashid*.

b) Chỉ huy: tư lệnh : đại tá Raif Mahfouz Zaki. Trực thuộc bộ Tổng tư lệnh. Bộ tư lệnh đặt tại Sharm e-Sheikh.

c) Khu vực trách nhiệm : từ Sharm e Sheikh ở Nam bộ đến Bắc bộ của vịnh.

d) Bố trí : Ras Natsrani : (Ras Natsrani là vị trí then chốt để phong tỏa eo biển Tiran. Các khẩu pháo đặt tại đây chế ngự toàn thể cửa vịnh Akaba). Bộ chỉ huy của tiểu đoàn 21 bộ binh, cộng hai đại đội ; hai trung đội súng cối 81 ly ; một trung đội đại liên ; Các đại bác cỡ 6 inch và 3 inch và ba khẩu đại bác 30 ly ; hai đèn soi sáng.

Một đại đội chịu trách nhiệm phòng thủ con đường đi tới Sharm e-Sheikh và bảo vệ các khẩu pháo duyên phòng.

Đại đội thứ hai giữ khu vực còn lại, đặc biệt chú trọng đến bờ biển, và ngăn ngừa các cuộc hành quân đổ bộ.

SHARM E-SHEIKH :

Bộ chỉ huy diện địa cộng thêm một đại đội của tiểu đoàn 21; một trung đội đại liên, ba khẩu đại bác 30 ly nòng dài và hai đại bác 57 ly; 10 xe gắn đại liên Bren.

Đảm trách phòng thủ phi trường (đặc biệt chú trọng đến việc đề phòng lực lượng nhảy dù đánh chiếm); bảo vệ đường đi Ras Natsrani, và sẵn sàng chống cuộc hành quân nhảy dù có thể xảy ra ở khu vực kế cận phía Bắc.

(Một đại đội xe gắn đại liên Bren, cùng các phân đội súng cối nhẹ và nặng đóng tại Kaida, có liên lạc vô tuyến với các tiền đồn ở Bắc Sharm e-Sheikh, tại những địa điểm có thể dùng làm bãi đáp cho quân nhảy dù địch).

MIỀN DUYÊN HẢI :

Còn việc phòng vệ miền duyên hải của bán đảo Sinai là nhiệm vụ của các lực lượng biên phòng Ai Cập, gồm các toán lính cưỡi lạc đà (Jana) và bộ binh cơ động (một trung đội lính lạc đà gồm 30 quân nhân và 45 con lạc đà). Lực lượng biên phòng giữ các tiền đồn dọc theo bờ phía Đông của vịnh Suez, và bờ phía Tây của vịnh Akaba. Các đơn vị này do bộ tư lệnh quân khu Suez cử đến.

Vịnh Suez : Các vị trí biên phòng tại El Shatt,

Abu Zenima, Tor, Sharm e-Sheikh.

Vịnh Akaba : Các vị trí tại Teba, Boasit, Dahaf và trên các đảo Tiran và Sanafir (tất cả đều có liên lạc vô tuyến với Sharm e-Sheikh)

LỮ ĐOÀN 1 KỸ BINH:

Lực lượng : Thiết đoàn 4 kỹ binh (trang bị chiến xa T-34 của Liên xô).

Thiết đoàn 6 kỹ binh (Bộ binh cơ động trên thiết quân vận của Liên xô).

Pháo đội 53 pháo binh (trang bị đại bác cơ động SU-100 của Liên xô).

Một pháo đội phòng không nhẹ.

Đặc nhiệm : Trừ bị. Soát lại sự tiến quân của kỹ binh Do Thái, ngăn chặn địch, chuẩn định phòng tuyến trong giai đoạn đầu, rồi đi đến phản công.

KHÔNG LỰC

(Sự bố trí của Ai Cập kể trước ngày khai diễn chiến dịch).

Căn cứ không quân

Abu Suweir	:	Phi đoàn 30 Mig-15	— 15 chiếc
Fayid	:	« 40 Vampire	— 10 »
		Meteor	— 20 »
«	:	« 5 Meteor	— 12 »
«	:	« 2 Vampire	— 15 »

Căn cứ không quân

Kasparit	:	Phi đoàn 31 Vampire	—15 chiếc
Karbit	:	« 20 Mig-15	—15 »
«	:	« 1 Mig-15	—15 »
Tây Cairo	:	« 8 Ilyushin 28—12	»
		(đang trong giai đoạn tổ chức).	
«	:	« 9 Ilyushin 28—12 chiếc	(cộng thêm 5 chiếc trừ bị).
Almaza	:	« 3 Ilyushin 14—20 chiếc	
«	:	« 7 Commando—20	»
«	:	« 11 Dakota —20	»

(Căn cứ Almaza còn có 6 chiếc Meteor kiểu NP-13 hoạt động dạ chiến và 18 chiếc Furie).

Căn cứ không quân

Luxor : Ilyushin-28 —28 chiếc

(Không phải toàn thể các phi đoàn trên đều có thể hoạt động được. Lực lượng khả dụng gồm có : Hai phi đoàn Mig-15 (30 chiếc) ; một phi đoàn Vampire (15 chiếc) ; một phi đoàn Meteor (12 chiếc) ; một phi đoàn Ilyushin-28 (12 chiếc) ; và ba phi đoàn vận tải (khoảng 60 chiếc).

Almaza, Tây Cairo, và Luxor là các căn cứ phản lực cơ oanh tạc và phi cơ vận tải.

Almaza và Tây Cairo còn được chiến đấu cơ Incha dùng làm căn cứ để đảm trách công tác phòng không cho thủ đô Cairo và các vùng đông dân cư lân cận.

Các phi trường đã được cải thiện để các loại phi cơ Liên Xô có thể sử dụng được.

Các căn cứ không quân của khu vực kênh đào là Karbit, Abu Suweir và Fayid. Phần lớn các chiến đấu cơ cất cánh từ các căn cứ trên. Các căn cứ này có nhiệm vụ kiểm soát khu vực này ; yểm trợ và bao vùng cho các lực lượng lục quân đóng tại đây.

Các phi trường khẩn cấp tại Sinai là El Arish, Bir Hama, và Bir Gafafa, sẵn sàng cho các chiến đấu cơ sử dụng để yểm trợ tiếp cận và phòng không cho khu vực Sinai. Tại phi trường Bir Hama, công tác sửa chữa để các phi cơ Mig có thể hoạt động được đã bắt đầu.

Ngoài ra, còn có nhiều phi trường khác để phân tán phi cơ).

PHỤ BẢN IV

**CÁC THÀNH PHẦN THUỘC QUÂN ĐỘI DO THÁI
THAM GIA CUỘC HÀNH QUÂN «KADESH»**

THÀNH PHẦN**MẶT TRẬN**

Lữ đoàn 202 Dù	Đánh chiếm Kuntilla, Thama-
(3 tiểu đoàn	mad, Nakhl, Mitla, Ras Su-
2 đại đội «Nahal»	dar, Tor, góp phần vào
1 chi đoàn chiến xa	việc đánh chiếm Sharm e
(AMX)	Sheikh
1 pháo đội pháo binh	
dã chiến	

1 pháo đội súng cối
nặng)

*Lữ đoàn 4 bộ binh (tăng
cường)*

(3 tiểu đoàn

1 pháo đội pháo binh
dã chiến

1 pháo đội pháo binh
hạng trung

1 pháo đội súng cối
nặng)

*Lữ đoàn 10 bộ binh (tăng
cường)*

(3 tiểu đoàn

1 pháo đội pháo binh
dã chiến

1 pháo đội súng cối
nặng)

(Các pháo đội yểm trợ
cho Lữ đoàn 4 cũng
yểm trợ luôn cho Lữ
đoàn 10)

*Lữ đoàn 1 bộ binh (tăng
cường)*

(4 tiểu đoàn

1 pháo đội pháo binh
dã chiến

Đánh chiếm cứ điểm Kus-
selma ; giữ Jebel Livni,
Nakhl, và Mitla.

Đánh chiếm Auja Masri,
Tarat Um Basis, và dự
định chiếm Um Katef.

Đánh chiếm một số vị
trí tại Rafah, giữ El Ar-
ish.

1 pháo đội súng cối
nặng

1 tiểu đoàn công
binh)

Lữ đoàn 11 bộ binh (tăng Đánh chiếm giải Gaza,
cường)

(2 tiểu đoàn bộ binh

1 thiết đoàn kỵ binh

1 pháo đội súng cối
nặng

1 pháo đội chống
chiến xa)

Lữ đoàn 9 bộ binh (tăng Đánh chiếm Ras en-Nakeb,
cường) Ras Natsrani và Sharm e-
Sheikh.

(3 tiểu đoàn

1 pháo đội pháo binh
dã chiến

1 tiểu đoàn công binh)

Lữ đoàn 12 bộ binh
(1 tiểu đoàn)

Đổ bộ lên Tor (sau khi
quân nhảy dù đã chiếm
xong) ; hành quân càn quét
trong giải Gaza.

Lữ đoàn 7 kỵ binh

(1 thiết đoàn kỵ binh
(Sherman)

1 thiết đoàn kỵ binh
(AMX)

Đánh chiếm các đồn phòng
vệ trên ngã tư Abu Ageila ;
đánh chiếm các đồn phòng
vệ đập Ruafa ; Nghênh
chiến kỵ binh địch trong

1 thiết đoàn bán xích xa vùng Bir Rud Selim, Gaf-gafa, va Jebel Livni.

1 tiểu đoàn bộ binh cơ động

1 pháo đội pháo binh dã chiến)

Lữ đoàn 27 kỵ binh

(Thành phần tác chiến của 1 thiết đoàn kỵ binh gồm ;

1 chi đoàn chiến xa nhẹ

1 chi đoàn bán xích xa

1 trung đội pháo binh cơ động (105 ly)

1 đơn vị thám thính

1 trung đội công binh.

Thành phần tác chiến của 1 thiết đoàn kỵ binh gồm :

1 chi đoàn chiến xa nặng

1 chi đoàn bán xích xa

1 trung đội pháo binh cơ động (105 ly)

1 đơn vị thám thính

1 phân đội sửa chữa chiến xa.

Đánh chiếm một số vị trí tại Rafah ; đánh chiếm El Jeradi và El Arish ; tiến đến kênh Suez.

1 trung đội công binh

1 tiểu đoàn bộ binh cơ động).

Lữ Đoàn 37 kỵ binh

(1 thiết đoàn kỵ binh (Sherman và super Sherman).

1 chi đoàn chiến xa nhẹ (AMX)

1 thiết đoàn bán xích xa

1 tiểu đoàn bộ binh cơ động

1 đại đội công binh)

Không lực Do Thái

Mystère

Ouragan

Meteor

Mustang

Harvard

Mosquito

Dakota

Nord

B-17

Tổng cộng :

Đánh vào các đồn phòng vệ Um Katef ; tham gia vào việc đánh chiếm giải Gaza dưới quyền chỉ huy của Lữ Đoàn 11.

Số Phi cơ khiển dụng trong ngày

16 chiếc

22 —

15 —

29 —

17 —

16 —

16 —

3 —

2 —

136 chiếc

PHỤ BẢN VI

VŨ KHÍ VÀ ĐỒ TRANG BỊ CỦA AI CẬP BẮT ĐƯỢC
TRONG CHIẾN DỊCH SINAI.

Tàu chiến	: 1 diệt lôi hạm (Ibrahim el Awal)	
Radar	: 1 đài radar lưu động.	
Vũ khí nhẹ	: Súng lục :	300
	Tiểu liên :	1170
	Súng trường:	4300
	Trung liên :	550
	Thượng liên:	290
	Súng cối (từ 2 inch đến 81 ly)	220
	Bazooka	260
	Súng chống chiến xa	320
	Súng không giật (82 ly Tiệp khắc)	200
Pháo binh	: 25 pounder (88 ly-Anh)	55
	Đại bác duyên phòng	6
	Bại bác chống chiến xa (6. pounder và 57 ly của Liên xô)	110
	Súng cối (120 ly)	18
Thiết giáp	: Chiến xa T-34	26
	Đại bác cơ động SU-100	6

Chiến xa Sherman	40
Chiến xa Sherman với pháo tháp đặc biệt	12
Chiến xa Valentine (không có đại bác)	15
Súng chống chiến xa « Archer » (17 pounder)	40
Thiết quân vận (chạy toàn bằng xích, vỏ kín, của Liên Xô)	60
Xe trang bị thượng liên Bren	260
Chiến xa T-34 (sô viết) chỉ huy	1
Xe sửa chữa chiến xa (Sherman)	3
Chiến xa ủi đất (sửa chữa)	3
Chiến xa Sherman giả	16
Súng đại bác giả	16
Xe máy dầu	155
Xe chở khách	50
Xe jeep (Willys)	470
Xe Landrover	34
Xe vận tải nhẹ (nhiều kiểu)	700
Xe vận tải nặng	820
Xe kéo súng đại bác	60
Xe linh tinh	200
Máy kéo (linh tinh)	480

Xe cộ

	Móc hậu nước	12
Dụng cụ Công binh :	Mìn Plastic chống xe	35.000
	các loại mìn khác	20.000
	khối chất nổ	25.000
Dụng cụ liên lạc :	Máy vô tuyến	300
Các loại quân dụng		
khác :	Lưỡi đục kính	100
	Ống nhôm và địa bàn	200
	Đèn soi sáng	2
Quân Ai Cập còn bị mất một số máy bay như sau :		
	4 chiếc Mig 15	
	3 chiếc Vampire	
	1 chiếc Meteor	

Sa-Déc, March 28, 2015